

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

1 - 11 - 2021 Phật lịch 2565

TẠP CHÍ

SỐ 377

# VĂN HÓA

# PHẬT GIÁO

ISSN 2734-9128

TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO

377



## 40 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

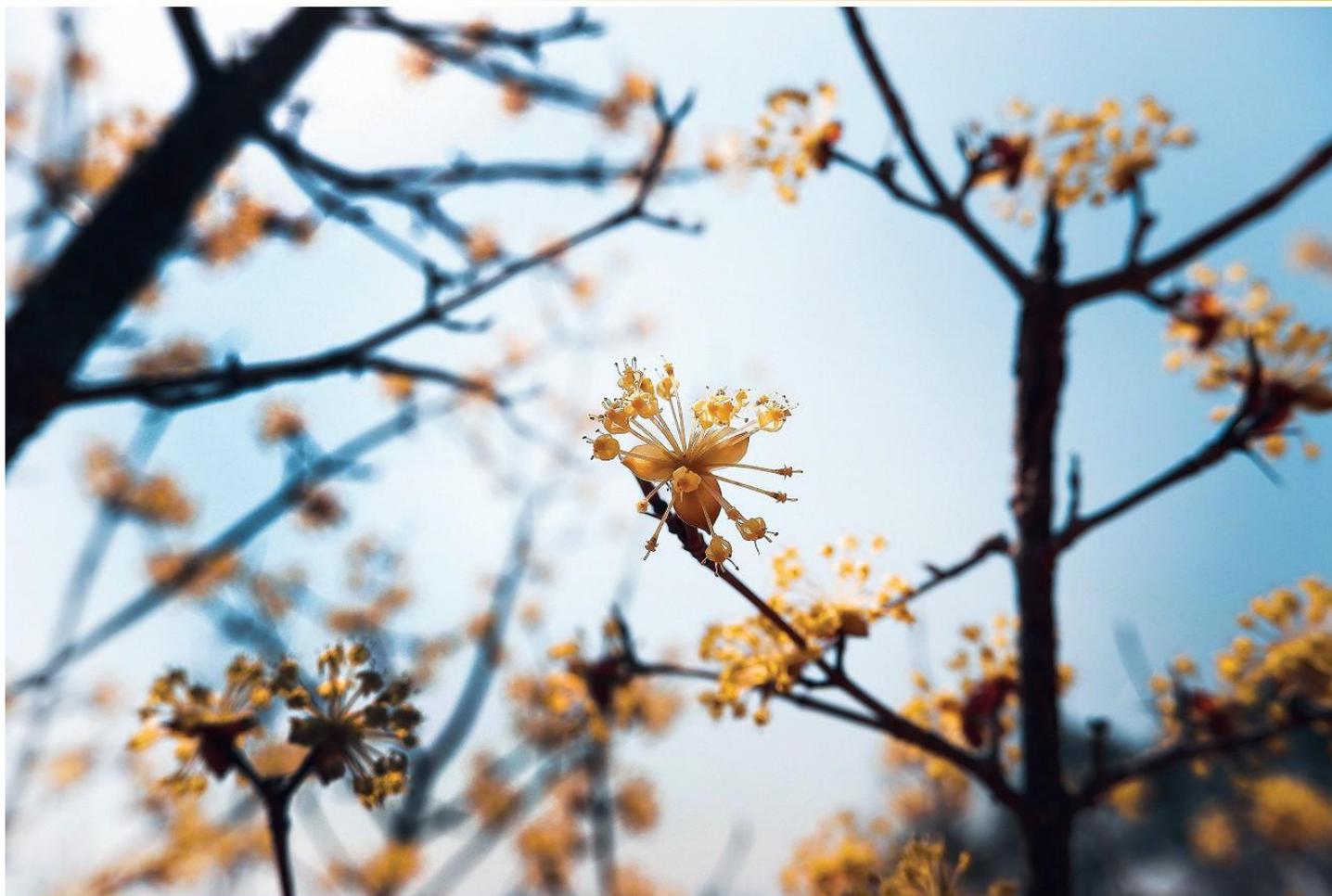
PHẬT GIÁO VIỆT NAM:  
NHỮNG THÀNH TỰU  
VÀ PHÁT TRIỂN



BỐN MƯƠI NĂM GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM  
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN - NHỮNG THỜI CƠ VÀ THÁCH THỨC



THÁNG 11 - 2021 ■ PHẬT LỊCH 2565



Người tịnh thường an lạc,  
Người giữ giới cũng vậy,  
Người sạch làm hạnh sạch,  
Kìa nguyện tất quả thành.

*(Kinh Tăng Nhất A Hàm, Phẩm Bất Đãi)*



### PHÁT HÀNH VÀO ĐẦU VÀ GIỮA THÁNG

Tổng Biên tập **HT.TS. Thích Hải Ấn**

Phó Tổng Biên tập TT  
kiêm Thư ký Tòa soạn **TT.TS. Thích Minh Nhẫn**

Phó Tổng Biên tập **TT. Thích Minh Hiền**  
**TT. Thích Phước Nghiêm**

Trị sự Tòa soạn **ĐD. Thích Minh Ân**

Mỹ thuật & Thiết kế **Anna Huỳnh Trần**  
**Mai Phương Nam**  
**Châu Quốc Hùng**  
**Quách Minh Triết**

Liên hệ Quảng cáo **ĐD. Thích Tuệ Tánh**  
**0944 020 802**

Phòng Phát hành **ĐD. Thích Minh Thuận**  
Liên hệ **0886 424 842**



#### Tòa soạn

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,  
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-028) 38 484 335 - 0932 850 969  
Email: toasoanhvpg@gmail.com  
Website: www.tapchivanhoaphatgiao.vn

#### Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo  
Số tài khoản: 0071001053555  
Ngân hàng Vietcombank,  
Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của  
Bộ Thông tin và Truyền thông  
Số 1878/GP. BTTTT  
Ghi bản & in tại Nhà in Hùng Khang  
Q. Tân Phú, TP. HCM

## TRONG SỐ NÀY

### CHỦ ĐỀ: 40 NĂM - MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

- 6 Giáo hội Phật giáo Việt Nam: Ra đời - phát triển và hội nhập (kỳ 1) (TT.TS. Thích Đức Thiện)
- 16 Giáo hội Phật giáo Việt Nam vững vàng đường hướng Đạo pháp-Dân tộc-Chủ nghĩa xã hội (HT.TS. Thích Gia Quang)
- 22 Khái quát quản trị hành chánh trong tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam (kỳ 1) (HT. Thích Huệ Thông)
- 32 Một vài đóng góp của Phật giáo Việt Nam đối với văn hóa dân tộc (TS. Vũ Chiến Thắng)
- 42 Bốn mươi năm Giáo hội Phật giáo Việt Nam xây dựng và phát triển - những thời cơ và thách thức (Nguyễn Phúc Nguyên)
- 50 Phật giáo Việt Nam: Lịch sử và hiện tại (TS. Bùi Hữu Dược)

### PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

- 60 Toàn cảnh tang lễ Đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam Đại lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ
- 64 Vai trò của truyền thông Phật giáo trong việc thông tin, phản ánh hoạt động, của Phật giáo trong và ngoài nước (TT.TS. Thích Minh Nhẫn)
- 76 Phật giáo tại huyện đảo Trường Sa: Đồng hành và phát triển (TT. Thích Tâm Như)

### PHẬT GIÁO - VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG

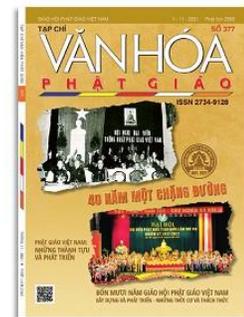
- 82 Nguồn gốc Pháp phục Phật giáo Bắc truyền (Tỳ khưu Định Phúc)
- 92 Văn bia Phật giáo Quảng Nam - Đà Nẵng thời Nguyễn (1802-1945): Một số vấn đề về hình thức (TS. Lê Xuân Thông, ThS. Đinh Thị Toan)

### PHẬT GIÁO - KHOA HỌC VÀ TRIẾT LÝ

- 100 Vô thức trong quan niệm của Phật giáo và dưới góc nhìn của khoa học (BS. Nguyễn Văn Thông)
- 110 Tâm lý học và các GD phát triển TL của con người (TS. Tạ Hoàng Giang, TS. Lê Thị Quỳnh Hảo, ThS. Phạm Văn Vui)
- 116 Đức tính của Bồ tát Quán Thế âm trong tôn dung của người nữ (ĐD. Thích Phước Tánh)

### GỚI THIỆU HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ CÁC TỰ VIỆN:

Chùa Thanh Lương, tỉnh Kiên Giang



Ý tưởng & Thiết kế Bìa:  
Quách Minh Triết

# HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ TIÊU BIỂU TRONG THÁNG



Ban trị sự cấp Huyện, Thị, Thành tiếp tục tổ chức Đại hội với nhiều hình thức



Công tác hướng về ngày kỷ niệm 40 năm thành lập  
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam  
(1981 - 2021)





Học viện & nhiều lớp học, khóa tập huấn, khóa thiền, khóa tu khai giảng với nhiều hình thức



### PHẬT GIÁO TIẾP TỤC ĐỒNG HÀNH TRONG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG DỊCH



# THƯ TÒA SOẠN



Kính thưa quý độc giả!

Năm 2021 là năm diễn ra nhiều sự kiện trọng đại của đất nước, dân tộc và Phật giáo Việt Nam. Đặc biệt, phải kể đến lễ kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (7/11/1981-7/11/2021).

Giáo hội Phật giáo Việt Nam ra đời là sự đoàn kết hòa hợp và thống nhất tự nguyện của tất cả các tổ chức, hệ phái Phật giáo có sẵn trong nước, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp chung khi đất nước đã hoà bình, thống nhất. Trong 40 năm trưởng thành và phát triển, Giáo hội ngày càng lớn mạnh, trở thành ngôi nhà chung, là tổ chức duy nhất của Phật giáo Việt Nam.

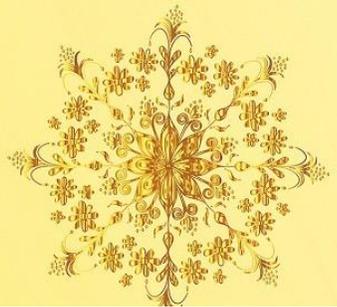
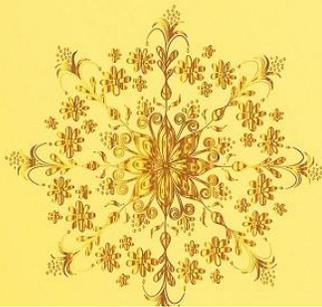
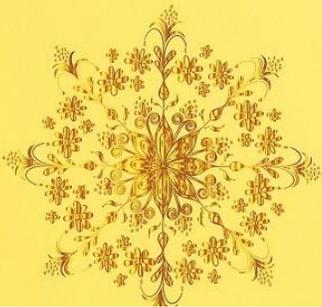
Với phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”, Giáo hội Phật giáo Việt Nam vẫn không ngừng phát triển, lớn mạnh về mọi mặt. Phật giáo chiếm một vị trí vô cùng quan trọng trong đời sống tinh thần của nhân dân và luôn đóng góp, cùng xây dựng, phát triển đất nước.

Giáo hội còn tích cực xây dựng các giá trị đạo đức, hình ảnh tốt đẹp của con người Việt Nam. Đó là lòng nhân ái, thương người như thể thương thân, giúp nhau trong khó khăn, hoạn nạn, góp phần tích cực vào công tác an sinh xã hội. Đặc biệt là các hoạt động thiện nguyện, từ thiện cộng đồng của đông đảo Tăng, Ni, Phật tử, nhất là trong bối cảnh cả đất nước đương đầu với đại dịch COVID-19.

Góp tiếng nói chung vào không khí hân hoan chào mừng sự kiện đặc biệt này, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo trân trọng gửi đến toàn thể quý độc giả số báo 377 với chủ đề “40 năm - Một chặng đường”. Ấn phẩm góp phần nhìn nhận lại những gì Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã làm được trong gần nửa thế kỷ qua, dưới góc nhìn đa chiều của chư tôn đức cùng các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước.

Có thể nói, với truyền thống “Hộ quốc an dân” trong thời kỳ mới, Giáo hội đang từng bước đưa Phật giáo Việt Nam vươn lên thành một trung tâm của Phật giáo thế giới, góp phần xây dựng hòa bình, ổn định, hợp tác, phát triển bền vững trong khu vực và trên thế giới. Đó chính là cách làm rạng tỏ giáo lý của Đức Phật trong cuộc sống nhân gian và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngày càng vững mạnh, vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Ban Biên tập Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo





# 40 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

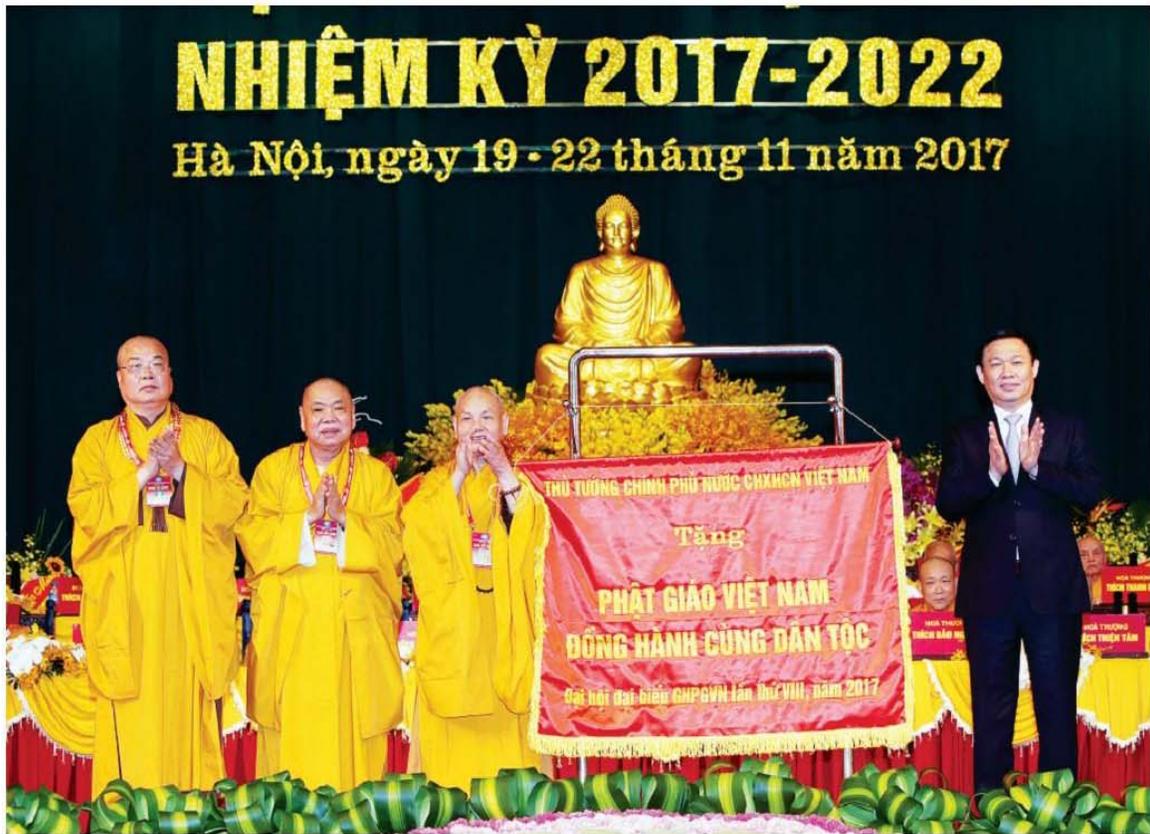


40 NĂM  
MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

**GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM**  
**RA ĐỜI -**  
**PHÁT TRIỂN VÀ**  
**HỘI NHẬP** (kỳ 1)



**TT. THÍCH ĐỨC THIỆN\***



Nhiệm kỳ VIII (2017-2022) đánh dấu một giai đoạn phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu của Giáo hội sau gần 40 năm thành lập. (Ảnh: VGP)

**P**hật giáo là Tôn giáo giàu tính bao dung và vô cùng năng động trong tiếp biến. Vì vậy, khi tiếp xúc với bất kỳ nền văn hóa nào, Phật giáo đã nhanh chóng được đón nhận và hòa quyện vào trong mình những nét văn hóa bản địa làm nên những bản sắc riêng có của từng nền văn hóa Phật giáo ở mỗi quốc gia. Với lịch sử hơn hai ngàn năm du nhập, Phật giáo đã thấm sâu vào trong đời sống văn hoá của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Trong quá trình phát triển, Phật giáo với tư cách là một tôn giáo, đã có nhiều đóng góp to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Phật giáo càng phát triển và

bén rễ sâu trong đời sống xã hội thì sự gắn bó dân tộc càng sâu sắc hơn. Sự ra đời của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) năm 1981 chính là thành quả kết tinh hàng nghìn năm Phật giáo Việt Nam đồng hành cùng dân tộc và là kết quả tất yếu trong dòng chảy lịch sử Việt Nam.

### **BỐI CẢNH LỊCH SỬ, TÍNH TẤT YẾU CỦA SỰ RA ĐỜI GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM**

Vào những năm đầu thế kỷ XX đã xuất hiện phong trào chấn hưng Phật giáo rất mạnh ở các nước châu Á như: Sri Lanka, Ấn Độ, Nhật Bản, Trung Hoa.

Các phong trào chấn hưng Phật giáo này đã ảnh hưởng tới công cuộc chấn hưng Phật giáo Việt Nam những năm 1920-1930, kết quả là đã có các tổ chức Phật giáo được thành lập ở cả miền Nam, miền Trung, và miền Bắc (Nguyễn Đại Đồng và cộng sự năm 2010). Trải qua hơn nửa thế kỷ, dù có nhiều tổ chức Phật giáo của các hệ phái, các Giáo hội được thành lập ở các vùng, miền khác nhau trong cả nước, song nguyện vọng thống nhất Phật giáo của Tăng Ni, Phật tử các hệ phái, tổ chức Phật giáo trong cả nước luôn được ấp ủ và thôi thúc trong tâm tư mỗi Tăng Ni, Phật tử Việt Nam.

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 1-11-2021 7

**40 NĂM  
MỘT CHẶNG ĐƯỜNG**



Chư tôn Giáo phẩm các thành viên Ban Vận động tại chùa Quán Sứ, tham dự Hội nghị kỷ II, ngày 18/01/1981 (Ảnh: Tư liệu)

Sau chiến thắng lịch sử ngày 30/4/1975, đất nước thống nhất, Bắc Nam sum họp một nhà là nhân duyên thù thắng và là cơ hội thuận lợi ngàn năm có một để Phật giáo Việt Nam tiến hành sự nghiệp thống nhất các hệ phái Phật giáo mà lịch sử ngàn năm trước đức vua Phật hoàng Trần Nhân Tông đã từng thống nhất Phật giáo Việt Nam.

Ngay sau ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, một phái đoàn gồm chư Tôn đức: Hòa thượng Thích Trí Thủ, Hòa thượng Thích Minh Nguyệt, Hòa thượng Thích Đôn Hậu, Hòa thượng Thích Mật Hiển, Đại đức Thích Hiền Pháp, Đại đức Thích Hành Minh, Ni sư Huỳnh Liên tham gia đoàn Đại biểu miền Nam ra thăm miền

Bắc từ ngày 30/8 - 24/9/1975. Phái đoàn chư Tôn đức đã được lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Tổng Bí thư Lê Duẩn, Chủ tịch nước Trường Chinh, Thủ tướng Phạm Văn Đồng tiếp đón. Đồng thời, phái đoàn đã được Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam và Hội Phật giáo Thống nhất TP. Hà Nội tiếp đón tại chùa Quán Sứ vô cùng trọng thị và nồng ấm thăm tình huynh đệ và chia sẻ những tâm huyết về sự nghiệp phát triển Phật giáo Việt Nam trong tương lai (Nguyễn Đại Đồng 2018: 408-409).

Sau đó, vào tháng 2/1977 phái đoàn chư Tôn đức Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam do Hòa thượng Thích Tâm An, Hòa thượng Thích Thế Long, Thượng tọa Thích Tâm Minh đại diện chư

Tăng miền Bắc đã vào Nam tham dự Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam và thăm chư Tôn đức lãnh đạo Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước TP. Hồ Chí Minh tại chùa Vĩnh Nghiêm (Nguyễn Đại Đồng 2018: 409).

Từ ngày 18/10 - 2/11/1977 phái đoàn Phật giáo TP. Hồ Chí Minh do Hòa thượng Thích Đạt Hào làm trưởng đoàn đã ra thăm các chùa, tổ đình Phật giáo miền Bắc. Ngày 15/11/1979, nhận lời mời của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, của Ban Tôn giáo Chính phủ, và của Hội Phật giáo thống nhất Việt Nam, đoàn đại biểu Phật giáo gồm chư Tôn đức Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Tăng Ni đại diện các hệ phái, tổ chức Phật giáo ở miền

Việt Nam thống nhất, Giáo hội Thiên Thai giáo quán tông, Giáo hội Cổ truyền Lục hòa Tăng, Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam, Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam, Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước đã có chuyến thăm thủ đô Hà Nội và các tỉnh phía Bắc, gặp gỡ giao lưu chư Tôn đức Tăng Ni và thăm các ngôi cổ tự ở miền Bắc. Các chuyến viếng thăm và giao lưu này mang đến sự hiểu biết, chia sẻ lẫn nhau và làm tiền đề quan trọng cho công cuộc vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam được tiến hành vào năm 1980-1981 (Nguyễn Đại Đồng 2018: 409-410).

Trong nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng (20/12/1976) đã đưa ra các định hướng chiến lược về công tác Tôn giáo: “*Chính sách của Đảng về tôn giáo là tôn trọng tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng của nhân dân, đoàn kết tất cả những người yêu nước và tiến bộ trong các tôn giáo, đoàn kết đồng bào có đạo và không có đạo, để cùng nhau xây dựng và bảo vệ đất nước, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, chống những hoạt động làm hại đến lợi ích của Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội*” (<http://tulieuvankien.dangcongsan.vn>). Với chủ trương đó, Chính phủ đã ra nghị quyết số 297-CP ngày 11/11/1977 của Hội đồng Chính phủ về công tác Tôn giáo tập trung vào các nội dung: (1) Hoạt động của Tôn giáo; (2) Cơ sở thờ tự, nơi thờ cúng; (3) Đào tạo, bổ nhiệm, chuyển chuyên những người chuyên về hoạt động Tôn giáo; (4) Tài liệu, kinh sách của các tôn giáo; (5) Cơ sở kinh tế, văn hóa, giáo dục, từ thiện xã hội của các Tôn giáo;

giao trong nước với các tổ chức tôn giáo quốc tế và nước ngoài; (7) Trách nhiệm của chính quyền các cấp trong công tác quản lý nhà nước về Tôn giáo (<http://thuvienphapluat.vn>).

Trên cơ sở đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các quy định trong nghị quyết của Chính phủ, các sinh hoạt Tôn giáo nói chung, trong đó có Phật giáo được thực hiện thống nhất trên toàn quốc. Hoạt động giao lưu giữa các tổ chức Tôn giáo, giữa các tổ chức hệ phái, giáo hội của Phật giáo ngày càng được thúc đẩy. Trong đó có các hoạt động giao lưu quốc tế của các tổ chức Phật giáo Việt Nam.

Với tư cách là thành viên sáng lập của tổ chức Phật giáo châu Á vì hòa bình (ABCP), các hoạt động giao lưu Phật giáo quốc tế diễn ra nhộn nhịp vào giai đoạn này đối với các tổ chức Phật giáo của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngày 22/7/1976, đoàn đại biểu Phật giáo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã tham dự Đại hội ABCP lần thứ IV tại Tokyo, Nhật Bản do Hòa thượng Thích Thiện Hào làm trưởng đoàn, Hòa thượng Thích Thế Long làm phó đoàn và các đại biểu tham dự với nội dung Phật giáo vì hòa bình nhân loại. Từ ngày 09 - 13/9/1978, Hòa thượng Thích Thế Long, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội Phật giáo thống nhất Việt Nam, với tư cách là ủy viên của ABCP đã tham dự hội nghị thư ký ABCP tại thủ đô Moskva, Liên Xô. Phái đoàn Phật giáo Việt Nam đã dự Đại hội lần thứ V của ABCP diễn ra từ ngày 16-19/6/1979 tại Ulan Bator, thủ đô Cộng hòa Nhân dân Mông

Hoà thượng Thích Thế Long, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội Phật giáo thống nhất Việt Nam; các thành viên gồm: Hòa thượng Thích Trí Thủ, Hòa thượng Thích Minh Nguyệt, Thượng tọa Thích Minh Châu và Thượng tọa Thích Tâm Châu, Chủ tịch Hội Phật tử Việt Nam tại Pháp, và Thượng tọa Thích Thanh Sam. Tại Đại hội này, Hòa thượng Thích Thế Long được bầu làm Phó Chủ tịch ABCP và Thượng tọa Thích Minh Châu làm ủy viên Ban chấp hành ABCP. Hội nghị Ban chấp hành và Ban Thư ký ABCP được tổ chức từ ngày 18-21/11/1980 tại New Delhi, Ấn Độ. Hòa thượng Thích Thế Long và Thượng tọa Thích Minh Châu tham dự và báo cáo về hoạt động của Trung tâm ABCP Việt Nam (Nguyễn Đại Đồng 2018: 415-424).

Nhìn từ truyền thống lịch sử, nguyện vọng mạnh mẽ của Tăng Ni, Phật tử, và những yêu cầu thực tế các hoạt động Phật sự trong nước và quốc tế của các hệ phái, tổ chức, Giáo hội Phật giáo tại Việt Nam lúc bấy giờ đã đưa đến hệ quả tất yếu của việc hình thành Ban vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam. Vào ngày 02/02/1980, chư Tôn đức giáo phẩm tiêu biểu của Phật giáo từ ba miền Bắc, Trung, Nam đã họp và quyết định thành lập Ban vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam. Hội nghị đã suy cử Hòa thượng Thích Đức Nhuận, Hòa thượng Thích Đôn Hậu, Hòa thượng Pháp Tráng, Hòa thượng Hoảng Thông vào Ban Chứng minh, cử Hòa thượng Thích Trí Thủ làm Trưởng ban vận động, cùng với các thành viên đại diện của các tổ chức Phật giáo (Nguyễn Đại Đồng 2018: 425).

## 40 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

Sau hai tháng bàn thảo với các cuộc họp khác nhau, đến ngày

giáo Thống nhất Việt Nam; (6) các Ủy viên: Hòa thượng Thích

xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hôm nay (Nguyễn

09/4/1980, Ban vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam chính thức ra thông bạch về mục đích, ý nghĩa, thời cơ, vận hội mới để tiến hành thống nhất Phật giáo Việt Nam và công bố danh sách chính thức Ban vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam gồm (1) Chứng minh: Hòa thượng Thích Đức Nhuận, Quyền Hội trưởng Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam; Hòa thượng Thích Đôn Hậu, Chánh Thư ký Viện Tăng thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất; (2) Trưởng ban: Hòa thượng Thích Trí Thủ, Viện trưởng Viện Hóa đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất; (3) Phó Trưởng ban: Hòa thượng Thích Thế Long, Phó Hội trưởng kiêm Tổng Thư ký Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam; Hòa thượng Thích Minh Nguyệt, Chủ tịch Ban liên lạc Phật giáo yêu nước TP. HCM; Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Phó Viện trưởng Viện Hóa đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, Viện trưởng Viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm; Hòa thượng Thích Mật Hiển, thành viên Hội đồng Giáo phẩm Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất; Hòa thượng Thích Bửu Ý, Viện trưởng Viện Hoằng đạo Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam; Hòa thượng Thích Giới Nghiêm, Tăng thống Giáo hội Phật giáo Nguyên thủy Việt Nam; (4) Chánh Thư ký: Thượng tọa Thích Minh Châu, Viện trưởng Viện Phật học Vạn Hạnh; (5) Phó Thư ký: Thượng tọa Thích Từ Hạnh, Tổng Thư ký Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước TP. HCM; Thượng tọa Thích Thanh Tứ, Chánh văn phòng Trung ương Hội Phật

Thiện Hao, Phó Chủ tịch Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước TP. HCM; Hòa thượng Thích Giác Tấnh, Chánh đại diện miền Liễu Quán Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất; Hòa thượng Thích Trí Nghiêm, thành viên Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất; Thượng tọa Thích Giác Toàn, Thường trực Trung ương Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam; Thượng tọa Thích Thanh Trí, Chánh đại diện Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất Thừa Thiên - Huế; Thượng tọa Thích Chánh Trực, Chánh đại diện Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tỉnh Quảng Trị; Ni sư Thích Nữ Huỳnh Liên, Trưởng Ni giới Khất sĩ Việt Nam; các đạo hữu: Nguyễn Văn Ch�, Võ Đình Cường, Nguyễn Hữu Thiện, Tống Hồ Cầm (Nguyễn Đại Đồng 2018: 432-436).

Ngày 09/4/1980 Ban vận động thống nhất Phật giáo long trọng ra mắt tại chùa Quán Sứ, thủ đô Hà Nội. Tham dự cùng Chư tôn đức có lãnh đạo Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Tôn giáo Chính phủ, và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Thành phố Hà Nội và nhiều vị đại diện Chính quyền Thành phố. Hôm sau, ngày 10/4, Quyền Chủ tịch nước Nguyễn Hữu Thọ đã tiếp phái đoàn Ban Vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam tại Phủ Chủ tịch khẳng định Đảng, Nhà nước đánh giá cao tinh thần gắn bó với dân tộc, lòng yêu nước của đồng bào theo đạo Phật trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và tin tưởng với tinh thần đoàn kết, hòa hợp Phật giáo sẽ có những đóng góp xứng đáng hơn nữa trong công cuộc

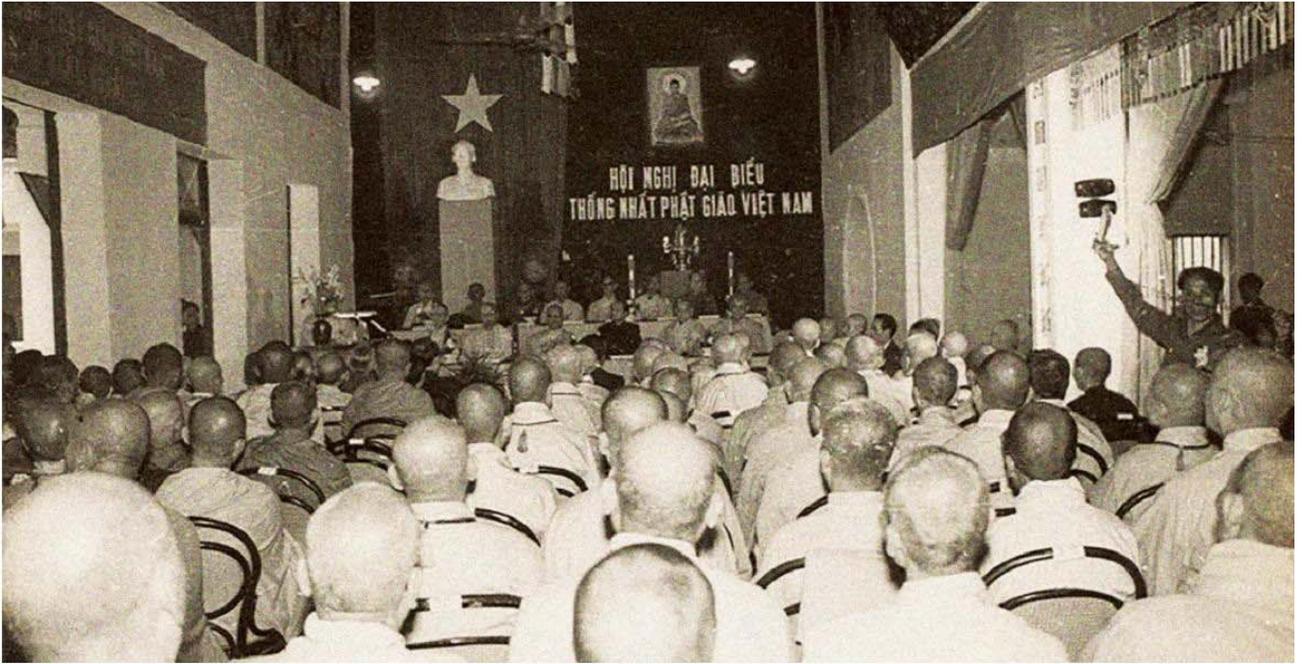
Đại Đồng 2018: 436-438).

Ngày 15/5/1980, lễ ra mắt Ban vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam được cử hành trọng thể tại chùa Xá Lợi, TP Hồ Chí Minh. Ngày 24/5/1980, tại chùa Từ Đàm, TP Huế, tỉnh Bình Trị Thiên, lễ ra mắt Ban vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam được tổ chức trang nghiêm. Sau đó, ngay từ đầu năm 1981, nhiều cuộc gặp gỡ tiếp xúc giữa Ban vận động thống nhất Phật giáo với các giáo hội, tổ chức hệ phái Phật giáo để bày tỏ quan điểm, thống nhất chủ trương, kế hoạch chương trình cho Hội nghị thống nhất Phật giáo toàn quốc (Nguyễn Đại Đồng 2018: 438-439).

Ban vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam đã tổ chức hội nghị kỳ III diễn ra từ ngày 03 đến ngày 06/8/1981 tại trụ sở văn phòng 2, chùa Xá Lợi, TP Hồ Chí Minh để thông qua nghị quyết tổ chức Hội nghị Đại biểu thống nhất Phật giáo Việt Nam. Hội nghị đã được Bí thư Thành ủy Võ Văn Kiệt tiếp đón thân mật tại nhà khách thành ủy và chúc mừng thành công của Hội nghị kỳ III của Ban vận động thống nhất Phật giáo thành công tốt đẹp (Nguyễn Đại Đồng 2018: 449).

Ngày 19/9/1981, Hội đồng Bộ trưởng đã ký quyết định số 671/QĐ-HĐBT đồng ý tổ chức Hội nghị Đại biểu thống nhất Phật giáo Việt Nam tại thủ đô Hà Nội. Sau đó, ngày 09/10/1981, Hòa thượng Thích Trí Thủ, Trưởng ban vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam đã ký thông bạch của Ban vận động gửi tới Chư Tôn đức Hòa thượng, Thượng





Hội nghị thống nhất Phật giáo Việt Nam tại chùa Quán Sứ, thủ đô Hà Nội từ ngày 04-07/11/1981. (Ảnh: Tư liệu)

tọa, Đại đức Tăng Ni và đồng bào Phật tử tất cả các Giáo hội, tổ chức hệ phái Phật giáo trong cả nước thông báo về sự thống nhất cao, sự đồng thuận của tất cả các tổ chức Giáo hội, tổ chức hệ phái về việc thống nhất Phật giáo Việt Nam, công tác chuẩn bị đã được hoàn tất, và quyết định triệu tập tổ chức Hội nghị Đại biểu các Tổ chức, Giáo hội, Hệ phái Phật giáo cả nước tại chùa Quán Sứ, Thủ đô Hà Nội từ ngày 04-07/11/1981 để thảo luận và thông qua bản Hiến chương; Thảo luận và thông qua chương trình hoạt động Phật sự; Suy tôn Hội đồng Chứng minh, suy cử Hội đồng Trị sự của tổ chức thống nhất Phật giáo cả nước (Nguyễn Đại Đồng 2018: 451).

### HỆ THỐNG TỔ CHỨC CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Từ ngày 04-07/11/1981 tại chùa Quán Sứ, Hà Nội, chín tổ chức hệ phái trong cả nước gồm: Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam, Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam, Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước TP. Hồ Chí Minh, Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam, Giáo hội Thiên Thai giáo quán, Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam, Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước miền Tây Nam bộ, Hội Phật học Nam Việt, cùng Ban vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam đã tổ chức thành công Đại hội đại biểu thống nhất Phật giáo thành lập nên Giáo hội Phật

giáo Việt Nam. Đại hội đã thông qua Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam và nhân sự khoá I nhiệm kỳ (1981-1987) Hội đồng Chứng minh gồm 50 vị, Hội đồng Trị sự có 49 vị. Hội đồng Trị sự có 06 Ban, Viện Trung ương; thành lập 28 Ban Trị sự Phật giáo các tỉnh, thành phố; thành lập hai trường Cao cấp Phật học Việt Nam. Nhiệm kỳ I là thời kỳ xây dựng và củng cố cơ sở Giáo hội Phật giáo Việt Nam (Hội đồng Trị sự 2012a).

Nhiệm kỳ II (1987-1992) là giai đoạn phát triển các hoạt động theo chương trình nội dung 6 điểm của Giáo hội trong thời kỳ đổi mới của đất nước. Nhiệm kỳ II có 37 thành viên Hội đồng Chứng minh,

## 40 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

60 thành viên Hội đồng Trị sự, thành lập được 40 đơn vị Ban Trị sự Phật giáo các tỉnh, thành phố và 07 Ban, Viện Trung ương hoạt

lượng Tăng Ni và cơ sở tự viện: Tăng Ni có 36.512 vị, cơ sở tự viện có 14.321 ngôi. Đây là nhiệm kỳ đầu bước vào thế kỷ XXI (Hội

sự chính thức và 45 Ủy viên dự khuyết. Tổng số có 53.491 Tăng Ni, 18.466 cơ sở tự viện (Hội đồng Trị sự 2012-2020).

động (Hội đồng Trị sự 2012a).

Nhiệm kỳ III (1992-1997) có 33 thành viên Hội đồng Chứng minh, 70 thành viên Hội đồng Trị sự. Giáo hội có 10 Ban, Viện Trung ương hoạt động, 41 đơn vị Ban Trị sự Phật giáo các tỉnh, thành phố. Phát triển số lượng Tăng Ni và cơ sở tự viện, tổng số có 15.777 Tăng Ni và 8.463 cơ sở tự viện, số lượng Phật tử chiếm 3/4 dân số. Nhiệm kỳ III tiếp tục chương trình hoạt động 6 điểm ngày càng mở rộng thể hiện tính tích cực hơn qua phương châm hoạt động “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội” để phù hợp với thời kỳ mở cửa của đất nước, tiến tới mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh (Hội đồng Trị sự 2012a).

Nhiệm kỳ IV (1997-2002) có 67 thành viên Hội đồng Chứng minh, 94 thành viên Hội đồng Trị sự. Giáo hội thành lập mới một số Ban Trị sự các tỉnh, nâng số Ban Trị sự địa phương lên 45 đơn vị Ban Trị sự Phật giáo tỉnh, thành phố. Số lượng Tăng Ni và cơ sở thờ tự tăng lên, Tăng Ni có 28.787 Tăng Ni, cơ sở tự viện có 10.383 chùa, tự viện. Đây là nhiệm kỳ tổng kết những thành quả của Giáo hội trong những năm cuối thế kỷ XX để vững vàng bước sang thế kỷ XXI (Hội đồng Trị sự 2012a).

Nhiệm kỳ V (2002-2007) có 84 thành viên Hội đồng Chứng minh, 95 thành viên Hội đồng Trị sự chính thức và 24 thành viên dự khuyết. Toàn Giáo hội có 52 đơn vị Ban Trị sự Phật giáo tỉnh, thành phố. Nhiệm kỳ phát triển về số

đồng Trị sự 2012a).

Nhiệm kỳ VI (2007-2012) đánh dấu giai đoạn phát triển rực rỡ của lịch sử Phật giáo Việt Nam trong thời hiện đại đánh giá 25 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Về tổ chức có nhiệm kỳ VI Giáo hội có 97 thành viên Hội đồng Chứng minh, 147 thành viên Hội đồng Trị sự và 48 ủy viên dự khuyết, 56 Ban Trị sự và Ban Đại diện Phật giáo tỉnh, thành phố. Tổng số có 44.498 Tăng Ni, 14.775 cơ sở tự viện (Hội đồng Trị sự 2012a).

Nhiệm kỳ VII (2012-2017) với chủ đề kế thừa - ổn định - phát triển, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã kiện toàn hệ thống tổ chức, gồm 03 cấp hành chính Giáo hội: cấp Trung ương; cấp tỉnh, thành phố; và cấp quận, huyện. Giáo hội có 89 thành viên Hội đồng Chứng minh, 199 Ủy viên Hội đồng Trị sự chính thức và 61 Ủy viên dự khuyết. Giáo hội có 13 Ban, Viện Trung ương, 63 đơn vị Phật giáo cấp tỉnh, thành phố trong cả nước; hàng trăm đơn vị Phật giáo cấp quận, huyện, thị xã thành phố thuộc tỉnh. Tổng số có 46.495 Tăng Ni, 14.778 cơ sở tự viện (Hội đồng Trị sự 2012-2020).

Nhiệm kỳ VIII (2017-2022) đánh dấu một giai đoạn phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu của Giáo hội sau gần 40 năm thành lập, khẳng định vị thế của GHPGVN trong thời kỳ hội nhập, phát triển ở cả trong nước cũng như ở nước ngoài, và các hoạt động Phật giáo quốc tế. Nhiệm kỳ VIII Giáo hội có 96 thành viên Hội đồng Chứng minh, 224 Ủy viên Hội đồng Trị

### TINH THẦN NHẬP THỂ, HỘ QUỐC AN DÂN, ĐỒNG HÀNH CÙNG DÂN TỘC CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Kế thừa tinh hoa đồng hành cùng dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, trong hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ thực hiện giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, Tăng Ni, Phật tử Phật giáo Việt Nam đã có nhiều đóng góp to lớn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (Hội đồng Trị sự 2002).

Trong suốt chặng đường 40 năm thành lập, phát triển, và hội nhập, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã có nhiều hoạt động đem lại lợi ích cho đất nước. Giáo hội được thành lập, hoạt động với phương châm: “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội” là minh chứng cho tinh thần nhập thể của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Ra đời vào thời kỳ đất nước xảy ra cuộc chiến tranh biên giới và sự cấm vận của Mỹ và các nước phương Tây, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã không ngừng đấu tranh chống lại các luận điệu sai trái về đời sống Tôn giáo ở Việt Nam của các thế lực thù địch. Tranh thủ được sự ủng hộ của cộng đồng Phật giáo thế giới trong đấu tranh ngoại giao bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước ta về tự do Tôn giáo ở Việt Nam (Hội đồng Trị sự 2002).

Bước sang giai đoạn đổi mới của đất nước từ năm 1986 là thời gian bắt đầu nhiệm kỳ thứ II, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã có nhiều





Giáo hội tích cực tổ chức các hoạt động thiện nguyện, quyên góp, ủng hộ để chia sẻ, giúp đỡ đồng bào (Ảnh: Khuông Việt)

hoạt động thiết thực đóng góp vào thành tựu chung của đất nước. Giáo hội đã khôi phục nhiều di sản văn hóa của dân tộc, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng đời sống văn hóa tâm linh lành mạnh phù hợp với sự nghiệp xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Trong sự nghiệp đối ngoại nhân dân, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tích cực đấu tranh để Mỹ ra quyết định đưa Việt Nam ra khỏi danh sách các nước có quan ngại về tự do Tôn giáo, góp phần vào sự kiện Mỹ bỏ cấm vận Việt Nam và nối lại bình thường hóa quan hệ (Hội đồng Trị sự 2012b).

Trong cuộc đấu tranh bảo vệ biên giới, hải đảo, vùng biển thiêng liêng của Tổ quốc, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã xây dựng 09 ngôi chùa tại các đảo thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam: chùa Đảo Trường Sa Lớn, chùa Đảo Song Tử Tây, chùa Đảo Nam Yết, chùa Đảo Sơn Ca, chùa Đảo Phan Vinh, chùa Đảo Sinh Tồn, chùa Đảo Đá Tây A,

chùa Đảo Trường Sa Đông, chùa Đảo Sinh Tồn Đông. Hàng năm, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã cử các vị Tăng là thành viên Giáo hội ra trụ trì tại các ngôi chùa này, sống cùng với các chiến sĩ, quân và dân trên đảo để ngày đêm bảo vệ vùng biển chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc. Trên biên giới đất liền, Giáo hội đã xây dựng các chùa Phật Tích Trúc Lâm tại Bản Giốc, chùa Trúc Lâm tại cửa khẩu Tà Lùng (tỉnh Cao Bằng), chùa cửa khẩu Tân Thanh (tỉnh Lạng Sơn), chùa tại cửa khẩu Bắc Luân (Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh)... Đây là những cột mốc tâm linh chủ quyền quốc gia góp phần bảo vệ đất nước (Hội đồng Trị sự 2012-2020).

Năm 2014, trước sự xâm phạm trái phép của giàn khoan HD-981 của Trung Quốc vào vùng biển đặc quyền kinh tế của Việt Nam, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã có những hành động rất sớm, quyết liệt, khẳng định chân lý chủ quyền của Việt Nam đối với vùng biển

Đông của cha ông ta lâu đời trong lịch sử. Giáo hội đã tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế đang tham dự Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc (07-11/5/2014) tại chùa Bái Đính, Ninh Bình khẳng định chủ quyền của Việt Nam tại vùng biển, vùng đặc quyền kinh tế tại biển Đông. Thủ tướng Sri Lanka, và đại biểu quốc tế là các lãnh đạo Phật giáo các nước, Tăng Ni, các Giáo sư, học giả đến từ 95 quốc gia, vùng lãnh thổ đã lên tiếng mạnh mẽ ủng hộ Việt Nam. Giáo hội đã chủ động, khôn khéo tranh thủ sự đồng thuận của Ủy ban tổ chức Quốc tế (IOC) Vesak Liên Hợp Quốc đưa ra Tuyên bố Ninh Bình 2014 trong đó có điều khoản yêu cầu các nước trên thế giới phải tuân thủ Công ước Liên Hợp Quốc về Luật biển năm 1982 (UNCLOS). Tuyên bố Ninh Bình này được gửi tới Liên Hợp Quốc và Đại sứ quán các nước tại Hà Nội, bao gồm cả Trung Quốc. Thắng lợi ngoại giao này của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã được ghi nhận trong văn

## 40 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

kiện Đại hội Đảng lần thứ XII đã có đánh giá tổng kết và ca ngợi tinh thần yêu nước, đồng hành cùng dân tộc của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (Hội đồng Trị sự 2014).

ơ sở Phật giáo (chùa, học viện...) được các địa phương sử dụng làm điểm bầu cử; nhiều chư Tôn đức lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Ban Trị sự Phật giáo các địa phương tham dự lễ khai mạc,

dân tộc, các đại hội, lễ trọng và các sự kiện lớn của Phật giáo, góp phần lan tỏa tinh thần yêu nước, sự gắn bó đoàn kết, chung sức, đồng lòng hướng về Tổ quốc.

(còn tiếp)

Kể từ khi thành lập, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đều có các đại diện tham gia làm Đại biểu Quốc hội và Hội đồng Nhân dân các cấp ở các địa phương. Trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, ngay từ những ngày đầu Hội đồng bầu cử Quốc gia và các bộ, ngành chức năng triển khai các công việc liên quan đến bầu cử, Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã thể hiện tinh thần, trách nhiệm rất cao trong việc lựa chọn, giới thiệu một chức sắc lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam, là người có tư cách công dân tốt, có nhiều hoạt động đóng góp cho đất nước, có năng lực, trình độ, có uy tín, đạo hạnh và sức quy tụ, ảnh hưởng trong Giáo hội để tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội; đồng thời Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng chỉ đạo, hướng dẫn Ban Trị sự các tỉnh/thành phố, các quận/huyện tích cực trong việc phối hợp với cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp để giới thiệu những vị Tăng, Ni xứng đáng, đảm bảo các yêu cầu để tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2020-2025. Bên cạnh đó, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã chỉ đạo Phật giáo các địa phương, Tăng, Ni, Phật tử Phật giáo Việt Nam tích cực hưởng ứng các hoạt động và tham gia ngày hội toàn dân đi bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, treo cờ Tổ quốc, thể hiện tinh thần, trách nhiệm của công dân với đất nước. Trong ngày bầu cử, cả nước đã có hàng chục

chào cờ và bo nhưng la phieu đau tiên; các kênh truyền thông Giáo hội Phật giáo Việt Nam tích cực tuyên truyền và đưa tin hình ảnh này góp phần tạo hiệu ứng tốt và lan toả tinh thần yêu nước, gắn bó, đồng hành cùng dân tộc của Phật giáo Việt Nam tới toàn thể Tăng, Ni và hàng chục triệu cử tri là Phật tử hoặc những người yêu mến đạo Phật tích cực tham gia đi bầu cử, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân với quốc gia, dân tộc. Kết quả, Giáo hội Phật giáo Việt Nam có 4 vị chức sắc đã trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XV (trong đó có 1 Hoà thượng Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự, 1 Thượng tọa Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự TW Giáo hội Phật giáo Việt Nam), 62 chức sắc Phật giáo đã trúng cử Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026 và hàng trăm Tăng Ni, Phật tử trúng cử Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã (Hội đồng Trị sự 2021).

Trong việc hưởng ứng và thực hiện phát động của Ban Tôn giáo Chính phủ về việc treo cờ Tổ quốc tại các cơ sở Tôn giáo và tư gia Phật tử, Giáo hội Phật giáo Việt Nam luôn xác định đây cũng là việc thể hiện tinh thần của một tôn giáo yêu nước, đồng hành cùng dân tộc nên nội dung này đã được Giáo hội quan tâm triển khai từ những năm trước đây và nay đã phát động để trở thành phong trào treo cờ Tổ quốc rộng khắp trong các cơ sở của Phật giáo, tư gia của Phật tử trong các ngày lễ lớn, sự kiện trọng đại của đất nước, dịp Tết cổ truyền của

#### Chú thích:

\*TT.TS Thích Đức Thiện: Tiến sĩ Phật học, Đại học Delhi, hiện là Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự; Trưởng ban Phật giáo Quốc tế TW GHPGVN.

#### Tài liệu tham khảo:

1. Hội đồng Trị sự (2002), *Hội thảo khoa học 300 năm Phật giáo Gia Định-Sài Gòn-Thành phố Hồ Chí Minh*. TP. HCM: Nxb. TP. Hồ Chí Minh.
2. Hội đồng Trị sự (2012), *Giáo hội Phật giáo Việt Nam: Từ Đại hội đến Đại hội (1981-2012)*. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo.
3. Hội đồng Trị sự (2012-2020), *Báo cáo Tổng kết công tác Phật sự GHPGVN*. Hà Nội: VPTWGHPGVN.
4. Hội đồng Trị sự (2021), *Sơ kết công tác Phật sự 6 tháng đầu năm 2021*. Hà Nội: VPTWGHPGVN.
5. Hội đồng Trị sự (2002), *Kỷ yếu hội thảo kỷ niệm 20 năm thành lập GHPGVN (07/11/1981-07/11/2001)*. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo.
6. Hội đồng Trị sự (2012), *Kỷ yếu hội thảo kỷ niệm 30 năm thành lập GHPGVN (07/11/1981-07/11/2011)*. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo.
7. Hội đồng Trị sự (2012), *Trưởng lão Hòa thượng Thích Thanh Từ: Đạo pháp và Dân tộc*. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo.
8. Hội đồng Trị sự (2013), *Kỷ yếu hội thảo khoa học: Hòa thượng Thích Đức Nhuận - Đệ nhất Pháp chủ GHPGVN nhân kỷ niệm 20 năm ngày viên tịch (1993-2013)*. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.
9. Hội đồng Trị sự (2012), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VII (2012-2012)*. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo.
10. Hội đồng Trị sự (2017), *Văn kiện Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII (2017-2022)*. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo.
11. Hội đồng Trị sự (2008), *Văn kiện Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc 2008*. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo.
12. Hội đồng Trị sự (2014), *Văn kiện Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc 2014*. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo.





**BỐN  
MƯƠI  
NĂM  
THEO  
ÁNH  
ĐẠO  
VÀNG**

**NGUYỄN AN BÌNH**

Về đây dưới bóng Phật đài  
Hương thơm gửi gió mây bay trên ngàn  
Niềm tin gửi ánh đạo vàng  
Nghe kinh pháp cú thanh tâm sáng ngời.

Sen hồng nở dưới chân người  
Soi đường đạo học một đời thiện nhơn  
Cõi người lạc dấu mê hương  
Bên ngôi tam bảo vững tâm bồ đề.

Nhũ lòng qua bến sông mê  
Tìm trong bờ giác nẻo về đơm hoa  
Vườn thiền bát ngát bay xa  
Bao miền cỏ lạ thiết tha ân tình.

Vô thường qua cõi nhân sinh  
Nước trong mới biết bóng hình như gương  
Nương dòng cam lộ cảnh dương  
Nhang trầm thoảng giác mộng đường khói sương.

Bốn mươi năm một chặng đường  
Hoa vô ưu nở gửi hương dâng đời  
Thiền môn xanh đóa xuân ngời  
Sáng trong kinh kệ ngọt lời từ tâm.



VĂN HÓA PHẬT GIÁO 1-11-2021 15

40 NĂM  
MỘT CHẶNG ĐƯỜNG



**Giáo hội Phật giáo Việt Nam**

# Đạo hội Phật giáo Việt Nam vững vàng đường hướng Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa Xã hội

HT. THÍCH GIA QUANG\*

Trải qua 40 năm hình thành và phát triển, tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) đã kế thừa truyền thống hơn 2.000 năm lịch sử Phật giáo Việt Nam. Giáo hội đã có những đóng góp tích cực trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước theo phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa Xã hội”.

16 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 1-11-2021





Phật giáo Việt Nam là tôn giáo có truyền thống “*hộ quốc an dân, đồng hành cùng dân tộc*”, luôn gắn bó với vận mệnh của đất nước. (Ảnh: [tapchiconsan.org.vn](http://tapchiconsan.org.vn))

### NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA PHẬT GIÁO TRONG CÔNG CUỘC PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI CỦA ĐẤT NƯỚC

Phát huy truyền thống yêu nước, yêu dân tộc của Phật giáo Việt Nam, GHPGVN luôn đồng hành cùng dân tộc qua một số hoạt động cụ thể như sau:

Tuyên truyền và giảng giải ý nghĩa của việc hạn chế sát sinh, không săn bắt các loài thú hoang dã, không phá rừng mà tăng cường trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc,... Hưởng ứng lời kêu gọi của Thủ tướng Chính phủ không dùng đồ nhựa một lần (chống rác thải nhựa) để bảo vệ môi trường, vì bảo vệ môi trường chính là bảo vệ sự sống của con người. Động viên bà con nhân dân Phật tử thực hiện tốt đường

lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong an ninh trật tự xã hội, thực hiện tốt phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, nay là phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh... Tuyên truyền vận động người dân thực hiện tốt văn hóa giao thông mà GHPGVN và Bộ Giao thông Vận tải, Ủy ban an toàn giao thông quốc gia đã ký kết. Đặc biệt năm 2021 với đại dịch COVID-19, Phật giáo đã có nhiều hoạt động của các cấp Giáo hội và đông đảo Tăng, Ni, Phật tử trợ giúp kịp thời, thiết thực, hiệu quả trong cuộc chiến phòng, chống dịch COVID-19 chung tay cùng các cấp chính quyền và nhân dân chăm lo, chia sẻ, giúp đỡ nhiều gia đình khó khăn, các trường hợp người khuyết tật, neo đơn, người nghèo, lao động bị

ảnh hưởng dịch COVID-19 và thiên tai bão lũ tại miền Trung.

GHPGVN nhiều năm qua đã có những hoạt động thiết thực để góp phần làm giảm sự xuống cấp đạo đức trong thanh thiếu niên. Từ Trung ương Giáo hội đến các địa phương, các chùa, tự viện, thiền viện... đã tổ chức nhiều khóa tu dành cho thanh thiếu niên, các trại hè thanh thiếu niên, các hoạt động Phật pháp. Thông qua đó, giáo dục các em hiểu được lễ nghi, phải trái, hiếu thuận, nhân quả, tội phúc, sự biết ơn, đền ơn, báo hiếu cha mẹ, thầy cô,... để các em có được nếp sống lành mạnh, văn minh, biết ơn với tổ tiên, ông bà và có trách nhiệm với cộng đồng xã hội. Tư tưởng nhập thế Phật giáo đã góp phần xây dựng chuẩn mực đạo đức con người, đưa con người đến cuộc

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 1-11-2021 17

## 40 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG





Gần 1500 thanh thiếu nhi Phật tử tại Hội trại “Tuổi trẻ và Phật giáo” đã cùng nhau xếp lá cờ Phật giáo thiết lập kỷ lục Việt Nam tại Thiền viện Phước Sơn (tỉnh Đồng Nai). (Ảnh: Minh Trúc)

sống “*chân - thiện - mỹ*”, từ đó làm thay đổi tư duy phát triển kinh tế của nhiều doanh nghiệp tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, ngày nay, các điểm du lịch tâm linh thường gắn với đền, chùa, lăng tẩm, tòa thánh và lễ hội. Cả nước có gần năm trăm ngôi chùa được xếp hạng di tích cấp quốc gia. Đây chính là những điểm thu hút du khách tới tham quan, chiêm bái, nghe giảng và trải nghiệm đời sống thiền môn. Như vậy, các điểm hành hương tâm linh còn tạo ra công ăn việc làm cho hàng nghìn người ổn định cuộc sống, góp phần làm giảm tỷ lệ thất nghiệp cho xã hội. Phật giáo đã giúp giảm gánh nặng cho xã hội bằng việc chung tay cùng các cấp chính quyền giúp đỡ những người có hoàn cảnh gặp nhiều khó khăn, sớm vượt qua để ổn định cuộc sống thông qua công tác phúc lợi xã hội như

Khám chữa bệnh miễn phí tại các chùa, tự viện trên cả nước, đào tạo miễn phí dạy nghề và giới thiệu việc làm cho hàng nghìn học viên.

Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ rất sớm và đã nhanh chóng được bản địa hóa. Trong lịch sử phát triển của mình, Phật giáo đã để lại cho dân tộc nhiều di sản văn hóa vật chất và tinh thần có giá trị đặc sắc. Khối di sản này bao gồm hệ thống không gian, kiến trúc chùa tháp, các tác phẩm điêu khắc tượng thờ, tranh thờ Phật giáo, hoành phi, câu đối, đồ thờ cúng, nhạc khí,... cùng những giá trị tư tưởng, đạo đức, văn hóa Phật giáo. Di sản văn hóa Phật giáo Việt Nam mang đậm dấu ấn văn hóa dân tộc với những đặc trưng khiêm cung, giản dị, hài hòa, cân đối, vừa phù hợp với không gian tâm linh, vừa gắn bó hữu cơ với cảnh quan chung.

Từng bộ phận kiến trúc, từng pho tượng, bức tranh, đồ thờ tự... trong các ngôi chùa đều là những tác phẩm nghệ thuật tuyệt mỹ. Di sản văn hóa Phật giáo Việt Nam đã có những đóng góp xứng đáng vào kho tàng văn hóa phong phú và độc đáo của dân tộc.

Công tác từ thiện xã hội là những hoạt động Phật sự đạo đức mang tính tích cực và trong sáng, thể hiện tinh thần từ bi cứu khổ của đạo Phật, là một trong những công tác trọng tâm của Giáo hội. Vì thế, các công tác liên quan đến từ thiện xã hội đều được Giáo hội quan tâm sâu sắc, chỉ đạo động viên Tăng, Ni, Phật tử và các chùa, tự viện, các thành viên thực hiện công tác từ thiện thường xuyên, liên tục, kịp thời. Với hệ thống trên một trăm sáu lăm cơ sở Tuệ Tĩnh đường, hơn sáu trăm phòng chẩn trị Y học Dân tộc, trên mười phòng

khám Tây y, Đông Tây y kết hợp đang hoạt động có hiệu quả, khám và phát thuốc miễn phí cho hàng chục ngàn lượt bệnh nhân với kinh phí lên đến hàng chục tỷ đồng.

Giáo hội luôn có mặt đúng lúc và kịp thời cứu trợ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt và tham gia tích cực ủng hộ phong trào xóa đói giảm

Như Lai Tỏi thượng (Sri Lanka); thành viên Ủy ban Quốc tế Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc (IOC, Thái Lan); thành viên Ủy ban Đại học và Cao đẳng Phật giáo Thế giới tại Thái Lan; thành viên Hội Sakyadhita Thế giới; thành viên tổ chức Liên minh Phật giáo Toàn cầu tại Ấn Độ,...

GHPGVN đã và đang liên kết

Giáo hội còn cử đại diện tham dự các cuộc hội nghị, hội thảo chuyên đề về văn hoá, đạo đức, giáo dục Phật giáo và môi trường, góp phần trao đổi những kinh nghiệm quý báu trên các lĩnh vực văn hoá, giáo dục và từ thiện xã hội, thắt chặt hơn nữa tình hữu nghị đối với các nước Phật giáo trong vùng và trên thế giới. Không chỉ đóng góp tích cực cho công cuộc

nghèo, chăm sóc các đôi tượng người có công với đất nước, phát quà từ thiện, xây cầu, làm đường, phát xe lăn, hiến máu nhân đạo, quỹ khuyến học, ủng hộ các chiến sĩ biển đảo bám biển Hoàng Sa, Trường Sa của Tổ quốc. Đặc biệt Giáo hội còn thực hiện công tác cứu trợ quốc tế như cứu trợ nhân dân các nước Đông Nam Á bị sóng thần, đồng bào vùng Đông Bắc Nhật Bản bị động đất và sóng thần, động đất tại Nepal. Ngoài những công tác từ thiện nêu trên, những công tác phúc lợi xã hội khác như: Xây dựng trường mầm non, lớp học tình thương, trường nuôi dạy trẻ em khuyết tật, trẻ em bị ảnh hưởng chất độc màu da cam cũng được nhân rộng và phát triển đúng hướng, góp phần làm giảm bớt gánh nặng cho gia đình các em và cho xã hội.

### **ĐÓNG GÓP CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRONG QUAN HỆ QUỐC TẾ**

Ngay từ khi mới thành lập, GHPGVN đã tích cực thể hiện tư cách thành viên sáng lập và thành viên của các tổ chức Phật giáo quốc tế như: Hội Liên hữu Phật giáo Thế giới tại thủ đô Colombo, Sri Lanka; Hội Phật giáo châu Á vì Hòa bình; thành viên sáng lập Hội Phật giáo Thế giới Truyền bá Chính pháp; thành viên Hội Đệ tử

thân hữu với các nước Phật giáo Lào, Campuchia, Thái Lan, Trung Quốc, Myanmar, Mông Cổ, Tích Lan, Nhật Bản, Triều Tiên, Hàn Quốc, Pháp, vùng lãnh thổ Đài Loan và một số các nước châu Âu, Tây Âu, Bắc Mỹ,... GHPGVN đã thành lập và lãnh đạo các Hội Phật tử Việt Nam tại các nước như: Nhật Bản, Đức, Bỉ, Pháp, Cộng hòa Séc, Ucraina, Hungary, Tiệp Khắc, Hàn Quốc,... Đón tiếp các phái đoàn đến thăm và giao lưu nhằm góp phần trao đổi những kinh nghiệm quý báu trên các lĩnh vực: Văn hóa, giáo dục và từ thiện xã hội, thắt chặt hơn nữa tình hữu nghị đối với các nước Phật giáo trong vùng và trên thế giới.

phát triển kinh tế, xã hội, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa của dân tộc trong nước, mà còn góp phần nâng cao vị thế của đất nước trên trường quốc tế thông qua những lần tổ chức thành công Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc, Hội nghị thượng đỉnh Phật giáo ASEAN và nhiều hoạt động Phật giáo có ý nghĩa khác.

### **ĐÓNG GÓP CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC**

Phật giáo Việt Nam là tôn giáo có truyền thống “*hộ quốc an dân, đồng hành cùng dân tộc*”, luôn gắn bó với vận mệnh của đất nước. Lịch sử đã chứng minh,



GHPGVN đã và đang thắt chặt hơn nữa tình hữu nghị đối với các nước Phật giáo trong vùng và trên thế giới. (Ảnh: vietnamplus.vn)

## **40 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG**

khi đất nước hùng cường thì Phật giáo hưng thịnh, khi Tổ quốc lâm nguy, Phật giáo sẵn sàng đứng lên tham gia chống giặc ngoại xâm, góp phần giành lại độc lập cho dân tộc. Kế thừa và phát huy truyền thống vẻ vang của Phật giáo Việt Nam, GHPGVN đã đồng hành cùng nhân dân cả nước tiến hành công cuộc đổi mới trong tinh thần hòa hợp, đoàn kết và với phương châm “*phụng đạo,*

từ trung ương đến địa phương. Nhiều vị chức sắc tu hành được người dân tin tưởng bầu làm Đại biểu Quốc hội, Hội đồng Nhân dân các cấp, phát huy được vai trò đặc biệt của sư sãi trong việc vận động quần chúng xây dựng đời sống văn hóa, kinh tế xã hội ở các địa bàn dân cư. Các vị Tăng, Ni tiếp tục đẩy mạnh việc truyền bá đạo pháp tại vùng sâu, vùng xa, biên cương, hải đảo để

lượng đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy và tu học tại các cơ sở đào tạo Tăng, Ni của GHPGVN.

4. Giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa Phật giáo Việt Nam đảm bảo có sự tiếp nối giữa truyền thống và hiện đại góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc trong thời đại hội nhập quốc tế.

yêu nước”, Giáo hội đã quan tâm hướng dẫn tín đồ, Phật tử sinh hoạt theo đúng chính pháp, góp phần xây dựng cuộc sống lành mạnh và có những hoạt động đáp ứng cho nhu cầu tâm linh của đông đảo Phật tử; phù hợp với tâm tư, nguyện vọng của Tăng, Ni, Phật tử; là nguồn cổ vũ lớn lao cho Tăng Ni, Phật tử ở trong và ngoài nước tin tưởng vào đường hướng hành đạo của Giáo hội, góp phần làm cho Giáo hội ngày càng phát triển vững mạnh trong lòng dân tộc.

Với tư cách là thành viên trong khối Đại đoàn kết toàn dân, GHPGVN, Tăng, Ni, Phật tử Việt Nam luôn luôn gắn bó với dân tộc trong mọi hoạt động xã hội, thực hiện tốt phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa Xã hội”. Các Ban Trị sự tỉnh, thành hội Phật giáo trong toàn quốc thường xuyên động viên Tăng, Ni, Phật tử tại địa phương hoàn thành tốt các phong trào ích nước lợi dân, bảo vệ tổ quốc, bảo vệ môi trường, xây dựng nếp sống văn hóa văn minh trên địa bàn khu dân cư. Tích cực tham gia các đoàn thể, các hoạt động xã hội, vì lợi ích của đất nước và dân tộc như tham gia ứng cử Đại biểu Quốc hội, Hội đồng Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc các cấp

tinh thần Phật giáo tiếp tục được lan tỏa tới tận những vùng biên địa của Tổ quốc.

### **MỤC TIÊU CỦA GIÁO HỘI - TIẾP TỤC VỮNG VÀNG ĐƯỜNG HƯỚNG ĐẠO PHÁP - DÂN TỘC - CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII của GHPGVN đã đề ra chín mục tiêu để nâng cao tầm vóc của Phật giáo nước nhà trong sự đổi mới và hội nhập quốc tế sâu rộng của đất nước, cụ thể là:

1. Phát huy trí tuệ tập thể, giữ vững kỷ cương, giới luật và nêu cao tinh thần đoàn kết, hòa hợp trong xây dựng, phát triển Giáo hội vững mạnh trong hội nhập quốc tế, kiên định lý tưởng: Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa Xã hội.

2. Đổi mới sáng tạo trong sự nghiệp hoằng dương chính pháp, trong phương thức hướng dẫn Phật tử. Định hướng pháp môn tu tập phù hợp với xã hội hiện đại, với mọi tầng lớp trong xã hội và xiển dương đạo đức học Phật giáo góp phần xây dựng và làm đẹp nền đạo đức xã hội.

3. Nâng cao công tác quản lý chất

5. Mở rộng hoạt động đối ngoại đa phương theo định hướng ngoại giao văn hóa, ngoại giao nhân dân. Chủ động, tích cực trong quan hệ đối ngoại với các tổ chức Phật giáo và tổ chức tôn giáo thế giới. Kết nối chặt chẽ với các Hội Phật tử Việt Nam ở nước ngoài.

6. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu Phật học và nâng cao chất lượng học thuật Phật giáo. Tập trung nghiên cứu có định hướng, khẳng định và làm nổi bật tinh hoa, bản sắc của Phật giáo Việt Nam.

7. Tăng cường công tác giám sát, kiểm soát các hoạt động phật sự, quản lý tự viện, sinh hoạt của Tăng, Ni theo đúng Hiến chương GHPGVN và pháp luật Nhà nước.

8. Đẩy mạnh truyền thông Phật giáo như một kênh hoằng pháp và chuyển tải các hoạt động Phật sự vào đời sống xã hội nhằm nêu cao giá trị từ bi, trí tuệ của đạo Phật, hình ảnh tốt đẹp của Tăng Ni, Phật tử, của tổ chức GHPGVN các cấp trong sự nghiệp phụng đạo, yêu nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa.

9. Định hướng tự chủ tài chính trong các hoạt động Phật sự của

Giáo hội qua việc xây dựng mô hình kinh tế Phật giáo ở những lĩnh vực hợp lý. Khuyến khích phát triển kinh tế tự túc của các cơ sở tự viện. Kêu gọi Tăng Ni, Phật tử tích cực tham gia công tác từ thiện xã hội, hưởng ứng phong trào xóa đói giảm nghèo, chăm lo công tác an sinh xã hội cho cộng đồng xã hội.

### **GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN VÀ NÂNG TẦM VÓC CỦA**



## TỔ CHỨC GIAO HỘI, ĐÓNG GÓP HIỆU QUẢ, THIỆT THỰC BẰNG CÁC VIỆC LÀM CỤ THỂ TRONG CÔNG CUỘC ĐỒNG HÀNH CÙNG DÂN TỘC

Để thực hiện những mục tiêu trên thì GHPGVN cần thực hiện đúng theo tinh thần “*Duy tuệ thị nghiệp*”, đi đúng trên đôi chân của chính mình, có như vậy vai trò của GHPGVN mới được khẳng định hơn nữa, bằng nhiều cách:

Chú trọng đào tạo Tăng tài đáp ứng đủ số lượng, chất lượng phân bổ đồng đều trên cả nước. Để thực hiện được nhiệm vụ chiến lược đó đòi hỏi Giáo hội Phật giáo Việt Nam cần có tầm nhìn, có kế sách bài bản, đào tạo và sử dụng, khuyến tấn Tăng, Ni dẫn thân phụng sự đạo pháp; mặt khác phải dũng cảm gạt bỏ rào cản kỹ thuật, các tập quán cố hữu theo tư tưởng cục bộ để các Tăng, Ni trẻ có cơ hội cống hiến, dẫn thân phụng sự đạo pháp và dân tộc. Đây mạnh hoằng pháp, truyền thông bằng cách áp dụng các tiến bộ của khoa học để cho người dân nói chung đã có tín ngưỡng và yêu mến đạo Phật có cái hiểu chính tín về đạo Phật, biết ứng dụng triết lý đạo Phật vào cuộc sống mang lại lợi lạc và



Hoạt động từ thiện phải dựa trên tinh thần tứ vô lượng tâm “*từ, bi, hỷ, xả*”, “*thương người như thể thương thân*” để đạt được hiệu quả cao nhất. (Ảnh: sưu tầm)

hạnh phúc cho số đông nhân dân. Phát huy truyền thống và bản sắc của Phật giáo Việt Nam cần có sự thống nhất kinh sách, Việt hóa về Kinh điển, thống nhất về Nghi lễ trên toàn quốc để đảm bảo sự thống nhất và trang nghiêm của Phật giáo.

Hoạt động từ thiện phải dựa trên tinh thần tứ vô lượng tâm “*từ, bi, hỷ, xả*”, “*thương người như thể thương thân*” để đạt được hiệu quả cao nhất, tránh những hành vi trục lợi, làm hình ảnh thương hiệu, gây ảnh hưởng xấu đến Phật giáo. Việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí, hàng hóa do các cá nhân, tổ chức tài trợ cho công tác xã hội phải công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật và phục vụ công việc hiệu quả.

Đây mạnh hợp tác quốc tế về Phật giáo, đặc biệt là với các nước có truyền thống Phật giáo và có mối quan hệ truyền thống với dân tộc Việt Nam; đây mạnh quan hệ Phật giáo quốc tế, giữa

các Giáo hội và Tông môn, Pháp phái Phật giáo trên toàn thế giới, trong sứ mệnh phục vụ nhân sinh, thiết lập hoà bình. Giáo hội cũng sẽ khắc phục bệnh hình thức, quá chú trọng về phần Nghi lễ, hình tướng thì nay sẽ chú trọng hơn về hoằng pháp, giáo dục, văn hóa, truyền thông để Phật giáo đi vào đời sống có chiều sâu hơn, vững bền hơn.

Tin rằng những giải pháp phát triển đồng bộ trên đây một khi Giáo hội thực hiện thành công trên cơ sở nội lực tự sinh của tổ chức và sự giúp đỡ của các cơ quan ban ngành hữu quan của Nhà nước thì sẽ góp phần nâng tầm vóc của tổ chức Giáo hội, đóng góp hiệu quả, thiết thực hơn vào công cuộc phát triển đất nước, cụ thể cũng chính là nhiệm vụ và mục tiêu của tổ chức - GHPGVN vững vàng đường hướng “*Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa Xã hội*”.

### Chú thích:

\* HT. Thích Gia Quang: Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

40 NĂM  
MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

# Khái quát

# Quản trị hành chánh

trong tổ chức

# TRONG TỒ CHỨC

# Giáo hội Phật giáo Việt Nam

(Kỳ 1)



HT. THÍCH HUỆ THÔNG (\*)

Vào ngày 7/11/1981, tại Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ nhất, sự thống nhất của 9 tổ chức Giáo hội, tổ chức hội, hệ phái [1] đã thành lập nên Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN), tổ chức duy nhất đại diện cho Phật giáo Việt Nam với phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội” đã trở thành sự kiện có ý nghĩa lịch sử vô cùng trọng đại đối với Tăng, Ni, cư sĩ và đồng bào Phật tử Việt Nam. Trong suốt 40 năm hình thành và phát triển, Phật giáo nước nhà luôn được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, nhất là dưới sự lãnh đạo, điều hành của chư Tôn đức Hội đồng Trị sự GHPGVN, đã gặt hái những thành tựu to lớn trên các lĩnh vực công tác Phật sự, góp phần thiết thực vào đời sống văn hóa đạo đức và an sinh xã hội. Song, để đạt được những thành quả nhất định trong quá trình phụng sự đạo pháp và dân tộc, bên cạnh sự đoàn kết hòa hợp nhất quán trong mọi hành động và tâm huyết trí tuệ của chư Tôn đức, phải nói đến tầm quan trọng của chiến lược ổn định và phát triển, được cụ thể hóa bằng quản trị hành chánh Giáo hội và hoạt động quản trị hành chánh trong tổ chức GHPGVN. Nhằm cung cấp những thông tin cơ bản về quản trị hành chánh mang tính đặc thù của bài viết, chia làm hai phần: Phần một, nêu lên tầm quan trọng về tính pháp lý định hướng của Hiến chương; Phần hai, khái quát quản trị hành chánh trong tổ chức Giáo hội.





Chư Tôn Giáo phẩm Hội đồng Trị sự GHPGVN bấm nút khánh thành Trung tâm hành chánh điện tử tại Văn phòng II TUGH (Thiền viện Quảng Đức - TP. HCM) kết nối với Văn phòng I TUGH (Chùa Quán Sứ - Hà Nội). (Ảnh: Đăng Huy)

### HIẾN CHƯƠNG LÀ NỀN TẢNG CHIẾN LƯỢC ỔN ĐỊNH, PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA GHPGVN; KHẲNG ĐỊNH TÍNH PHÁP LÝ, ĐỊNH HƯỚNG CHO MỌI HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ CỦA GIÁO HỘI

Hiến chương GHPGVN là đạo luật cơ bản, chủ đạo trong hệ thống Giáo hội, nhằm ổn định thể chế, kiện toàn tổ chức, hoàn chỉnh bộ máy Giáo hội và các quan hệ xã hội phù hợp với phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”, đặt nền móng chế độ pháp lý, chi phối mọi hoạt động và phản ánh bản chất Giáo hội, quy định những vấn đề có tầm bao quát, quan trọng nhất. Vì vậy, nội dung Hiến chương luôn phản ánh và bao hàm các khía

canh, như tính chất Giáo hội, chế độ suy tôn, suy cử, các quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của Tăng Ni, Phật tử và hệ thống tổ chức bộ máy Giáo hội từ Trung ương đến địa phương. Chương XIII, Điều 68, ghi rõ: “*Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam là văn bản có giá trị pháp lý cao nhất của Giáo hội*” và “*Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cấp khi ban hành văn bản phải phù hợp với Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam*”. Điều này khẳng định, Hiến chương là văn bản duy nhất quy định sự thống nhất trọn vẹn với đầy đủ tiêu chí của một Giáo hội duy nhất, đại diện cho Tăng, Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước; thể hiện tính dân chủ, công bằng và tử chúng cùng chung lo Phật sự

trong ngôi nhà chung GHPGVN; thể hiện ý chí, quyền và nghĩa vụ của các thành viên Giáo hội dưới hình thức được cụ thể hóa bằng các điều khoản.

Hiến chương đã định hướng cho mọi hoạt động Phật sự, đó là “*Thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức; các truyền thống Hệ phái cũng như các pháp môn tu hành và phương tiện tu hành đúng Chánh pháp vẫn được tôn trọng, duy trì*”. Nội hàm Hiến chương mang tính bao quát tất cả các lĩnh vực của chủ thể tham gia GHPGVN, đó là những quan hệ cơ bản liên quan đến các lợi ích cơ bản các thành viên, cơ cấu tổ chức bộ máy Giáo hội, quyền và nghĩa vụ của các thành viên. Do vậy, về

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 1-11-2021 23

## 40 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

pháp lý, đặc tính Hiến chương là luật gốc, có hiệu lực pháp lý cao nhất và biểu hiện cụ thể như sau: Các quy định của Hiến chương là nguồn, là căn cứ pháp lý cho tất cả các quy phạm [2] khác trong hệ thống GHPGVN buộc phải tuân thủ; Các quy phạm khác khi tổ chức triển khai thực hiện không được mâu thuẫn với Hiến chương, mà phải hoàn toàn phù hợp với tinh thần và nội dung của Hiến chương; Tất cả các văn bản quy phạm của các cấp Giáo hội, cơ quan chuyên môn của Giáo hội được ban hành trên



“*Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam là văn bản có giá trị pháp lý cao nhất của Giáo hội*” và “*Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cấp khi ban hành văn bản phải phù hợp với Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam*” (Ảnh: phatgiao.org.vn)

cơ sở quy định của Hiến chương và để thi hành Hiến chương, khi ban hành văn bản không được mâu thuẫn với tinh thần và nội dung của Hiến chương; Tất cả cơ quan Giáo hội phải thực hiện chức năng của mình theo quy định của Hiến chương, sử dụng đầy đủ các quyền hạn, làm tròn nghĩa vụ, chức năng mà Hiến chương quy định; Tuân thủ và nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Hiến chương là nghĩa vụ mà mỗi thành viên phải thực hiện. Như vậy, đặc tính đầu tiên của Hiến chương đó là đặc tính đạo luật, đây là yếu tố quan trọng khẳng định tính pháp lý định hướng của Hiến chương, cũng chính là nền móng của quản trị hành chánh Giáo hội Phật giáo Việt Nam [3].

### **KHÁI QUÁT QUẢN TRỊ HÀNH CHÁNH TRONG TỔ CHỨC GIÁO HỘI** **Bộ máy và hệ thống hành chánh Giáo hội Phật giáo Việt Nam**

*Bộ máy Giáo hội Phật giáo Việt Nam:* Hoạt động quản trị hành chánh Giáo hội được vận hành bởi bộ máy GHPGVN, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng Trị sự cùng

với Ban Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN. Giáo hội là tổ chức lớn và duy nhất của Phật giáo Việt Nam, là tổ chức gồm nhiều cơ quan, cơ sở tự viện, Ban, Viện có tính chất, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn khác nhau, nhưng quan hệ mật thiết với nhau, tạo thành một thể thống nhất, được tổ chức và hoạt động theo những nguyên tắc chung theo Hiến chương GHPGVN tu chỉnh lần thứ VI quy định. Theo Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, bộ máy Giáo hội được chia thành 3 cấp:

\* Cấp Trung ương Giáo hội, cấp Tỉnh - Thành hội Phật giáo và cấp quận hội, huyện hội, thị hội, thành hội thuộc Tỉnh. Trong đó, cấp Trung ương GHPGVN: Gồm có 2 Hội đồng là Hội đồng Chứng minh và Hội đồng Trị sự. Trong đó, *Hội đồng Chứng minh là cơ quan lãnh đạo tối cao về đạo pháp và giới luật của GHPGVN. Hội đồng Chứng minh suy cử Ban Thường trực HĐCM để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của HĐCM giữa hai kỳ Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc;*

*giám sát và chứng minh các hoạt động Phật sự của các cấp Giáo hội. Ban Thường trực HĐCM gồm các chức danh: Đức Pháp chủ, chư vị Phó Pháp chủ, chư vị Giám luật, Chánh Thư ký, chư vị Phó Thư ký, chư vị Ủy viên Thường trực* [4]. Ban Thường trực Hội đồng Trị sự, đóng vai trò quản trị hành chánh Giáo hội, gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch Thường trực [5], các Phó Chủ tịch; Tổng Thư ký, Phó Tổng Thư ký [6] và các Trưởng Ban và Viện Trưởng, như Trưởng Ban Tăng sự, Trưởng Ban Giáo dục Tăng Ni, Trưởng Ban Hướng dẫn Phật tử, Trưởng Ban Hoằng pháp, Trưởng Ban Nghi lễ, Trưởng Ban Văn hóa, Trưởng Ban Kinh tế Tài chính, Trưởng Ban Từ thiện Xã hội, Trưởng Ban Phật giáo Quốc tế, Trưởng Ban Thông tin Truyền thông, Trưởng Ban Pháp chế, Trưởng Ban Kiểm soát, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 02 ủy viên Thủ quỹ và các ủy viên Thường trực.

\* Cấp tỉnh, thành: Gồm có Trưởng Ban Trị sự, Phó Trưởng

ban Thường trực, các Phó Trưởng ban, 01 Chánh Thư ký, 02 Phó Thư ký, các Trưởng Ban ngành với tên gọi cũng như tên gọi ở cấp Trung ương, nhưng chỉ có 01 thủ quỹ.

\* Cấp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh: Gồm có Trưởng Ban Trị sự, 01 Phó Trưởng ban Thường trực, 02 Phó Trưởng ban chuyên trách, các Trưởng ban chuyên ngành tương ứng với các Ban chuyên ngành của Ban Trị sự cấp tỉnh, 1 Thư ký, 2 Phó Thư ký, 1 Thủ quỹ và các Ủy viên Thường trực.

công pháp tối cao và duy nhất, nên Giáo hội luôn thể hiện giáo quyền trong đối nội và sự độc lập trong đối ngoại.

*Hệ thống hành chánh Giáo hội:* Theo Hiến chương (bản tu chỉnh lần thứ VI năm 2017), hệ thống hành chánh Giáo hội phân làm 3 cấp hành chánh, gồm: Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Ban Trị sự Giáo hội Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương; Ban Trị sự Giáo hội Quận, Huyện, Thị xã, Thành phố thuộc Tỉnh. Đối với các Ban, Viện Trung ương và Ban Trị sự

tới mục đích nhất định, đòi hỏi tổ chức Giáo hội phải hội đủ ba yếu tố: Tổ chức, uy tín quyền hành và biện pháp chế tài.

- **Tổ chức:** Trong quản lý, thì tổ chức là yếu tố đặc biệt quan trọng để tác động vào các quan hệ, hành vi ứng xử của các thành viên Giáo hội theo một trật tự, quỹ đạo, đạt tới mục đích nhất định. Yếu tố tổ chức thể hiện vị trí chủ động thực hiện các hành vi tác động, điều chỉnh trong mối quan hệ quản lý giữa Giáo hội (chủ thể quản lý) và các thành viên Giáo hội và Tăng, Ni, Phật

GHPGVN là một tổ chức được cấu thành từ 3 nhân tố quan trọng: **Yếu tố, chức sắc và tín đồ** cấu tạo thành Giáo hội rất quan trọng, vì chỉ có Giáo hội khi hiện hữu một tập thể tín đồ cùng các chức sắc, mới trở thành một tập thể duy nhất, có nguyện vọng chung, có cùng chung một quá trình thành lập Giáo hội, có một ý chí của một tập thể tiến tới đến một tổ chức hoàn hảo. **Yếu tố hệ thống tổ chức** là điều kiện để tín đồ và chức sắc cùng thực hiện niềm tin tôn giáo theo một tiêu chí nhất định, thực hiện các sinh hoạt và cùng thực hiện các hoạt động tôn giáo, có đầy đủ pháp nhân, pháp lý. **Yếu tố bộ máy Giáo hội** tức là hình thức và cơ cấu tổ chức Giáo hội, đây là quyền hạn được xác lập bởi một tập thể tín đồ và chức sắc trong một Giáo hội duy nhất, xác lập quyền lực của Giáo hội.

Như vậy, về pháp lý, Giáo hội là một pháp nhân công pháp, có quyền hạn về đối nội và đối ngoại theo cơ cấu và tổ chức; đồng thời là một pháp nhân,

các Tỉnh Thành, hoạt động hành chánh ngang dọc trong nội bộ Giáo hội đều phải thực hiện các Nghị quyết, chương trình hoạt động của Hội đồng Trị sự và của Ban Trị sự GHPGVN các cấp.

*Về hệ thống quản lý hành chánh Giáo hội:*

**a) Về quản lý trong sinh hoạt Giáo hội:** Thực tế trong sinh hoạt, tu học của các thành viên Giáo hội và Tăng Ni, Phật tử rất đa dạng, nếu bỏ qua yếu tố tự giác chấp hành giới luật và quy củ thiền môn thì khó kiểm soát hết được, do đó quản lý là một loại hoạt động rất cần thiết để điều hòa các mối quan hệ, triển khai các hoạt động Phật sự theo định hướng Giáo hội đề ra, chẳng hạn việc quản lý tại một ngôi chùa, vị trụ trì cũng phải thực hiện chức năng quản lý bằng những hoạt động cụ thể, mới có thể làm cho ngôi chùa ổn định và phát triển. Để việc quản lý các thành viên Giáo hội được thực hiện hiệu quả, có sự tác động tích cực vào các quan hệ, hành vi ứng xử của các thành viên Giáo hội theo một trật tự, một quỹ đạo, đạt

từ (đối tượng), đồng thời xác lập chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thiết lập thể chế và cơ chế quản lý; xác định phạm vi đối tượng tác động, hình thành hình thức và phương pháp quản lý.

**- Uy tín và quyền hành:** Yếu tố đầu tiên đó là uy quyền, người làm công tác quản lý bắt buộc phải có uy tín và quyền hành, gọi là uy quyền, uy quyền chính là thể hiện ý chí để điều khiển người khác phục tùng nhằm phục vụ mục đích cao cả của Giáo hội. Thời Phật tại thế, khi giáo đoàn thành lập, quyền uy cũng được thiết lập bằng sự chế tài thông qua giới luật, các đệ tử Phật được đảm bảo một cách bình đẳng trong tu học, tiếp thu tư tưởng giác ngộ giải thoát cho từng cá nhân hay tập thể thành viên Giáo đoàn. Ngày nay, các bậc Tôn túc được cộng đồng Tăng, Ni, Phật tử suy cử vào cương vị lãnh đạo, với phẩm chất đạo đức, năng lực và uy tín của mình, các bậc Tôn túc lãnh đạo Giáo hội đã tác động tích cực đến sự phát triển của đạo pháp, để quyền và lợi ích hợp pháp của các thành viên Giáo

## 40 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

hội và Tăng, Ni, Phật tử được đảm bảo. Như thế, quyền uy của Giáo hội được Tăng, Ni, Phật tử thiết lập và phổ thác thông qua các kỳ Đại hội, ở đó Tăng, Ni, Phật tử tin nhiệm giao phó trọng trách quản lý Giáo hội cho các bậc Tôn túc lãnh đạo Giáo hội. Uy quyền cũng được biểu hiện khách quan bằng cách đề ra các quy tắc ứng xử, quy định nhằm tác động lên ý chí, hành vi của cá nhân là thành viên Giáo hội, của Tăng, Ni, Phật tử, qua đó thiết lập, củng cố và duy trì trật tự trong nội bộ Giáo hội, đến sự phát triển của đạo pháp.

đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng Trị sự và chư Tôn đức Thường trực Hội đồng Trị sự; *Thứ hai* là các tổ chức trực thuộc của Giáo hội, bao gồm các Ban, Viện, Ban Trị sự GHPGVN tỉnh, thành, huyện, các Ban trực thuộc, ngoài ra còn có hệ thống tự viện và Tăng, Ni, Phật tử. Mọi hoạt động của Giáo hội đều thông qua bộ máy hành chánh, đảm nhận công việc tổ chức điều hành sinh hoạt của Giáo hội trên các lĩnh vực nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đối nội và đối ngoại.

*Chức năng quản lý hành chánh của Giáo hội:* Quản lý Tăng, Ni



**- Biện pháp chế tài:** Biện pháp chế tài là một hệ quả tất yếu khách quan phát sinh từ quá trình quản lý và là biện pháp quan trọng của quản lý, có tác dụng buộc các thành viên Giáo hội và Tăng, Ni, Phật tử phải tuân thủ ý chí của Giáo hội; sử dụng biện pháp chế tài có ý nghĩa tích cực khi nó được áp dụng đúng đối tượng, khách quan, theo những quy tắc chặt chẽ. Trong Điều 47, Hiến chương GHPGVN cũng nêu rõ: *“Đối với những Tăng, Ni vi phạm về giới luật, tùy theo mức độ vi phạm, ngành Tăng sự các cấp phối hợp cùng Ban Trị sự căn cứ luật Phật chế để xét xử và giải quyết...”*.

**b) Về quản lý hành chánh Giáo hội:** Hành chánh Giáo hội là một bộ phận đảm nhận các công việc liên quan đến thủ tục hành chánh, là thành phần quan trọng trong bộ máy điều hành; thi hành các chính sách và đường lối bằng các văn bản pháp lý. Hệ thống tổ chức nhân sự về hành chánh của Giáo hội có hai thành phần: Thứ nhất là bộ máy lãnh đạo Giáo hội,

và quản lý tự, viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường. Trung ương Giáo hội đã ban hành các loại văn bản quản lý hành chánh như: Hiến chương, Nội quy, Quy chế, Giáo chỉ... và các loại giấy tờ về mặt quản lý. Ban Trị sự GHPGVN cấp tỉnh, thực hiện chức năng quản lý Tăng, Ni, tự, viện tại địa phương, ban hành Thông bạch, Thông báo, các quyết định (theo Quy chế hoạt động Ban Trị sự GHPGVN cấp tỉnh). Mục tiêu của Giáo hội mang tính phụng sự đạo pháp và dân tộc, nêu rõ trong Chương II, Điều 6 Hiến chương: *“Mục đích của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là hoằng dương Phật pháp, phát triển Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong nước và ở nước ngoài, tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, phục vụ dân tộc, góp phần xây dựng hòa bình, an lạc cho thế giới”*. Chính mục đích cao cả ấy, ý nghĩa của hành chánh Giáo hội vì sự phát triển của tổ chức và lợi ích cộng đồng.

*Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chánh*



**Giáo hội:** Là định hướng mang tính chủ đạo trong quá trình tổ chức và hoạt động của bộ máy Giáo hội; được xác định trong Hiến chương và Nội quy các Ban - Viện Trung ương Giáo hội, như: Quy chế hoạt động Ban Thường trực Hội đồng Trị sự, Quy chế hoạt động Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp Tỉnh - Thành trực thuộc Trung ương, Nội quy các Ban - Viện Trung ương. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy GHPGVN được quy định trong Hiến chương, đó là quyền lực thuộc về tập thể, tập trung dân chủ, đoàn kết hòa hợp và nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Có 2 thành phần và 4 nhóm nguyên tắc, như sau:

**- Thứ nhất là nguyên tắc quyền lực thuộc về tập thể:** Nguyên tắc do tập thể quyết định vốn đã có từ



nguyên tắc quyền lực theo quy định Hiến chương cũng như giá trị truyền thống từ bao đời của Phật giáo tất cả thuộc về sự quyết định của tập thể.

**- Thứ hai là nguyên tắc tập trung dân chủ:** Nguyên tắc này bắt nguồn từ yêu cầu quản lý và điều hành các hoạt động Phật sự của Giáo hội, đồng thời nó bắt nguồn từ bản chất của Phật giáo (Yết ma và Tăng sai); Giáo hội trong quá trình quản lý và điều hành Giáo hội đòi hỏi phải có sự tập trung quyền lực, có tập trung quyền lực thì mới điều khiển được các sinh hoạt, tu học và triển khai, thực hiện các Phật



Hội nghị sinh hoạt Hành chánh Giáo hội là dịp để các Phật sự của Giáo hội được triển khai, thực hiện một cách đồng bộ và có hiệu quả, nhất là công tác triển khai Hiến chương Giáo hội; Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo; Quy chế hoạt động của Ban Trị sự GHPGVN cấp tỉnh và cấp huyện... (Ảnh: phatgiaobacninh.org.vn)

thời Đức Phật tại thế, đó là nguyên tắc Yết ma. Giáo hội Phật giáo Việt Nam kế thừa truyền thống đó, nên mọi hoạt động Phật sự đều do tập thể thảo luận và thông qua. Chẳng hạn, chương trình hoạt động Phật sự tại mỗi nhiệm kỳ đều do tập thể Đại biểu tham dự Đại hội Phật giáo toàn quốc thông qua; chương trình hoạt động hằng năm do tập thể Đại biểu thông qua tại các Hội nghị thường niên; hoặc thành viên Hội đồng Chứng minh và Pháp chủ do Đại hội suy tôn, Ủy viên Hội đồng Trị sự, Chủ tịch Hội đồng Trị sự và các chức danh khác cũng do Đại hội suy cử, và cấp tỉnh, thành, quận, huyện cũng thực hiện theo nguyên tắc này. Điều này cho thấy, Hội đồng Chứng minh, Hội

đồng Trị sự gồm thành viên xuất thân từ Tăng, Ni, Phật tử, đại diện ý chí và nguyện vọng của Tăng, Ni và Phật tử. Hội đồng Trị sự do Tăng, Ni, Phật tử suy cử, trực tiếp giao quyền lực cho Giáo hội để thay mặt Tăng, Ni, Phật tử thực hiện những quyền lực đó, vì vậy, Tăng Ni, Phật tử được coi là đã sử dụng quyền lực Giáo hội thông qua Hội đồng Trị sự và Ban Trị sự các cấp. Đáng lưu ý là để sử dụng quyền lực Giáo hội một cách có hiệu quả, Hội đồng Trị sự và các cấp Giáo hội thành lập ra các cơ quan trực thuộc khác và trao cho những quyền lực Giáo hội nhất định, đồng thời giám sát các hoạt động đó. Thí dụ: Ban Tăng sự, Ban Giáo dục, Ban Hoằng Pháp, Ban Hướng dẫn Phật tử...; vì vậy

sự, mới thiết lập được một trật tự nhất định đối với tự viện, Tăng, Ni và Phật tử. Thí dụ: Lúc Phật còn tại thế thì mọi quyền lực tập trung về Đức Phật trong việc chế định giới luật, thuyết pháp... Như vậy, việc tập trung quyền lực là cần thiết, tuy nhiên phải dân chủ với các thành viên, vì Giáo hội là của Tăng, Ni, Phật tử. Nguyên tắc này đòi hỏi trong tổ chức và hoạt động bộ máy Giáo hội phải dựa trên 4 tiêu chí:

+ Giáo hội do Tăng, Ni, Phật tử xây dựng nên. Tăng, Ni, Phật tử thông qua suy tôn, suy cử để chọn những thành viên ưu tú, xứng đáng, thay mặt Tăng, Ni, Phật tử thực hiện quyền lực Giáo hội mà Tăng, Ni, Phật tử tin nhiệm giao phó, chịu trách nhiệm trước Tăng, Ni, Phật tử và phục vụ lợi ích của Tăng già.

+ Quyết định của Trung ương Giáo hội buộc cấp dưới, địa phương phải thực hiện. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, cấp dưới hoặc địa phương có quyền

## 40 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

phản ánh những kiến nghị với cấp trên, có quyền sáng tạo phù hợp với tình hình đặc điểm cơ quan và địa phương nhưng không trái chủ trương và chỉ đạo; mặt khác Trung ương Giáo hội phải hỗ trợ địa phương tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong khi thực hiện chủ trương, chỉ đạo của mình.

+ Những vấn đề quan trọng của các cấp Giáo hội phải được đưa ra thảo luận tập thể và quyết định theo đa số, buộc thiểu số phải thực hiện, song phía đa số phải lắng nghe ý kiến của thiểu số để rà soát, kiểm tra lại tính đúng đắn trong chủ trương, chỉ đạo của mình.

**- Thứ ba là nguyên tắc đoàn kết, hòa hợp:** Nguyên tắc này cũng bắt nguồn từ bản chất của Phật giáo, đây là những nguyên tắc xây dựng và phát triển Giáo hội, phù hợp với đặc thù của GHPGVN, được quy định trong Hiến chương 2018 tại điều 8, chương II: *"Thành phần của Giáo hội Phật giáo Việt Nam gồm các Tổ chức, Hệ phái Phật giáo Việt Nam, Tăng, Ni và Cư sĩ thuộc các Tổ chức, Hệ phái Phật giáo Việt Nam đã hợp nhất hình thành Giáo hội Phật giáo Việt Nam và chấp*

**- Thứ tư là nguyên tắc tuân thủ tổ chức:** Gồm các yếu tố sau:

+ Giáo hội phải ban hành các chế định bằng văn bản một cách kịp thời để điều chỉnh các quan hệ đang và sẽ xảy ra nhằm thiết lập trật tự phù hợp với ý chí Giáo hội. Các chế định bằng văn bản do các cơ quan Giáo hội ban hành phải đúng thẩm quyền và mang tính cách đồng bộ trên cơ sở lấy Hiến chương làm gốc; chế định của Giáo hội cấp dưới không được trái với chế định Giáo hội cấp trên; các chế định bằng văn bản của các cấp Giáo hội ban hành phải mang tính thực thi, bắt nguồn từ thực tế và có khả năng thực hiện được.

Hoạt động quản trị hành chánh Giáo hội từng bước làm thay đổi bộ mặt Phật giáo nước nhà

+ Hội đồng Trị sự là cơ quan quyền lực của Giáo hội, những vấn đề quan trọng đều phải được lấy ý kiến của các thành viên Giáo hội. Chẳng hạn, sửa đổi Hiến chương Giáo hội lần thứ VI năm 2018, chương trình hoạt động Phật sự nhiệm kỳ VII (2012 - 2017) đều được lấy ý kiến rộng rãi trong các thành viên, Tăng, Ni và Phật tử. Thông qua việc lấy ý kiến, Giáo hội hiểu rõ thực tế và tâm tư nguyện vọng của Tăng, Ni, Phật tử để có quyết sách đúng đắn, phù hợp với ý chí của Tăng, Ni và Phật tử. Tập trung và dân chủ là hai mặt của một thể chế thống nhất, kết hợp hài hòa với nhau; nếu thiên về tập trung mà không chú trọng đến dân chủ sẽ dẫn đến tập trung quan liêu, độc đoán trái với bản chất của Phật giáo; ngược lại, nếu thiên về dân chủ mà coi nhẹ tập trung sẽ dẫn đến tình trạng phá rào xảy ra, làm mất ổn định trong hoạt động của bộ máy Giáo hội.

theo chiều hướng tích cực, đó là sự thay đổi toàn diện, từ việc tu chỉnh Hiến chương Giáo hội qua từng nhiệm kỳ, từng bước cải cách cơ cấu tổ chức nhân sự, phương thức hoạt động cho đến việc nâng cao chất lượng Phật sự và hiệu quả tu học của Tăng Ni Phật tử.

*nhận bản Hiến chương này”.* Nguyên tắc này thể hiện sự độc đáo trong tổ chức và hoạt động của bộ máy GHPGVN. Trong các hoạt động, các cơ quan Giáo hội luôn vì lợi ích của Tăng, Ni, Phật tử, bảo đảm sự bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa các tổ chức, hệ phái. Giáo hội luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho các tổ chức, hệ phái thành viên phát triển đồng bộ về mọi mặt, từ vật chất đến tinh thần, đồng thời cũng xử lý những trường hợp gây chia rẽ trong nội bộ Giáo hội, làm phương hại đến uy tín và sự nghiệp thống nhất Phật giáo Việt Nam.

+ Tất cả cơ quan Giáo hội, cán bộ Giáo hội và Tăng, Ni, Phật tử phải tuân thủ Hiến chương và các chế định khác một cách nghiêm túc. Đặc biệt là các cơ quan Giáo hội phải được tổ chức và hoạt động theo quy định của luật Phật, pháp luật và Hiến chương; chức sắc Giáo hội phải gương mẫu trong việc thực thi Hiến chương và pháp luật, không được cho phép mình “Vượt rào” để làm trái Hiến chương và pháp luật.

+ Các cấp Giáo hội phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực thi Hiến chương và các chế định khác bằng văn bản. Tất cả cơ quan Giáo hội trong phạm vi có thẩm quyền phải kiểm tra, giám sát việc thực thi Hiến chương và các chế định khác bằng văn bản; kịp thời xử lý những hành vi, vi phạm Hiến chương và các chế định. Việc xử

lý kịp thời và nghiêm chỉnh có tác dụng rất lớn đến công tác phòng ngừa vi phạm, giáo dục để làm trang nghiêm Giáo hội.

+ Tuyên truyền, giáo dục ý thức chấp hành các chế định của Giáo hội; tuyên truyền, giáo dục là trách nhiệm của tất cả cơ quan Giáo hội các cấp. Cơ quan Giáo hội các cấp đều có trách nhiệm tuyên truyền, giải thích các chế định của Giáo hội để tự viện, Tăng, Ni, Phật tử biết được nội dung, ý nghĩa của các chế định, trên cơ sở đó biết được những hành vi được phép làm và những hành vi không được phép làm để tránh sự vi phạm các chế định cũng như bảo vệ những quyền và lợi ích hợp pháp của mình và của

Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII nhiệm kỳ 2017 – 2022, chư Tôn đức Hội đồng Trị sự đã thống nhất phương châm “Trí tuệ - Kỳ cương - Hội nhập - Phát triển”, qua đó tập trung vào các mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn nhân sự, cải tiến phương thức điều hành nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh thời hội nhập, điều này chứng minh quản trị hành chánh trong tổ chức Giáo hội đã đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc cống hiến trí tuệ cho sự nghiệp xướng minh Phật pháp và phát triển thời hội nhập.

**- Vai trò phát huy tính nhất quán trong hệ thống tổ chức Giáo hội và tăng cường sự đoàn**

chốt đòi hỏi mọi thành viên Giáo hội phải tuân thủ, đó là yếu tố cần thiết cho sự ổn định và phát triển. Trên phương diện hình thức, Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng có bộ máy Hội đồng quản trị hành chánh gọi là Hội đồng Trị sự Trung ương và Hiến chương Giáo hội với những điều khoản, luật định rất cụ thể, làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động của các thành viên trong ngôi nhà Giáo hội.

Về bản chất, trên tinh thần tự nguyện tự giác, người xuất gia đều nghiêm trì giới luật và tự giác tuân thủ Hiến chương, chấp hành những quy định trong Giáo hội và pháp luật Nhà nước. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khách quan từ nhịp sống thời đại và do yếu tố chủ

Giáo hội.

## VAI TRÒ QUẢN TRỊ HÀNH CHÁNH TRONG TỔ CHỨC GIÁO HỘI

*Vai trò công hiến trí tuệ qua việc nâng cao tính hiệu quả Phật sự và chất lượng tu hành trong sinh hoạt Giáo hội:* Hoạt động quản trị hành chánh Giáo hội từng bước làm thay đổi bộ mặt Phật giáo nước nhà theo chiều hướng tích cực, đó là sự thay đổi toàn diện, từ việc tu chỉnh Hiến chương Giáo hội qua từng nhiệm kỳ, từng bước cải cách cơ cấu tổ chức nhân sự, phương thức hoạt động cho đến việc nâng cao chất lượng Phật sự và hiệu quả tu học của Tăng, Ni Phật tử. Đạt được kết quả này chính là nhờ vào sự tập trung trí tuệ của chư Tôn đức Hội đồng Trị sự. Điều này cho thấy quản trị hành chánh đóng vai trò công hiến trí tuệ rất quan trọng cho sự phát triển Phật giáo nước nhà qua từng thời kỳ phát triển. Cụ thể, tại Đại hội đại biểu

## kết hòa hợp trong sinh hoạt

**Giáo hội:** Kể từ ngày thành lập, trải qua 8 nhiệm kỳ, Giáo hội đã đạt được những thành tựu khả quan trên nhiều phương diện. Tuy nhiên, thời kỳ đầu thành lập, để có được sự gắn kết keo sơn trong toàn hệ thống Giáo hội, trước tiên phải nói đến quyết tâm cao của chư Tôn đức trong Hội đồng Trị sự, các ngài đã luôn sâu sát kịp thời hóa giải mọi sự ngộ nhận bất đồng tạo nên sự nhất quán về tư duy hành động. Từ đó trở đi đã tạo nên sự nhất quán cao, gắn kết mật thiết trong toàn hệ thống tổ chức Giáo hội, có thể nói, quản trị hành chánh đã thể hiện thành công vai trò tăng cường sự đoàn kết hòa hợp, phát huy tính nhất quán, góp phần quan trọng cho sự nghiệp ổn định và phát triển bền vững của Giáo hội.

**- Vai trò giữ vững kỷ cương trong sinh hoạt Giáo hội:** Giữ gìn giới luật và kỷ cương là trách nhiệm chung và là vấn đề then

quan từ một bộ phận người xuất gia vẫn chưa tự giác trong đời sống tu hành, nhất là đối với giới Tăng, Ni trẻ tuổi, do đó, trước yêu cầu phát triển bền vững của Giáo hội, Hội đồng Trị sự Trung ương và Ban Trị sự các cấp ban hành các biện pháp chế tài, đặc biệt là Nội quy Ban Tăng sự, nhằm giữ vững kỷ cương, ổn định sinh hoạt Giáo hội, làm nền móng cho công cuộc xây dựng và phát triển Giáo hội, điều này cho thấy, quản trị hành chánh trong tổ chức Giáo hội thể hiện vai trò giữ vững kỷ cương rất nghiêm túc.

**- Vai trò chủ thể trong đối nội và đối ngoại:** Bộ máy lãnh đạo Giáo hội [7] giữ vai trò chủ thể then chốt trong toàn bộ hệ thống quản lý và điều hành của Giáo hội, đồng thời xác lập giáo quyền và bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của các thành viên trong ngôi nhà Giáo hội. Vai trò chủ thể của Hội đồng quản trị hành chánh Giáo hội được thể hiện trong mọi công

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 1-11-2021 29

## 40 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

tác Phật sự, đối nội và đối ngoại như sau:

+ *Vai trò chủ thể trong hoạt động nội bộ:* Trong Chương V (Hội đồng Trị sự), Điều 19, Hiến chương (Bản tu chỉnh lần thứ 6) nêu rõ: “*Hội đồng Trị sự là cơ quan điều hành, quản lý hành chánh cao nhất của Giáo hội Phật giáo Việt Nam về mọi mặt hoạt động giữa hai nhiệm kỳ*”, điều này nói lên vai trò chủ thể của Hội đồng Trị sự trong quản trị hành chánh Giáo hội [8]. Ngoài ra, Hội đồng Trị sự là cơ quan duy nhất giữ quyền phát ngôn của Giáo hội, có trách nhiệm về nội dung phát ngôn do các cơ quan, cá nhân trong Giáo hội thực hiện; quản lý hoạt động thông tin truyền thông có liên quan đến Giáo hội;

sung vào các chức vụ bị khuyết thuộc thẩm quyền suy cử của Hội đồng Trị sự; tổng hợp ý kiến của chư Tăng, Ni, cư sĩ Phật tử thành viên Giáo hội để phản ánh đến cơ quan có thẩm quyền về chủ trương, chính sách pháp luật liên quan đến hoạt động tôn giáo; thể hiện các quyền và nhiệm vụ khác được Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh ủy quyền hoặc có quy định trong Hiến chương và các văn bản liên quan [9]... Qua đó cho thấy vai trò chủ thể của quản trị hành chánh Giáo hội đối với toàn bộ công tác đối nội của Giáo hội và chi phối lên mọi hoạt động của các thành viên trong ngôi nhà Giáo hội.

+ *Vai trò chủ thể trong hoạt động đối ngoại và quan hệ quốc tế* [10]: Nhờ sự lãnh đạo, điều hành năng động của chư Tôn đức Hội đồng Trị sự, đến nay Phật giáo Việt Nam đã có mặt và phát triển ở nhiều nước trên thế giới, như: Đức, Ba Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản... chư Tăng, Ni trụ trì những nơi này đều thừa hành công tác Phật sự dưới sự lãnh đạo quản lý điều hành của Hội đồng Trị sự GHPGVN. Mặt khác, các sự kiện của Phật giáo diễn ra hằng năm ở nước ngoài, Hội đồng Trị sự luôn đặc phái chư Tôn đức kết hợp với Tăng, Ni trụ trì những nơi này triển khai Phật sự, từ mối liên kết chặt chẽ này đã tạo điều

có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc xử lý các tổ chức, cá nhân phát ngôn, thông tin truyền thông có nội dung xuyên tạc, thiếu chính xác, thiếu khách quan liên quan đến đạo Phật nói chung, và đến tổ chức Giáo hội các cấp và các thành viên; đề nghị cơ quan Nhà nước xử lý đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Giáo hội vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của cơ sở tự viện và thành viên Giáo hội; kiểm tra, xử lý các vi phạm Giáo luật, Hiến chương, Quy chế, Nội quy và các quy định khác của Giáo hội; phê chuẩn kế hoạch, chương trình hoạt động Phật sự của Ban, Viện Trung ương, Văn phòng Trung ương Giáo hội, các tổ chức cơ sở, thành viên trực thuộc Trung ương và GHPGVN cấp tỉnh; đề nghị Ban thường trực Hội đồng Chứng minh tán phong trước kỳ hạn trong trường hợp đặc biệt cần thiết đối với nhân sự bổ



Tại các diễn đàn Phật giáo quốc tế và các sự kiện trọng đại của Phật giáo mang tính toàn cầu, chẳng hạn như Đại lễ Phật đản Liên Hiệp Quốc, Hội đồng Trị sự luôn là một thành phần quan trọng của các Đại hội và là chủ thể đứng đầu đại diện hợp pháp của Phật giáo Việt Nam trên trường quốc tế. (Ảnh: Internet)

kiện thuận lợi để Phật giáo Việt Nam ngày càng phát triển ở hải ngoại, đóng góp rất nhiều vào việc giới thiệu hình ảnh và con người Việt Nam, tăng cường mối quan hệ hữu nghị thân thiện giữa Phật giáo Việt Nam và Phật giáo các nước trên thế giới... Ngoài ra tại các diễn đàn Phật giáo quốc tế và các sự kiện trọng đại của Phật giáo mang tính toàn cầu, chẳng hạn như Đại lễ Phật đản Liên Hiệp Quốc, Hội đồng Trị sự luôn là một thành phần quan trọng của các Đại hội và là chủ thể đứng đầu đại diện hợp pháp của Phật giáo Việt Nam trên trường quốc tế, điều này cho thấy Hội đồng Trị sự đóng vai trò chủ thể then

chốt trong mọi sinh hoạt của Giáo hội ở trong và ngoài nước.

**- Vai trò quyết định trong việc ban hành các văn bản quan trọng của Giáo hội:** Trong Chương III (Nguyên tắc hoạt động và hệ thống tổ chức), ở Điều 10, Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, nêu rõ nguyên tắc lãnh đạo của Giáo hội "*Giáo hội lãnh đạo trên nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số và thống nhất hành động*"... Theo đó, dù thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, nhưng yếu tố quyết định vẫn là Ban Thường trực Hội đồng Trị sự và người chịu trách nhiệm với quyết định này là Chủ tịch Hội đồng Trị sự. Trải qua 8 nhiệm kỳ lãnh đạo, tổ chức, điều hành, Hội

[2] Các văn bản quy phạm khác thường chỉ hướng đến các mối quan hệ thuộc một lĩnh vực nhất định, như Nội quy Ban Tăng sự, Ban Giáo dục Tăng Ni,...

[3] Đề sáng tỏ tính pháp lý định hướng cho mọi hoạt động Phật sự, có thể tham khảo một số điều trong Hiến chương (bản được tu chỉnh lần thứ VI): Điều 6, 7, 8, 9 Chương II (Mục đích - Thành phần); Điều 10, 11 Chương III (Nguyên tắc hoạt động và hệ thống tổ chức); Điều 19, 20, 21, 22 Chương V (Hội đồng Trị sự) và điều 68 Chương XIII (Hiệu lực của Hiến chương và sửa đổi Hiến chương).

[4] Trích điều 15, chương IV, Hiến chương GHPGVN, tu chỉnh lần thứ IV.

[5] Do đặc thù của Việt Nam có hai miền, nên suy cử 2 Phó Chủ tịch Thường trực.

[6] Do có 2 văn phòng, nên cơ cấu 2 Phó Tổng Thư ký kiêm Chánh Văn phòng - Văn phòng Trung ương (VP1) đặt tại chùa Quán Sứ, Hà Nội; Văn phòng Thường trực (VP2) đặt tại Thiền viện Quảng Đức, TP. HCM.

[7] Có thể hiểu đó là Hội đồng quản trị





đồng Trị sự luôn được sự đồng tình nhất trí cao của toàn hệ thống tổ chức. Chính sự phát triển bền vững của Giáo hội đã minh chứng hùng hồn về vai trò quyết định của Giáo hội trong các hoạt động Phật sự, nhất là việc các Thông tri, Nghị quyết, Quyết định quan trọng của Giáo hội lần lượt ra đời làm khuôn phép cho mọi hoạt động của các thành viên Giáo hội.  
(*còn tiếp*)

**Chú thích:**

\*HT. Thích Huệ Thông - Phó Tổng Thư ký kiêm Chánh Văn phòng 2 Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

[1] 9 tổ chức Giáo hội, hội, hệ phái Phật giáo đã thống nhất thành lập GHPGVN, gồm: Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam, Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất, Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam, Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam, Ban liên lạc Phật giáo Yêu nước TP. HCM, Giáo hội Thiên Thai giáo Quán Tông, Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam, Hội đoàn kết Sư sãi Yêu nước Tây Nam Bộ, Hội Phật học Nam Việt.

nann cnaaa Giao nọi.

[8] Quý vị tham khảo Chương V (Hội đồng Trị sự), Điều 19, Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (bản tu chính lần thứ VI).

[9] Vai trò quản trị hành chánh Giáo hội, thông qua các nhiệm vụ của của Ban Thường trực Hội đồng Trị sự, được thể hiện rất rõ trong Chương V (Hội đồng Trị sự), Điều 19, Hiến chương GHPGVN (bản tu chính lần thứ VI) và được xác định ở Điều 4 trong văn bản Quy chế hoạt động Ban Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN do Hòa thượng Chủ tịch Hội đồng Trị sự ký quyết định ban hành vào ngày 5/9/2018.

[10] Hiến chương GHPGVN (bản tu chính lần thứ VI) Chương V, Điều 24, nêu rõ: "*Chủ tịch Hội đồng Trị sự là người thay mặt Giáo hội Phật giáo Việt Nam về mặt pháp lý trong các mối quan hệ của Giáo hội Phật giáo Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài*". Điều 8 (Quy chế hoạt động Ban Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN), nêu rõ nhiệm vụ quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Trị sự với công tác đối ngoại: "*Thay mặt Giáo hội Phật giáo Việt Nam về mặt pháp lý và các mối quan hệ đối nội, đối ngoại ở trong và ngoài nước và giữ vai trò phát ngôn chính thức của Giáo hội*".

40 NĂM  
MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

**Một vài đóng góp  
của  
Phật giáo Việt Nam  
đối với**

# văn hóa dân tộc



VŨ CHIẾN THẮNG\*

Trong bối cảnh hiện nay, khi Đảng, Nhà nước đang ra sức đẩy mạnh toàn diện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, việc phát huy những giá trị văn hóa của Phật giáo cho công cuộc xây dựng đất nước có ý nghĩa hết sức quan trọng.

32 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 1-11-2021



Trong bài viết này, tác giả chỉ đề cập đến đóng góp của Phật giáo đối với văn hóa dân tộc, mặc dù về vấn đề này đã có nhiều nghiên cứu, bài viết ở các khía cạnh khác nhau, tuy nhiên, tác giả tiếp tục đề cập với mong muốn nhấn mạnh thêm những đóng góp của Phật giáo (Ảnh: Tư liệu)

### 1. Dẫn nhập

Phật giáo du nhập vào Việt Nam từ những thế kỷ đầu Công

tham gia tích cực vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước thông qua các hoạt động tôn giáo

Trong bài viết này, tác giả chỉ đề cập đến đóng góp của Phật giáo đối với văn hóa dân tộc, mặc

nguyên, trong hơn 2.000 năm tồn tại và phát triển, từ một tôn giáo ngoại nhập, Phật giáo đã được bản địa hoá, trở thành một thành tố không thể thiếu của nền văn hoá Việt Nam. Trong suốt chiều dài lịch sử và cho đến hiện tại Phật giáo luôn gắn bó, đồng hành cùng dân tộc và là điểm tựa tinh thần không thể thiếu của các tầng lớp nhân dân.

Năm 1981, Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) được thành lập trên cơ sở hợp nhất 9 tổ chức, hệ phái [1], thể hiện tinh thần đoàn kết của Phật giáo, mối tương quan giữa Phật giáo và Dân tộc được kết tinh trong phương châm hành đạo “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”. Trải qua 40 năm Phật giáo Việt Nam hoà hợp, thống nhất, tiếp nối truyền thống tốt đẹp của Phật giáo Việt Nam, GHPGVN

theo đúng quy định của giao luật và pháp luật, các hoạt động quan hệ đối ngoại, giao lưu quốc tế, vận động hòa bình, giữ gìn đạo đức xã hội, phát huy truyền thống văn hóa của dân tộc. GHPGVN là thành viên tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, phát huy vai trò tiên phong trong xây dựng khối đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, tích cực ủng hộ, tham gia vào thúc đẩy các nghị trình phát triển của đất nước, như: Tham gia các phong trào thi đua yêu nước; thực hiện nếp sống đạo đức, văn hóa; xây dựng nếp sống văn hóa ở cơ sở, bảo vệ môi trường, an sinh xã hội. Từ khi thống nhất trong một tổ chức chung, Phật giáo Việt Nam lại càng có cơ hội phát triển, xiển dương và có nhiều đóng góp hơn trong xây dựng và phát triển đất nước được thể hiện trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội.

đu về van de nay đã có nhiều nghiên cứu, bài viết ở các khía cạnh khác nhau, tuy nhiên, tác giả tiếp tục đề cập với mong muốn nhấn mạnh thêm những đóng góp của Phật giáo. Đặc biệt từ khi GHPGVN được thành lập, những đóng góp theo phương châm “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”, đã góp phần làm lành mạnh các quan hệ xã hội, thực sự trở thành một nguồn lực xã hội, thể hiện trách nhiệm của Phật giáo, GHPGVN đối với quốc gia, dân tộc, đồng thời góp phần thực hiện chủ trương xây dựng nền văn hóa Việt Nam vừa tiên tiến vừa đậm đà bản sắc như Nghị quyết lần thứ 5 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VIII) [2] đã nêu trước những thách thức của quá trình hội nhập, toàn cầu hóa hiện nay.

## 40 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG



Trong suốt chiều dài lịch sử và cho đến hiện tại Phật giáo luôn gắn bó, đồng hành cùng dân tộc và là điểm tựa tinh thần không thể thiếu của các tầng lớp nhân dân.

Phải nói thêm rằng, Phật giáo được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau, đó là một Phật giáo mang tính cách tổ chức với đại diện là Giáo hội Phật giáo Việt Nam, hoặc là một Phật giáo mang tính cách là một tôn giáo, và vẫn trong

đức dân tộc Việt. Văn hóa Phật giáo đã hòa vào dòng chảy của văn hóa dân tộc, trở thành một nhu cầu tâm linh không thể thiếu trong đời sống của đại bộ phận người dân. Những triết lý, giáo lý và giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của Phật giáo phù hợp với văn

### 2.1. Trong lĩnh vực văn hóa vật thể

Bất kể tôn giáo nào hiện diện ở Việt Nam cũng xây dựng cho mình những giáo đường và Phật giáo cũng không ngoại lệ, Phật giáo đưa đến cho văn hóa Việt một nền kiến trúc chùa, tháp phong phú, kiến trúc là văn hóa, sự phát triển của kiến trúc đánh dấu bước tiến của văn minh. Phật giáo Việt Nam là một mắt xích trong việc xây dựng, gìn giữ kiến trúc văn hóa nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc và hội họa. Ngôi chùa Việt là nơi hội tụ đầy đủ giá trị lịch sử, văn hóa nghệ thuật, là sản phẩm văn hóa vật thể và là không gian văn hóa truyền thống, gắn bó sâu sắc với đời sống tinh thần của người dân.

Hệ thống chùa, tháp Phật giáo hiện nay trải dọc theo chiều dài đất nước, từ thành thị đến thôn quê. Ngôi chùa đã trở nên gắn bó

Cách là một tôn giáo, vì vậy trong bài viết này sử dụng song song hai thuật ngữ Phật giáo và Giáo hội Phật giáo Việt Nam với hàm ý vừa là tôn giáo, vừa là tổ chức.

## 2. ĐÓNG GÓP CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM ĐỐI VỚI VĂN HÓA DÂN TỘC

Từ hơn 2.000 năm trước, Phật giáo đã du nhập, bén rễ, lan tỏa và hòa quyện trong đời sống dân gian của người Việt, tư tưởng vô ngã, vị tha, bình đẳng, từ bi đã thấm sâu vào tiềm thức của cư dân Việt qua các thế hệ, thực sự hòa làm một với dân tộc Việt, tạo nên nền văn hóa Việt đầy tính nhân bản và đậm đà bản sắc. Ở mỗi thời kỳ lịch sử, Phật giáo đều để lại những dấu ấn sâu đậm, góp phần quan trọng trong việc phát triển tư tưởng nền tảng của văn hóa, đạo

đức của Phật giáo phù hợp với văn hóa, đạo đức, lối sống và tính cách của người Việt trở thành nếp sống, thói quen sinh hoạt hàng ngày của người dân, giúp Phật giáo có vị trí vững vàng trong lòng dân tộc Việt. Từ khi GHPGVN được thành lập đến nay, nền văn hóa dân tộc cũng có những biến đổi, theo đó Phật giáo cũng có những vận động phù hợp với xu thế thời đại, bắt nhịp với quá trình hiện đại hóa của đất nước, dung hòa với đời sống tư tưởng và tinh thần hiện đại. Theo triết lý nhà Phật những thay đổi đó cũng là “tùy duyên”, Phật giáo hôm nay phổ độ chúng sinh nhiều hơn, cập nhật hơn với đời sống, vừa là thành tố của văn hóa vừa là giá trị văn hóa của nhân loại. Những đóng góp của Phật giáo Việt Nam đối với văn hóa dân tộc có thể khái quát trên các mặt sau:

và không thể tách rời của văn hóa Việt, bổ sung cho nền văn hóa những sắc màu mới, làm giàu, làm đẹp cho nghệ thuật kiến trúc, mỹ thuật, xây dựng và điều khắc của dân tộc. Ở mỗi vùng, miền kiến trúc chùa, tháp có những đặc điểm riêng, bởi chịu sự chi phối của môi trường, đời sống văn hóa tâm linh của người dân và từng điều kiện lịch sử cụ thể, nhưng tựu chung lại đều thể hiện kiến trúc điển hình của phương đông theo hình chữ “Đỉnh”, chữ “Tam”, chữ “Nhất” hoặc chữ “Công” và được Việt hóa để phù hợp, gần gũi với tâm thức của người Việt [3]. Các ngôi chùa thường được thiết kế hài hòa với môi trường xung quanh, hòa mình vào thiên nhiên, tạo nên những thắng cảnh, là vùng địa linh, nơi hội tụ khí thiêng của trời đất.

Chùa Phật giáo có từ thời Bắc thuộc, tuy nhiên ban đầu những ngôi chùa được hình thành dưới dạng thảo am [4]. Giai đoạn này nổi tiếng nhất là chùa Khai Quốc được hình thành thời Lý Nam Đế [5]. Đến thời Lý, Trần chùa Phật giáo mới được tu bổ và xây dựng mới, phân chùa thành ba loại: Đại danh lam, trung danh lam và tiểu danh lam. Đến thời Lê - Mạc, Nho giáo lên ngôi, Phật giáo lui về chốn dân gian, các thân vương quý tộc và tầng lớp quan lại bỏ tiền hoặc kêu gọi hưng công tín thí để xây dựng, tu bổ chùa chiền. Kết quả là nhiều ngôi chùa mới với kiến trúc trăm gian được mọc lên, nhiều ngôi chùa cũ được trùng tu xây dựng, mở mang kiến trúc khiến cho mặt bằng nhiều ngôi chùa thay đổi theo hướng mở rộng và quy mô hơn trước. Ngôi chùa trở thành thiết chế quan trọng, chiếm vị trí trung tâm và là nơi quản tụ văn hóa của làng, người dân hội họp, đi chơi hội hay các sinh hoạt văn hóa khác đều

người bình thường mang sự cảm thông cứu độ [6]. Đó chính là những tác phẩm nghệ thuật mang giá trị văn hóa, chứa đựng trong đó tâm hồn, tình cảm và triết lý sống của dân tộc.

Hiện nay GHPGVN có khoảng 19.000 cơ sở tự viện, nhiều cơ sở là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia hạng đặc biệt như: Chùa Hương, chùa Thầy (Hà Nội), chùa Keo (Thái Bình). Nhiều ngôi chùa là di tích cấp quốc gia như: Chùa Bối Khê, chùa Láng (Hà Nội), chùa Nghĩa Xá, chùa Cổ Lễ (Nam Định),... Nhiều ngôi chùa do dấu vết của thời gian đã bị xuống cấp được GHPGVN quan tâm trùng tu, tôn tạo, nhiều ngôi chùa mới được xây dựng để đáp ứng nhu cầu tâm linh của người dân như: Bái Đỉnh (Ninh Bình), Tam Chúc (Hà Nam),...

Hệ thống chùa, tháp Phật giáo chính là bảo tàng sống động,

### 2.2. Trong lĩnh vực văn hóa phi vật thể

Trên lĩnh vực văn hóa phi vật thể, Phật giáo cũng đã có những đóng góp lớn lao cho nền văn hóa dân tộc. Phật giáo đưa ra những nguyên lý nhận thức về thế giới và con người, với những giáo thuyết như: “Vô ngã”, “Vô thường”, “Nghiệp”, “Tứ diệu đế”, “Thân duyên”, “Thân quả”, “Luân hồi”,... Những triết lý cao siêu và với nền văn hóa bác học, tưởng chừng như Phật giáo khó thâm nhập vào đời sống tín ngưỡng bình dân của người Việt, nhưng hệ thống triết lý cao siêu đó lại rất gần gũi, thân thuộc, gần bó tự nhiên với bao lớp người Việt từ thành thị đến nông thôn, từ tầng lớp vua chúa quan lại đến các tầng lớp khác trong xã hội.

Nhìn lại lịch sử, Phật giáo du nhập trong điều kiện tín ngưỡng của người Việt rất đa dạng. Người Việt tin vào tín ngưỡng Hồn linh

diễn ra ở chùa. Nhiều ngôi chùa được xây dựng trong cảnh thiên nhiên hùng vĩ như: Chùa Hương (Hà Nội), chùa Đồng (Yên Tử, Quảng Ninh), chùa Thầy, chùa Bối Khê (Hà Nội), chùa Phật Tích (Bắc Ninh)... tạo nên những danh lam thắng cảnh nổi tiếng trong cả nước.

Trong chùa là cả một bảo tàng nghệ thuật, bao gồm hệ thống tượng pháp, các bức phù điêu, câu đối, bia ký, bản kinh khắc trên gỗ (mộc bản) thể hiện nghệ thuật điêu khắc bởi bàn tay tài hoa của người Việt. Những pho tượng được bài trí trong chùa khá đa dạng với nhiều phong cách nghệ thuật khác nhau, nhưng phần lớn đều thể hiện sự sống động, với nét mặt hiền hậu, khiêm tốn bình dị như từ hình ảnh của những con

vừa là thiết chế vật chất của Phật giáo vừa là trung tâm sinh hoạt văn hóa của làng, nơi hội tụ tinh hoa nghệ thuật, phản ánh tâm thức và đời sống tâm linh của người Việt. Trong mỗi thời kỳ lịch sử, sự hình thành những ngôi chùa phụ thuộc vào sự phát triển của Phật giáo và đời sống xã hội. Văn hóa vật thể của Phật giáo thể hiện qua các ngôi chùa, tháp chính là một thành tố trong kho tàng văn hóa Việt cần tiếp tục được GHPGVN bảo lưu, gìn giữ và phát huy giá trị trở thành những di sản văn hóa sống. Tinh thần Phật giáo thể hiện trong văn hóa vật thể qua những ngôi chùa, tháp đã thấm đẫm tâm hồn người Việt, góp phần tạo sự cân bằng cho xã hội và sự cân bằng cho đời sống tâm linh.

giáo đó là Vạn vật hữu linh, các vị thần được tôn thờ phổ biến là những vị thần tự nhiên: Thần sông, thần núi, thần đá, thần mây, thần mưa, thần sấm, thần chớp. Ngay từ buổi ban đầu ấy, Phật giáo đã có những dấu ấn về văn hóa, dung hợp với tín ngưỡng dân gian bản địa hình thành nên Phật Tử Pháp, để từ đó Phật giáo luôn gắn bó đồng hành cùng dân tộc. Tiếp nữa, thời kỳ Phật giáo du nhập, người Việt đã tiếp thu Nho giáo, Đạo giáo, với những cố gắng đồng hoá không ngừng nghỉ của chính quyền phong kiến phương Bắc như: Mở trường dạy chữ Nho, khuyến khích học thuật tu tiên của các đạo sĩ, nhiều tộc người đến cộng cư, hòa huyết nhằm mục đích Hán hoá. Tuy nhiên, trong cuộc tiếp thu văn hoá ấy rõ ràng

## 40 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

Phật giáo là hệ tư tưởng có ảnh hưởng lớn nhất nên đã có chỗ đứng vững chắc trong lòng xã hội Đại Việt. *“Trong thời Bắc thuộc, Phật giáo tuy chưa trở thành quốc giáo nhưng đã đóng vai trò như tôn giáo dân tộc để tham gia bảo vệ văn hóa, chủ quyền dân tộc của người Việt”* [7].

Đến thời Lý - Trần, Phật giáo trở thành nền tảng tư tưởng của dân tộc, đã góp phần tạo ra sắc thái riêng với những giá trị đặc trưng của nền văn hóa Việt. Tinh thần nhập thế của Phật giáo gắn bó sâu sắc với khát vọng độc lập dân tộc, với tinh thần yêu nước của nhân dân đã tạo nên xung lực cho sự phát triển của văn hóa dân tộc. Thông qua tinh thần nhập thế của các Thiền sư, tinh thần tự chủ, ý thức về tính độc lập, tự cường của dân tộc đã được khơi dậy mối liên kết giữa thần quyền và vương quyền chi phối đời sống tinh thần, Phật giáo trở thành hệ tư tưởng chính thống trong xây



Từ hơn 2.000 năm trước, Phật giáo đã du nhập, bén rễ, lan tỏa và hòa quyền trong đời sống dân gian của người Việt, tư tưởng vô ngã, vị tha, bình đẳng, từ bi đã thấm sâu vào tiềm thức của cư dân Việt qua các thế hệ, thực sự hòa làm một với dân tộc Việt, tạo nên nền văn hóa Việt đầy tính nhân bản và đậm đà bản sắc.

dựng quốc gia Đại Việt. Bên cạnh đó, hệ tư tưởng Phật giáo còn đóng góp cho nền văn hóa dân tộc những tác phẩm văn học giá trị với nhiều loại hình như văn xuôi tự sự, thơ thiền, các tác phẩm đều mang những giá trị triết lý nhân văn sâu sắc.

Từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX, Phật giáo Việt Nam phát triển trong điều kiện hoàn cảnh mới, các vương triều dựa vào Nho giáo để xây dựng đất nước, Phật giáo rời chốn cung đình lui về dân gian, lan tỏa sâu rộng trong tầng lớp bình dân, sinh hoạt Phật giáo trở thành những sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Văn hóa Phật giáo lấy lý tính làm chủ đạo, lấy sự giác ngộ để siêu thoát tâm linh,

với những triết lý cao siêu. Văn hóa Phật giáo đã chủ động tái cấu trúc [8], điều chỉnh, biến đổi để phù hợp và hòa vào đời sống tâm linh, đưa giáo lý Phật giáo gần gũi với tâm thức dân gian người Việt, tác động vào nhân sinh quan, thế giới quan, cũng như các chuẩn mực văn hóa, đạo đức của cư dân nông nghiệp.

Phật giáo không chỉ là tôn giáo thuần túy. Phật giáo chính là đạo đức, là trí tuệ, không chỉ góp phần hình thành tư tưởng khoan hòa nhân ái trong chính sách an dân, trị quốc của các vương triều mà còn góp phần định hình lối sống, phong tục, giá trị chuẩn mực văn hóa Việt. Phật giáo đã tham dự

vào cấu trúc văn hóa Việt. Với tư cách là thành tố văn hóa tinh thần, Phật giáo hướng đến giá trị con người, xây dựng xã hội an bình, với mục tiêu đem lại hạnh phúc và an lạc cho con người, đề cao lòng từ bi, vô ngã, vị tha, khuyến con người tu thân, tích đức, làm điều thiện tránh điều ác, làm lành tránh dữ, hướng con người tới ứng xử nhân văn, cao đẹp.

Tư tưởng vị tha hướng con người tới chân - thiện - mỹ đã góp phần bồi đắp và làm phong phú thêm tâm hồn người Việt từ tầng lớp bình dân đến tầng lớp trí thức, vun bồi lòng nhân ái *“Thương người như thể thương thân”*, *“Là lành đùm lá rách”*, hình thành



các tập quán, thói quen như ăn chay, bố thí, phóng sinh. Các phạm trù Phật giáo như: *“Cứu nhân độ thế”*, *“Nhân quả”*, *“Nghiên báo”* *“Từ bi hỷ xả”*

Phật giáo Việt Nam là sự hòa hợp giữa Đạo với Đời, là sự hòa quyện giữa tư tưởng đạo Đức Phật giáo với tính cách, đạo đức của con người Việt Nam, đã làm sâu sắc hơn truyền thống văn hóa của dân tộc.

Trong đời sống hiện nay với muôn vàn khó khăn, thách thức, khoảng cách giàu, nghèo, nhiều vấn nạn trong xã hội gia tăng do ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường, mặt tích cực và tiêu cực của quá trình hiện đại hóa, công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế chính là nguyên nhân gây nên những nỗi *“khổ”* của con người. Tiếp nối những đóng góp của Phật giáo trong 2.000 năm qua, GHPGVN đã tiếp tục hoằng dương chính pháp, không ngừng xiển dương những giá trị văn hóa đạo đức tốt đẹp của Phật giáo, những di sản văn hóa vật thể và phi vật thể thông qua việc trùng tu, tôn tạo, xây mới chùa chiền, biên dịch, xuất bản kinh sách.

2019 với sự tham dự của đông đảo đại biểu quốc tế, các nguyên thủ quốc gia, người đứng đầu các tổ chức quốc tế, Tăng, Ni, Phật tử trong nước và trên thế giới. Đại lễ Vesak đã góp phần còn quảng bá hình ảnh, đất nước, con người Việt Nam; chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, chính sách đối ngoại rộng mở tới đông đảo bạn bè quốc tế, góp phần đấu tranh với những hoạt động lợi dụng tôn giáo của các cá nhân, tổ chức, các hoạt động tuyên truyền, xuyên tạc kích động chống phá Đảng, Nhà nước của các phần tử cực đoan. Đồng thời, thể hiện uy tín, vai trò của Việt Nam và Phật giáo Việt Nam trong hội nhập quốc tế.

Từ khi thành lập GHPGVN đến nay, đã có hàng nghìn kinh sách, ấn phẩm Phật giáo được phát hành. Chỉ tính riêng số ấn phẩm do nhà xuất bản Tôn giáo phát hành từ 2001 đến nay vào khoảng hơn 1.000 đầu sách, hơn 200 đầu văn hóa phẩm với hơn 3.000 ấn bản

đã không còn là của riêng Phật giáo mà đi sâu vào văn hóa Việt, đến nỗi người dân không phải là tín đồ Phật giáo nhưng vẫn thấm nhuần tư tưởng trên và trở thành một phần trong lễ sống của họ.

Tư tưởng từ bi của Phật giáo trở thành sức mạnh và động lực để đoàn kết tôn giáo, đoàn kết dân tộc trong quá trình đấu tranh bảo vệ tổ quốc và xây dựng đất nước. Tinh thần từ bi, khoan dung, cứu khổ, cứu nạn, tinh thần hy sinh vì quốc gia dân tộc kết hợp với lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam đã góp phần hình thành nên chủ nghĩa yêu nước và trở thành đặc trưng trong văn hóa Việt.

Hàng năm, tại các cơ sở tự viện Phật giáo đều diễn ra các lễ hội như: Lễ hội đầu xuân, Phật đàn, Vu Lan,... Những lễ hội này hiện đã không còn của riêng Tăng, Ni, Phật tử mà trở thành lễ hội của đông đảo quần chúng nhân dân. Nhiều lễ hội chùa trở thành lễ hội làng, vùng, miền, làm phong phú thêm kho tàng lễ hội văn hóa dân tộc, trở thành thiết chế tinh thần của nhân dân, góp phần xiển dương những giá trị tư tưởng, đạo đức tốt đẹp tới mỗi người dân Việt. Lễ Phật đàn đã trở thành lễ hội văn hóa, tôn giáo quốc tế của Liên Hợp Quốc. GHPGVN đã 3 lần được trao quyền đăng cai, tổ chức Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc vào các năm 2008, 2014,

[9], hệ thống truyền thông Phật giáo cũng không ngừng phát triển và hoạt động hiệu quả, đã truyền tải, lan tỏa những tư tưởng tốt đẹp, giáo lý Phật đà, những tinh hoa vi diệu của Phật pháp đến với quảng đại quần chúng, thúc đẩy sự phát triển của Phật giáo trong thời đại mới. Hiện GHPGVN có 8 đơn vị hoạt động trong lĩnh vực thông tin truyền thông có giấy phép của Bộ Thông tin và Truyền thông [10], ngoài ra có một số ấn phẩm nội san, nguyệt san, kênh truyền hình Phật giáo (An Viên), các chương trình Phật giáo do đài Truyền hình Việt Nam, đài VOV, VTC và truyền hình các tỉnh thực hiện, cùng hơn 500 trang web của các chùa phản ánh đời sống tâm

## 40 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

linh, tin tức Phật sự hàng ngày đến Phật tử; mỗi Tăng, Ni lại có tài khoản mạng xã hội phản ánh những hoạt động cá nhân và Phật sự khác,...

Đó là những minh chứng cụ thể cho việc hoằng dương Phật pháp, phát huy giá trị văn hóa Phật giáo, đóng góp cho văn hóa dân tộc trong thời kỳ mới, những đóng góp đó không chỉ trong giới Phật giáo mà còn lan tỏa sâu, rộng trong quảng đại quần chúng. Qua đó có tác dụng thiết thực cho việc xây dựng, bảo vệ và tạo nên bản sắc riêng cho nền văn hóa dân tộc trong tiến trình phát triển của đất nước, hướng đến một xã hội phát triển hài hòa và bền vững.

Tư tưởng minh triết và những giá trị nhân bản trong đạo đức, văn hóa của Phật giáo vận dụng trong đời sống hiện thực sẽ góp phần định hướng tư duy, điều chỉnh hành vi của cộng đồng xã hội, làm thức tỉnh lương tri của con người, giúp con người chủ động phòng ngừa cái ác, hướng tới cái

đoàn kết tôn giáo, đoàn kết dân tộc, trở thành sức mạnh tinh thần của dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

### 2.3. Trong đào tạo tầng lớp trí thức

Đức Phật dạy: “*Duy tuệ thị nghiệp*”, lấy trí tuệ làm sự nghiệp, người học Phật, tu Phật, lấy việc vun bồi trí tuệ làm sự nghiệp của mình. Kinh Pháp Hoa khẳng định mục tiêu mà Đức Phật hiện hữu trên cuộc đời này là “*Khai thị chúng sinh ngộ nhập Phật tri kiến*”. Thực hiện lời dạy và tiếp nối tinh thần của Đức Phật, Phật giáo Việt Nam trong lịch sử cũng như trong hiện tại luôn xác định đào tạo tầng tài, tầng lớp trí thức làm cơ sở cho việc giữ gìn mạch của Phật pháp và đóng góp vào công cuộc xây dựng quốc gia dân tộc. Vì thế, thời nào Phật giáo Việt Nam cũng có những vị cao tăng mẫu mực, đức cao, trí lớn, giữ vai trò hộ quốc, an dân.

Không thể phủ nhận, tầng lớp trí thức Việt đầu tiên là trí thức Phật

Lưu hiệu là Khuông Việt Đại sư, Pháp Thuận, Vạn Hạnh,... Họ là các vị Thiền sư quốc sư, giúp các vương triều đào tạo hiền tài [12], đều là những nhân vật Phật giáo tiêu biểu ở thời kỳ đầu độc lập tự chủ, tham vấn cho vua về tư tưởng trị nước, tham gia vào chính sự để xây dựng vương quyền [13]. Lý Thái Tổ - vị vua đầu tiên của triều Lý - được nuôi dưỡng tư tưởng bằng giáo lý Phật giáo, được dạy dỗ và lên ngôi vua cũng bởi chính giới tăng lữ Phật giáo. Dưới triều Lý - Trần, Phật giáo trở thành tôn giáo chủ lưu, các trí thức Phật giáo lại càng có điều kiện để đóng góp cho quốc gia dân tộc trên tinh thần hộ quốc, an dân. Các triều đại phong kiến tiếp nối Lê - Mạc - Nguyễn, Phật giáo có lúc hưng thịnh, lúc suy yếu nhưng với tinh thần “*Phật pháp bất ly thế gian pháp*”, Phật giáo ở các triều đại này đều có các bậc cao tăng đức cao trí lớn phò vua, giúp nước. Qua các triều đại phong kiến, Phật giáo đã phát huy những giá trị ưu việt, đào tạo đội ngũ Tăng sĩ trí thức mang tư

thiện, mang lại sự bình an, hạnh phúc cho người dân Việt.

Hiện, GHPGVN vận dụng khéo lý, khéo cơ đưa giá trị nhân văn của Phật giáo vào hiện thực cuộc sống, đồng hành cùng Đảng, Nhà nước và các cấp chính quyền trong công cuộc xây dựng xã hội mới, xã hội chủ nghĩa phát triển. Đồng thời, xây dựng con người mới có tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống nhân cách, trong quan hệ ứng xử với tự nhiên, với xã hội, hướng tới giá trị nhân văn chân - thiện - mỹ, đáp ứng yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần phát huy tinh thần

giáo. Người trí thức Phật giáo để lại tên tuổi là Pháp Hiền [11], ông là nhà Sư Việt đầu tiên mà sử sách còn ghi chép lại dưới thời Bắc thuộc khi Phật giáo mới được truyền vào vùng Dâu. Đất nước bước vào kỷ nguyên độc lập đã tạo đà cho Phật giáo phát triển và đào tạo tầng lớp trí thức cho quốc gia dân tộc. Tầng lớp trí thức đầu tiên mà Phật giáo đào tạo đều là những nhà Sư tinh thông Phật giáo, am tường Nho giáo và Đạo giáo, họ trở thành những nhân vật trụ cột trong việc giúp triều đình xây dựng đất nước. Những nhân vật Phật giáo tiêu biểu của tầng lớp trí thức thời kỳ quốc gia độc lập, như: Tăng thống Ngô Chân

tường yêu nước, hội nhập, gần bó mật thiết với đời sống xã hội, không có sự phân ly giữa đạo pháp và dân tộc, góp phần viết lên những trang sử vẻ vang cho dân tộc Việt Nam.

Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Phật giáo Việt Nam luôn kề vai, sát cánh cùng nhân dân đấu tranh giải phóng dân tộc. Thời kỳ này xuất hiện những trí thức Phật giáo sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc, với tinh thần “*Từ bi nãi sát sinh dĩ độ chúng sinh*”, nhiều Tăng, Ni đã phát nguyện “*Cởi áo cà sa khoác chiến bào*” tình nguyện nhập ngũ, cùng cả nước ra trận. Từ

## 40 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

chốn chùa chiền, những phong trào đấu tranh kiên cường, bất khuất chống lại chế độ độc tài Ngô Đình Diệm, có nhiều tấm gương sáng về sự quả cảm trong đó phải kể đến hành động phát nguyện tự thiêu đòi bình đẳng tôn giáo, dân sinh dân chủ và độc lập dân tộc của Hòa thượng Thích Quảng Đức và nhiều tấm gương sáng khác về phụng sự đạo pháp, phụng sự dân tộc trong tầng lớp trí thức Phật giáo. Ở khắp ba miền Bắc, Trung, Nam đều có những nhà Sư trí thức đứng lên vận động Tăng, Ni, Phật tử đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, tiêu biểu có những nhà Sư như: Phạm Thế Long, Thích Tâm An, Thích Thanh Chân, Thích Minh Nguyệt, Thích Trí Thủ, Thích Mật Thể,... Những nhà Sư trí thức Phật giáo thời kỳ này không chỉ đồng tâm, góp sức ủng hộ kháng chiến giành độc lập dân tộc mà còn hướng tín đồ tới cuộc đời tốt đẹp, xây dựng xã hội văn minh, giàu đẹp, đúng như tinh thần “*Ám thầm giữ gìn đạo mạch trong cơn bình lửa và ủng hộ Chính phủ kháng chiến Hồ Chí Minh*” [14].



Từ khi GHPGVN được thành lập luôn chú trọng, hoàn thiện và phát triển công tác đào tạo tăng tài, góp phần đào tạo trí thức cho xã hội. Giáo hội đã xây dựng, từng bước hoàn chỉnh và hệ thống hóa toàn diện từ hình thức đến nội dung trong các trường Phật học thuộc Giáo hội với nhiều bậc học, từ sơ cấp đến sau đại học. Trong điều kiện xã hội phát triển, trí thức nhân loại ngày một tăng cao, mục tiêu của GHPGVN trong việc đào tạo tăng lớp trí thức Phật giáo là có trình độ Phật học, thế học, có đủ giới đức, trí đức, tâm đức để chuyên hóa thân

Phật giáo không chỉ là tôn giáo thuần túy. Phật giáo chính là đạo đức, là trí tuệ, không chỉ góp phần hình thành tư tưởng khoan hòa nhân ái trong chính sách an dân, trị quốc của các vương triều mà còn góp phần định hình lối sống, phong tục, giá trị chuẩn mực văn hóa Việt.

tâm, thực hiện việc hoằng dương Phật pháp, lợi lạc quần sinh, tạo nguồn nhân lực phục vụ cho Giáo hội cho đất nước thời kỳ phát triển và hội nhập.

Tính đến tháng 12/2020, GHPGVN hiện có 48 cơ sở, gồm 4 Học viện Phật giáo được đặt ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam; 1 trường Cao Trung Phật học, 35 trường Trung cấp Phật học, 8 lớp

cao đẳng. GHPGVN đang từng bước hoàn thiện về cơ cấu cho các cơ sở đào tạo của Giáo hội cả về nhân sự, cơ sở vật chất, điều kiện giảng dạy, giáo trình,... mở rộng phạm vi đào tạo cả trong và ngoài nước, đã dần hình thành một nền giáo dục từ trung ương đến địa phương. Các cơ sở đào tạo của GHPGVN hoạt động ổn định, chất lượng đào tạo ngày một nâng cao, số lượng đội ngũ

## 40 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

trí thức ngày càng tăng, có sự liên kết nghiên cứu, giảng dạy và đào tạo Phật học với nhiều nước trên thế giới. Hiện GHPGVN giao cho Ban Giáo dục Tăng Ni biên soạn những bộ sách giáo trình cơ bản cho mỗi cấp học. Một trong những yêu cầu cơ bản trong giáo dục trí thức Phật giáo là sự tự thích nghi và tự phát triển, giúp người trí thức Phật giáo không chỉ có kiến thức, kỹ năng mà còn thích nghi với thời đại mới khi thực hiện việc dẫn thân. Trong giáo dục thực thi con đường Giới - Định - Tuệ, lấy sự phát triển tâm linh, đạo đức, thiền định làm mục tiêu cho mọi sinh hoạt.

Hiện nhiều trí thức Phật giáo không chỉ theo học ở trong các Học viện của GHPGVN, mà còn theo học thạc sĩ, tiến sĩ ở các học viện, các trường đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân để nâng cao trình độ khoa học. Số trí thức Phật giáo du học nước ngoài hiện nay cũng tăng cao giúp Phật giáo Việt Nam bắt nhịp được với sự phát triển của Phật giáo trong khu vực và trên thế giới. Đào tạo đội ngũ trí thức Phật giáo hiện nay là

giáo chủ yếu được thực hiện theo cách truyền thống, trong khuôn khổ sơn môn, pháp phái, không chỉ giáo dục kinh tạng, mà còn cả “thân giáo”, đó là việc dạy học từ chính đời sống tu hành của người thầy, người thầy là tấm gương để học trò học tập và nhìn thầy để rèn giũa, với cách giáo dục như thế đảm bảo một vị sư khi xuất hiện trước dân chúng đủ độ tin cậy và xứng đáng là người trí thức không chỉ của Phật giáo mà của cả xã hội. Giáo dục trước đây mang tính giáo dục truyền thống trong nhà chùa, chưa hình thành hệ thống giáo dục hiện đại như hiện nay, nhưng tựu chung lại giáo dục Phật giáo trong quá khứ và hiện tại đã đào tạo nên một tầng lớp trí thức Phật giáo chân chính, luôn hướng đến mục đích xây dựng cuộc sống tốt đẹp ngay tại thế gian theo tinh thần “*Phật pháp bất ly thế gian pháp*”.

### 3. KẾT LUẬN

Phật giáo còn tồn tại lâu dài trong xã hội. Trong bối cảnh hiện nay, khi Đảng, Nhà nước đang ra sức đẩy mạnh toàn diện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa,

[1] Chính tổ chức, hệ phái gồm: Hội Phật giáo thống nhất Việt Nam; Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất; Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam; Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam; Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước; Giáo hội Thiên thai giáo quán tông; Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam; Hội đoàn kết sư sãi yêu nước Tây Nam bộ; Hội Phật học Nam Việt.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam (1998), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[3] Chu Quang Trứ (2012), *Sáng giá chùa xưa. Mỹ Thuật Phật giáo*, Nxb. Mỹ Thuật, Hà Nội.

[4] Trần Lâm Biền (1996), *Chùa Việt*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.

[5] Viện Nghiên cứu Hán Nôm (2009), *Chùa Trấn Quốc khảo cứu và tư liệu Hán Nôm*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

[6] Trần Lâm Biền (1996), *Chùa Việt*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.

[7] Hoàng Thị Thơ, *Phật giáo với trách nhiệm dân tộc trong lịch sử và hiện nay*, Tạp chí Nghiên cứu Phật học, số 2/2010, tr.15.

[8] Đỗ Quang Hưng (2001), *Tài cấu hình đời sống tôn giáo ở Việt Nam hiện nay: Những thách thức về mặt pháp lý*, Tạp chí Khoa học Xã hội, số 7 (155), tr.59 - 71.

[9] Nguồn: Thông kê của Nhà xuất bản Tôn giáo, Ban Tôn giáo Chính phủ.

[10] Hiện GHPGVN có 8 đơn vị hoạt động trong lĩnh vực thông tin truyền thông được Bộ Thông tin & Truyền thông cấp

chất keo đảm bảo tính kế thừa, tính liên tục của truyền thống Phật giáo, đồng thời góp phần gìn giữ và tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc.

Như vậy, rõ ràng Phật giáo trong lịch sử và hiện tại đã, đang đào tạo một tầng lớp trí thức, các trí thức Phật giáo luôn mang tư tưởng yêu nước, ủng hộ cho nền độc lập dân tộc. Vai trò của các vị trí thức Phật giáo ảnh hưởng rõ nét đến tiến trình phát triển lịch sử của dân tộc. Tuy nhiên, trước khi GHPGVN được thành lập, công tác giáo dục đào tạo trí thức Phật

hội nhập quốc tế, việc phát huy những giá trị văn hóa của Phật giáo cho công cuộc xây dựng đất nước có ý nghĩa hết sức quan trọng. Điều đó không chỉ góp phần vào xây dựng đời sống tinh thần của nhân dân phong phú, lành mạnh, mà còn góp phần gìn giữ bản sắc văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc để hội nhập mà không hòa tan trong bối cảnh đa dạng văn hóa hiện nay, đồng thời làm gia tăng nguồn lực cho sự phát triển bền vững của đất nước.

**Chú thích:**

\* Tiến sĩ Vũ Chiến Thắng - Thứ trưởng Bộ Nội vụ.

phép hoạt động bao gồm: Báo viết: (1) Báo Giác Ngộ, (2) Tạp Chí nghiên cứu Phật học, (3) Tạp chí Văn hóa Phật giáo, (4) Tạp chí Khuông Việt, (5) Tạp chí Phật giáo Nguyên thủy. Trang tin điện tử: (1) Phật sự Online, (2) Cổng thông tin Phật giáo Phatgiaio.org.vn.

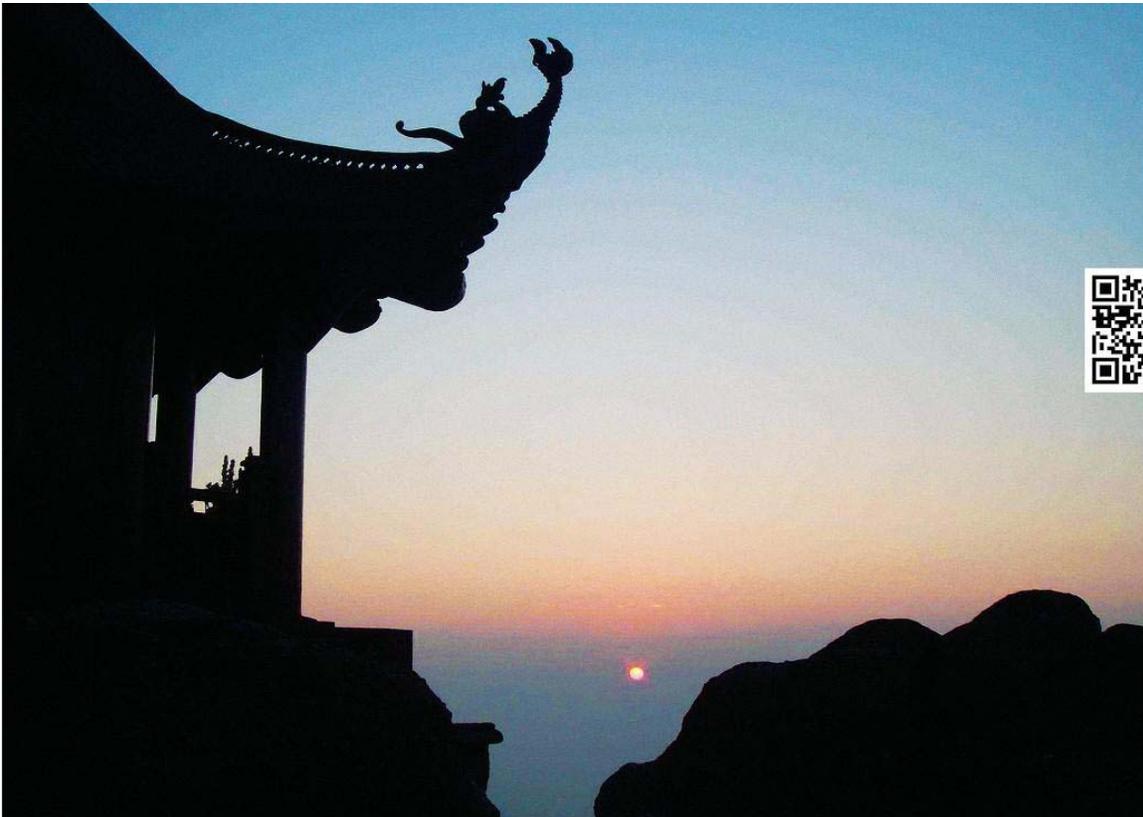
[11] Phân Viện Nghiên cứu Phật học (1990), *Thiền Uyển Tập Anh*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

[12] Nguyễn Lang (1973), *Việt Nam Phật giáo Sử luận, tập 1*, Nxb. Lá Bối Sài Gòn, tr199-206.

[13] Phân Viện Nghiên cứu Phật học (1990), *Thiền Uyển Tập Anh*, Nxb. Văn học, Hà Nội.

[14] Lê Tâm Đắc: *Phong trào chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc Việt Nam (1924-1954)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012, tr.280.

40 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 1-11-2021



# NHỚ VỀ...

(Kỷ niệm, 07/11/1981 - 07/11/2021)

Chất Thiền nối kết đức Tăng già  
Giáo luật kim ngôn đạo Thích Ca  
Mạng mạch trường hưng nghi pháp hóa  
Truyền thừa Tổ Ấn Đạt-ma Ha

Phật pháp lưu truyền tám vạn tư  
Hai ngàn năm chẳng thiếu hay dư  
Định - Lê - tiền Lý - Trần tuy hiển

**HT. THÍCH THANH HÙNG\***

Phật giáo Việt Nam hai Hội đồng  
Chứng minh, Trị sự rõ tâm tông  
Các ngành vận dụng theo quy chế  
Hiệp nhứt thông tư chung một lòng

Phật giáo Việt Nam tám nhiệm kỳ  
Vận hành Phật học đúng trường quy  
Tăng, Ni ổn định ngày thêm tiên

Liễu ngộ diệu huyền đạt nhưt như

Phật pháp nhiệm mầu phải hợp duyên  
 Tuỳ cơ khai thị ứng vùng miền  
 Trần gian ẩn hiện theo như nước  
 Chân thật bất hư tạo phúc điền

Phật pháp Việt Nam trái tuyệt sương  
 Đồng cam cộng khổ vượt muôn đường  
 Chia vui cứu khó lòng yêu kính  
 Nghiệp chướng hòa yên vẫn kỷ cương

Phật giáo Việt Nam quyết mở đường  
 Hợp hòa các phái rõ nhiều phương  
 Thủ đô Tám một đồng tâm quyết  
 Đại hội thành công lập Hiến chương

Uy tín Việt Nam Phật giáo kỳ

Việt Nam Phật giáo khắc ghi công  
 Giáo phẩm chư Tôn hiện tâm lòng  
 Xây dựng ngôi nhà chung Phật giáo  
 Rạng danh con Phật pháp chân không

Tăng già, Phật tử nguyện cúng dường  
 Nhứt tâm cầu nguyện tòa yêu thương  
 Nguyện cho thế giới chung an lạc  
 Nhuận gội nhiệm mầu Đấng Pháp Vương.

*Ngày 10/10/2021 (05/9 Tân Sửu)*

**Chú thích:**

\* HT. Thích Thanh Hùng - Ủy viên Thường trực HĐTS,  
 Trưởng Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương.

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 1-11-2021 41

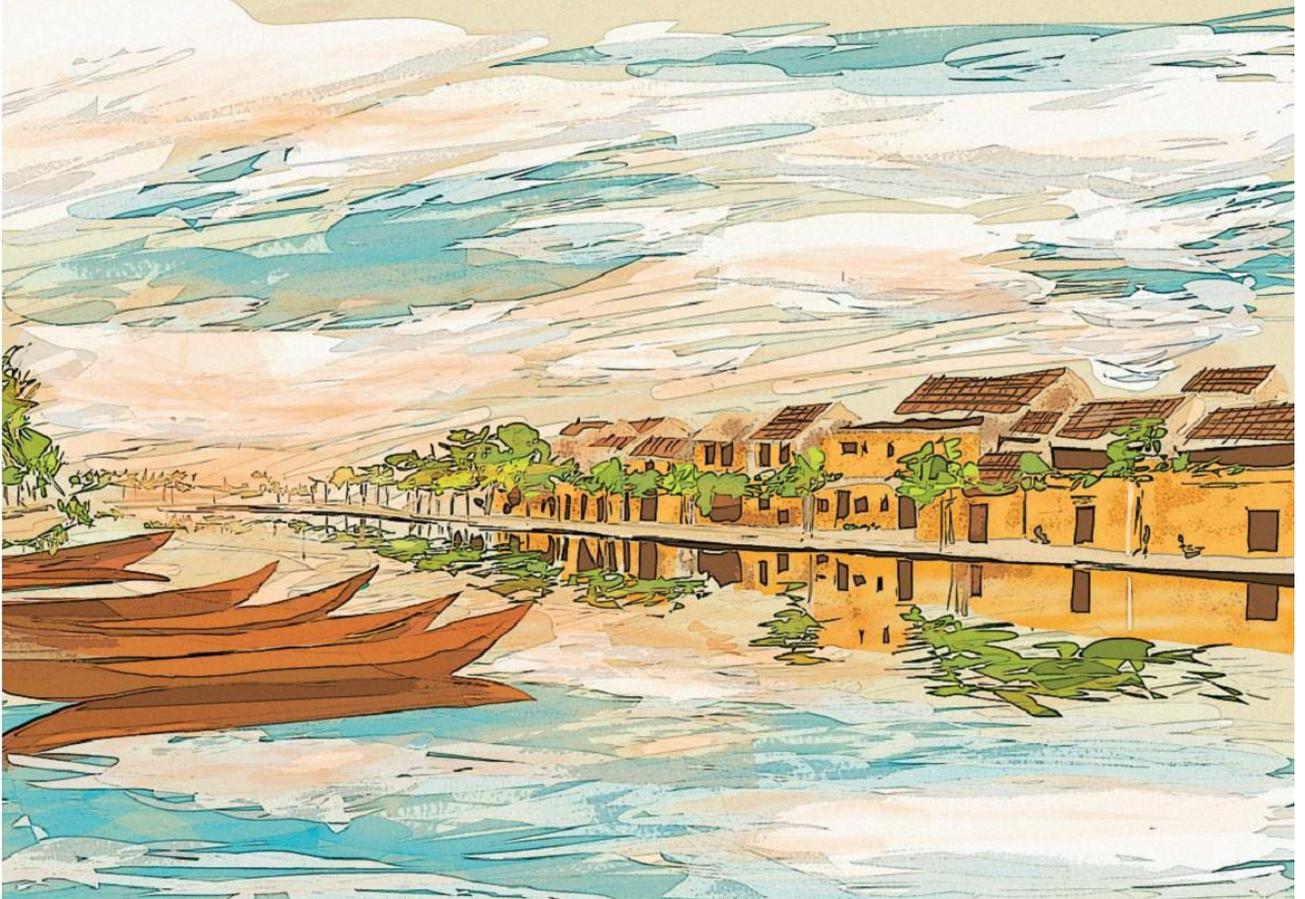
40 NĂM  
 MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

# BỐN MƯƠI NĂM GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN - NHỮNG THỜI CƠ VÀ THÁCH THỨC



## Nguyễn Phúc Nguyên\*

42 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 1-11-2021



Nếu ví thời gian có mặt của Phật giáo trên mảnh đất Việt như một dòng sông thì dòng sông màu nhiệm ấy cũng chất chứa trong mình bao thăng trầm, biến động, để có lúc cuộn cuộn tuôn trào như thác đổ và cũng có lúc hiền hòa vỗ sóng vào bờ mẹ thân yêu.

**G**iao hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) đã trải qua tròn 40 năm xây dựng và trưởng thành (07/11/1981 - 07/11/2021), quãng thời gian ấy có thể chưa nhiều so với lịch sử gần hai nghìn năm gần bó, đồng hành cùng dân tộc. Nếu ví thời gian có mặt của Phật giáo trên

tín đồ, sự quan tâm, tạo điều kiện của Đảng, Nhà nước ta thì còn có công rất lớn ở nội lực và sự nỗ lực phấn đấu không mệt mỏi của từng Tăng, Ni GHPGVN.

Bước sang thế kỷ XXI, cùng với sự phát triển của đất nước, sự hội nhập và giao lưu quốc tế ngày càng

### I. THỜI CƠ

*Thứ nhất*, sự đổi mới về nhận thức bằng những chủ trương, chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước đối với lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo. Đất nước chuyển sang thời đổi mới kéo theo sự thay đổi về nhận thức và tư duy. Chủ trương cởi mở, tôn

mảnh đất Việt như một dòng sông thì dòng sông màu nhiệm ấy cũng chất chứa trong mình bao thăng trầm, biến động, để có lúc cuộn cuộn trào trào như thác đổ và cũng có lúc hiền hòa vỗ sóng vào bờ mẹ thân yêu. Sự tiếp nối và vững mạnh của mạng mạch Phật pháp từng ấy năm qua đã chứng tỏ sức sống mãnh liệt của Phật giáo Việt Nam trong lòng dân tộc. Có được điều đó, ngoài sự hỗ trợ của hàng Phật tử tại gia, sự ủng hộ của đông đảo quần chúng

mở rộng, GHPGVN cũng đang có những bước chuyển mình mạnh mẽ để phù hợp, thích ứng với yêu cầu và xu thế phát triển chung của xã hội. Những vấn đề đó, bên cạnh yếu tố tích cực tạo ra môi trường giao lưu, trao đổi để tiếp thu, học hỏi những điều mới thì cũng đặt ra vấn đề giữ gìn và bảo vệ bản sắc văn hóa, truyền thống Phật giáo, để hòa nhập mà không bị hòa tan và cuốn theo xu thế phát triển đó, làm thay đổi nền tảng văn hóa và đạo đức tốt đẹp của Phật giáo.

trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của quần chúng nhân dân ngày càng được thể hiện rõ qua các văn bản quy phạm pháp luật và đi vào thực tế đời sống xã hội, đời sống của chức sắc, tín đồ các tôn giáo trong đó có Tăng Ni và Phật tử của GHPGVN.

Luật Tín ngưỡng, tôn giáo được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 18/11/2016, được ban hành bằng Lệnh số 12/2016/L-CTN ngày 01/12/2016 của Chủ tịch

## 40 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG



GHPGVN đã khẳng định năng lực, công tác tổ chức các sự kiện quốc tế và tỏ rõ vai trò của mình trong việc đóng góp cho sự phát triển của đất nước và xã hội, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước và Phật giáo Việt Nam yêu chuộng hòa bình.

Nước và Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo là sự kế thừa, tiếp nối và cụ thể hóa chính sách của Đảng và Nhà nước ta về

đảm bảo việc duy trì hoạt động theo truyền thống, phong tục và văn hóa của tôn giáo.

Trải qua các giai đoạn lịch sử, Đảng và Nhà nước ta luôn nhấn mạnh việc đảm bảo quyền tự do

3. *Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật” [1].*

Bên cạnh đó, các quan điểm như: Tôn giáo là vấn đề còn tồn

lĩnh vực tôn giáo. Lần đầu tiên, các quy định, phạm vi điều chỉnh thuộc lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo được quy định bằng Luật. Điều đó đã tạo ra những thuận lợi trong hoạt động tôn giáo. Những vấn đề khó khăn, vướng mắc đã được tháo gỡ phần nào. Luật Tín ngưỡng, tôn giáo và Nghị định 162 đã tạo ra những hành lang pháp lý cơ bản để các hoạt động tôn giáo tuân thủ theo pháp luật quốc tế và quốc gia, đồng thời

tín ngưỡng, tôn giáo theo hoặc không theo tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Trong Hiến pháp Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, điều đó tiếp tục được khẳng định qua Điều 24 (Chương II): “1. Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật. 2. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

tại lâu dài; Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân; Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới... tiếp tục được quan tâm và thực hiện hiệu quả.

*Thứ hai*, tăng cường hợp tác và giao lưu quốc tế, mở rộng hoạt động đối ngoại tôn giáo, nâng tầm vị thế GHPGVN trên khu vực và trong trường quốc tế.

Bằng sự năng động, tích cực của Phật giáo Việt Nam, thích ứng với sự hội nhập của đất nước trong thời kỳ đổi mới, GHPGVN đã có nhiều điều kiện thuận lợi để tham gia các diễn đàn Phật giáo khu vực và quốc tế. Chúng ta có cơ hội tiếp xúc, gặp gỡ, giao lưu với nhiều truyền thống Phật giáo đến từ nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Bên cạnh đó, tiếng nói của GHPGVN tại các diễn đàn quốc tế ngày càng được khẳng định. Đất nước, con người và Phật giáo Việt Nam đã trở thành điểm đến thú vị của giới tôn giáo trên toàn thế giới.

Chỉ tính riêng trong hơn 10 năm trở lại đây, đã có nhiều sự kiện Phật giáo lớn, có quy mô quốc tế được tổ chức tại Việt Nam như: 03 lần tổ chức Đại lễ Vesak Liên Hợp quốc (Đại lễ Vesak) vào các năm 2008 tại Hà Nội, 2014 tại Ninh Bình (chùa Bái Đính) và năm 2019 tại Hà Nam (chùa Tam Chúc); Hội nghị Nữ giới Phật giáo thế giới (Hội Sakyadhita), hay còn gọi là Hội những người con gái của Đức Thế Tôn được tổ chức năm 2009 tại TP. Hồ Chí Minh... Qua các sự kiện này, một lần nữa GHPGVN đã khẳng định năng lực, công tác tổ chức các sự kiện quốc tế và tỏ rõ vai trò của mình trong việc đóng góp cho sự

Mỹ, Châu Âu... GHPGVN đều cử đại diện tham dự và phát biểu tại các diễn đàn này.

*Thứ ba*, Phật giáo lấy phương châm “Duy tuệ thị nghiệp” làm kim chỉ nam cho việc tu học, do đó ngay từ những ngày đầu thành lập, vấn đề thành lập cơ sở đào tạo Phật học cho Tăng Ni đã được GHPGVN coi như nhiệm vụ cấp bách hàng đầu. Mục đích xây dựng các cơ sở đào tạo Phật học là để hướng tới đối tượng là các Tăng Ni, bởi vì chỉ có nền tảng vững chắc là trí tuệ mới giúp cho Tăng Ni có thể phát huy và xiển dương các giá trị văn hóa và đạo đức tốt đẹp của Phật giáo đến tín đồ và quần chúng nhân dân. Tính đến thời điểm năm 2021 này, GHPGVN đã có 4 Học viện Phật giáo (tại Hà Nội, Huế, TP. Hồ Chí Minh và Cần Thơ, trong đó Học viện Phật giáo Việt Nam tại Cần Thơ chuyên đào tạo hệ phái Phật giáo Nam tông Khmer), 8 lớp Cao đẳng Phật học, 01 trường Trung Cao đẳng Phật học tại Hải Phòng và 34 trường Trung cấp Phật học. Hàng năm các cơ sở giáo dục này đào tạo hàng ngàn Cử nhân Phật học, trên cơ sở đó, các Tăng Ni có điều kiện để tiếp tục tu học ở những cấp cao hơn hoặc trở về địa phương, phục vụ các công tác Phật sự và xã hội của GHPGVN

Nam tại Hà Nội và Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế. Đây sẽ là cơ hội tốt để các Tăng Ni phát huy năng lực, khả năng nghiên cứu, tìm tòi, sáng tạo cũng như tiếp cận với phương pháp giáo dục Phật học tiên tiến mà nhiều trường đào tạo Phật giáo trên thế giới đang áp dụng.

Bên cạnh đó, GHPGVN cũng tích cực gửi Tăng Ni sinh đi đào tạo ở các cơ sở đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và ở nước ngoài [3]. Qua việc học tập, nghiên cứu, lĩnh hội khối kiến thức thế học cũng như Phật học ở trong nước và nước ngoài, các Tăng Ni trẻ sẽ có nhiều cơ hội để đóng góp cho đất nước và Giáo hội, đáp ứng một cách hiệu quả các công tác Phật sự và xã hội của địa phương và ngay tại trú xứ.

*Thứ tư*, GHPGVN đã mạnh dạn công cử và giới thiệu nhiều Tăng Ni, nhất là các Tăng Ni trẻ tham gia bộ máy lãnh đạo của GHPGVN các cấp. Có thể nói đây là một bước chuyển biến lớn trong điều hành công tác Phật sự của Giáo hội. Không phải đến nhiệm kỳ này, vấn đề trẻ hóa nhân sự mới được GHPGVN đưa ra và thực hiện, mà trước đó, các Tăng Ni trẻ đã có nhiều cơ hội để tiếp cận, tham gia và nắm

phát triển của đất nước và xã hội, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước và Phật giáo Việt Nam yêu chuộng hòa bình.

Liên tiếp các năm gần đây, trong các diễn đàn quốc tế của khu vực và trên thế giới như: Hội nghị Thượng đỉnh Phật giáo thế giới tổ chức tại Nhật Bản; Diễn đàn Phật giáo thế giới tại Trung Quốc; các đối thoại liên tôn tại Philippin,

các cấp [2].

Từ năm 2011, để đáp ứng nhu cầu tu học, nâng cao trình độ Phật học của Tăng Ni, GHPGVN đã được phép đào tạo thí điểm trình độ Tiến sĩ và chính thức Thạc sĩ tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh, một trong những cơ sở đào tạo Phật học tốt nhất hiện nay của GHPGVN, sau đó là Học viện Phật giáo Việt

giữ nhiều vị trí quan trọng của GHPGVN các cấp. Với sự quan tâm, ủng hộ và tin tưởng của các bậc cao Tăng, bằng nhiệt huyết, sự năng động, tích cực và dẫn thân, các Tăng Ni trẻ đã mang đến “luồng gió mới” trong các hoạt động Phật sự tại nhiều địa phương. Sức trẻ trong GHPGVN đã được cụ thể hóa bằng những việc làm và con số ấn tượng như tỉ lệ trẻ hóa nhân sự tham gia các

## 40 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

cấp Giáo hội ngày một cao, Tăng Ni trẻ tích cực tham gia các tổ chức đoàn thể xã hội, Tăng Ni trẻ đóng góp vào các hoạt động xã hội và từ thiện nhân đạo...

*Thứ năm*, GHPGVN ngày càng thể hiện vai trò và là nhân tố tích cực tham gia các phong trào thi đua xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong nhiều nhiệm kỳ qua, GHPGVN đều giới thiệu và cử đại diện tham gia các tổ chức, đoàn thể như Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, Hội Chữ thập đỏ, tổ chức Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam... tại các diễn đàn này, GHPGVN đã có nhiều đóng góp tích cực, góp phần xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết tôn giáo, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng xã hội tốt đẹp, nhân dân ấm no, hạnh phúc [4].

GHPGVN cũng đã động viên khích lệ Tăng Ni, Phật tử tham gia công tác từ thiện nhân đạo, đặc biệt việc xã hội hóa y tế, giáo dục theo chủ trương của Đảng và Nhà nước đang được GHPGVN hưởng ứng và ủng hộ tích cực. Nhiều chương trình từ thiện, nhiều hoạt động nhân đạo do chư Tăng Ni đứng ra chủ trì và thực hiện đã gây được tiếng vang trong xã

ghe, xuống, xe đạp, cứu trợ hàng chục ngàn tấn gạo, mì, quần áo, thuốc men, Quý Báo thọ, bếp ăn từ thiện, hiến máu nhân đạo, mổ mắt cho bệnh nhân nghèo... đã được Tăng Ni, Phật tử trong khắp cả nước tích cực hưởng ứng. Từ những việc làm này, một lần nữa Tăng Ni, Phật tử GHPGVN thêm hiểu về truyền thống hộ quốc, an dân, gắn bó đồng hành cùng dân tộc của Phật giáo Việt Nam, qua đó tiếp tục cùng GHPGVN thực hiện các công tác xã hội, góp phần phát triển và xây dựng đất nước.

Đặc biệt, khi dịch bệnh COVID-19 tác động và ảnh hưởng nặng nề tới đời sống người dân, với tinh thần cả nước chống dịch như chống giặc, chiến lược phòng, chống dịch bệnh COVID-19 là 5K + vắc-xin, coi vắc-xin là giải pháp căn cơ, lâu dài, mang tính quyết định, GHPGVN đã ủng hộ Quỹ Vắc-xin với số tiền 3,5 tỷ đồng. Giáo hội cũng đã ủng hộ chính phủ và nhân dân Lào, Campuchia, Ấn Độ, Nepal... tiền và vật tư y tế giúp đỡ trong phòng, chống dịch COVID-19 trị giá hơn 20 tỷ đồng, gồm: tiền mặt, 200 máy thở, 50 máy tạo oxy, 2.000 bộ kit test COVID-19.

Khi đợt dịch thứ 4 (tháng 4/2021) bùng phát, gây hậu quả nặng nề tại TP. Hồ Chí Minh và các địa

đã hỗ trợ áo quan và đón nhận những hũ tro cốt của người mất vì COVID-19 để thờ cúng cho đến khi thân nhân đến nhận;... Giáo hội các cấp đã ủng hộ hàng ngàn tấn rau củ quả, hàng trăm ngàn phần quà là các nhu yếu phẩm cho người dân, các trang thiết bị y tế, xe cứu thương... với tổng trị giá lên đến trên 382 tỷ đồng [5]. Những việc làm tốt đẹp đó của GHPGVN, của Tăng Ni, Phật tử thật là âm áp và đáng trân trọng, đã và đang được lan toả rộng rãi trong cộng đồng xã hội.

*Thứ sáu*, tinh thần, niềm tự hào dân tộc và tự hào truyền thống Phật giáo hơn 2.000 năm hiện diện trên đất nước Việt Nam đang tạo ra tinh thần cống hiến, dẫn thân và trách nhiệm của Tăng Ni trong các hoạt động của GHPGVN và của xã hội. Điều đó đã thôi thúc để mỗi Tăng Ni phát huy khả năng, trí tuệ và nhiệt huyết của mình để tham gia một cách tích cực trong các hoạt động như: hoằng pháp, từ thiện, văn hóa... Những năm gần đây, đã có nhiều vị Sư tình nguyện ra Trụ trì chùa trên quần đảo Trường Sa của nước ta cũng như tại các ngôi chùa nơi địa đầu Tổ quốc. Điều đó là minh chứng hùng hồn cho tinh thần quyết tâm, ý chí vượt khó và trách nhiệm của người Tu sĩ trước Giáo hội và của

hội, được sự đồng tình ủng hộ của không chỉ tín đồ, Phật tử mà còn của quần chúng nhân dân. Các phong trào ích đạo lợi đời, ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ khuyến học, xây dựng hàng trăm nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đoàn kết, tặng hàng trăm xe lăn, xe lắc, xây cầu bê tông, đường giao thông bằng xi măng, khoan giếng, ủng hộ nạn nhân chất độc da cam, tặng

phương phía Nam, đã có hàng ngàn tình nguyện viên là Tăng Ni, Phật tử đăng ký trực tiếp tham gia vào tuyến đầu chống dịch. Đặc biệt, hình ảnh các Tu sĩ Phật giáo “cởi áo tu hành, khoác áo blouse trắng” đi vào tâm dịch đã làm lay động trái tim hàng triệu con người. Cùng với đó, các cơ sở thờ tự Phật giáo sẵn sàng trở thành khu cách ly tập trung; nhiều chùa

người công dân trước đất nước. Đó cũng sẽ mãi mãi là hình ảnh đẹp của Phật giáo Việt Nam trên chặng đường gắn bó, đồng hành cùng dân tộc, mà ở bất kỳ giai đoạn nào, thời kỳ nào cũng luôn luôn được bồi đắp và gìn giữ để làm sáng mãi lên hình ảnh người Tu sĩ Phật giáo trong mắt Tăng Ni, tín đồ và mọi người dân trên mảnh đất Việt.



Tính cạnh tranh trong một xã hội đang trên đà phát triển là rất lớn, Giáo hội cũng là một xã hội thu nhỏ mà trong đó cũng chứa đựng đầy đủ các cung bậc, các quy tắc ứng xử, và các mối quan hệ. (Ảnh: tư liệu)

## 2. ... VÀ THÁCH THỨC

Thế kỷ XXI cũng đang đặt ra cho GHPGVN nhiều vấn đề cần quan tâm, thậm chí có những vấn đề đang trở thành sự kiện “nóng” nếu không được xem xét để giải quyết một cách kịp thời, thấu đáo sẽ dễ dẫn đến những hệ lụy, gây nguy hại cho sự phát triển ổn định và bền vững GHPGVN.

xã hội, làm mất đi nền tảng văn hóa truyền thống và đạo đức cổ truyền. Các tôn giáo, trong đó có , cũng nằm trong sự dịch chuyển và tiếp xúc văn hóa ấy, không thể tránh khỏi những tác động và ảnh hưởng, nhất là một bộ phận Tăng Ni trẻ trong điều kiện và hoàn cảnh thiếu sự chỉ bảo của các bậc cao Tăng.

pháp phái. Về mặt hành chính đạo, chỉ có duy nhất GHPGVN đại diện cho Phật giáo Việt Nam trong mọi mối quan hệ ở trong nước và nước ngoài. Nhưng về phương diện tu tập, GHPGVN vẫn duy trì và đảm bảo sinh hoạt tôn giáo theo đúng pháp môn. Những người tu có quyền chọn cho mình một phương pháp mà

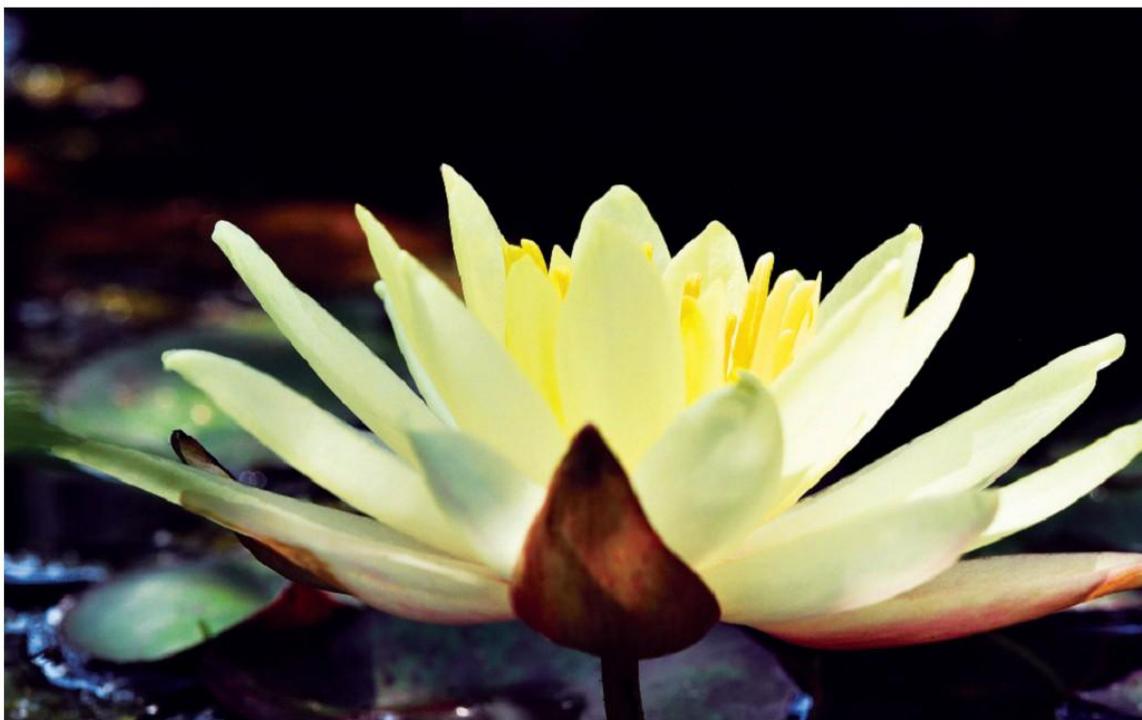
Sự du nhập của nền văn hóa ngoại lai đang là vấn đề bức xúc của toàn xã hội. Sẽ chẳng có gì đáng nói nếu đó là những điều tiến bộ, văn minh, giúp ích cho đời sống của con người và xã hội. Nhưng bên cạnh những yếu tố tích cực, nền văn hóa ngoại lai cũng đang phá vỡ những chuẩn mực của đạo đức

Tính cạnh tranh trong một xã hội đang trên đà phát triển là rất lớn, Giáo hội cũng là một xã hội thu nhỏ mà trong đó cũng chứa đựng đầy đủ các cung bậc, các quy tắc ứng xử, và các mối quan hệ. Đặc thù của Phật giáo Việt Nam tôn trọng các pháp môn tu hành, duy trì hoạt động theo sơn môn,

minh thấy phù hợp nhất, dễ theo nhất và hiệu quả nhất. Vấn đề là Tăng Ni không được lạm dụng tinh thần và chủ trương đứng đắn ấy để tuyên truyền, cổ vũ cho những phương tiện, cách thức tu hành không phù hợp với thuần phong mỹ tục, đi ngược lại với những quyền lợi của Giáo hội và dân tộc, gây phương hại đến tinh

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 1-11-2021 47

## 40 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG



GHPGVN sẽ tiếp tục có những bước tiến vượt bậc, xây dựng Giáo hội vững mạnh, xứng đáng là tổ chức đại diện cho Phật giáo Việt Nam trong và ngoài nước.

đoàn kết, hòa hợp giữa dân tộc và tôn giáo.

GHPGVN đang phải đối mặt với những thách thức từ bên trong và cả bên ngoài, đòi hỏi mỗi Tăng Ni phải là một bức thành kiên cố, vững chắc để bảo vệ và giữ gìn Giáo hội. Từ bên ngoài, đó là sự hình thành và phát triển của những tôn giáo mới hoặc những hiện tượng tôn giáo lạ lẫm dụng Phật giáo để mưu đồ cho những dụng

hơn nữa đến các Tăng Ni, quan tâm đến nhu cầu, nguyện vọng của Tăng Ni để kịp thời đáp ứng những đòi hỏi chính đáng đồng thời cũng điều chỉnh, uốn nắn và ngăn chặn những suy nghĩ và hành vi tiêu cực, thiếu đứng đắn làm ảnh hưởng đến Giáo hội và xã hội.

Sự uy nghiêm, đạo mạo của người Tu sĩ từ bên trong đến lời nói, cử chỉ, hành vi biểu hiện ra bên ngoài vẫn được coi là hình ảnh chuẩn

xác định cho mình gìn giữ hình ảnh của mình tức là gìn giữ hình ảnh của Đức Phật, trong con mắt của tín đồ, Phật tử một vị Sư cũng là vị đại diện cho Đức Phật, sự kính ngưỡng đến từ cả hai phía, sự tôn kính vị giáo chủ - Đức Phật và sự uy nghi, nghiêm phạm của nhà tu hành.

Trong những năm qua, sự phát triển mạnh mẽ của các mạng xã hội một mặt đem lại những lợi

ý khác. Điều đó khiến Phật giáo mất đi phần nào hình ảnh tốt đẹp vốn có trong suy nghĩ của tín đồ, Phật tử. Từ bên trong, GHPGVN cũng đang phải đối mặt với hiện tượng mâu thuẫn, mất đoàn kết vẫn xuất hiện đâu đó. Do đó, để chống lại những hiện tượng này, GHPGVN cần quan tâm, sâu sát

mục của Tăng đoàn. Đó là sự thể hiện đầy đủ nhất, rõ nét nhất và đúng bản chất nhất của Phật giáo. Vì thế, những biểu hiện thiếu uy nghi, nghiêm túc thậm chí việc chạy theo vật chất quá đà dễ tạo nên những hình ảnh phản cảm và suy giảm uy tín trong quần chúng tín đồ. Do đó, mỗi Tăng Ni cần

ích trong công tác truyền thông của GHPGVN thì mặt khác cũng tạo ra những hệ lụy khi đời sống tu hành của Tu sĩ Phật giáo cũng được phản ánh đầy đủ trên mạng xã hội. Trên một số mạng xã hội như: Facebook, Youtube, Zalo... xuất hiện một số hình ảnh những người mặc trang phục tu

hành Phật giáo song lại có những hành vi thiếu chuẩn mực, không phù hợp với văn hóa Phật giáo và dân tộc, làm ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh Phật giáo Việt Nam trong con mắt Tăng Ni và tín đồ, Phật tử, đi ngược lại với truyền thống gắn bó, đồng hành cùng dân tộc của Phật giáo Việt Nam cũng như tinh thần “hộ quốc an dân”, luôn ủng hộ và tích cực tham gia các phong trào thi đua xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của GHPGVN các cấp.

Trong thống kê về dân số năm 2019 cho thấy hiện ở Việt Nam, Phật giáo đang là tôn giáo có số tín đồ đông thứ hai với khoảng 6 triệu tín đồ. Con số trên có thể chưa phản ánh đúng số lượng tín đồ Phật giáo nhưng cũng đặt ra câu hỏi, nếu đúng như vậy, thì về mặt tín đồ, Phật giáo không phải là tôn giáo phổ biến nhất ở Việt Nam. Đáng rằng, có thể trong tư duy và tình cảm của nhiều người dân Việt Nam, Phật giáo vẫn là tôn giáo gắn bó và gắn gũi nhất vì sự phù hợp với phong tục và tập quán tín ngưỡng. Điều đó cũng cho thấy, trong một bộ phận quần chúng nhân dân, niềm tin vào Phật giáo không còn được đầy đủ và nguyên vẹn. Trách nhiệm đó thuộc về Tăng Ni của GHPGVN ngày nay. Niềm tin, tình cảm và sự ủng hộ của quần chúng tín đồ là nhân tố quyết định đến vận mệnh, sự phát triển ổn định và bền vững của GHPGVN trong tương lai.

của Tăng Ni. Vẫn còn những địa phương chưa có tổ chức Phật giáo cấp huyện, nơi đó, cần lắm sự dẫn thân của Tăng Ni, bởi vì đó đều là vùng đồng bào đông dân tộc thiểu số, điều kiện vật chất, cơ sở hạ tầng thiếu thốn, trình độ dân trí chưa theo kịp đồng bằng, ánh sáng Phật pháp còn chưa được phổ hóa. Chấp nhận đến vùng sâu, vùng xa là chấp nhận thử thách và gian lao. Điều đó, đặt ra cho GHPGVN cần có chiến lược lâu dài để đưa Phật pháp đến với đồng bào dân tộc thiểu số. Để làm được việc đó, hơn lúc nào hết, Tăng Ni cần phát huy trách nhiệm và tinh thần khế lý, khế cơ của Đức Phật để đảm đương công việc nặng nề đó.

Thời cơ và thách thức của GHPGVN đang đặt lên vai các thế hệ Tăng Ni hôm nay, chỉ có sự mẫn tiệp, tinh thần hăng say, nhiệt huyết và niềm tin bất biến vào giáo lý Phật đà mới là con đường soi sáng, để mỗi Tăng Ni thêm bi - trí - dũng trên con đường tác Như Lai sứ hành Như Lai sự, để hoằng dương chính pháp, lợi lạc quần sinh, đem lại hạnh phúc, ấm no cho nhân quần, đúng như những gì mà giáo lý của Đức Thế Tôn đã trao dạy.

Nhìn lại chặng đường 40 năm GHPGVN với những thời cơ và thách thức, chúng ta hoàn toàn có thể tin tưởng nhờ sự quan tâm, tạo điều kiện của Đảng và Nhà nước

Nam trong và ngoài nước. Đồng thời, tiếp tục có những việc làm ích đạo, lợi đời, thể hiện truyền thống gắn bó, đồng hành cùng dân tộc suốt 2.000 năm của Phật giáo Việt Nam, góp phần cùng xây dựng đất nước ta ngày một phồn thịnh, vững mạnh, văn minh, đem lại hòa bình, ấm no và hạnh phúc cho mọi tầng lớp nhân dân.

#### Chú thích:

\* Nguyễn Phúc Nguyên - Vụ trưởng Vụ Phật giáo, Ban Tôn giáo Chính phủ.

[1] Hiến pháp Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.

[2] Báo cáo tổng kết công tác Phật sự năm 2020 của GHPGVN.

[3] Theo thống kê chưa chính thức, hiện nay GHPGVN đang có khoảng hơn 600 Tăng Ni sinh theo học ở nước ngoài.

[4] GHPGVN có 4 chức sắc là đại biểu Quốc hội khóa XIV gồm: Hòa thượng Thích Bảo Nghiêm - Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự, Hòa thượng Thích Thanh Quyết - Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự, Thượng tọa Thích Đức Thiện - Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự và Thượng tọa Lý Đức - Phó Trưởng ban Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Sóc Trăng. Ngoài ra, còn hàng trăm Tăng, Ni tham gia Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

[5] Theo báo cáo số 213/BC - HĐTS ngày 26/8/2021 của Hội đồng Trị sự GHPGVN.

#### Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013).
2. Luật Tín ngưỡng tôn giáo (2016).
3. Nguyễn Đức Sự, Lê Tâm Đắc (2010), *Mấy vấn đề Phật giáo trong lịch sử Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Nguyễn Thanh Xuân (2013), *Một số tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
5. Nguyễn Quốc Tuấn (2012), *Đặc điểm và vai trò của Phật giáo Việt Nam trong thế kỷ XX*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

Trong một bộ phận Tăng Ni hiện nay, tinh thần dẫn thân cho đạo pháp cũng chưa được thể hiện đầy đủ và đúng nghĩa. Còn rất nhiều nơi thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào khó khăn cần sự hướng dẫn sinh hoạt tu tập

cũng như các cấp chính quyền bằng những chủ trương, chính sách đúng đắn đối với tôn giáo nói chung, và Phật giáo nói riêng, GHPGVN sẽ tiếp tục có những bước tiến vượt bậc, xây dựng Giáo hội vững mạnh, xứng đáng là tổ chức đại diện cho Phật giáo Việt

6. Nguyễn Duy Hinh, Lê Đức Hạnh (2011), *Phật giáo trong văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội.
7. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2012), *Giáo hội Phật giáo Việt Nam từ Đại hội đến Đại hội 1981-2012*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
8. Kỷ yếu các kỳ Đại hội của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

40 NĂM  
MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

# Phật giáo Việt Nam: Lịch sử & hiện tại



HỮU DƯỢC\*

“

Chặng đường 40 năm của Giáo hội Phật giáo Việt Nam không dài so với lịch sử Phật giáo đã 2.000 năm có mặt ở Việt Nam. Song 40 năm qua, Giáo hội đã có những bước phát triển quan trọng, tạo nên mốc son mới



Nhìn lại chặng đường 40 năm đã qua, chúng ta tự hào về thành tựu đã cống hiến cho Đạo pháp và Dân tộc, đồng thời cũng nhìn nhận những hạn chế để khắc phục, nhằm không ngừng xây dựng một tổ chức Phật giáo vững mạnh, xứng đáng với truyền thống của một tôn giáo “*hộ quốc an dân*” luôn gắn bó đồng hành cùng dân tộc. *Ảnh: Suu tâm*

### PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ

Phật giáo có mặt ở Việt Nam chính xác vào thời gian nào, còn là vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Tuy vậy, từ khi gặp được người Việt, Phật giáo đã hòa quyện và gắn bó, thăng trầm cùng lịch sử dân tộc.

#### **Thời Hai Bà Trưng (40-43)**

Phật giáo đã đóng vai trò quan trọng, góp phần không nhỏ vào

Trung Trắc và Trưng Nhị đã lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa chống ách cai trị của giặc phương Bắc. Trong tám vị nữ tướng dưới trướng Hai Bà, có năm vị là Ni sư. Ngày nay ở đền thờ Hai Bà Trưng tại Mê Linh còn lưu danh tám vị nữ tướng. Ni sư Phương Dung, một trong năm vị Ni là nữ tướng của Hai Bà hiện được thờ ở chùa Yên Phú, Thanh Trì, Hà Nội [1].

Nam Đế và tuyên bố quốc hiệu Vạn Xuân, cho dân xây chùa thờ Phật đặt tên là chùa Khai Quốc (mở nước). Sau nhiều lần trùng tu, đổi tên, hiện chùa mang tên Trấn Quốc, là di tích lịch sử đặc biệt ở Hà Nội. Lập quốc, dựng chùa đặt tên là chùa Khai Quốc, đủ thấy Phật giáo có ảnh hưởng lớn tới mức nào trong đời sống người Việt giai đoạn đó [2].

#### **Thời Đinh - Tiền Lê (968-1009)**

Đinh Bộ Lĩnh (924 - 979)

lịch sử giữ nước, giann đọc ập dân tộc. Lịch sử dân tộc Việt còn ghi, vào năm 40-43 sau Công nguyên, nhà Đông Hán (Trung Quốc) xâm lược và đô hộ Giao Chi (Việt Nam). Hai chị em

#### **Thời Tiền Lý (544-602)**

Lý Bôn (503-548) đã lãnh đạo khởi nghĩa đánh bại giặc Lương từ phương Bắc, lập nước Vạn Xuân (544-602). Lý Bôn tự xưng Hoàng đế, tức vua Lý

Thần Bạt Linn (524 -579), xưng đế và lập nên nhà Đinh (968-980), đặt quốc hiệu Đại Cồ Việt, mở đầu cho thời đại độc lập, tự chủ tập quyền ở nước ta. Đinh Tiên Hoàng đã mời nhà sư Ngô Chân

## 40 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

Lưu (933-1011) ra giúp vua, giúp nước, tôn sư làm Khuông Việt Đại sư. Vua còn mời nhiều bậc cao Tăng Phật giáo đứng ra giúp vua từ nội trị đến ngoại giao,... Đó là sự khẳng định vai trò quan trọng của Phật giáo trong đời sống xã hội lúc bấy giờ. Nhà Đinh văn số, nhà Tiền Lê thay thế (980-1009). Vua Lê Đại Hành (941-1005) tiếp tục truyền thống tôn trọng Phật giáo, các nhà sư được vua tin tưởng ủy thác nhiều trọng trách. Điều này cho thấy các nhà sư thời bấy giờ không chỉ thông kinh sử mà văn chương nghệ thuật cũng rất giỏi, thể hiện văn hóa Phật giáo thời bấy giờ rất phong phú. Các nhà sư đã khéo vận dụng đưa vào phục vụ sự nghiệp chính trị, ngoại giao của đất nước [3].

#### **Nhà Lý (1010-1225)**

Khởi nghiệp từ Lý Công Uẩn (974-1028). Trong những năm đầu ra Thăng Long, vua không cho xây tông miếu mà cho dân xây mới 8 ngôi chùa trong kinh thành và ven đô, lại sức cho quan nha đôn đốc dân tu sửa các ngôi chùa để thờ Phật “*lấy triết lý Phật giáo mà cổ kết nhân tâm, vun bồi trí đức để dân cường nước thịnh*”. Dưới triều Lý, Phật giáo phát triển rực rỡ cùng với sự hưng thịnh của đời sống xã hội. Người hiền, tài được trọng dụng, văn có Văn Miếu - Quốc Tử Giám, võ có Giảng Võ đường để đào tạo và tuyển lựa nhân tài thực học phục vụ quốc gia.

#### **Nhà Trần (1225-1400)**

Tiếp nối truyền thống, dòng chảy

thứ ba của triều Trần, ngoài đời là người nhân từ thương dân, rất nghiêm khắc trước sai trái của bất kể vua quan, trong đạo là người đặc đạo. Ngài chống gậy trúc đi khắp nơi khuyên dân dẹp bỏ mê tín dị đoan, lấy tư tưởng “*hòa quang đồng trần*”, theo tinh thần Phật giáo để đoàn kết cùng nhau xây dựng cuộc sống. Ngài còn đi tới tận Chiêm Thành để thực hiện đoàn kết lân bang. Với công hạnh ấy, Ngài đã được nhân dân tôn vinh là Phật Hoàng (Vua đời - Vua đạo) [5].

Thời Lý - Trần là thời kỳ ảnh hưởng của Phật giáo thấm đẫm trong nhân gian, từ vua tới quan đều sống theo tâm đạo. Nhiều bậc hiền tài, trước tác văn hóa, kinh sách Phật giáo đã ra đời trong thời gian này, như nhà nghiên cứu Hoàng Xuân Hãn nhận xét: “*Thời Lý, Trần là thời thuận hòa, nhà có cửa không cần đóng*” [6].

#### **Thời Hậu Lê (1427-1789)**

Cả dân tộc Việt và Phật giáo trong thời kỳ này đều có những thăng trầm khá đặc biệt, sau khi trải qua giai đoạn xâm lược và đô hộ của nhà Minh với chính sách đồng hóa hà khắc. Một mặt, chúng đốt sách, diệt trừ tầng lớp trí thức bản địa, phá hủy các công trình văn hóa kiến trúc lớn, hồng tiêu diệt nền văn hóa Đại Việt hưng thịnh từ những triều đại trước. Mặt khác, chúng đề cao tư tưởng Nho giáo tuân phục, gây khó khăn cho Phật giáo, hồng triệt tiêu nền tảng tư tưởng của Đại Việt. Phật giáo thời Hậu Lê gặp nhiều khó

lòng dạy Phật pháp, người nông phu hay anh lính đều được Sư dạy chữ để đọc kinh Phật, từ đó mà thêm nhiều người biết chữ, tiếp thêm sức sống cho nền văn hóa Đại Việt.

#### **Thời Nguyễn (1802-1945)**

Tính từ khi vua Gia Long (1762-1820) lên ngôi (1802). Tuy nhiên ngược dòng lịch sử, thì từ Nguyễn Hoàng (1525-1613), vị chúa Nguyễn đầu tiên, đã đặt nền móng cho vương triều Nguyễn định đô ở Huế ngày nay. Tại chùa Thiên Mụ (Huế), hiện có tấm bia ghi những điều chúa Nguyễn Hoàng dạy con cháu: “*Sống phải cư Nho, mộ Thích*”, có nghĩa sống phải cư xử theo đạo Nho, có trên dưới tôn ti trật tự, có nguyên tắc xã hội, gia đình, cha con, vợ chồng,... Mộ Thích là mền mộ triết lý của Phật Thích Ca: đức hiền lành, tâm từ bi, trí sáng suốt, sống trong lục hòa, chính tín, nhân quả thì việc gì cũng an vui tốt đẹp [7].

#### **Thời đại Hồ Chí Minh (1945-nay)**

Cách mạng tháng Tám (1945) đã đánh đuổi thực dân Pháp, lật đổ chế độ phong kiến ở Việt Nam. Ngày 02/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Các tôn giáo được hưởng thành quả độc lập không bao lâu thì quân Pháp trở lại. Sau khi Pháp thất bại, đến lượt Mỹ âm mưu đặt ách thống trị lên miền Nam Việt Nam.

Phật giáo thời kỳ này phát triển rực rỡ hơn các triều đại trước. Trong nước, từ vua quan tới thứ dân đều biết Phật pháp. Trần Nhân Tông (1258-1308), vị vua

khẩn nhưng phát triển khá mạnh ở các vùng nông thôn. Bối cảnh hòa quân thù nên chư Tăng Ni lánh chốn đô hội, về vùng thôn quê, rừng núi ở ẩn. Nơi đó họ dốc

Trải qua 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, đại thắng mùa xuân 1975 đã đưa lịch sử nước ta bước sang trang mới, thời kỳ hòa bình,

Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói: *“Phật giáo Việt Nam thời đại nào cũng gắn liền với lịch sử dân tộc, thời nào Phật giáo cũng xuất hiện điển hình thật đáng trân trọng, là tấm gương giúp đời, hộ quốc an dân”* (Ảnh: sưu tầm)



thống nhất. Ngày 07/11/1981, tại thủ đô Hà Nội, Đại hội Thống nhất Phật giáo cả nước đã khai sinh ra Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN). Từ đây, Phật giáo Việt Nam có cơ duyên để thể hiện truyền thống Phật giáo yêu nước gắn bó cùng với dân tộc. Đến nay, qua 40 năm, GHPGVN đã phát huy truyền thống tốt đẹp, với nhiều hoạt động *“lợi đạo ích đời”*, đi đầu gương mẫu trong đoàn kết các tôn giáo, góp phần cùng nhân dân cả nước bảo vệ và xây dựng đất nước phát triển. Đúng như Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói: *“Phật giáo Việt Nam thời đại nào cũng gắn liền với lịch sử dân tộc, thời nào Phật giáo cũng xuất hiện điển hình thật đáng trân trọng, là tấm gương giúp đời, hộ quốc an dân”* [8].

Từ khi thành lập, với hoạt động tích cực, GHPGVN đã tạo nên nhiều thành tựu quan trọng, góp phần xây dựng những giá trị đạo đức, văn hóa tốt đẹp cho xã hội. Trong 40 thành lập GHPGVN đã thể hiện ba nội dung nổi bật:

**Thứ nhất, thống nhất các tổ chức, hệ phái Phật giáo cả nước trong một tổ chức, thống nhất đường hướng hành đạo.** Chín tổ chức hệ phái Phật giáo gồm: Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam; Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất; Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam; Giáo hội Tăng già Nguyên thủy Việt Nam; Ban liên lạc Phật giáo Yêu nước Thành phố Hồ Chí Minh; Giáo hội Thiên Thai giáo Quán Tông; Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam; Hội đoàn kết Sư sãi Yêu nước Tây Nam Bộ; Hội Phật học

mốc son quan trọng trong tiến trình phát triển của Phật giáo Việt Nam. Từ đây, Phật giáo Việt Nam sinh hoạt trong tổ chức chung, cùng nhau thực hiện một đường hướng hành đạo được Tăng, Ni, Phật tử tham gia tổ chức GHPGVN lựa chọn là *“Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”*.

**Thứ hai, giảm thiểu, loại trừ dần yếu tố cực đoan phản động ra khỏi tổ chức Phật giáo.** Sau 30/4/1975, đất nước độc lập, nhưng hậu quả của chiến tranh vẫn còn đó. Đối với Phật giáo trong thời chiến tranh, chức sắc, tín đồ Phật giáo tuyệt đại đa số ủng hộ chính nghĩa và cách mạng. Song một số ít người, do hoàn cảnh, bị lôi kéo, phải ngã theo phía đối lập. Khi hòa bình lập lại, một số ra nước ngoài, một

## PHẬT GIÁO VIỆT NAM HIỆN NAY

*Ba nội dung lớn của thống nhất Phật giáo cả nước*

Nam Việt, tham gia trong một tổ chức chung là GHPGVN.

Thống nhất về tổ chức là một

số còn ở lại trong nước. Thành lập tổ chức chung GHPGVN giúp loại trừ yếu tố cực đoan ra khỏi Phật giáo.

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 1-11-2021 53

## 40 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG

*Thứ ba, thống nhất Phật giáo cả nước thực hiện đại đoàn kết để bảo vệ và xây dựng đất nước.* Với đường hướng “Đạo Pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội”, GHPGVN đã quy tụ tập hợp đông đảo chức sắc, tín đồ, quần chúng tín tâm với Phật giáo, thực hiện tinh thần nhập thế: cứu độ chúng sinh là cùng đường chur Phật, Phật giáo đi đầu trong các phong trào thi đua yêu nước, thực hiện xóa đói giảm nghèo, giúp nhau cùng phát triển. Hoạt động ấy của Phật giáo là tấm gương sáng để các tôn giáo cùng thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, cùng toàn dân đoàn kết thực hiện công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước.

*Một số thành tựu nổi bật của Phật giáo Việt Nam 40 năm qua* Năm 1981, GHPGVN thành lập, hiến chương Giáo hội đã khẳng định: “Sự thống nhất của Phật giáo Việt Nam được xây dựng trên nguyên tắc: Thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức; đồng thời vẫn tôn trọng và duy trì các truyền thống Hệ phái, cũng như các pháp môn và phương tiện tu hành đúng chính pháp”. Hiến chương đã được Hội đồng Bộ trưởng (Chính phủ) nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam phê chuẩn tại Quyết định số 83/BT ngày 29/12/1981. Tại Điều 1 của Quyết định, khẳng định: “Giáo

*hội Phật giáo Việt Nam là tổ chức đại diện cho Phật giáo Việt Nam về mọi mặt quan hệ ở trong nước và ngoài nước”* [9]. Với tổ chức chung GHPGVN đã có một số thành tựu nổi bật của Phật giáo Việt Nam trong 40 năm qua.

*Về cơ sở thờ tự và số lượng Tăng, Ni:* Năm 1981, khi thành lập GHPGVN có gần 12.000 ngôi chùa, trên 26.000 Tăng Ni tham gia sinh hoạt trong tổ chức. Đến năm 2021, GHPGVN đã có trên 18.500 ngôi chùa, trên 54.000 Tăng Ni tham gia.

*Về tổ chức:* Đại hội nhiệm kỳ I (1981-1986), cấp Trung ương,



Năm 1981, GHPGVN thành lập, hiến chương Giáo hội đã khẳng định: “*Sự thống nhất của Phật giáo Việt Nam được xây dựng trên nguyên tắc: Thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức; đồng thời vẫn tôn trọng và duy trì các truyền thống Hệ phái, cũng như các pháp môn và phương tiện tu hành đúng chính pháp*”.

Hội đồng Chứng minh có 50 thành viên, Hội đồng Trị sự 50 thành viên. Giúp việc cho Hội đồng Trị sự ở Trung ương có 06 ban; cấp địa phương có 27 tỉnh, thành phố có Ban Trị sự Phật giáo cấp tỉnh. Tới Đại hội nhiệm kỳ VIII (2017-2022), Hội đồng Chứng minh có 96 vị, Hội đồng Trị sự có 225 vị chính thức, 45 vị dự khuyết. Với 13 ban, viện giúp việc cho Hội đồng Trị sự. Năm 2014 đã có 63/63 tỉnh thành phố có tổ chức Phật giáo cấp tỉnh, trên 68% cấp huyện, thị trực thuộc tỉnh có tổ chức Phật giáo cấp huyện.

*Đào tạo tăng tài:* Trước khi thành lập GHPGVN, Phật giáo cả nước chỉ có một Học viện Phật học, giảng sư có trình độ tiến sĩ chưa tới mười vị. Sau 40 năm, GHPGVN hiện có bốn Học viện Phật giáo Việt Nam tại: TP. Hà Nội; Thừa Thiên Huế; TP. Hồ Chí Minh và TP. Cần Thơ; một trường cao đẳng Phật học, bảy lớp Cao đẳng Phật học, ba mươi một trường Trung cấp Phật học, hàng trăm lớp Sơ cấp Phật học. Mỗi năm trong nước đào tạo trên 5.000 Tăng, Ni sinh các cấp, đã có trên 250 vị tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ từ nước ngoài về nước phục vụ Giáo hội và xã hội. Cùng với hệ thống đào tạo trong nước, Tăng Ni sinh Việt Nam du học sau đại học ở nước ngoài tới nay có trên 1.000 vị.

*Hoạt động Phật giáo quốc tế:* 40 năm qua, GHPGVN có nhiều hoạt động quốc tế trong và ngoài nước. Tăng, Ni, Phật tử Việt Nam ở nước ngoài kết hợp với trong nước vận động xây dựng nhiều chùa và 22 tổ chức

như: Lào, Ba Lan, Séc, Nga, Ukraina, Pháp, Campuchia, Hội Du học sinh Phật giáo Việt Nam tại Ấn Độ,...

GHPGVN tham gia nhiều tổ chức quốc tế như: Tổ chức châu Á vì hòa bình (ABCP), thành viên sáng lập Thượng đỉnh Phật giáo thế giới, tham gia Diễn đàn Phật giáo thế giới tại Trung Quốc, là thành viên Vesak của Liên Hợp Quốc. Trong nước vào các năm: 2008, 2014, 2019, GHPGVN và Nhà nước ta đã tổ chức Đại lễ Phật đản Liên Hợp Quốc (Đại lễ Vesak) ở Hà Nội, Bái Đính (Ninh Bình), Tam Chúc (Hà Nam) mà Việt Nam trong vai trò là Chủ tịch Đại lễ. Năm 2010, Việt Nam đăng cai Đại hội lần thứ 11 Hội nghị “*Những người con gái của Đức Phật*” tại TP. Hồ Chí Minh,... Hoạt động quốc tế Phật giáo đã góp phần khẳng định, chứng minh chính sách cởi mở và thực tế tự do tôn giáo ở Việt Nam, đoàn kết với Phật giáo và nhân dân thế giới, mở rộng đối ngoại nhân dân,...

*Thông tin, báo chí Phật giáo:* GHPGVN TW có website, chương trình truyền hình Phật giáo, bốn tờ tạp chí. Địa phương có báo *Giác Ngộ* của Thành hội Phật giáo TP. Hồ Chí Minh và nhiều tờ nội san của các Ban Trị sự Phật giáo địa phương. Ban Truyền thông của GHPGVN mới được thành lập trong nhiệm kỳ gần đây nhưng có rất nhiều hoạt động truyền thông phong phú, thiết thực và hiệu quả. Đặc biệt, website GHPGVN trong mấy năm gần đây được đánh giá là trang có thông tin cập nhật

hội. Truyền thông Phật giáo đã kịp thời chuyển tải nhiều thông tin đến trong và ngoài nước, góp phần tích cực vào thông tin về đất nước con người Việt Nam trong đời sống hôm nay.

*Hoạt động xã hội:* Trong tổ chức GHPGVN, nhiều vị cao Tăng, nhân sĩ, trí thức Phật giáo tham gia tích cực các lĩnh vực xã hội cũng như các tổ chức chính trị xã hội. Nhiều vị được nhân dân tín nhiệm bầu vào Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam... Từ ngày thành lập Giáo hội đến nay, hàng vạn Tăng Ni tiêu biểu đã tham gia vào các tổ chức xã hội Thanh niên, Phụ nữ, Mặt trận Tổ quốc,... các cấp từ địa phương đến trung ương. Tham gia Quốc hội, đại biểu tiêu biểu của Phật giáo từ khóa I (năm 1946) đến khóa V (năm 1976) có 11 vị, từ khóa VI (năm 1981) đến khóa XV (năm 2021) có 42 vị [10].

*Hoạt động từ thiện:* Nếu tính theo thời gian, nhiệm kỳ thứ I chưa được tổng kết chi tiết; nhiệm kỳ thứ II (1987-1992), thông qua hoạt động của Phật giáo TP. Hồ Chí Minh, từ thiện GHPGVN mua công trái được 4,6 triệu đồng và hai lượng vàng; nhiệm kỳ III (1992-1997), Phật giáo cả nước vận động được hai tỉ đồng; nhiệm kỳ VII (2017-2022) tính đến 2020 đã quyên góp trên 512 tỉ đồng. Đặc biệt, trong bối cảnh cả nước thực hiện giãn cách để phòng chống dịch bệnh COVID-19, Phật giáo Việt Nam đã huy động nguồn lực to lớn, gồm tiền tài, vật chất, tình nguyện viên tham gia chống dịch. Hành động đẹp ấy đã

Hội Phật tử Việt Nam ở nước ngoài, trực thuộc GHPGVN phong phú, có sức ảnh hưởng trở thành tấm gương sáng trong đời sống xã hội [11].

## 40 NĂM MỘT CHẶNG ĐƯỜNG



Đối với GHPGVN, Nhà nước đã tặng Huân chương Hồ Chí Minh lần hai vào năm 2011 nhân kỷ niệm 30 năm thành lập Giáo hội (lần thứ nhất vào năm 1992, tại Đại hội kỳ III GHPGVN). (Ảnh: baochinphu.vn)

### *Sự tôn vinh và những phần thưởng cao quý*

Đối với GHPGVN, Nhà nước đã tặng Huân chương Hồ Chí Minh lần hai vào năm 2011 nhân kỷ niệm 30 năm thành lập Giáo hội (lần thứ nhất vào năm 1992, tại Đại hội kỳ III của GHPGVN). Nhiều GHPGVN ở địa phương cũng được tặng các danh hiệu thi đua và phần thưởng cao quý.

Đối với cá nhân, trong 40 năm hoạt động của GHPGVN, nhiều bậc cao Tăng, nhân sĩ trí thức Phật giáo đã được xã hội tôn vinh, được Nhà nước ghi nhận và trao tặng các danh hiệu cao quý như: Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập và nhiều hình thức khen thưởng động viên xứng đáng đối với những cá nhân trong Giáo hội đã có đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và phát

### **MỘT SỐ HẠN CHẾ TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA GHPGVN**

Bốn mươi năm qua, GHPGVN đã có rất nhiều thành tựu được đánh giá cao, nhưng cũng bộc lộ một số hạn chế trong hoạt động, xin đề cập tới ba hạn chế cơ bản:

*Thứ nhất, quản lý hoạt động của Giáo hội.* Theo truyền thống Phật giáo, Đức Phật không khuyến khích hình thành tổ chức lớn, mà chỉ hình thành Tăng đoàn từ bốn người trở lên để nương tựa nhau, lấy giới luật làm cương yếu. Trong quá trình phát triển, Phật giáo hình thành hệ phái, các sơn môn, chứ không thành tổ chức với quy mô lớn. Hiện nay cơ cấu tổ chức bộ máy Giáo hội, quản lý và điều hành các hoạt động Phật sự dù đã 40 năm nhưng so với một số tổ chức tôn giáo khác vẫn còn rất mới, ít kinh nghiệm. Việc quản lý Giáo hội đang có xu

biểu hiện buông lỏng quản lý ở một số nơi làm ảnh hưởng tới hiệu lực quản lý hành chính đạo theo quy định của Giáo hội.

*Thứ hai, chưa phát huy được quan hệ của tổ chức Giáo hội và hệ phái, sơn môn.* Theo truyền thống, ngoài giới luật chung của Phật giáo, trong hệ phái, sơn môn còn có những quy định riêng để quản lý Tăng, Ni của từng hệ phái, sơn môn gọi là thanh quy, môn quy,... Giống như “quốc có quốc pháp, gia có gia quy”, thanh quy hay môn quy trong Phật giáo là hết sức quan trọng để duy trì giới luật tại nơi tu, nơi ở cụ thể của từng cá nhân, theo “nếp nhà”. Từ cụ thể thấp nhất đó để giám sát tu tập, khuyến tấn tu học làm sáng rõ sơn môn. Trong Giáo hội hiện tại, thanh quy của một số sơn môn có biểu hiện bị xem nhẹ, một số cá nhân không chú trọng vào sơn

triển đất nước.

hướng “*thế tục hóa*”, xuất hiện môn mà chú trọng vào tổ chức

GHPGVN, dẫn tới tình trạng sơn môn không giám sát được cá nhân mà Giáo hội cũng không đủ sức giám sát. Điều đó đã tạo một số sơ hở cho cá nhân lợi dụng để tự do, phóng túng trong sinh hoạt, dẫn tới vi phạm giới luật.

**Thứ ba, năng lực quản lý toàn diện hoạt động chưa ngang tầm với tầm vóc của tổ chức GHPGVN.** Trong 40 năm hoạt động, Giáo hội đã có nhiều điều chỉnh bộ máy quản lý, thường xuyên kiện toàn với bộ máy hành chính đạo khá quy củ. Những quy định như hiến chương, nội quy của các cơ quan trực thuộc luôn được bổ sung, điều chỉnh để đáp ứng hoạt động trong điều kiện mới. Song quản lý và điều hành hoạt động của Giáo hội vẫn còn một số lĩnh vực chưa hiệu quả, cần cải thiện.

## KẾT LUẬN

Chặng đường 40 năm của GHPGVN không dài so với lịch sử Phật giáo đã 2.000 năm có mặt ở Việt Nam. Song 40 năm qua, Giáo hội đã có những bước phát triển quan trọng, tạo nên mốc son mới trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Sự ra đời của Giáo hội đã khẳng định tầm vóc của Phật giáo Việt Nam trong gắn bó và đồng hành cùng dân tộc. Sự lựa chọn đường hướng “*Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội*” là quyết định đúng đắn để những giá trị tốt đẹp của Phật giáo phát huy trong thời đại ngày nay, thực hiện đúng phương châm mà cha ông ta từ ngàn xưa đã vận dụng qua “*dựng đạo để tạo đời*”. Thành tựu của GHPGVN góp phần cùng dân tộc bảo vệ và xây dựng đất nước trong 40 năm qua là không thể phủ nhận. Song, trong thành tựu đáng tự hào ấy,

đâu đó vẫn còn bộc lộ những hạn chế, làm ảnh hưởng tới nội lực tổ chức GHPGVN. Nhìn lại chặng đường 40 năm đã qua, chúng ta tự hào về thành tựu đã cống hiến cho đạo pháp và dân tộc, đồng thời cũng nhìn nhận những hạn chế để khắc phục, nhằm không ngừng xây dựng một tổ chức Phật giáo vững mạnh, xứng đáng với truyền thống của một tôn giáo “*hộ quốc an dân*” luôn gắn bó đồng hành cùng dân tộc. Để Phật giáo thực sự là tôn giáo gương mẫu đoàn kết các tôn giáo và toàn dân góp phần tích cực xây dựng đất nước Việt Nam giàu đẹp.

Để giúp GHPGVN thực hiện hiệu quả hoạt động Phật giáo theo tâm nguyện của các bậc cao tăng tiền bối, đúng với phương châm “*tốt đời đẹp đạo*”, về phía Nhà nước cần quan tâm nhiều hơn nữa chính sách và pháp luật đối với tôn giáo, nhằm tạo môi trường chung, theo hướng cụ thể, bình đẳng cho các tôn giáo. Đồng thời, quan tâm đúng mức đối với lĩnh vực quản lý nhà nước về tôn giáo, để GHPGVN vững mạnh đúng với hạnh nguyện chung của Tăng, Ni, Phật tử và nhân dân là “*tốt đời đẹp đạo*”.

## Chú thích:

- \* Tiến sĩ Bùi Hữu Dược, Nguyên Vụ trưởng Vụ Phật giáo - Ban Tôn giáo Chính phủ.
- [1] Thích Trí Quảng (2012), “Ni giới Việt Nam trong lịch sử dân tộc”, Báo Giác ngộ.
- [2] Thích Thanh Nhã (2012), “*Chùa Trấn Quốc*”. Nxb. Tôn giáo.
- [3] Khánh Bình, “Phật giáo Việt Nam dưới thời Ngô, Đinh và Tiền Lê”, Vườn hoa Phật giáo, truy cập 10/2021, từ [www.vuonhoaphatgiao.com/lich-su/phet-giao-viet-nam/phet-giao-viet-nam-duoi-thoi-ngo-dinh-va-tien-le/](http://www.vuonhoaphatgiao.com/lich-su/phet-giao-viet-nam/phet-giao-viet-nam-duoi-thoi-ngo-dinh-va-tien-le/).
- [4] Hội Văn nghệ Bắc Ninh (2016), “*Lý Vạn Hạnh và Phật giáo thời Lý*”, lưu hành nội bộ.
- [5] Ban Trị sự Phật giáo Quảng Ninh (2014). “*Hỏi thảo Trần Nhân Tông*”. lưu

hành nội bộ.

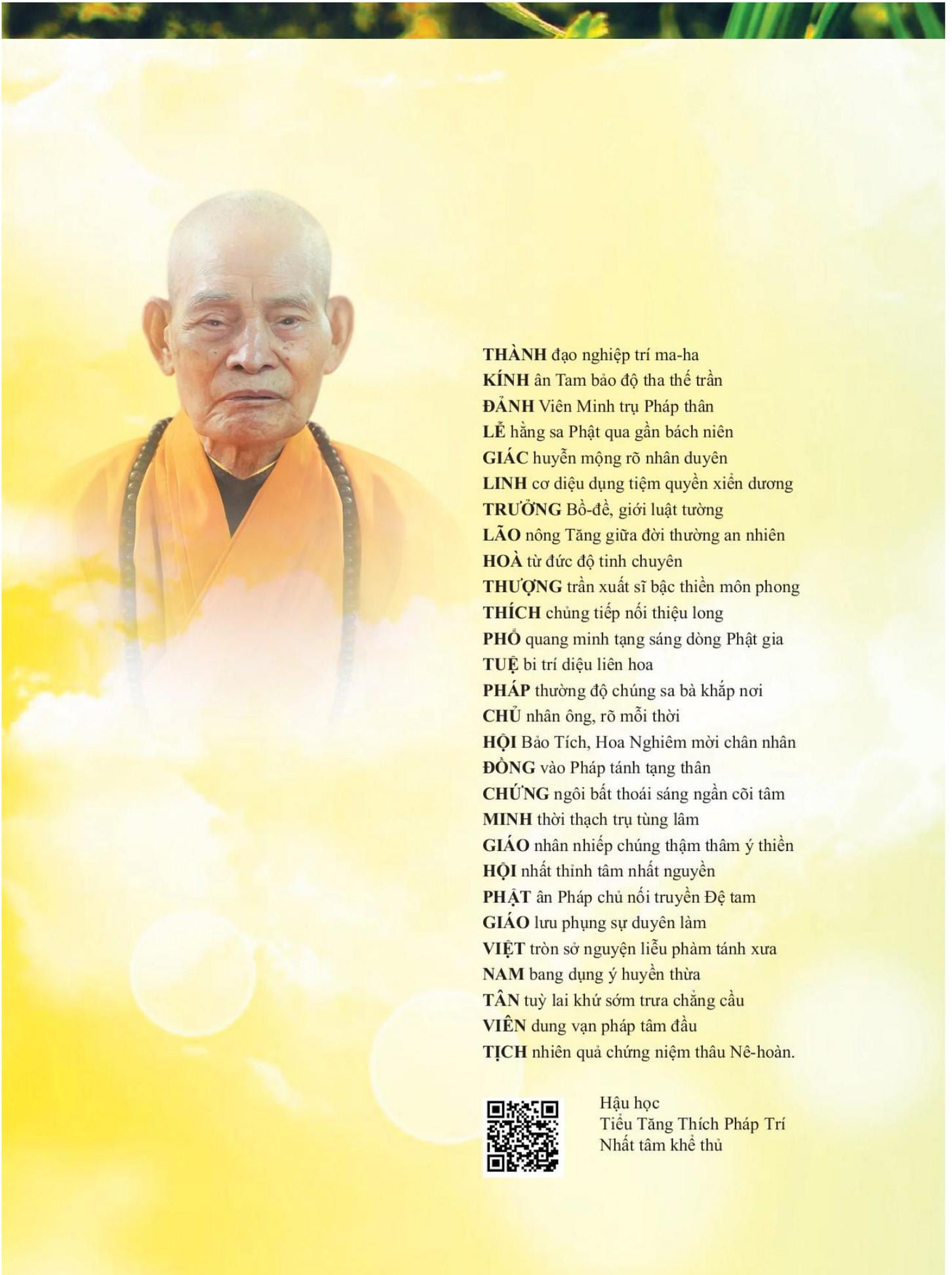
- [6] Phúc Nguyên, “Phật giáo và những ảnh hưởng Phật giáo dưới thời Trần”, Di sản văn hóa nhà Trần ở Đông Triều, truy cập 10/2021, từ [nhatranodongtrieu.vn/bvct/chi-tiet/16/phet-giao-va-nhung-anh-huong-cua-phet-giao-duoi-thoi-tran.html](http://nhatranodongtrieu.vn/bvct/chi-tiet/16/phet-giao-va-nhung-anh-huong-cua-phet-giao-duoi-thoi-tran.html).
- [7] Thích Trí Tụ trụ trì chùa Thiên Mụ, Văn bia chùa Thiên Mụ Huế.
- [8] Phát biểu của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng tại Đại hội Thống nhất Phật giáo (4-7/11/1981).
- [9] Quyết định số 83/BT ngày 29/12/1981, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- [10] Ban Tôn giáo Chính phủ (2014), *Niên giám chức sắc, chức việc, nhà tu hành các tôn giáo là Đại biểu Quốc Hội từ khóa I đến khóa XIV*, Nxb. Tôn giáo, 2014.
- [11] GHPGVN, “*Báo cáo Công tác Phật sự năm 2020*”, 06/2021.

## Tài liệu tham khảo:

1. Phát biểu của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng tại Đại hội Thống nhất Phật giáo 04-07/11/1981.
2. Ban Tôn giáo Chính phủ, Báo cáo công tác năm 2020; Báo cáo sáu tháng đầu năm 2021.
3. Ban Tôn giáo Chính phủ (2014), *Niên giám chức sắc, chức việc, nhà tu hành các tôn giáo là Đại biểu Quốc Hội từ khóa I đến khóa XIV*, Nxb. Tôn giáo, 2014.
4. Ban Trị sự Phật giáo Quảng Ninh (2014), “*Hội thảo Trần Nhân Tông*”, lưu hành nội bộ.
5. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, “*Báo cáo công tác Phật sự năm 2020; Báo cáo sáu tháng đầu năm 2021*”.
6. Hội văn nghệ Bắc Ninh (2016), “*Lý Vạn Hạnh và Phật giáo thời Lý*”, lưu hành nội bộ.
7. Thích Trí Quảng (2012), Ni giới Việt Nam trong lịch sử dân tộc, Báo Giác Ngộ.
8. Thích Thanh Nhã (2012), *Chùa Trấn Quốc*, Nxb. Tôn giáo.
9. Thích Trí Tụ trụ trì chùa Thiên Mụ, Văn bia chùa Thiên Mụ Huế.
10. Quyết định của Hội đồng Bộ trưởng, số 83/BT ngày 29/12/1981.
11. Khánh Bình, “*Phật giáo Việt Nam dưới thời Ngô, Đinh và Tiền Lê*”, Vườn hoa Phật giáo, truy cập 10/2021, từ [www.vuonhoaphatgiao.com/lich-su/phet-giao-viet-nam/phet-giao-viet-nam-duoi-thoi-ngo-dinh-va-tien-le/](http://www.vuonhoaphatgiao.com/lich-su/phet-giao-viet-nam/phet-giao-viet-nam-duoi-thoi-ngo-dinh-va-tien-le/).
12. Phúc Nguyên, “Phật giáo và những ảnh hưởng Phật giáo dưới thời Trần”, Di sản văn hóa nhà Trần ở Đông Triều, truy cập 10/2021, từ [nhatranodongtrieu.vn/bvct/chi-tiet/16/phet-giao-va-nhung-anh-huong-cua-phet-giao-duoi-thoi-tran.html](http://nhatranodongtrieu.vn/bvct/chi-tiet/16/phet-giao-va-nhung-anh-huong-cua-phet-giao-duoi-thoi-tran.html).

# PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

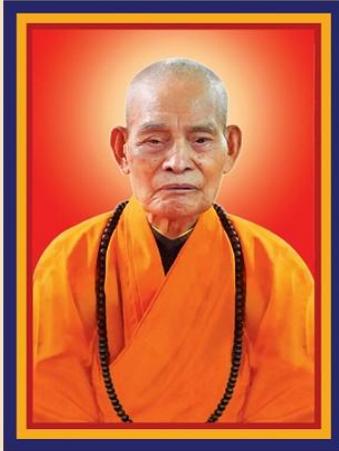




**THÀNH** đạo nghiệp trí ma-ha  
**KÍNH** ân Tam bảo độ tha thể trần  
**ĐẢNH** Viên Minh trụ Pháp thân  
**LỄ** hằng sa Phật qua gần bách niên  
**GIÁC** huyền mộng rõ nhân duyên  
**LINH** cơ diệu dụng tiệt quyền xiển dương  
**TRƯỞNG** Bồ-đề, giới luật tường  
**LÃO** nông Tăng giữa đời thường an nhiên  
**HOÀ** từ đức độ tinh chuyên  
**THƯỢNG** trần xuất sĩ bậc thiền môn phong  
**THÍCH** chủng tiếp nối thiệu long  
**PHỔ** quang minh tạng sáng dòng Phật gia  
**TUỆ** bi trí diệu liên hoa  
**PHÁP** thường độ chúng sa bà khắp nơi  
**CHỦ** nhân ông, rõ mỗi thời  
**HỘI** Bảo Tích, Hoa Nghiêm mời chân nhân  
**ĐỒNG** vào Pháp tánh tạng thân  
**CHỨNG** ngôi bất thoái sáng ngàn cõi tâm  
**MINH** thời thạch trụ tùng lâm  
**GIÁO** nhân nhiếp chúng thậm thâm ý thiền  
**HỘI** nhất tinh tâm nhất nguyên  
**PHẬT** ân Pháp chủ nối truyền Đệ tam  
**GIÁO** lưu phụng sự duyên làm  
**VIỆT** tròn sở nguyện liễu phàm tánh xưa  
**NAM** bang dụng ý huyền thừa  
**TÂN** tùy lai khứ sớm trưa chẳng cầu  
**VIÊN** dung vạn pháp tâm đầu  
**TỊCH** nhiên quả chứng niệm thâm Nê-hoàn.



Hậu học  
 Tiểu Tăng Thích Pháp Trí  
 Nhất tâm khể thủ



Đại lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ (1917-2021)  
ĐỨC ĐỆ TAM PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM



# TÂN VIÊN TỊCH

**ĐỨC PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM**

**ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH PHỔ TUỆ**

VIÊN TỊCH, NGÀY 21/10/2021 (NHĂM NGÀY 16/9 NĂM TÂN SỬU)

**TRỤ THỂ: 105 NĂM - HẠ LẠP: 85 NĂM**

## TIỂU SỬ

### 1. Thân thế

Đại lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ - Thế danh Bùi Văn Quý, sinh ngày 12 tháng 4 năm 1917 tại thôn 5, xã Phùng Thiện, tổng Bồng Hải, nay là thôn Phùng Thiện, xã Khánh Tiên, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Thân phụ là cụ ông Bùi Quang Oánh, thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Thịnh. Song thân của Ngài đều là những Phật tử thuần thành. Ngài là người con thứ 2 trong gia đình có 3 anh em.

### 2. Hành trạng

#### Xuất gia tu học:

Vốn được sinh ra trong gia đình có truyền thống thâm tín Phật Pháp, cho nên hạt giống Bồ đề của Ngài sớm nảy nở, lên 9 tuổi (tức năm 1925), Ngài được song thân cho đến chùa ở với Sư cụ Thích Đàm Cơ, trụ trì chùa Phúc Long, thôn Phú An, xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình và được Sư cụ cho theo học chữ Nho với cụ đồ Hiệng nổi tiếng trong vùng.

Năm Ngài 13 tuổi (tức năm 1929) Đại lão Hòa thượng được Sư cụ cho đến làm đệ tử Sư tổ Thích Nguyên An, trụ trì chôn tổ Vọng, xã Yên Đồng, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định. Trải qua 3 năm tu học, đến năm 16 tuổi (tức năm 1932) Ngài được Sư tổ Vọng cho thụ giới Sa Di tại Giới đàn hạ trường chùa Đồng Cao, xã Yên Lộc, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Năm 18 tuổi (tức năm 1934) Đại lão Hòa thượng đến sam học và y chỉ vào Sư tổ Thích Quảng Tồn, trụ trì Tổ đình Viên Minh, thôn Khai Thái, xã Tâm Khê, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Đông (nay là xã Quang Lãng, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội). Khi vừa tròn 20 tuổi (tức năm 1936), Ngài được thụ Cụ Túc giới và Bồ Tát giới tại Đại giới đàn Tổ đình Viên Minh, do Sư tổ Thích Quảng Tồn làm Đàn đầu Hòa thượng.

Sau khi đầy đủ giới pháp, Ngài bắt đầu quá trình sam phương cầu đạo. Ngài đến sam học ở hầu hết các Sơn môn, Tổ đình lớn thời bấy giờ như Sơn môn Tế Xuyên, Sơn môn Hương Tích, Tổ đình Vĩnh Nghiêm.

### **Hoạt động Phật sự:**

Từ năm 1952 Ngài vân du hành đạo tại chùa Linh Ứng, thôn Kim Đới I, xã Hữu Bằng, huyện Kiến Thụy, Thành phố Hải Phòng. Đến năm 1957, Ngài lại trở về hầu thầy phụng Phật tại Tổ đình Viên Minh, xã Quang Lãng, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội.

Năm 1961, Sư tổ Thích Quảng Tốn trụ trì đời thứ hai Tổ đình Viên Minh viên tịch, Ngài được kế đăng làm trụ trì đời thứ ba Tổ đình Viên Minh từ đó cho đến nay.

Đến năm 1987, Đức Đệ nhất Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam cử ba vị cao tăng là Cố Hòa thượng Thích Kim Cương Từ, Cố Hòa thượng Thích Thiện Siêu và Cố Hòa thượng Thích Tâm Thông về Tổ đình Viên Minh mời Ngài lên Hà Nội chủ trì hiệu đính Đại tạng kinh Việt Nam và tham gia các hoạt động Phật sự của Giáo hội. Từ đó Ngài đã đảm nhiệm nhiều chức vụ trong các cấp Giáo hội qua các thời kỳ như sau:

**1993 - 2008:** Trưởng Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Hà Tây.

**1993 - 2008:** Hiệu trưởng Trường Trung cấp Phật học Hà Tây.

**1992 - 1997:** Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

**1997 - 2007:** Phó Chủ tịch Hội đồng trị sự kiêm Phó Ban Tăng sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

**2002 - 2007:** Phó Pháp chủ kiêm Chánh Thư ký Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

**2003 - 2007:** Viện trưởng Phân viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam tại Hà Nội.

**2003 - 2007:** Tổng Biên tập tạp chí Nghiên cứu Phật học Việt Nam.

**2007 - Nay:** Pháp chủ Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

**2009 - Nay:** Đường chủ các Hạ trường tại các tỉnh, thành phố.

**2009 - Nay:** Đoàn đầu Hòa thượng các Đại Giới Đàn tại các tỉnh, thành phố.

Bên cạnh việc đảm nhiệm các chức vụ Giáo hội, Ngài cũng có nhiều công lao đóng góp cho sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc, từ phong trào Bình dân học vụ đến phong trào xây dựng hợp tác xã sau khi hòa bình lập lại. Cùng với việc chăm lo chùa cảnh góp phần xây dựng quê hương, Ngài là bậc chân tu, luôn giữ tinh đoàn kết các tôn giáo, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Ngài tham gia làm Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhiều khóa, từ khóa 4 đến khóa 9 hiện nay.

### **Tác phẩm dịch thuật và trước tác:**

Ngài là bậc cao Tăng thông tuệ am hiểu Tam tạng Thánh giáo. Đặc biệt Ngài có nhiều đóng góp quan trọng trong việc biên soạn, dịch thuật và trước tác các tác phẩm về Phật học ở Việt Nam. Ngài dành cả

cuộc đời cho sự nghiệp biên soạn, chú giải Đại Từ điển Phật học. Chú giảng và thuyết giảng kinh Lăng Nghiêm, Đề cương kinh Pháp Hoa, Kinh Bách Dụ, Phật Tổ tam kinh, Phật học là tuệ học, Kinh Di Đà Viên Trung sao, Bát Nhã Dur Âm. Các bộ Luật Tỷ khiêu, Luật Tỷ Khiêu Ni lược ký.

Ngoài những tác phẩm biên soạn, dịch thuật và trước tác về Phật học nêu trên, Ngài cũng sáng tác nhiều bài thơ Đường luật, theo thể thất ngôn bát cú để sách tiến hàng hậu học trong các khoá an cư kết hạ.

### **Ghi nhận công đức:**

Trong suốt cuộc đời hành đạo tại Tổ đình Viên Minh, cũng như quá trình tham gia các hoạt động Phật sự của Giáo hội và xã hội, Đại lão Hòa thượng đã có nhiều đóng góp cho Đạo pháp và Dân tộc. Công đức ấy luôn được Giáo hội và Nhà nước trân trọng ghi nhận, trao tặng nhiều phần thưởng cao quý như: Huân chương Hồ Chí Minh; Huân chương Độc lập hạng Nhì; Huân chương đại đoàn kết dân tộc; Huy chương vì sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam và nhiều Bằng tuyên dương công đức của Giáo hội.

### **3. Thời kỳ viên tịch**

Trải qua 105 năm hiện diện ở cõi Sa Bà, với 85 hạ lập, trên ngôi vị Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ngài đã trọn đời hiến dâng cho lý tưởng hoàng pháp lợi sinh. Công đức của Ngài đã góp phần to lớn vào sự nghiệp làm sáng danh đạo Phật và dân tộc Việt Nam. Cuộc đời Ngài từ sơ tâm xuất gia cho đến lúc hóa duyên đã mãi luôn luôn là tấm gương chiếu sáng trong công phu tu thân, hành đạo cho cả giới xuất gia và tại gia. Ngài luôn lấy giới hạnh tinh nghiêm làm thân giáo để răn dạy, sách tấn hàng hậu học. Cuộc đời Ngài là biểu tượng tinh thần Bi - Trí - Dũng, đặc biệt trong công hạnh vô ngã vị tha, tận lực chuyên tâm vào sự nghiệp hoàng dương chính pháp, phục vụ nhân sinh, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ngày càng vững mạnh.

Thời khắc thiêng liêng tương hội, công đức hóa duyên viên mãn, Đức Đại lão Hòa thượng Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã thân thần thị tịch vào hồi 03 giờ 22 phút ngày 21 tháng 10 năm 2021 (nhằm ngày 16 tháng 9 năm Tân Sửu) tại Tổ đình Viên Minh, xã Quang Lãng, huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội. Ngài ra đi để lại trong lòng môn đồ tứ chúng, Tăng Ni Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước niềm kính thương vô hạn, kính tiếc vô cùng. Ngài ra đi nhưng cuộc đời đức hạnh của Ngài mãi mãi hằng hữu trong trang sử huy hoàng của Phật giáo Việt Nam thời hiện đại.

Nam mô Việt Nam Phật giáo Giáo hội Hội đồng Chứng minh Đức Pháp chủ Ma ha Sa môn Tỷ khiêu - Bồ tát giới Pháp hỷ thượng Phổ hạ Tuệ - Đạo hiệu Phổ Thông Đại lão Hòa thượng tọa tiền chứng giám.

**TOÀN CẢNH TANG LỄ**  
**ĐỨC PHÁP CHỦ GHPGVN**  
**ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH PHỔ TUỆ**  
 TRỤ THẾ: 105 NĂM - HẠ LẠP: 85 NĂM



**LỄ TƯỞNG NIỆM ĐỨC PHÁP CHỦ GHPGVN ĐƯỢC TỔ CHỨC TẠI BTS GHPGVN CÁC TỈNH THÀNH**



# CHỦ TỊCH NƯỚC NGUYỄN XUÂN PHÚC CÙNG LÃNH ĐẠO CÁC BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG VIẾNG TANG ĐỨC PHÁP CHỦ GHPGVN



Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2021

Đại Lão Hòa thượng Thích Phổ Tuệ, Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam, bậc cao tăng, thành hiền, vị chân tu thanh bạch của Phật giáo thế này, là biểu tượng và tinh thần đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo. Trọn cùng vì lợi ích cao nhất của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hòa thượng luôn gắng gỏi, chỉ dẫn và định hướng Giáo hội Phật giáo Việt Nam, hình thành "phương châm" "Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội". Cuối đời Hòa thượng là một chứng nhân sống cho những giá trị văn hóa, đạo đức của Phật giáo Trung đại Đông phương. Và những công đức to lớn cho đất nước, Hòa thượng Thích Phổ Tuệ đã được Nhà nước ghi nhận và trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh cùng nhiều phần thưởng cao quý khác.

Thay mặt Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và với tình cảm cá nhân, tôi thành kính phân ưu và xin gửi lời chia buồn sâu sắc tới Trung ương Giáo hội, Tăng Ni, tín đồ Phật giáo Việt Nam ở trong và ngoài nước. Tôi mong quý vị Tăng Ni, tín đồ Phật giáo Việt Nam hãy học gương tu thân của bậc thầy Hòa thượng để cùng nhau xây dựng Giáo hội Phật giáo Việt Nam đoàn kết, vững mạnh, ngày càng đóng góp xứng đáng cho công cuộc xây dựng xã hội và Tổ quốc.

Nguyễn Xuân Phúc  
Ủy viên Bộ Chính trị  
Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam



Phái đoàn lãnh đạo Đảng, Nhà nước do ông Nguyễn Xuân Phúc, UV Bộ Chính trị, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam làm trưởng đoàn



Phái đoàn Chính phủ do ông Phạm Bình Minh, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ viếng tang Đức Pháp chủ GHPGVN



Phái đoàn Quốc hội nước CHXHCN VN do ông Nguyễn Mạnh Hùng, Phó chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội làm trưởng đoàn



Phái đoàn do bà Phạm Thị Thanh Trà, Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ làm trưởng đoàn



Phái đoàn Bộ Công an do Thiếu tướng Phạm Ngọc Việt Ủy viên Đảng ủy Công an Trung ương, Cục trưởng Cục An ninh Nội địa Bộ Công an làm trưởng đoàn



Phái đoàn Quân khu 7 do Đại tá Trần Đức Thắng Phó Chủ nhiệm Chính trị Quân khu 7 làm trưởng đoàn



Ông Nguyễn Văn Nền, ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy và đại diện các ban, ngành, đoàn thể chính quyền TPHCM



Bà Nguyễn Thị Tuyên – Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thường trực Thành ủy và đại diện các ban, ngành, đoàn thể chính quyền TP.Hà Nội



Đại diện Ủy ban Trung ương MTTQVN, ban Tôn giáo Chính Phủ, ban Dân vận Trung ương, ban Dân tộc Trung ương và nhiều ban ngành lãnh đạo các cấp cùng đại diện các ban ngành, đoàn thể TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh thành cả nước cũng đến viếng taji lễ đại do BTS GHPGVN cấp tỉnh thiết trí

PHẬT GIÁO &amp; THỜI ĐẠI



# Vai trò của Truyền thông Phật giáo

trong việc thông tin, phản ánh hoạt động,  
của Phật giáo trong và ngoài nước

TT. THÍCH MINH NHÃN\*

**T**rong bối cảnh hội nhập, thế giới liên tục biến đổi, truyền thông là lĩnh vực có nhiều đổi thay nhất; tác động đến hầu hết mọi lĩnh vực kinh tế, xã hội, chính trị, quân sự... Với xu thế toàn cầu hóa, hiệu quả tác động của báo chí truyền thông đã và đang được toàn thế giới quan tâm, bởi nó ảnh hưởng đến các mặt đời sống xã hội, đến lợi ích của từng quốc gia và mỗi công dân. Trước tình hình phát triển chung ấy, Phật giáo Việt Nam cũng không ngoại lệ, cần hội nhập để tiếp thu các giá trị của thời đại và phát huy vai trò của truyền thông Phật giáo trong việc thông tin, phản ánh hoạt động Phật giáo trong và ngoài nước.



## 1. CƠ SỞ NGHIÊN CỨU:

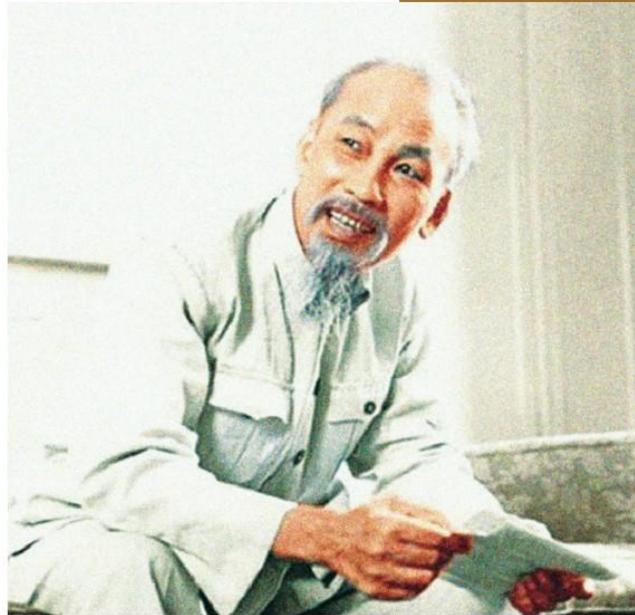
### 1.1. Khái niệm Truyền thông và Truyền thông Phật giáo

Truyền thông là quá trình truyền đạt thông tin trong mỗi cá nhân (truyền thông cá nhân), giữa các cá nhân (truyền thông liên cá nhân), các nhóm (truyền thông nhóm) hoặc rộng rãi đến mọi người trong xã hội thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng như báo chí, phát thanh, truyền hình, trang thông tin điện tử trên nền tảng Internet.

Trong đó, đối với truyền thông đại chúng, nguồn truyền tin phải sử dụng các phương tiện trung gian là những công cụ kỹ thuật hay những kênh để qua đó tiến hành việc phổ biến, loan truyền thông điệp đến mọi người trong xã hội. Với đời sống xã hội, truyền thông được coi như “quyền lực mềm”. Tuy nhiên, truyền thông luôn mang tính hai mặt, và tính hai mặt này (tích cực và tiêu cực) tác động đến nhận thức và ứng xử của công chúng ở tất cả các phạm vi và cấp độ khác nhau, từ cấp độ Nhà nước đến đời sống của các cá nhân, từ cấp độ quốc gia, khu vực đến quốc tế, từ lĩnh vực kinh tế đến chính trị, văn hóa - xã hội...

Trong khi đó, truyền thông Phật giáo có lịch sử tồn tại từ hơn 2.500 năm trước. Sau khi chứng ngộ, với lòng từ bi, Đức Phật đã mang sự giác ngộ đó giáo hóa chúng sinh. Khi Đức Phật sắp nhập Niết bàn, thầy A Nan hỏi Đức Phật sau này ghi lại những lời dạy của Phật thì lấy gì làm bằng chứng cho người khác tin, Đức Phật dạy thầy A Nan nên bắt đầu mỗi bài kinh bằng câu: “Nhu thị ngã văn,” tức là “Tôi nghe như

vậy” - là nghe Đức Phật giảng như thế nào thì tụng lại, ghi lại như thế đó, không thêm không bớt. Đây chính là bản chất của truyền thông chân chính, trung thực.



Truyền thông hiện đại cũng đề cao sự trung thực. Ngay từ năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn các cán bộ tuyên truyền: “Tuyên truyền, anh em nên chú ý một điều này nữa là bao giờ ta cũng tôn trọng sự thực. Có nói sự thực thì việc tuyên truyền của mình mới có nhiều người nghe” [1]. Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cao tính “chân thực” bởi nó vừa là sức mạnh của bài nói, bài viết cũng đồng thời là thước đo đạo đức của người làm báo cách mạng. Mỗi bài viết của nhà báo phải đúng sự thật, tức là phải bắt nguồn từ thực tế cuộc sống với những con số, những sự kiện đã được xem xét kiểm tra, chọn lọc.

Truyền thông hiện đại cũng đề cao sự trung thực. Ngay từ năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn các cán bộ tuyên truyền: “Tuyên truyền, anh em nên chú ý một điều này nữa là bao giờ ta cũng tôn trọng sự thực.”



Truyền thông luôn mang tính hai mặt, và tính hai mặt này (tích cực và tiêu cực) tác động đến nhận thức và ứng xử của công chúng ở tất cả các phạm vi và cấp độ khác nhau, từ cấp độ nhà nước đến đời sống của các cá nhân, từ cấp độ quốc gia, khu vực đến quốc tế; từ lĩnh vực kinh tế đến chính trị, văn hóa - xã hội...

Hơn 2.500 năm trước, Đức Phật đã đề cập đến bản chất của truyền thông là sự chân thật. Cũng từ đó, công tác truyền thông được phát triển bằng nhiều hình thức khác nhau qua mỗi giai đoạn, nhằm mục đích mang đến cho mọi người nhận thức đúng đắn về những lời chỉ dạy của Đức Phật, hướng dẫn Tăng Ni và Phật tử sống đúng chánh pháp, hướng đến giác ngộ và giải thoát. Vì vậy, sứ mạng của truyền thông Phật giáo là mang đến cho công chúng những thông điệp về niềm tin và thực hành theo giáo lý Phật giáo, giá trị của Phật giáo, cũng như thông tin về cộng đồng Phật giáo.

Đồng thời, truyền thông Phật giáo còn mang trong mình trọng trách quan trọng trên mặt trận đấu tranh với những thông tin sai lệch về Phật giáo và cộng đồng Phật giáo. Tại Việt Nam, ngược dòng lịch sử, khi phong trào chấn hưng Phật giáo thập niên 1930 nổ ra, các tu sĩ đã nhận thấy vai trò của truyền thông phục vụ cho công cuộc chấn hưng, đã cho ra đời nhiều tờ báo như ở Nam bộ có *Pháp Âm, Từ Bi Âm, Duy Tâm, Tiến Hóa, Bát Nhã Âm...*; ở Trung bộ có *Viên Âm, Tam bảo*; ở Bắc bộ có tờ *Đức Tuệ, Tiếng Chuông Sớm* ... Các tờ báo này đã mạnh dạn nêu lên những hoạt động không đúng chánh pháp như mê tín dị đoan; các Tăng, Ni chỉ lo cúng đám mà không sách tấn tu tập, học hành... Nhờ vậy, Phật giáo thời kỳ này chú trọng về phẩm hơn về lượng, nên sự nghiệp hoằng pháp phát triển như trăm hoa đua nở, từ đội ngũ Tăng tài đến số lượng đồ sộ kinh sách được soạn, dịch đã đáp ứng được yêu cầu của lịch sử: Đạo pháp - Dân tộc.

Truyền thông Phật giáo chính là truyền đạt và chia sẻ thông tin đến cá nhân hoặc cộng đồng, là “truyền tải *Chánh pháp của đạo Phật đưa vào xã hội hướng đến phương châm Đạo pháp Dân tộc; hướng dẫn Tăng, Ni trẻ và Phật tử gần với chân thiện mỹ, góp phần phục vụ cho Giáo hội; nhiệm vụ truyền thông Phật giáo là kết nối giữa Giáo hội và Tăng, Ni, Giáo hội với chính quyền, giữa Phật giáo với xã hội*” [2]. Đó là quá trình truyền tải, thông tin về nhiều mặt đời sống Phật giáo và Tăng đoàn đến xã hội. Truyền thông Phật giáo là một thành phần không thể tách rời trong quá trình hoằng pháp của Phật giáo Việt Nam nói riêng và Phật giáo thế giới nói chung. Do đó, Phật giáo cũng đã và đang sử dụng những thành tựu công nghệ tiên tiến của nhân loại, nhằm đưa Phật pháp vào đời để chuyển hóa nhân gian, hướng chúng sinh đến sự an lạc.

### 1.2. Cơ sở pháp lý:

Theo hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) quy định, Hội đồng Trị sự là cơ quan duy nhất giữ quyền phát ngôn của GHPGVN, có trách nhiệm về nội dung phát ngôn do các cơ quan, cá nhân trong GHPGVN thực hiện; quản lý hoạt động thông tin truyền thông có liên quan đến Giáo hội Phật giáo Việt Nam; có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc xử lý các tổ chức, cá nhân phát ngôn, thông tin truyền thông có nội dung xuyên tạc, thiếu chính xác, thiếu khách quan liên quan đến Đạo Phật nói chung, và đến tổ chức Giáo hội Phật giáo Việt Nam các cấp và các thành viên [3]. Còn Ban

Thông tin Truyền thông Trung ương GHPGVN là cơ quan phát ngôn của GHPGVN, hoạt động dựa trên Hiến chương GHPGVN, Luật Tín ngưỡng Tôn giáo, Luật Báo chí, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy chế hoạt động Ban Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN và căn cứ vào nhu cầu, sự cần thiết cung cấp thông tin báo chí của GHPGVN.

GHPGVN cũng quy định rất chặt chẽ, rõ ràng tiêu chuẩn của người phát ngôn: Quyền và trách nhiệm của người đứng đầu tổ chức thuộc hệ thống Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí; Quyền và trách nhiệm của người phát ngôn, người được ủy quyền phát ngôn và trách nhiệm của cơ quan báo chí, nhà báo, phóng viên Phật giáo. Theo đó, người phát ngôn phải có đạo đức tốt, thấm nhuần tư tưởng Phật giáo và am hiểu Pháp luật của Nhà nước; có năng lực phân tích, tổng hợp, xử lý thông tin báo chí; có khả năng giao tiếp với các cơ quan báo chí, cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan. Đối với cơ quan báo chí, nhà báo, phóng viên Phật giáo, GHPGVN yêu cầu Cơ quan báo chí, nhà báo, phóng viên có trách nhiệm đăng, phát, phản ánh trung thực, khách quan, đầy đủ nội dung phát ngôn và thông tin do người phát ngôn, người được ủy quyền phát ngôn cung cấp và phải chịu trách nhiệm trước các thông tin đăng tải của mình.

Những định hướng và nhiệm vụ của Giáo hội Phật giáo Việt Nam giao cho Ban Thông tin Truyền thông được quy định cụ thể trong nội quy hoạt động như:

- Nhiệm vụ về thông tin: “*Hộ trì Chính Pháp, bảo vệ Giáo hội. Kiểm soát và loại bỏ các thông tin truyền thông không chính thống, thông tin bôi nhọ, làm xấu hình ảnh của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, của chư Tăng Ni, Phật tử và làm sai lệch giáo lý, tôn chỉ của đạo Phật.*”

*Đảm bảo mọi thông tin của Giáo hội ra bên ngoài, trên phương tiện truyền thông là thống nhất và phản ánh đúng, đầy đủ, trung thực ý chí của Giáo hội theo nguyên tắc trong lời nói đầu của Hiến chương Giáo hội Phật giáo tu chính lần thứ V: “Sự thống nhất của Phật Giáo Việt Nam xây dựng trên nguyên tắc: Thống nhất ý chí và hành động, thống nhất lãnh đạo và tổ chức. Đồng thời vẫn tôn trọng và duy trì các truyền thống hệ phái, cũng như các pháp môn và phương tiện tu hành đúng chính pháp”;*

*Tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin, hệ thống cổng thông tin điện tử, báo chí của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.*

*Bảo đảm kỹ thuật và tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh về thông tin của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trên mạng máy tính và trên các phương tiện thông tin đại chúng. Thực hiện các biện pháp bảo vệ cần thiết, phù hợp với quy định của Pháp luật trong trường hợp an toàn, an ninh về thông tin nói riêng và uy tín danh dự nói chung của thành viên hoặc của Giáo hội Phật giáo Việt Nam bị đe dọa bởi bất cứ mối nguy hại nào từ bên trong hoặc bên ngoài Giáo hội”.*

- Nhiệm vụ về truyền thông: “*Thực hiện truyền bá chính pháp thông qua việc ca ngợi văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam nói chung và đạo Phật nói riêng, hướng Phật tử và đạo hữu cũng như toàn thể đồng bào cùng đến với chân, thiện, mỹ, góp phần tăng cường sự đoàn kết, gắn bó trong toàn xã hội.*”

*Thực hiện nhiệm vụ kết nối giữa Giáo hội và các cá nhân, tổ chức bên ngoài để tạo ra mối liên kết mạnh mẽ giữa đạo và đời nhằm nâng cao vai trò của Phật giáo trong đời sống nhân dân, hộ trì hoàng dương Phật pháp, tham gia xây dựng bảo vệ Tổ quốc, phục vụ dân tộc, góp phần xây dựng hoà bình, an lạc trên thế giới. Phối hợp với các cơ quan các cấp có thẩm quyền của Nhà nước hoặc của Giáo hội để thông tin, tuyên truyền về Giáo hội Phật giáo Việt Nam hoặc xử lý đối với các hành vi vi phạm gây hậu quả xấu hoặc làm ảnh hưởng tới Giáo hội Phật giáo Việt Nam”.*

### 1.3. Cơ sở lý luận Phật giáo:

Hoàng pháp lợi sinh là mục tiêu trong các hoạt động Phật sự, xiển dương giáo lý nhà Phật, giúp chúng sinh vững bước trên đường giác ngộ, gieo duyên lành với chúng sinh. Đây cũng chính là sự thực hành lời dạy Đức Phật: “*Hãy cất bước du hành vì lợi ích của nhiều người, vì an lạc của nhiều người, vì lòng thương xót thế gian, vì sự tiến hóa, sự lợi ích, sự an vui của chư Thiên và nhân loại, chớ đi hai người chung một (đường)*” [4]. Sự nghiệp hoàng pháp phải triển khai một cách thích hợp để mọi người có thể nắm bắt được ý nghĩa, áp dụng thực hành trong đời sống bằng

cách giảng giải về phạm hạnh thanh tịnh một cách trọn vẹn và đầy đủ.

Hoàng pháp không chỉ giới hạn trong việc truyền bá giáo lý của nhà Phật mà còn là làm sao để giáo lý ấy được đông đảo tín chúng thực hành, hưởng thượng, hưởng thiện, nếm trái pháp vị. Hoàng pháp cũng không tách rời với thời cuộc, vì truyền thống Phật giáo Việt Nam tồn tại và song hành cùng dân tộc đã hàng nghìn năm qua. Trong ý nghĩa ấy, hoàng pháp phải lan tỏa và lan tỏa bằng truyền thông như là một trong những phương tiện thiện xảo trong thời đại mới.

### 1.4. Cơ sở thực tiễn:

Truyền thông Phật giáo là một trong những phương tiện để thực hiện công cuộc hoàng pháp lợi sinh. Đặc biệt khi sức mạnh truyền thông đang trở thành một lực lượng vật chất quan trọng, có khả năng tạo nên những ảnh hưởng nhất định trong xã hội, thì vai trò của truyền thông Phật giáo ngày càng được chú trọng.

Từ khi GHPGVN thành lập 1981 đến nay, các hoạt động Phật sự ngày càng phát triển, lan tỏa và đối diện với nhiều thời cơ cũng như thách thức. Nhận thấy “sức mạnh mềm” của truyền thông, Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc nhiệm kỳ VII (2012-2017) Trung ương GHPGVN đã thành lập Ban Thông tin Truyền thông để có tiếng nói chính thức của GHPGVN trong thông tin quản lý điều hành mọi Phật sự và truyền bá chánh pháp. Từ đó đến nay, mỗi tỉnh thành cũng hình thành các Ban TT-TT trực thuộc Ban Trị sự Phật giáo của địa phương mình,

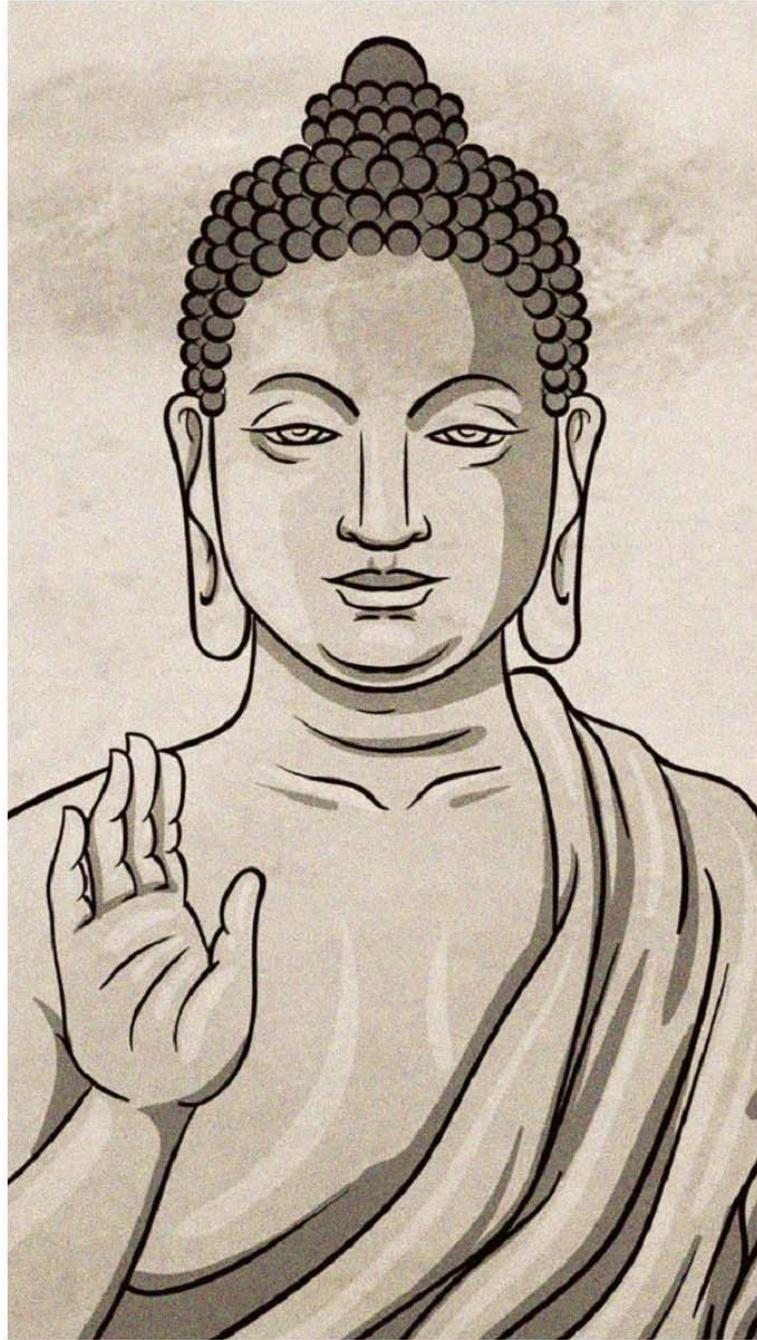
góp phần truyền tải nhiều thông tin Phật sự đến cộng đồng. Bên cạnh đó, các chùa, tự viện và cư sĩ cũng thành lập các trang thông tin điện tử, ấn tống kinh sách, băng đĩa để truyền bá Phật pháp cho Tăng Ni và tín đồ Phật giáo.

Đến Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII (2017 - 2022) thì Nghị quyết Đại hội lại xem: “*Đẩy mạnh truyền thông Phật giáo như một kênh Hoằng pháp, phát triển các hoạt động từ thiện xã hội, giáo dục và nỗ lực phát huy tốt việc ứng dụng mạng xã hội trong việc tuyên truyền, chuyển tải hình ảnh tốt đẹp của Tăng, Ni tích cực tham gia hoạt động Hoằng pháp lợi sanh, các công tác xã hội, hình ảnh cái vẻ cái thiện và tinh thần Từ bi - Trí tuệ đến cộng đồng và xã hội. Truyền thông Phật giáo hướng đến mỗi một Phật tử có sử dụng thiết bị di động nghe nhìn, điện thoại thông minh trở thành thành viên truyền thông của Phật giáo, mỗi một Phật tử là một Hoằng pháp viên của thời đại công nghệ kỹ thuật số mà cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra*”. Đồng thời, “*đẩy lùi các thông tin mang tính xuyên tạc, cố ý bôi nhọ đời sống phạm hạnh của Tăng, Ni với ý đồ làm giảm uy tín của Tăng đoàn, Giáo hội và đạo Phật, để người dân mất niềm tin và không còn thiện cảm dẫn đến việc từ bỏ, xa rời đạo Phật*”.

## 2. CÁC KÊNH TRUYỀN THÔNG PHẬT GIÁO

### 2.1. Kênh truyền thông Phật giáo truyền thống

Hàng nghìn năm qua, truyền thông Phật giáo đã tồn tại không bằng vũ khí, phương tiện và công nghệ, không dựa vào một nguồn tài lực kinh tế dồi dào, mà đơn thuần chỉ bằng sức mạnh của trí



Nhiệm vụ về thông tin: Hộ trì chính pháp, bảo vệ Giáo hội, kiểm soát và loại bỏ các thông tin truyền thông không chính thống, thông tin bôi nhọ, làm xấu hình ảnh của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, của chư Tăng Ni, Phật tử và làm sai lệch giáo lý, tôn chỉ của đạo Phật.

tuệ, lòng từ bi và đức hạnh. Kinh Tương Ưng, Thiên Đại Phẩm Đức Phật dạy: *“Hãy ra đi, này các Tỳ kheo, đem sự tốt đẹp lại cho nhiều người, đem hạnh phúc đến nhiều người. Vì lòng từ bi, hãy đem sự tốt đẹp, lợi ích và hạnh phúc lại cho chư Thiên và nhân loại. Mỗi người hãy đi một ngã. Này hỡi các Tỳ kheo, hãy hoằng dương giáo pháp, toàn hảo ở đoạn đầu, toàn hảo ở đoạn giữa, toàn hảo ở đoạn cuối cùng, toàn hảo trong cả hai, tinh thần và văn tự. Hãy công bố đời sống thiêng liêng cao thượng, vừa toàn thiện, vừa trong sạch”*.

Đức Phật đã cùng các thánh đệ tử của mình đi truyền bá giáo lý, vì lòng từ bi, vì trí tuệ phổ tế chúng sanh. Không có một nơi ở nhất định, một mình và không tiền của, những nhà truyền giáo đầu tiên ấy đi đây đi đó để truyền dạy giáo pháp. Tăng đoàn là đại diện của Đức Phật tồn tại ở thế gian. Đó là giáo đoàn gồm những vị xuất gia truyền thừa qua nhiều thế hệ, sống theo tinh thần giới luật của Phật chế định. Hơn 2.500 năm qua, Tăng đoàn đã duy trì và phát triển giáo pháp của Đức Phật, khiến cho gia tài chánh pháp của Ngài không bị mai một mà ngày càng thêm đa dạng và phong phú hơn.

Sự tồn tại của truyền thông Phật giáo lúc bấy giờ không phụ thuộc vào mạng kết nối (qua trung gian), bởi vì Tăng đoàn tượng trưng cho Tam Bảo, đã thừa hành sứ mạng, mang chánh pháp truyền thừa mạng mạch. Tăng cũng chính là hiện thân của những vị Thánh giả, những người đã giác ngộ chân lý tối thượng siêu xuất thế gian. Truyền thông Phật giáo chủ yếu bằng lời nói, hình ảnh Tăng đoàn trang nghiêm thánh thiện,

những cử chỉ nhẹ nhàng dễ mến và bằng tất cả tâm lực để truyền tải giáo pháp đến cho mọi người *“nhất bất thiên gia phạm, cô thân vạn lý du, kỳ vi sanh từ sự, giáo hóa độ xuân thu”*. Từ đó, kênh truyền thông Phật giáo truyền thông tiếp tục có những đóng góp quan trọng và cần thiết cho nhân loại. Kết quả này phụ thuộc vào chính những người làm truyền thông Phật giáo và các thế hệ tiếp nối. Người làm công tác truyền thông Phật giáo cũng chính là những người đang làm công tác hoằng truyền giáo pháp.

## 2.2. Kênh truyền thông Phật giáo trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0

Ngày nay truyền thông Phật giáo có vai trò rất quan trọng trong quá trình hiện đại hóa Phật giáo, góp phần giúp cho Phật giáo thích ứng kịp thời trước xu thế toàn cầu hóa hiện nay: truyền tải chính pháp vào xã hội, kết nối giữa Giáo hội và Tăng, Ni, giữa Giáo hội với chính quyền, giữa Phật giáo với xã hội. Vai trò của truyền thông Phật giáo đạt hiệu quả cao là nhờ việc sử dụng các loại hình truyền thông khác nhau như: Kênh truyền hình Phật giáo, Youtube, Zalo, Facebook, mạng xã hội Lotus (phiên bản Facebook Phật giáo Việt Nam), trang online, thư viện số, báo giấy, báo điện tử... Ngoài ra còn các trang cá nhân, chùa, các đạo tràng của người xuất gia cũng như tại gia tham gia vào công tác truyền thông.

Cho đến thời điểm hiện tại, vẫn không thể biết được chính xác có bao nhiêu website Phật giáo đang tồn tại trên thế giới mạng Internet. Tất cả những con số thống kê chỉ là tương

đối vì các trang thông tin điện tử có thể phát sinh hàng ngày, hàng giờ. Đó là chưa kể hàng trăm ngàn trang Phật giáo trên mạng xã hội nhưng không được thống kê. Theo cuộc khảo sát gần đây nhất, hiện trên toàn thế giới có khoảng gần 515 website Phật giáo bằng tiếng Việt của các tự viện và cư sĩ được thống kê [5]. Thông qua những trang thông tin điện tử, mỗi ngày có rất nhiều thông tin giảng pháp, tin tức Phật sự, sách, bài viết... được liên tục chuyển tải đến tín đồ Phật giáo khắp nơi trên toàn thế giới, đồng thời giúp giới thiệu đạo Phật đến độc giả quan tâm tìm hiểu về đạo Phật.

Trong thời đại thông tin bùng nổ nhanh chóng như hiện nay, hệ thống các trang thông tin điện tử này đã góp phần quan trọng giúp cho đạo Phật bắt kịp với những tiến bộ mới của thời đại, đáp ứng được yêu cầu đưa những thông tin đến với cộng đồng. Đây chính là cơ hội để Phật giáo Việt Nam đồng hành và phát triển cùng dân tộc trong thời đại hội nhập 4.0. Việc tuyên truyền chính pháp trên các kênh truyền hình Phật giáo cũng như trên các trang web, các trang mạng xã hội đã giúp cho các tầng lớp trong xã hội tiếp cận Phật giáo một cách chính thống, và tìm hiểu đạo Phật một cách rõ ràng, cụ thể, để từ đó có chính kiến, cái nhìn chính pháp áp dụng trong đời sống hàng ngày.

## 3. MỘT SỐ VAI TRÒ CỦA TRUYỀN THÔNG PHẬT GIÁO

**Thứ nhất**, truyền thông Phật giáo như một kênh Hoằng pháp. Hiện nay, hệ thống truyền thông Phật giáo ở nước ta có nhiều

## PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

đóng góp quan trọng trong công

chưa có dấu chân Tăng, Ni trực

ở nước ta, cũng như phát huy giá

cuộc truyền bá tư tưởng đạo Phật đến với công chúng. Có thể kể đến kênh Truyền hình An Viên, Báo Giác ngộ, Tạp chí Văn hóa Phật giáo, Tạp chí Nghiên cứu Phật học... Các website, trang tin điện tử cùng hệ thống ấn phẩm băng đĩa đồ sộ được xuất bản có nội dung phong phú và hình thức đa dạng. Trên các trang báo điện tử Phật giáo đều có đề mục kinh, luật, luận. Mỗi trang đều có những tựa kinh khác nhau, thậm chí có phân lý giải kinh, luật, luận giúp cho tín đồ Phật giáo dễ hiểu hơn.

Nhiều bài giảng cũng được phát trực tiếp (livestream qua Facebook hay các công cụ khác) hay lưu trữ trên các trang web cho mọi người có thể truy cập nghe lại hay tải xuống nghe bất cứ lúc nào. Ở nơi làm việc hay ở nhà, chúng ta vẫn có thể nghe bài giảng của giảng sư. Chưa bao giờ việc học giáo pháp dễ dàng như hiện nay bởi người học có thể đọc tam tạng kinh điển Nam tông hay Bắc tông bằng tiếng Việt hay các ngôn ngữ khác, có thể nghe bài giảng bằng âm thanh hay lẫn hình ảnh của rất nhiều giảng sư lưu trữ trên các trang điện tử.

Mối quan hệ chặt chẽ giữa truyền thông và hoằng pháp hình thành ngay từ thời Đức Phật còn tại thế. Truyền thông khiến quá trình hoằng pháp trở nên đa dạng và sáng tạo. Hoằng pháp của Phật giáo trong thời hiện tại đã phát huy tối đa sức mạnh của truyền thông. Truyền thông số hiện giúp các buổi thuyết giảng được chia sẻ rộng rãi và lan truyền nhanh chóng. Nhờ đó, tư tưởng Phật giáo lan tỏa đến được nhiều vùng

tiếp hoằng hóa. Với sự hỗ trợ của truyền thông, pháp hội tổ chức ở một nơi nhưng Phật tử nhiều nơi có thể tham dự, dù bất cứ khi nào cần nghe giảng cũng đều có thể. Nhờ đó nhân duyên Phật pháp được gieo rộng khắp.

**Thứ hai**, phát triển các hoạt động từ thiện xã hội. Truyền thông mang đến sự công khai, minh bạch, giám sát kiểm tra chặt chẽ đối với ngân quỹ từ thiện xã hội. Đây chính là giải pháp hữu hiệu tạo sự tin tưởng và hưởng ứng của người dân đối với hoạt động từ thiện xã hội. Khi truyền thông rộng rãi đến đông đảo công chúng, chính là chúng ta đã làm cho nhiều người được biết về những hoạt động từ thiện xã hội cụ thể của Phật giáo và gián tiếp tạo thuận lợi để nhiều người tham gia làm từ thiện, vì có biết thì mới quan tâm, ủng hộ, quyên góp, tham gia trực tiếp. Ghi nhận dồi dào về sự ủng hộ từ thiện xã hội và những người ủng hộ, đặc biệt là những người có vị trí xã hội cao: doanh nhân, nghệ sĩ, người nổi tiếng,... sẽ góp phần thúc đẩy mọi người ủng hộ từ thiện nhiều hơn nữa.

**Thứ ba**, giúp chuyển tải hình ảnh tốt đẹp của Tăng, Ni tích cực tham gia hoạt động Hoằng pháp lợi sanh, các công tác xã hội, hình ảnh cái thiện và tinh thần Từ bi - Trí tuệ đến cộng đồng và xã hội. Truyền thông có nhiệm vụ nói lên tiếng nói của lương tâm Phật giáo, làm cho mọi người nhận ra Chân - Thiện - Mỹ của Phật giáo.

Truyền thông Phật giáo đóng vai trò quan trọng trong việc duy tu, tôn tạo các di tích, di sản văn hóa

trị văn hóa truyền thống, nhân văn của dân tộc Việt Nam. Nhiều ngôi cổ tự đã được chính quyền và Phật tử, nhà hảo tâm gần xa góp nhân tài vật lực để tôn tạo, trùng tu. Nhiều nghi lễ Phật giáo được kịp thời bảo tồn, duy trì. Có thể kể đến những thông tin bảo tồn giá trị đặc sắc quần thể di tích chùa Bồ Đà, danh thắng Hương Sơn, chùa Keo, chùa Dầu, chùa Phật Tích, Tô đình Vĩnh Nghiêm,... trên các website thông tin của Giáo hội. Nhờ vào hệ thống internet có thể lưu trữ và giới thiệu rộng rãi đến quần chúng nhân dân các giá trị lịch sử, văn hóa, xã hội qua các hiện vật còn được bảo tồn tại các cơ sở thông qua hình ảnh, số liệu lưu trữ.

Truyền thông số là công cụ đắc lực kết nối mạng lưới Phật tử Việt Nam. Nhờ sự phát triển của công nghệ thông tin, Phật tử trong và ngoài nước có điều kiện tương tác thường xuyên. Qua đó, mạng lưới Phật tử được mở rộng, hình thành nhiều loại hình cộng đồng Phật tử. Kết nối cộng đồng Phật tử từ nhóm nhỏ đến nhóm lớn trở nên bền chặt và gắn bó hơn nhờ sự chia sẻ thông tin và tương tác thường xuyên qua hệ thống mạng internet.

**Thứ tư**, xử lý khủng hoảng truyền thông về Phật giáo. Trong các câu chuyện về khủng hoảng truyền thông hiện nay, có lẽ khó tránh được phương diện mà Phật giáo bị đề cập một cách tiêu cực ở cách này hay cách khác. Điều quan trọng vẫn là cách tiếp nhận và xử lý trước những sự việc trên để kịp thời có những phản hồi cho phù hợp. Đây chính là nhiệm vụ

của lực lượng làm truyền thông Phật giáo và hệ thống Giáo hội.

xuất (thời gian trung bình người truy cập xem website quá ngắn).

Thông tin hiện nay được chuyển tải qua nhiều hình thức như phát

Thông thường, trước các nội dung tiêu cực về Phật giáo được phản ánh trên phương tiện truyền thông, thì phương pháp “dĩ hòa vi quý” của nhà Phật vẫn là im lặng cho qua với suy nghĩ “thanh giả tự thanh”. Hoặc giả nếu có phản ứng thì cũng chậm chạp và thiếu đồng bộ, không chính thống và có phần lúng túng. Những phản ứng kiểu này, các chuyên gia trong lĩnh vực truyền thông cho rằng không nên và có thể làm vấn đề tiếp tục bị thổi phồng và bị lái đi những hướng khác khó tiên liệu.

Thông qua các kênh truyền thông, Giáo hội có thể nhanh chóng đưa ra ý kiến phản hồi trước, trong và sau mỗi vụ việc, sự kiện Phật giáo cũng như các vấn đề liên quan mang tính cấp thiết khác. Điều này vô cùng quan trọng và ý nghĩa, có tác động và quyết định độ ảnh hưởng đến số đông. Nếu Giáo hội có những phát ngôn kịp thời, thẳng thắn, rõ ràng, và được truyền thông phản ánh nhanh chóng thì sẽ góp phần giải tỏa dư luận và giải quyết các cuộc khủng hoảng truyền thông.

#### 4. GỢI Ý PHÁT HUY HƠN NỮA VAI TRÒ CỦA TRUYỀN THÔNG PHẬT GIÁO

##### 4.1. Những vấn đề đặt ra đối với truyền thông Phật giáo ở nước ta hiện nay

- Về hình thức: Hình thức chung, các trang báo điện tử Phật giáo được khảo sát chưa thực sự thu hút độc giả. Trong số người truy cập có người vào tìm hiểu (do đó số lượng truy cập cao) nhưng nội dung không thu hút nên đã đăng

Các trang chính thống được nhiều người truy cập nhưng về hình thức và cả nội dung chưa được đầu tư về chiều sâu. Lẽ ra với thế mạnh là trang chính thống, các trang này cần đầu tư nhiều hơn để thu hút độc giả.

- Về cấu trúc nội dung phù hợp với tiêu chí của một thực thể tôn giáo, nêu đầy đủ về cái thiêng, về thực hành Phật giáo và cộng đồng Phật giáo. Đặc biệt các trang thông tin điện tử có dành nội dung cho giới trẻ nhưng chưa đi sâu vào đời sống, tình cảm của giới trẻ để thu hút lực lượng này gắn bó với Phật giáo.

Dù có hàng trăm trang tin có nội dung về Phật giáo, tuy nhiên hầu hết các trang tin đều lấy lại bài của nhau. Có rất ít trang online tự sản xuất bài hoặc tác nghiệp bài bản. Do đó, xét về tổng quan, nội dung cho độc giả đọc còn hạn chế, hoạt động thiếu chuyên nghiệp. Đây là một lý do khiến nhiều người không thích truy cập các trang thông tin điện tử Phật giáo.

Việc cập nhật tin tức không thường xuyên cũng là lý do rất căn bản khiến người xem không muốn truy cập trang. Hòa thượng Thích Gia Quang cho rằng: “*Những người thực hiện trang tin đó (trang báo điện tử Phật giáo) nên hiểu đúng đắn rằng, thành lập một trang báo điện tử không chỉ là vấn đề mở ra cho có, mà phải có sự cập nhật tin, bài thường xuyên. Tránh và hạn chế tình trạng sao chép tin, bài, ảnh tràn lan, cần tôn trọng các nguyên tắc hoạt động và những chuẩn mực trong lĩnh vực thông tin truyền thông.*” [6].

thanh, truyền hình, sách báo, nhưng mạnh nhất phải kể đến các hình thức phù hợp với công nghệ mới, là website, blog, mạng xã hội, apps,... Tuy nhiên, hiện các chùa, tự viện, cư sĩ vẫn còn ít sử dụng mạng xã hội. Như vậy bản thân Phật giáo đã đánh mất một công cụ hữu hiệu để truyền bá Phật pháp. Tuy xuất phát từ lòng nhiệt huyết đối với Phật giáo, nhiều tổ chức, tự viện, cư sĩ đã thiết kế và điều hành hơn 500 website Phật giáo tiếng Việt. Chỉ có một số ít định hướng được đường lối truyền thông, định vị được bản sắc riêng. Đa số còn lại là sao chép tin bài và không có định hướng truyền thông. Làm truyền thông chỉ với cái “tâm” là chưa đủ trong môi trường truyền thông số như hiện nay. Đó cũng là một trong những lý do khiến các trang thông tin điện tử Phật giáo ít người truy cập và thời gian truy cập rất ngắn. Các trang thông tin điện tử Phật giáo nên phát triển theo đúng định hướng nội dung, tạo ra bản sắc nhất định; phải có đầu tư nhân lực, nguồn lực mạnh mẽ; truyền thông và giá trị của truyền thông không ở chỗ sao chép tin bài...

##### 4.2. Khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của truyền thông Phật giáo ở nước ta

\* Ban Trị sự các địa phương hết sức giúp đỡ, tạo điều kiện cho công tác truyền thông Phật giáo đạt kết quả tốt. Có như vậy việc truyền bá chánh pháp mới có thể đi vào lòng người. Có thể đầu tư cho một vài trang thông tin điện tử đúng chánh pháp, có kế hoạch truyền thông rõ ràng trở thành những trang thông tin điện tử đầu

## PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

đàn của Phật giáo. Thực tế cho thấy, khi có sự kiện liên quan đến Phật giáo thì số lượng người truy

pháp, không lạc đường như một số trang thông tin điện tử đã đề cập ở trên.

cập vào những trang thông tin điện tử đúng đắn rất nhiều.

\* Cần tổ chức đào tạo nâng cao kỹ năng nghiệp vụ để xây dựng nguồn lực mạnh mẽ. Người làm truyền thông số cho Phật giáo phải am hiểu Phật pháp, biết viết tin bài, hiểu biết về mạng, biết kỹ thuật SEO (Search Engine Optimization - Tối ưu hóa công cụ tìm kiếm), biết vài thủ thuật xử lý hình ảnh,...

Đồng thời, tập hợp đội ngũ cư sĩ giỏi nghề: vì nhiều vị cư sĩ có khả năng viết tốt, có kiến thức rộng. Bài viết của nhiều vị có chất lượng khá, có khả năng phát hiện, đề cập, lý giải và đề ra hướng giải quyết đối với nhiều vấn đề của Phật giáo Việt Nam hiện nay. Với năng lực như vậy, một số cây bút cư sĩ Phật giáo đương nhiên có vai trò, vị trí quan trọng trong hoạt động thông tin truyền thông Phật giáo Việt Nam. Nếu ngành thông tin truyền thông Phật giáo quản lý, tạo môi trường thuận lợi, thường xuyên tác động thúc đẩy việc đóng góp bài viết, thì cống hiến của các cây bút cư sĩ Phật giáo sẽ rất lớn, ảnh hưởng tích cực đến cục diện thông tin truyền thông Phật giáo.

\* Đối với người trực tiếp làm công tác truyền thông Phật giáo, phải am hiểu giáo lý của Đức Phật: Người trực tiếp làm công tác truyền thông Phật giáo trước hết phải am hiểu thật sâu sắc giáo lý của Đức Phật và các nghi lễ của Phật giáo. Có kiến thức Phật pháp sẽ giúp cho công việc viết, biên tập chính xác, đúng chánh

Đồng thời, phải có kế hoạch truyền thông: Làm truyền thông phải có kế hoạch và định hướng, có như vậy mới có thể nhìn thấu suốt trang thông tin điện tử của mình đạt hay chưa đạt. Nội dung còn thiếu phần nào, phần nào quá nhiều cần giảm bớt. Căn cứ vào chủ trương trang thông tin điện tử dành cho đối tượng nào, xem lại nội dung có phù hợp với trình độ của đối tượng hay không? Hình thức và cấu trúc trang mục phù hợp chưa, có dễ dàng để người xem truy xuất thông tin hay không?

Phần lớn các trang thông tin điện tử Phật giáo do các tự viện, tu sĩ và cư sĩ thiết lập đều muốn truyền bá ánh sáng Phật pháp đến muôn nơi. Tuy nhiên với truyền thông số, không chỉ với lòng nhiệt huyết là được, cần phải có kỹ năng, nghiệp vụ, phải có sự hiểu biết nhất định. Do đó đội ngũ này cần phải được đào tạo, bồi dưỡng một cách bài bản. Có thể sử dụng những ứng dụng mà nhiều người dùng như Facebook, Zalo để kết nối và truyền tải nội dung Phật pháp đến với những tín đồ. Cao hơn nữa có thể thiết lập phiên bản mobile và sử dụng kỹ thuật SEO. Có như thế lượng người xem các website Phật giáo mới có thể tăng nhiều.

## 5. KẾT LUẬN

Cách đây trên 2.600 năm, Đức Phật đã khuyến dụ giáo đoàn Tỷ kheo vì lợi lạc và hạnh phúc của số đông hãy đi khắp nơi để truyền bá giáo pháp, không nên đi hai người chung một đường. Đó là truyền thông Phật giáo thời Đức Phật tại thế.



Đến nay các vị tu sĩ không cần phải chân đất đầu trần để đi thuyết giảng giáo lý của Đức Phật. Chỉ cần một cú click chuột thì tin đồ có thể xem, nghe một bài pháp, một thông tin Phật giáo vừa xuất hiện. Chỉ vài phút lên Facebook hay Youtube, người ta dễ dàng tìm thấy các bài pháp thoại của các tu sĩ... Hình thức thể hiện rất phong phú, từ sách điện tử, sách nói audio, rồi video pháp thoại, kể chuyện bằng hình ảnh. Với tinh thần “khế lý khế cơ” của Phật giáo, song song với những phương tiện truyền thông truyền thống như sách báo, băng đĩa, giảng pháp, các tự viện, các tu sĩ và cư sĩ đã tận dụng thời cơ trong việc ứng dụng Internet để truyền

## TRUNG TAM HOANG PHAP ONLINE

 [Http://www.trungtamhoangphaponline.com](http://www.trungtamhoangphaponline.com)


# GIÁ TRỊ CUỘC SỐNG PHÍA SAU DỊCH BỆNH




THỜI GIẠN THUYẾT GIẢNG:

**20H00****THỨ 7 - NGÀY 31/7/2021**

Đến nay các vị tu sĩ không cần phải chân đất đầu trần để đi thuyết giảng giáo lý của Đức Phật. Chỉ cần một cú click chuột thì tin đồ có thể xem, nghe một bài pháp, một thông tin Phật giáo vừa xuất hiện.

thông Phật giáo có những bước đi xa hơn trước đây.

Các trang thông tin điện tử Phật giáo cần đa dạng và chuyên môn hóa hơn nữa về các nội dung từ kinh, luật, luật, các nghi lễ, cách tu tập, lịch sử các ngôi chùa, cộng đồng Phật giáo các nước, cho đến những vấn đề đời thường của tín đồ đều được đăng trên trang thông tin điện tử. Việc đầu tư, nâng cấp cả về đội ngũ chuyên môn, kỹ thuật và cách thức làm truyền thông sẽ thu hút nhiều lượt Phật tử và góp phần quảng bá hình ảnh tốt đẹp của Phật giáo đến đồng đạo người dân.

**Chú thích:**

\*TT.TS Thích Minh Nhãn.

[1] Hồ Chí Minh (2000), *Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, t.4, tr.151.[2] “Truyền thông Phật giáo qua cái nhìn Bát Chánh Đạo”, [www.vuonhoaphatgiao.com](http://www.vuonhoaphatgiao.com), truy cập 18/9/2021.[3] “Hiển chương GHPGVN”, <https://vbgh.vn/laws/detail/HIEN-CHUONG-GHPGVN-6/>, truy cập ngày 18/9/2021.[4] Indacanda dịch (2014), *Đại Phẩm* Tập 1, Tụng Phẩm Thứ Nhì, Hà Nội, Nxb Tôn giáo, tr.36.[5] Vietnam Online Digital Usage and Behavior, 2015 - 2020 <https://www.slideshare.net/VNguynThyDung/emarketer-vietnam-online-digital-usage-and-behavior-20152020>.[6] Thích Gia Quang, *Cần nâng cao chất***Tài liệu tham khảo:**

1. Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam tu sửa lần thứ VI.
2. Văn kiện Đại hội Phật giáo toàn quốc nhiệm kỳ VIII.
3. Nhiều tác giả (2020), *Kỷ yếu hội thảo nữ giới Phật giáo với lĩnh vực báo chí*, Viện Nghiên cứu Phật Học Việt Nam - Trung tâm nghiên cứu nữ giới Phật giáo.
4. Thích Nhật Từ (2012), *Con đường chuyển hóa-Ứng dụng Bát chánh đạo trong đời sống*, Nxb. Hồng Đức.
5. Ban Văn hóa - Ban Nghi lễ Trung ương HĐTS GHPGVN (2016), *Văn hóa Phật giáo Việt Nam thống nhất trong đa dạng*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội
6. Thích Minh Châu (2014), *Kinh Pháp cú*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
7. Thích Minh Châu (2002), *Kinh Tiểu bộ* (tập Phật tự thuyết), Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
8. Vũ Thế Cường (2011), *Bài giảng báo mạng điện tử*, Đại học Hồng Bang, TP. Hồ Chí Minh.
9. Lê Thùy Dương (2016), *Báo Đuốc Tuệ* với phong trào chấn hưng Phật giáo ở miền Bắc Việt Nam đầu thế kỷ XX, *Tạp chí Lý luận và Truyền thông*, (số 5), tr.57-60.
10. Hoàng Thị Thùy Dương (2011), *Luận văn Thạc sĩ: Hoạt động truyền thông về vấn đề tôn giáo trên báo in Việt Nam hiện nay* (2005 - 2010), Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội.
11. Nguyễn Khắc Đức (2008), *Vai trò của Phật giáo Việt Nam hiện nay*, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, (số 7), tr.44-48.
12. Nhiều tác giả (2019), *Phật giáo và Cách mạng công nghiệp 4.0*, [www.vbgh.vn/index.p?language=vi&nv=tin&op=tieng-viet/muc-luc-518.html](http://www.vbgh.vn/index.p?language=vi&nv=tin&op=tieng-viet/muc-luc-518.html), truy cập 28/8/2021.
13. Nhiều tác giả (2019), *Các bài tham luận Hội thảo Vesak 2019*, [www.vbgh.vn/index.p?language=vi&nv=news&op=vesak-2019-tieng-viet/cac-bai-tham-luan-hoi-thao-vesak-2019-585.html](http://www.vbgh.vn/index.p?language=vi&nv=news&op=vesak-2019-tieng-viet/cac-bai-tham-luan-hoi-thao-vesak-2019-585.html), truy cập 28/8/2021.
14. Nhiều tác giả (2019), *Các bài tham luận Hội thảo Sức mệnh Hoàng pháp trong xu hướng toàn cầu hóa*, [www.vbgh.vn/index.p?language=vi&nv=page&op=ai-lieu-hinh-anh-hoi-thao-hoang-phap-tai-hue.html](http://www.vbgh.vn/index.p?language=vi&nv=page&op=ai-lieu-hinh-anh-hoi-thao-hoang-phap-tai-hue.html), truy cập 28/8/2021.





# Chùa Làng Hương Hạ

## Chung Tiến Lực

**T**rên đất nước ta, làng quê nào cũng có một mái chùa thấp thoáng trong um tùm mượt xanh cây lá. Hình như từ xa xưa, chùa Làng Hương Hạ chỉ là một am thờ nhỏ, một đức tin luôn theo người để cứu nhân độ thế. Am thờ ban đầu như một cột mốc chủ quyền về khai khẩn đất hoang của những người đi mở đất. Am thờ như một viên gạch đầu tiên cho ngôi chùa cổ kính sau này. Có chùa là có Phật, Phật ở trong dân, dân ở trong vòng tay phù hộ độ trì của Phật. Một chỗ dựa tinh thần ở nơi khai thiên, lập địa, cầu mong một cuộc sống an lành trong cuộc đời dâu bể.

Ngôi chùa làng Hương Hạ quê tôi đứng đó, bình yên bên một triền đê thông thả uốn cong theo dòng sông Ninh Cơ. Con đê to ngăn nước mùa lũ, dòng sông cần mẫn tưới tắm cho cả mấy huyện trù phú với đất đai màu mỡ. Dòng sông đỏ quạch phù sa tựa như dải lụa hồng mềm mại ông trời đánh rơi xuống biển lúa xanh rì, một nhành nhá cho nét họa tài hoa của thiên nhiên kỳ vĩ. Con sông hiền hòa lặng lẽ trôi, dáng như ai đó đang nằm vắt tay trên trán suy ngẫm. Cũng có khi sông dâng trào, ngẫu đồ giận dữ, như hờn dỗi với con người.

Mái ngói chùa đỏ rêu phong với các góc có đầu đao cong cong dưới bóng râm mát của cây thị già, lúc nào cũng trầm ngâm lặng lẽ suy tư, như thấu hiểu nỗi đau đời. Ngôi chùa làng Hương Hạ được xây cách đây khoảng hơn một trăm năm. Chùa xây bằng gạch chỉ đỏ được đốt bằng rơm rạ vùng chiêm trũng. Ông tôi bảo, phải đốt tám đồng rơm to như cái đình mới nung được một nghìn viên gạch, đủ hiểu giá trị của mỗi viên gạch xây chùa! Hệ khung nhà, cột, kèo được đúc bằng vôi nhào với mật mía có cốt bằng cây tre đục ngấm. Những nét vẽ vân đá, giả chạm trở mềm mại và sắc nét y như được lắp dựng bằng những khối đá đẽo. Tôi không thể hình dung công việc xây dựng chùa ngày ấy. Làm thế nào mà người thợ nề đúc được những vì kèo, dựng được cột cao chỉ bằng hỗn hợp vôi mật mía với cốt bằng tre. Đứng trong chùa ngẩng mặt nhìn lên thấy cao rộng và hoành tráng những dầm ngang, xà dọc. Sân chùa rộng rãi, lát gạch vuông nâu đỏ đã bạc màu năm tháng. Bên kia sân chùa, một nếp nhà thấp ba gian có mái hiên rộng là nơi ở của Sư thầy, nơi bàn việc nhà chùa. Một chái nhà nhỏ làm bếp nấu đun bằng rơm rạ. Bể nước mưa lớn nằm ngay sát chân tường chùa, hứng nước mưa của một bên mái cũng đủ nước ăn quanh

năm. Người dân đi làm ruộng gần, nửa buổi khát nước vẫn vào chùa xin gáo nước mưa mát lạnh ngon ngọt uống đến đâu mát đến đó. Lối đi nhỏ dẫn ra vườn và ruộng lúa. Ao cá, hoa súng đỏ những bông hoa có cánh hình sao. Cầu ao 5 bậc xếp tầng đá xanh, xung quanh ao trồng những khóm chuối lùn. Vườn chùa trồng na,

sách. Sau này tôi mới biết dù trăng đêm rằm rất sáng nhưng không thể đọc sách được vì sáng trăng là ánh sáng ảo. Đi lễ chùa mọi người ai cũng thanh thân, nhẹ nhàng chào hỏi nhau: Nam mô A Di Đà Phật. Tuy nhiên không thấy sự phân biệt giàu nghèo, hay sự hẹp hòi bon chen đời thường trong sân chùa.



nhãn, cam, bưởi và xen canh những luống cải cúc, cải canh... Sư thầy ngoài những giờ mặc áo cà sa ngồi cầu nguyện, cụ còn là một nông dân chính hiệu. Người mặc quần áo nhuộm nâu có vài miếng vá, luôn cầm cùi cuốc đất, làm bờ, cào cỏ, chăm bón ruộng lúa. Hàng năm, việc tu sửa chùa lấy từ việc thu hoạch ruộng vườn. Ở chùa mọi việc hầu như đều tự cung tự cấp, không phải sự đóng góp của Phật tử thập phương vì vốn dĩ dân quê tôi nghèo lắm, hàng năm đều thiếu ăn mấy tháng trời. Khuôn viên chùa rộng rãi được bao quanh bởi hàng rào dâm bụt có những bông hoa màu đỏ chói, hiền lành và giản dị.

Chùa không chỉ là nơi dành cho người già ăn chay niệm Phật, mà còn là nơi trẻ con rất thích theo mẹ, theo bà vào những ngày rằm, ngày lễ. Những đứa trẻ, con nhà hiếm muộn hay chậm lớn, còi cọc được bố mẹ bán khoán vào chùa làm con của Phật, đến tuổi trưởng thành thì làm lễ xin được chuộc lại. Trẻ con chơi trong chùa không ai bảo cũng biết đây là chốn tôn nghiêm, không chạy nhảy lung tung hay nói cười âm ỉ. Tượng trong chùa nhiều vị nhìn hiền lành, cũng có vẻ mặt dữ tợn với đôi mắt mở to trợn trừng, râu dài đen nhánh, tay cầm gươm đao nhưng không khiếp sợ mà chỉ thấy sự cung kính, uy nghi nơi cửa Phật. Tượng Phật được bài trí hàng ngang, hàng dọc trên bậc bệ cao dần lên về phía sau. Việc xếp đặt tượng như vậy nên hàng tượng ngồi sau không bị hàng trước che khuất, người lễ Phật vẫn nhìn rõ mặt các ngài. Chính giữa bệ thờ là tượng Thích Ca Mâu Ni, đằng sau là những tượng Quan Âm Bồ Tát mà tôi không biết hết tên. Đã được xem các tích chèo về Thị Kính, Thị Mầu, Thiện sĩ và qua lời kể chuyện Thị Kính bằng thơ của bà nội nên tôi biết người ngồi đó, trên tay bế đứa bé là Quan Âm Thị Kính.

Ngày rằm, ngày lễ Tết, với trang phục áo dài, màu nâu sồng, tóc vấn khăn, tay xách làn mây đựng hương hoa các già trong làng í ới gọi nhau ra chùa. Ban ngày ai cũng bận việc đồng áng nên cả không gian, thời gian của buổi tối ngày rằm là dành cho lễ chùa. Từng tốp nhỏ đi trên con đường làng trắng sáng như dát vàng, ngày ấy trăng sáng lắm, sáng đến độ đọc được

Vào lễ, Sư thầy ngồi dưới bệ thờ trên chiếc chiếu hoa cặp điều với quyển kinh to, dày viết chữ nhỏ, mõ gõ và âu đồng để trước mặt. Sư thầy tay lần tràng hạt, tay cầm dùi gõ đều tiếng mõ xen lẫn tiếng cầu nguyện ê a, nhiều đoạn người đọc kinh như hát, thỉnh thoảng lại gõ boong boong vào chiếc âu đồng. Khi ấy các già ngồi thành hàng ngang phía sau sụp đầu khấn vái. Trẻ con thức một lúc thì lăn ra ngủ ngay dưới nền chùa được trải toàn bằng chiếu hoa, ấm áp gần gũi như ở nhà mình. Nửa đêm lễ xong, các bà đánh thức dậy ăn lộc chùa gồm: xôi, oản, bỏng gạo, chuối trứng quốc, chè đỗ đen...

Sự trụ trì chùa làng Hương Hạ hiền lành, chất phác lắm, chỉ khác người nông dân ở quần áo cùng một màu nhuộm nâu và đầu cạo trọc. Còn lại người tinh thông mọi công việc ruộng vườn. Hoa quả thờ cúng trong chùa đều từ bàn tay của Sư thầy. Ngày nhàn rỗi không làm ruộng, Cụ thường vào trong làng thăm hỏi Phật tử, đứa trẻ nào trong làng học giỏi hay hư đốn cụ cũng biết và ân cần giảng giải về đạo làm người. Sư thầy đặc biệt chú ý thăm hỏi những đứa trẻ con đang ốm, người già mệt nhọc, người thường mách những cây lá giải cảm trừ ho có ngay trong vườn nhà. Ai cũng quý mến Sư thầy, gặp từ xa chúng tôi đã lễ phép khoanh tay chào Sư thầy, luôn được người mỉm cười xoa tay lên mái tóc. Sau này công tác xa nhà nhớ những đêm rằm theo bà lên chùa, sâu thẳm trong tôi bật nên câu thơ:

*Nâu sồng Sư thầy, Bụt hiện  
Tiếng gõ gõ mòn tháng năm  
Làng nghèo lội ruộng áo vá  
Nấm xôi, lũ trẻ ngóng rằm...*

Ngày nay, chùa Hương Hạ đã được tu bổ và tôn tạo lại, với cấu kiện bê tông cốt thép, bờ ao được xây kè đá chống sạt lở. Lối ngõ cũng được bê tông hóa. Trong chùa mắc điện sáng trưng. Ngày rằm, ngày lễ du khách thập phương đi xe máy đến cầu nguyện, tìm sự yên tĩnh và những phút sống chậm nơi cửa thiền. Có một điều mà tôi lấy làm lạ. Ngoài đời ai đó ngộ ngáo, bậm trợn...thế mà đứng trước Phật tử bi cũng cung kính chấp tay đứng cúi đầu.

PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI



Phật giáo



76 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 1-11-2021

## tại huyện đảo Trường Sa: Đồng hành và phát triển

**TT. Thích Tâm Như\***

**B**ắt đầu từ hơn hai nghìn năm trước, khi được truyền vào Việt Nam, Phật giáo đã tiếp biến văn hóa bản địa và dung hòa với các tín ngưỡng địa phương. Phật giáo cùng thịnh, cùng suy, trải qua biết bao thăng trầm thời cuộc cùng dân tộc. Nơi đâu có người Việt cư ngụ, nơi ấy có bóng dáng của mái chùa. Nơi nào thuộc chủ quyền Tổ quốc, nơi đó có tấm áo nâu sòng của người tu sĩ. Phật giáo từ lâu đã luôn đồng hành cùng dân tộc.

*“Mái chùa che chở hồn dân tộc  
Nếp sống muôn đời của tổ tông...”*

(Hòa thượng Mãn Giác)

Trường Sa cũng không ngoại lệ. Nếu Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) tỉnh Khánh Hòa đã gần 40 năm tuổi thì Phật giáo huyện đảo Trường Sa cũng có hơn mười năm hình thành và phát triển. Theo tinh thần “*Đạo pháp gắn liền với Dân tộc*”, với vị thế một tỉnh ven biển sở hữu quần đảo Trường Sa mang ý nghĩa chiến lược, Phật giáo Khánh Hòa đang là ngọn cờ tiên phong trong công cuộc phát triển, truyền bá tư tưởng Đức Phật đến với đồng bào vùng hải đảo. Từ đó, làm phong phú thêm đời sống tâm linh, củng cố tinh thần yêu nước, giúp đồng bào thêm

vững tâm bám trụ mảnh đất máu thịt quê nhà. Đây là việc làm hết sức thiêng liêng và cao cả, rất cần có những định hướng đúng đắn, thống nhất và lâu dài để được phát huy hết hiệu quả đối với đạo pháp và dân tộc.

Những thành tựu ấy của Phật giáo đã góp phần kéo gần khoảng cách giữa đất liền và hải đảo. Chùa trên những hòn đảo nơi đây không chỉ là chốn tâm linh mà còn là chiếc cầu nối gửi gắm bao tình cảm, sự sẻ chia của những người con Phật nơi đất liền nói riêng và toàn thể

Nếu Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Khánh Hòa đã gần 40 năm tuổi thì Phật giáo huyện đảo Trường

Bắt đầu từ nhiệm kỳ VI, GHPGVN tỉnh Khánh Hòa đã rất quan tâm, chú trọng đến công tác hoàng pháp tại huyện đảo Trường Sa và đạt được những thành tựu đáng kể như xây dựng chín ngôi chùa tại các đảo: Trường Sa Lớn, Song Tử Tây, Sinh Tồn, Nam Yết, Sơn Ca, Phan Vinh, Đá Tây, Sinh Tồn Đông và Trường Sa Đông. Thành công trong việc xây dựng những ngôi chùa không chỉ thể hiện tinh thần Phật giáo mà còn thể hiện cụ thể và sinh động đời sống văn hóa, tinh thần của người Việt nơi biển đảo, với cốt lõi là tinh thần yêu nước, ý thức trách nhiệm, quyết tâm bảo vệ, giữ vững chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc. GHPGVN tỉnh Khánh Hòa đã cử chư vị Đại đức Tăng ra trụ trì tại các chùa nơi hải đảo. Cụ thể, ngày 05/3/2012, Phật giáo tỉnh Khánh Hòa chính thức công cử sáu vị Tăng sĩ đảm nhiệm chức vụ trụ trì các chùa trên huyện đảo Trường Sa. Từ đó đến nay, theo thống kê, đã có tổng cộng ba mươi vị Đại đức đến Trường Sa để tu niệm. Chư Tôn đức tỉnh Khánh Hòa cùng quân dân cả nước đã nhiều lần cử đoàn ra thăm, tặng quà các chiến sĩ và cư dân huyện đảo Trường Sa, làm lễ cầu siêu các anh hùng liệt sĩ đã anh dũng hy sinh bảo vệ chủ quyền đất nước. Trên thực tế, chùa không chỉ là cơ sở tôn giáo cho các Phật tử về tu học mà còn trở thành nơi đi về của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Trường Sa và cả những con dân nước Việt đến từ đất liền.

người dân Việt Nam nói chung đến với đồng bào hải đảo.



Xét từ góc nhìn Phật giáo, đồng bào hải đảo xa xôi là đối tượng nhân sinh cần được giúp đỡ hơn hết. Đời sống vật chất, tâm linh - tinh thần của họ còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn. Chùa ở nơi hải đảo sẽ phân nào làm phong phú hơn đời sống tinh thần và tâm linh của đồng bào địa phương. Theo tinh thần *Kinh Pháp Hoa*, chánh pháp là một trận mưa đem lại nguồn sống cho muôn loài, không phân biệt, càng không có sự phân chia theo địa lý.

Nếu ở đất liền, nhịp sống của bà con nông dân từ xa xưa đã quyện chặt với nếp sống nhà chùa, thì nơi hải đảo xa xôi, những ngôi chùa không chỉ thể hiện tinh thần

Sa cũng có hơn mười năm hình thành và phát triển.  
(Ảnh: Nguyễn Mỹ Trà)

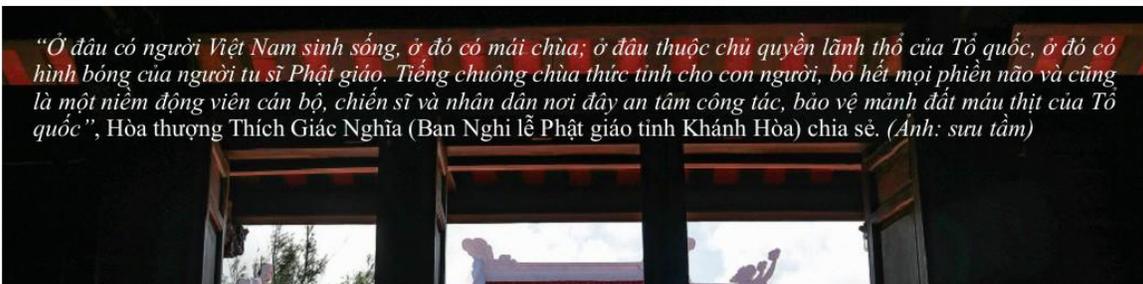


Dưới tán cây phong ba  
(Chùa Sinh Tồn)  
(Ảnh: Nguyễn Mỹ Trà)

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 1-11-2021 77

## PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

*"Ở đâu có người Việt Nam sinh sống, ở đó có mái chùa; ở đâu thuộc chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc, ở đó có hình bóng của người tu sĩ Phật giáo. Tiếng chuông chùa thức tỉnh cho con người, bỏ hết mọi phiền não và cũng là một niềm động viên cán bộ, chiến sĩ và nhân dân nơi đây an tâm công tác, bảo vệ mảnh đất máu thịt của Tổ quốc", Hòa thượng Thích Giác Nghĩa (Ban Nghi lễ Phật giáo tỉnh Khánh Hòa) chia sẻ. (Ảnh: sưu tầm)*





Phật giáo mà còn là cột mốc chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc. Bởi lẽ, với ngư dân đánh bắt xa bờ trên biển Đông, các điểm đảo ở huyện đảo Trường Sa chính là điểm tựa, là ngôi nhà thứ hai của họ.

Trường Sa là của người Việt Nam. Điều này đã được chứng minh bằng lịch sử và các tài liệu khoa học. Người tu sĩ Phật giáo, trước hết là một công dân Việt Nam, cần nhận thức rõ tầm quan trọng của việc bảo vệ chủ quyền đất nước. Những việc chúng ta có thể làm trước hết là chuyên tâm tu niệm, nguyện cầu cho hòa bình an lạc, sau là đem tất cả sức mình mang giáo pháp hoằng hóa khắp đảo xa. Đối với người Việt Nam, chùa không chỉ đơn giản là một cơ sở tôn giáo mà còn là nơi lưu giữ những giá trị thiêng liêng

nhất về hình ảnh và linh hồn dân tộc. Vì thế, trong tình hình hiện nay, sự hiện diện của những ngôi chùa, những vị tu sĩ tại huyện đảo Trường Sa là một bằng chứng hùng hồn cho chủ quyền lãnh thổ Việt Nam.

Những vị tu sĩ tại huyện đảo Trường Sa luôn lắng nghe những tâm tư, nguyện vọng của đồng bào địa phương, trở thành cầu nối giữa người dân và Giáo hội để có thể kịp thời giải quyết những vấn đề, đáp ứng các nguyện vọng, nhu cầu thiết yếu của người dân. Mặt khác, quý Thầy cũng là người đem chánh pháp truyền trao, lan tỏa khắp đảo xa để Phật giáo ngày càng đi sâu, lan rộng và gần gũi hơn với người dân địa phương. Từ đây, họ có thể tìm thấy Phật giáo ngay tại hải đảo mà không cần phải ngưỡng cầu, bái vọng nơi đất liền xa xôi.

Phật giáo Trường Sa cũng là một phương tiện để truyền bá lòng yêu nước, tự hào dân tộc. Bởi lẽ, đạo Phật luôn đi cùng với lòng yêu nước, phụng sự dân tộc. Truyền bá đạo Phật tại hải đảo chính là góp phần cổ vũ tinh thần yêu nước, củng cố và làm chỗ dựa cho quyết tâm bám đảo, bám biển của đồng bào. Phật giáo cho con người ta cái nhìn của chánh giác, chánh kiến, thấu rõ chân lý, bản chất của mọi việc, không bị ngoại cảnh làm cho u mê, kích động.

Nếu được phép ví von, xin cho chúng tôi được ví hình ảnh những vị tu sĩ tại huyện đảo Trường Sa như những cây phong ba đặc trưng của đảo. Nếu màu xanh của cây phong ba xoa dịu nỗi nhớ đất liền thì màu nâu sòng của tấm áo người tu sĩ Phật giáo gắn kết người người lại với nhau, xua tan



con người tạm quên đi những khó khăn, căng thẳng ngoài kia, lắng lòng hít thở thật sâu, nghe tâm mình bình yên và vững chãi. Vượt lên trên hết, tâm an lòng tĩnh chính là những gì người con Phật nơi đất liền muốn gửi trao. Tâm an, lòng tĩnh thì tất cả náo động ngoại cảnh chỉ là hư ảo. Chút bình yên này, xin gói gọn,



sự đơn độc. Màu nâu ấy dung hòa tất cả, hướng con người ta quay về bản thể tự tánh đẹp tươi. Ở nơi biển cả bao la này, nếu mỗi ngày không có màu xanh của cây phong ba, có lẽ đôi mắt con người ta sẽ nhanh mờ vì nắng gió. Cũng như ở nơi vọng gác tiền tiêu căng thẳng, nếu mỗi ngày cứ nặng mang bên mình tham, sân, hận, có lẽ tâm hồn chúng ta sẽ sớm lụi tàn. Cây phong ba chưa bao giờ đầu hàng trước bão táp. Mỗi lần bão qua cuốn đi hàng cây cũ thì ngay nơi ấy, những chồi non lập tức sinh sôi. Cũng tựa như lớp lớp người tu sĩ Phật giáo chưa bao giờ vì khó khăn, nguy hiểm mà từ bỏ nơi này. Lớp trước quay về thì lớp sau tiếp nối. Bóng áo nâu sóng cứ thế, an nhiên, vững chãi đứng giữa biển trời, làm tròn nhiệm vụ hoằng dương chánh pháp, làm tốt nghĩa vụ tưới tắm vườn tâm.

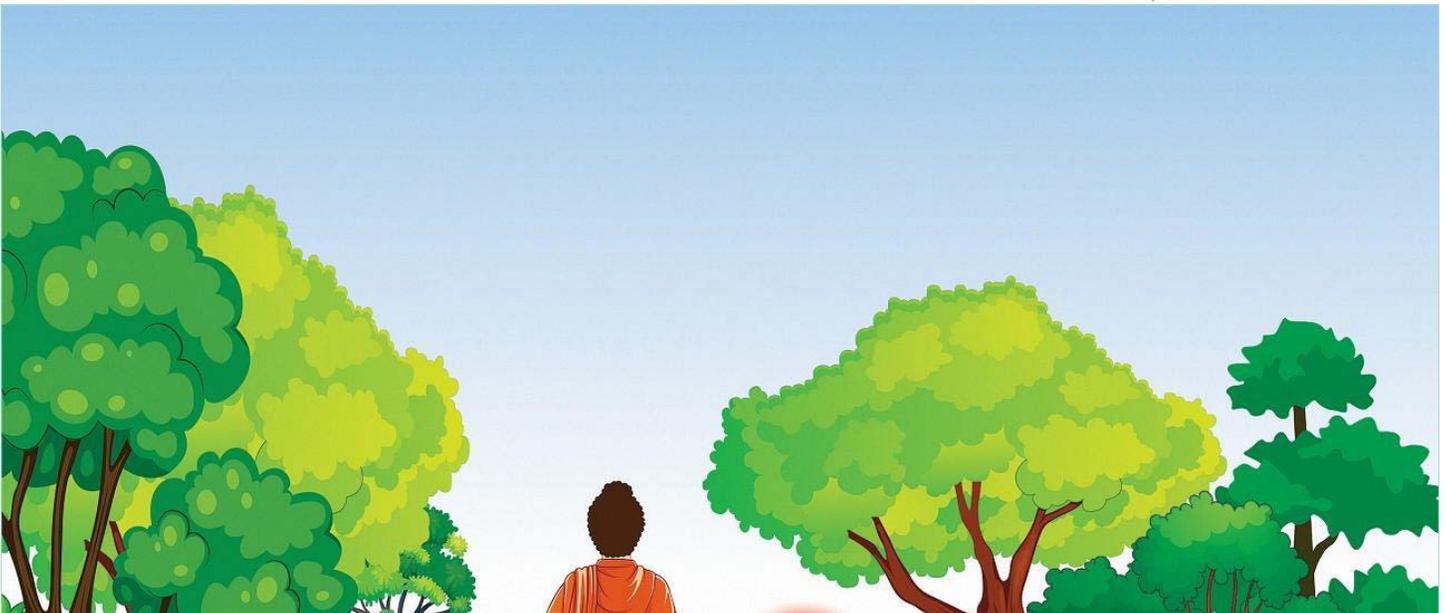
Trường Sa - nơi đầu sóng ngọn gió của Tổ quốc cả về thiên nhiên và chính trị. Thiên nhiên đã khắc nghiệt thì chính trị nơi đây cũng chẳng được bình yên. Ấy vậy mà những ngôi chùa vẫn ở đó, sừng sững, trang nghiêm mặc mưa giông, bão tố, mặc cho thế sự đổi thay. Nếu cây phong ba chắn gió, chắn cát, che mát cho người dân biển thì những ngôi chùa nơi đây che chắn những nỗi bất an, xóa tan tà kiến, rọi bóng râm cho tâm hồn con người về nương náu. Từng ngôi chùa được dựng lên, từng vị tu sĩ an nhiên tu tập. Tất cả đều trở thành những hình ảnh đẹp, những ánh lửa sưởi ấm và soi đường cho đồng bào tại huyện đảo Trường Sa trong những lúc đất trời mưa giông bão tố và cả những lúc thế cuộc điên đảo xoay vần. Sự tĩnh lặng, an nhiên của chốn già lam, làm

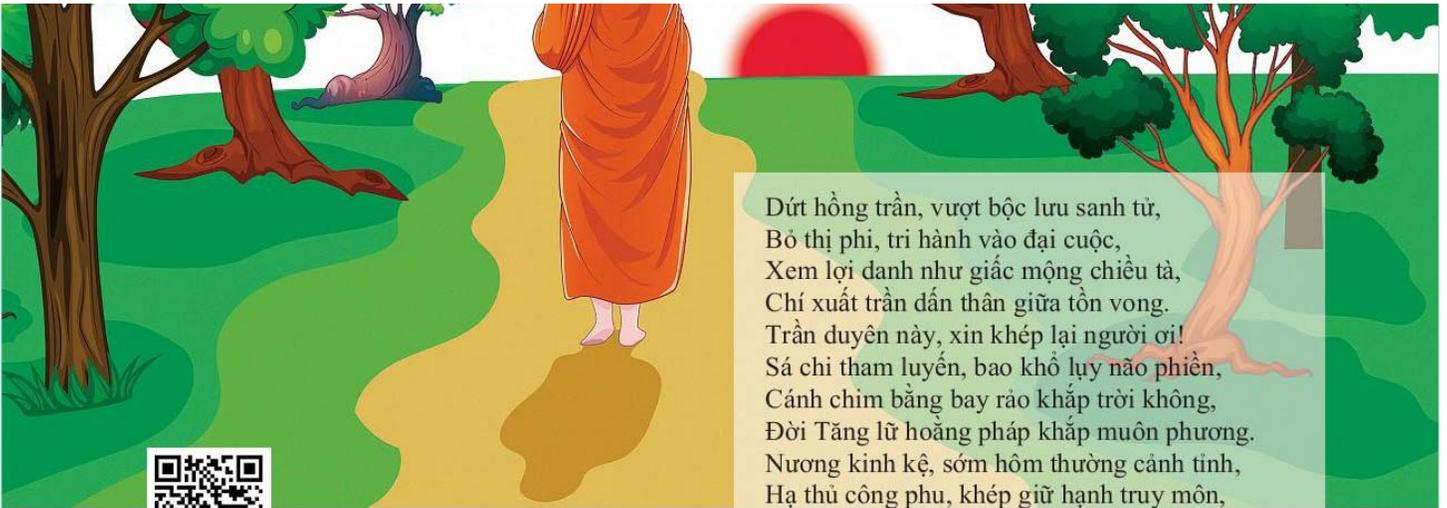
gửi trao.

Trường Sa - cái tên mới nghe qua tưởng chừng như xa xăm vợi vợi. Trường Sa - cái tên mới thấy thôi đã sóng gió ngập trời. Nhưng Trường Sa chẳng đâu xa. Trường Sa ở ngay tại tâm ta nghĩ nhớ. Việc truyền bá giáo lý nhà Phật đến với đồng bào vùng hải đảo chính là việc làm cần thiết, đậm chất nhân văn, thể hiện tinh thần từ bi - trí tuệ và sự báo ân chư Phật. Dẫu biết đây là một chặng đường dài với nhiều khó khăn, thử thách nhưng với tâm huyết hoằng pháp lợi sanh của GHPGVN nói chung và GHPGVN tỉnh Khánh Hòa nói riêng, cùng với sự đồng thuận, giúp đỡ của các cấp chính quyền và sự góp sức sẻ chia của toàn thể người dân Việt thì không gì là không thể. Xin hãy để Phật giáo làm tròn nhiệm vụ phụng sự chúng sinh, cúng dường chư Phật, làm chiếc cầu nối vững chắc nối liền đôi bờ hải đảo - đất liền, nối liền đôi bờ Đạo pháp - Dân tộc. Để từ đây, đất liền hòa cùng một thể với đảo xa, người người nghĩ về nhau trong tình thương triu mến. Để đảo xa không còn đơn độc, cánh tay mẹ hiền vẫn mãi mãi chờ che.

**Chú thích:**

\* Thượng tọa Thích Tâm Như - Phó Ban Hoằng pháp tỉnh Khánh Hòa.





Dứt hồng trần, vượt bực lưu sanh tử,  
 Bỏ thị phi, tri hành vào đại cuộc,  
 Xem lợi danh như giấc mộng chiều tà,  
 Chí xuất trần dẫn thân giữa tôn vong.  
 Trần duyên này, xin khép lại người ơi!  
 Sá chi tham luyến, bao khổ lụy não phiền,  
 Cánh chim bằng bay rảo khắp trời không,  
 Đồi Tăng lữ hoằng pháp khắp muôn phương.  
 Nương kinh kệ, sớm hôm thường cảnh tỉnh,  
 Hạ thủ công phu, khép giữ hạnh truy môn,  
 Phạm hạnh xuất gia, con đây hằng nung nấu,  
 Thế sự thăng trầm, mãi bồi công lập đức.  
 Công đức chưa tròn, đêm ngày thường khắc kỷ,  
 Giới luật tinh nghiêm, nghĩa lý mãi nghiên tâm,  
 Định tâm tinh giác, dứt trừ các loạn động,  
 Tuệ tri vạn pháp, thấu rõ mọi nguồn chơn.  
 Trọn một kiếp, vui trong câu đạo lý,  
 Suốt một đời, chẳng nề hà lao nhọc,  
 Thuyền Bát Nhã vượt sông mê, bẻ ái,  
 Bờ giác ngộ dứt sạch mọi khổ đau.  
 Biến thế nguyện mãi bao la vô tận,  
 Trời chân tâm tỏa rạng khắp mười phương,  
 Bước tượng vương rung động cả núi rừng,  
 Tiếng sư tử rống vang cả đất trời.

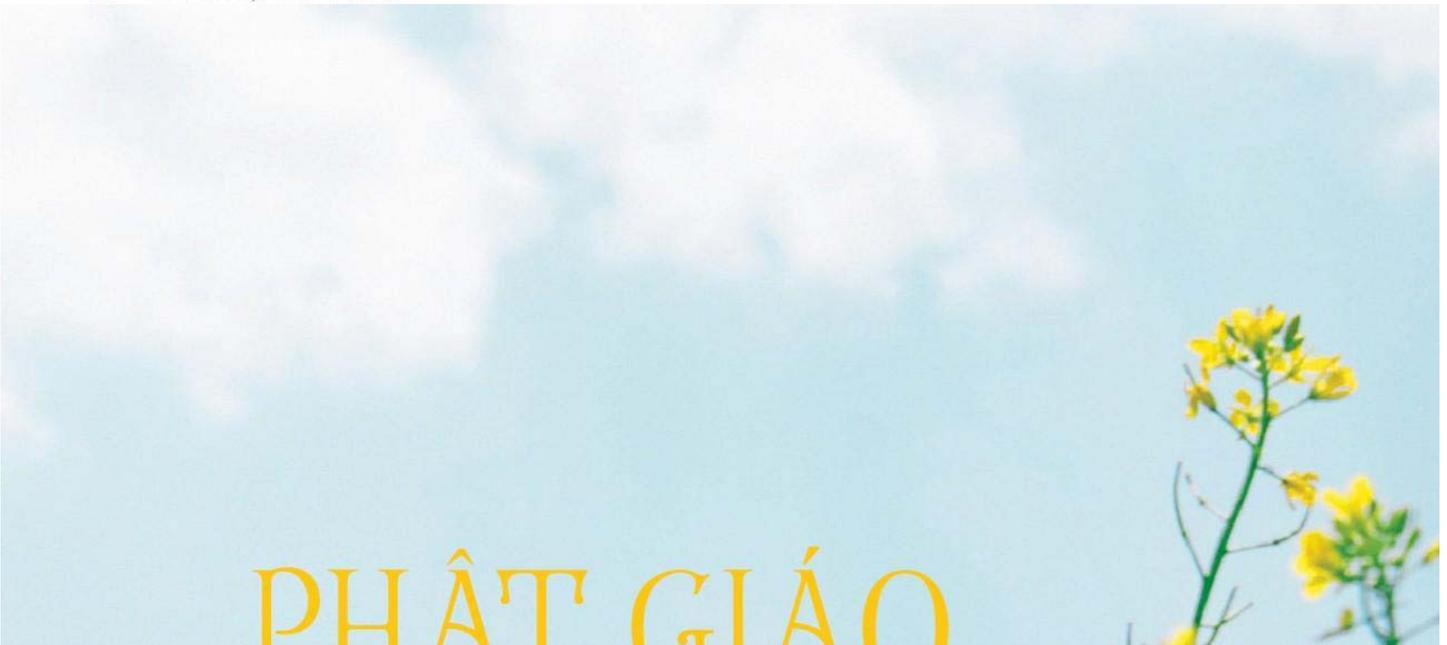
# QUAY VỀ NỎ GIÁC

**ĐD. THÍCH THIỆN MÃN\***

Sóng khổ hải, hết dậy sóng lao xao,  
 Hơn thua, được mất, tan vào hư vô!  
 Dứt trừ ngã chấp, tỏ ngộ vô thường,  
 Nguyện hành tám chánh, Tịnh độ giữa nhân gian!

**Chú thích:**

\* ĐD. Thích Thiện Mãn - Học viên Thạc sĩ khóa III, Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. HCM.





PHẬT GIÁO  
VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG

# NGUỒN GỐC

DI TÍCH ĐỨC PHẬT

# PHÁP PHỤC PHẬT GIÁO BẮC TRUYỀN



**Tỳ khru Định Phúc\***

82 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 1-11-2021





## PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG

**P**hật giáo hệ phái Bắc truyền tại Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc về sắc phục và lễ nghi của văn hóa Phật giáo Trung Hoa. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển Phật giáo tại Việt Nam, các vị Trưởng lão tiền bối đã cố gắng bản địa hóa những nghi lễ, sắc phục và tạo nên một sắc thái riêng của Phật giáo Việt Nam. Mặc dù không hoàn toàn khác biệt, nhưng khi hai nền văn hóa tụ hợp vẫn có những nét riêng đặc trưng để nhận biết vị nào là Tăng, Ni Phật giáo Việt Nam. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ trình bày sự hình thành và phát triển pháp phục của Tu sĩ Phật giáo, nhất là hệ phái Bắc truyền.

### PHÁP PHỤC PHẬT GIÁO

- *Lễ phục* là y phục màu vàng được Tăng, Ni sử dụng khi tham dự các buổi lễ. Tùy theo giáo phẩm mà lễ phục của Tăng, Ni có sự khác biệt, nhưng điểm chung của lễ phục là chư Tăng, Ni đều mặc y màu vàng, riêng áo hậu mặc bên trong dành cho Tăng là màu vàng, áo hậu màu lam dành cho Ni và tay áo không được rộng quá 80cm. Đối với hàng giáo phẩm Hòa thượng, Ni trưởng, tay áo và phần trên cổ áo trước ngực sẽ có ba nếp gấp; giáo phẩm Thượng tọa, Ni sư thì chỉ có hai nếp gấp; đại chúng Tăng, Ni còn lại thì tay và cổ áo chỉ duy nhất một nếp gấp. Đối với Sa-di, Sa-di-ni, Thức-xoa-ma-na thì lễ phục gồm áo hậu màu lam, mạn y màu vàng, tay và cổ áo không nếp gấp, tay áo rộng không quá 30cm.

Phật giáo Việt Nam dung hòa cả hai hệ phái Phật giáo là Thượng tọa bộ (Theravāda, còn gọi là Nam truyền, Nam tông) [1], Đại thừa (Mahāyāna, còn gọi là Bắc truyền, Bắc tông). Cả hai hệ phái Phật giáo cùng sinh hoạt chung trong ngôi nhà Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhưng vẫn giữ nét đặc trưng biệt truyền. Vì lẽ đó, pháp phục của mỗi hệ phái đều có những khác biệt. Chư Tăng hệ phái Nam tông và Khất sĩ sử dụng y theo truyền thống hệ phái. Riêng với hệ phái Bắc tông, chư Tăng sử dụng y phục có màu nâu và màu vàng, còn chư Ni sử dụng y phục màu lam và màu vàng. Theo Nội quy của Ban Tăng sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhiệm kỳ VIII (2017-2022) thì sắc phục của Tăng, Ni Bắc tông được phân loại thành ba thứ: Lễ phục, pháp phục và thường phục [2].

- *Pháp phục* là y phục của Tăng, Ni sử dụng hằng ngày, không sử dụng khi hành lễ. Pháp phục của Tăng là màu nâu và màu lam dành cho Ni. Tay áo và cổ áo có nếp gấp tùy theo cấp bậc giáo phẩm và cổ tay không rộng quá 30cm. Riêng Sa-di sử dụng áo nhật bình màu nâu, Sa-di-ni và Thức-xoa-ma-na sử dụng áo nhật bình màu lam, tay áo đều không được rộng quá 20cm.

- *Thường phục* là y phục được sử dụng hằng ngày nhưng mang tính gọn gàng, giản dị và thuận tiện trong lúc chấp tác, lao động. Tuy không quy định rõ ràng nhưng thường phục vẫn phải có sắc thái riêng, có sự khác biệt giữa người Tu sĩ và cư sĩ, tránh sử dụng y phục của người thế tục.



Áo hậu dành cho chư Tăng

### BA Y TRONG LUẬT TẠNG

Cùng chung một quan điểm, các bộ luật Phật giáo đều đề cập đến ba y của một vị Tỳ-kheo. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của phong tục tập quán ở những xứ sở nên thực tế là việc sử dụng y phục tại một số quốc gia đều có những thay đổi, tiếp biến so với Ấn Độ và Trung Hoa. Trên tinh thần của giới luật, một vị Tỳ-kheo đều có ba y và không được cất chứa y dư [3]; nhưng thực tế là ngoài ba y được phép thì các vị Tỳ-kheo còn có những y phục thường nhật khác và ba y nguyên thủy dần dần trở thành lễ phục chỉ được sử dụng trong các khóa lễ.

Về hình thức cơ bản, y Ca-sa lễ phục của chư Tăng, Ni Phật giáo Bắc truyền cũng được may với các điều tương tự như luật định. Vải may y được cắt rọc thành

Theo Thượng tọa Thích Nhật Từ giải thích, sở dĩ phân loại đại y ra thành nhiều loại, nhiều phẩm là tương ứng với phẩm hạnh, giáo phẩm của vị Tỳ-kheo đắp y. Vị Tỳ-kheo giáo phẩm càng cao, đạo hạnh càng trọng thì số điều y càng nhiều. Căn cứ theo đó, các đại y tương ứng với các vị giáo phẩm như sau: [6]

- Tân hạ Tỳ-kheo và trung hạ Tỳ-kheo (1-9 hạ lạp): Đại y năm điều và bảy điều.
- Đại đức (10-24 hạ lạp): Đại y chín điều, mười một điều và mười ba điều.
- Thượng tọa (25-39 hạ lạp): Đại y mười lăm điều, mười bảy điều và mười chín điều.
- Hòa thượng (40 hạ lạp trở lên): Đại y hai mươi một điều, hai mươi ba điều và hai mươi lăm điều [7].

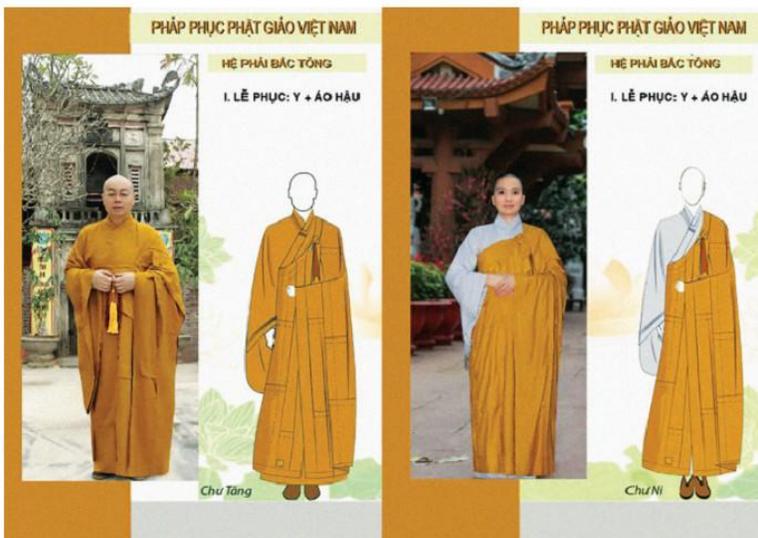
từng mảnh để ngăn ngừa trộm cướp rình rập, sau đó may ráp lại thành từng điều như thừa ruộng và tạo thành tấm y gọi là phước điền y [4]. Tuy nhiên, có một sự khác biệt so với việc hành luật của chư Tăng Nam truyền chính là số điều trên mỗi y. Tấm y của chư Tăng Theravāda thường là năm điều, bảy điều hoặc chín điều, tùy theo lượng vải có được để may y và ba y đều may điều như vậy. Riêng chư Tăng, Ni Bắc truyền thì y An-đà-hội có năm điều gọi là ngũ điều y, y Uất-đà-la-tăng có bảy điều gọi là thất điều y, y Tăng-già-lê có từ chín điều đến hai mươi lăm điều. Tất cả y đều có số điều là số lẻ, không bao giờ là số chẵn [5].

Trong việc may, nếu là y năm điều thì mỗi điều có một mảnh vải dài và một mảnh vải ngắn may ráp lại thành một điều. Nếu là y bảy điều đến mười ba điều thì trên mỗi điều có hai mảnh dài và một mảnh ngắn. Nếu là y mười lăm điều đến mười chín điều thì mỗi điều có ba mảnh dài và một mảnh ngắn. Nếu là y có hai mươi một điều đến hai mươi lăm điều thì mỗi điều có bốn mảnh dài và một mảnh ngắn. Đặc biệt là y Tăng-già-lê, tức đại y theo luật Tát-bà-đa tỳ-ni tỳ-bà-sa phân loại thành ba bậc: hạ, trung và thượng. Trong mỗi bậc lại phân thành ba phẩm: hạ, trung và thượng [6]. Như vậy, căn cứ theo số lượng điều trên y Tăng-già-lê mà phân loại thành chín loại đại y từ. Đại y hạ hạ phẩm có chín điều, gồm hai mươi bảy mảnh (mười tám mảnh dài và chín mảnh ngắn), đến Đại y thượng thượng phẩm có hai mươi lăm điều, gồm một trăm hai mươi lăm mảnh (một trăm mảnh dài và hai mươi lăm mảnh ngắn).

Việc sử dụng các ba y của Tỳ-kheo cũng có nhiều nguyên tắc mà một vị Tỳ-kheo cần phải chú ý. Theo luật định, khi tay vừa gãi trên thân thể thì không được đắp y Ca-sa mà phải rửa tay rồi mới được đắp y; tay chưa được rửa sạch thì không được cầm đến y Ca-sa; vị Tỳ-kheo không được kéo y Ca-sa từ trên giá phơi và treo y xuống mà nên đưa tay phải lồng vào phía dưới y rồi đẩy ngược lên, còn tay trái thì đỡ phía dưới mà nhận lấy; tay trái cầm lấy y Ca-sa thì nên giữ nhẹ y rồi mới được đắp; không được ném y Ca-sa lên vai từ phía trước mà nên cầm lấy y Ca-sa không cho rơi hoặc chạm xuống đất; nên hạ hai mép y cho bằng nhau, không để y Ca-sa chạm vào chân; khi đắp Ca-sa không được hướng hay quay lưng về phía tháp Phật, các vị Trưởng lão, Thượng tọa; khi gấp y Ca-sa không được dùng miệng ngậm y và cũng không được vung tay [8].

Phật giáo tại Ấn Độ thời Đức Phật, các vị Tỳ-kheo mặc y đắp một bên vai trái, chừa một bên vai phải, gọi là thiên đản hữu kiên. Đây là một nét văn hóa truyền thống của Ấn Độ ngày xưa để tỏ lòng tôn kính đến người đối diện. Đức Phật dạy Tôn giả Xá-lợi-phất trong Xá-lợi-phất vấn kinh như sau: “Trong đời sống thường nhật tại tự viện như chấp tác, yết kiến Đức Phật, thăm hỏi các vị Trưởng lão, tu tập thì đắp y Ca-sa bày vai phải để cho tiện bề làm việc. Khi đi vào làng khát thực, vào hoàng cung thọ trai, ngồi bên gốc cây để mọi người chiêm bái thì phải che y kín hai vai để hiện tướng phước điền” [9]. Thời tiết tại Ấn Độ nóng, thêm vào đó là truyền thống mặc y phục chừa một bên vai phải nên y phục của Tăng, Ni vẫn dựa vào truyền thống đó mà gìn giữ đến ngày nay.

## PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG



khi để bày vai phải và đi chân trần là thể hiện sự cung kính; ở nước Trung Hoa thì khăn giầy nghiêm chỉnh, kín đáo là thể hiện sự cung kính” [10]. Từ đó, pháp phục và y phục của Tăng, Ni dần dần được thay đổi để thích nghi với thuần phong mỹ tục và cũng để phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng ở Trung Hoa. Do đó, những bộ y hậu (áo hậu) ảnh hưởng theo kiểu y phục của các đạo sĩ Lão giáo được ra đời và trở thành pháp phục phổ biến của Tăng, Ni. Y Ca-sa dần trở thành lễ phục chỉ được đắp mặc khi

Trong văn hóa Phật giáo Việt Nam, cũng như Phật giáo Nhật Bản và Hàn Quốc, y hậu của Tăng sĩ ít nhiều ảnh hưởng kiểu y áo của Tăng sĩ Trung Hoa. (Ảnh: Ban Văn hóa Trung ương)

### SỰ THAY ĐỔI VÀ PHÁT TRIỂN

Trong văn hóa Phật giáo Việt Nam, cũng như Phật giáo Nhật Bản và Hàn Quốc, y hậu của Tăng sĩ ít nhiều ảnh hưởng kiểu y áo của Tăng sĩ Trung Hoa. Tuy nhiên về màu sắc, Tu sĩ Việt Nam hầu như đều sử dụng màu vàng cho y hậu, có số ít sử dụng y đỏ (thường là các bậc Trưởng lão). Về cơ bản có sự đồng nhất, tuy nhiên do mức độ đậm nhạt của màu sắc y hậu nên ta chỉ có một sự đồng nhất tương đối. Bên cạnh y hậu, Tu sĩ Phật giáo Việt Nam còn có chiếc áo nhật bình (hoặc tràng xiên) của riêng mình. Chiếc áo nhật bình màu nâu sồng là một nét khá đặc trưng của Tu sĩ Phật giáo Việt Nam về y phục.

Khi Phật giáo được truyền đến Trung Hoa, do sự tiếp biến và ảnh hưởng của nền văn hóa phong kiến lâu đời, cộng thêm sự dung hòa với Khổng giáo và Lão giáo tại vùng đất này nên y phục của Tăng, Ni Trung Hoa có sự thay đổi cho phù hợp với văn hóa, truyền thống và khí hậu. Đây cũng chính là đặc điểm “*bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến*” của Phật giáo trong dòng chảy của sự truyền thừa và phát triển. Tăng sĩ Phật giáo Trung Hoa mặc y chừa vai phải không phù hợp với truyền thống phong kiến vốn xem trọng việc kín đáo nhỏ nhả, “y quan chính tề”. Như Tổ sư Đạo Tuyên từng viết trong *Thích môn quy kính nghi*: “Ở xứ Ấn Độ,

làm lễ bái, cúng tế, giảng pháp hoặc vào hoàng cung. Theo thời gian, y Ca-sa bị thay đổi về kích thước và ít khi sử dụng. Y An-

đà-hội và y Uất-đà-la-tăng dần bị thay đổi và trở thành những chiếc quần và chiếc áo sử dụng hằng ngày. Đại y cũng thay đổi về kích thước cho nhỏ hơn và trở thành lễ phục ít khi được sử dụng đến.

Luật có quy định: vị Tỳ-kheo-ni đi vào thôn làng mà không mặc Tăng-kỳ-chi (áo lót, yếm che ngực) thì phạm Ba-dật-đề [11]. Tăng-kỳ-chi là một loại vải hay áo lót mặc bên trong để che từ ngực, hai nách và vai trái trở xuống tới lỗ rốn. Đây là loại y đặc biệt được Đức Phật chế định dành riêng cho Tỳ-kheo-ni. Về sau, các vị Tỳ-kheo cũng sử dụng Tăng-kỳ-chi này để mặc bên trong khi đi vào thôn làng, nếu không mặc sẽ phạm Đột-kiết-la [12]. Như vậy, cả Tăng lẫn Ni đều có thể sử dụng y Tăng-kỳ-chi để che phần vai trái và vẫn chừa vai phải. Khi Phật giáo được truyền đến và phát triển ở Trung Hoa, các Tăng sĩ thường được thỉnh mời vào hoàng cung thuyết pháp, giảng đạo, việc lộ vai và tay phải bị coi là không hợp lễ nên mới may thành áo phủ kiên để che phần tay và vai phải. Sự kết hợp giữa Tăng-kỳ-chi và phủ kiên tạo thành một loại áo che kín cả hai vai và được gọi là áo thiên sam. Trong *Thích thị yếu lãm* có ghi lại: “*Người nước Ngụy thấy các Tăng sĩ Phật giáo mặc y để lộ khuỷu tay trái và cho đó là điều không thích hợp, không tốt đẹp. Vì lý do đó, áo thiên sam ra đời để mặc lót bên trong che phần tay*

*trái bị lộ ra ngoài*” [13]. Đây chính là tiền thân của chiếc áo hậu của Tăng, Ni sau này.

Về sau, thêm một lượt kết hợp giữa áo thiên sam và quần (y nội) đã tạo thành một loại áo mới ra đời, đó là áo trực chuyết. Theo *Truyền thông ký nhữu sao* ghi lại: “Vào đời Đường, ngài Thiên sư Huệ Hải Đại Trí ở Bách Trượng sơn là vị đầu tiên đã kết hợp nối áo thiên sam và quần để tạo thành một loại áo dài che kín từ hai vai đến gót chân gọi là áo trực chuyết” [14]. Thể theo quy chế phong kiến Trung Hoa xưa, các sĩ phu đều phải mặc áo bào khi tiếp khách hoặc có việc đi ra ngoài. Dần dần, tới triều đại Hậu Hán, áo bào trở thành triều phục của các quan lại khi vào triều. Khi ấy, các Tăng sĩ thường vào hoàng cung để thuyết giảng nên pháp phục phải có sự thay đổi cho phù hợp. Như vậy, từ áo trực chuyết này lại một lần biến đổi, kết hợp giữa áo trực chuyết và chiếc áo

tượng trưng cho ba ngôi Tam bảo, vì thế cổ áo này gọi là Tam bảo lĩnh. Ở đoạn trước, có nói phần cuối của cổ áo có may năm mươi ba đường chỉ tượng trưng cho thuyết về Thiện Tài đồng tử [17] đã đến tham vấn với năm mươi ba vị thiện tri thức ở các nước phương Nam để học đạo, cầu đạo giải thoát [18]. Miệng tay áo của người thể tục thì để hở ra, còn miệng tay áo hậu của Tăng, Ni được may kết dính lại. Đây cũng là một nét đặc trưng riêng của Tăng bào.

Ngày nay, chư Tăng, Ni Phật giáo Việt Nam mặc áo hậu nhưng chỉ là áo hậu trơn, không theo khuôn khổ của áo hải thanh Trung Hoa. Đây chính là một nét đặc trưng riêng của pháp phục Phật giáo Việt Nam không phải luôn luôn tương đồng với Trung Hoa. Áo hậu trở thành một pháp phục truyền thống của Phật giáo Việt Nam. Theo Nội quy Ban Tăng

bào của Trung Hoa xưa để hình thành nên chiếc áo hậu như ngày nay.

Chiếc áo hậu của Tăng, Ni mặc ngày nay có tên gọi ban đầu là áo hải thanh, ý nghĩa là thể hiện sự mệnh mông, dung chứa vạn vật muôn loài của đại dương, sự phóng khoáng của biển cả. Thật ra, vào thời nhà Ngô, những áo nào có tay rộng đều được gọi là áo hải thanh [15]. Theo lời giải thích của Pháp sư Tinh Vân, hải thanh là tên của chim kền kền, nó thường sống và bay lượn ở biển Liêu Đông và tay áo hậu có hình dáng giống đôi cánh chim hải thanh nên dùng đặt cho y phục của Tăng sĩ [16]. Vào thời Đường, áo hải thanh được xem như một trào lưu trang phục thịnh hành, bất kể Tăng hay tục đều sử dụng áo hải thanh tay rộng này. Thời gian thay đổi, triều đại thay đổi, từ từ mọi người cũng phải thích nghi với xã hội nên áo hải thanh bị mai một, mọi người chỉ ưa chuộng những áo quần gọn gàng, dễ di chuyển. Duy nhất chỉ còn lại giới Tăng sĩ gìn giữ bộ áo hải thanh kín đáo, trang nghiêm cho đến nay. Tuy không phải là bộ pháp phục truyền thống Phật giáo nhưng đã trở thành một lễ phục phổ thông của Phật giáo hiện đại.

Chấp nhận thay đổi theo xã hội nhưng chiếc lễ phục Phật giáo vẫn còn có những nét riêng đặc trưng Phật giáo. Các vị Tổ sư tiền bối không hoàn toàn thay đổi theo xã hội mà lồng ghép vào đó để gìn giữ những nét tiêu biểu của Phật giáo. Điều này được thấy rõ nhất ở cổ áo hải thanh được may chông ba lớp vải

sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam có nói đến, lễ phục của Tăng, Ni gồm có áo hậu đắp bên trong và y Ca-sa màu vàng đắp bên ngoài. Áo hậu của Tăng màu vàng và màu lam dành cho Ni [19]. Tuy không còn hình tướng cổ Tam bảo linh nhưng được chế định để thành những nếp gấp trước cổ áo để phân biệt được giáo phẩm của các vị Tỳ-kheo. Đối với đại chúng, Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni thì cổ áo có một nếp gấp, với giáo phẩm Thượng tọa và Ni sư thì cổ áo có hai nếp gấp, với giáo phẩm Hòa thượng và Ni trưởng thì cổ áo có ba nếp gấp. Đó là chiếc áo hậu của Tăng, Ni Việt Nam thường sử dụng.

Ngoài lễ phục sử dụng khi hành lễ ra, Tăng, Ni Việt Nam còn có hai chiếc áo đặc trưng của Việt Nam, đó là chiếc áo nhật bình và chiếc áo vạt hò (hay vạt khách). Áo nhật bình trong Phật giáo là một sản phẩm chế tác từ ý kiến của Hòa thượng Thanh Ninh Tâm Tịnh (1868-1928) [20]. Vốn xuất thân từ Huế, Hòa thượng đã có ý nghĩ chế tác ra chiếc áo nhật bình dành cho Tăng, Ni sử dụng. Nhật bình vốn xuất xứ từ chiếc áo dài tứ thân của người phụ nữ Bắc bộ. Chiếc áo này được nâng lên một vị trí mới, dành riêng cho các mệnh phụ phu nhân, các hậu cung, phi tần sử dụng trong triều nghi với tên gọi là áo trực lĩnh, nghĩa là cổ áo thẳng [21]. Áo trực lĩnh có cổ áo cao, hình chữ nhật dài xả dọc giữa thân trước, có dây buộc hai vạt lại với nhau tạo thành một dải hình chữ nhật trước ngực nên gọi là áo nhật bình. Riêng đối với Tăng, Ni, áo nhật bình có một đặc biệt là có chiếc yếm trên cổ để kéo ngang qua trước ngực

## PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG



phạm vi tự viện, không được sử dụng khi ra ngoài. Tuy nhiên, ngày nay, đa phần thì Tăng, Ni đều thoải mái hơn trong việc sử dụng hai loại áo này để mặc khi đi đường, đều thể hiện sự kín đáo, trang nghiêm và một nét đặc trưng trong pháp phục của Tăng, Ni Phật giáo Việt Nam.

Còn một trang phục đặc trưng của Phật giáo Việt Nam đó chính là chiếc áo vạt hò hay còn gọi là áo vạt khách. Đây là một loại thường phục phổ biến được Tăng, Ni sử dụng trong sinh hoạt hằng ngày tại tự viện. Chiếc áo vạt hò này hoàn toàn khác với chiếc áo la-hán vốn xuất thân từ Trung Hoa. Áo vạt hò hoàn toàn là của Việt Nam nhưng cũng được thoát thai từ chiếc áo của những lưu dân người Trung Hoa làm khách trú tại Việt Nam. Thay vì có hàng nút gài ở giữa thân trước ngực, áo vạt hò được chế tác thêm một miếng vải kéo ngang qua bên hông và nút cài một hàng từ cổ áo kéo xuống nách



Ngoài lễ phục sử dụng khi hành lễ ra, Tăng Ni Việt Nam còn có hai chiếc áo đặc trưng của Việt Nam, đó là chiếc áo nhật bình và chiếc áo vạt hò hay vạt khách. (Ảnh áo nhật bình). *Anh: phamngghiemtraai.com.vn*

và cài lại, tránh cổ áo bị bung khi di chuyển và làm việc. Đây chính là nét tinh tế của chiếc áo nhật bình thể hiện sự kín đáo và trang trọng. Bên trong có nút bấm, bên ngoài có một hàng nút gài ở giữa dài từ trên xuống dưới áo. Hòa thượng Thanh Ninh Tâm Tịnh chế tác chiếc áo nhật bình có nhiều nút ở giữa là để vị Sa-di khi mặc áo phải biết an trú tâm trong từng cử chỉ, hành động khi cài nút từ trên xuống. Khi cài xong nút, một tay cầm lại áo phía dưới còn tay kia cầm giữa thân áo kéo cho thẳng rồi mới được đi ra ngoài. Như vậy, chính là tu - mặc áo trong chánh niệm. Ở Huế, áo nhật bình chỉ dành riêng cho các vị tân Tỳ-kheo, tân Tỳ-kheo-ni, Sa-di, Sa-di-ni, Thức-xoa-ma-na và các chú đệ tử mặc, riêng với áo tràng xiên thì mới dành cho các vị Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni từ trung hạ trở lên. Ngoài ra, áo nhật bình còn một kiểu biến cách khác, chính là áo nhật bình lưng, nghĩa là chỉ dài tới gối, dùng để mặc trong

và xuống thất lung. Như vậy, áo vạt hò và chiếc áo nhật bình lưng là hai chiếc thường phục được Tăng, Ni sử dụng hằng ngày trong sinh hoạt, lao động nội tự viện. Qua đó, có thể hình dung được những y phục của Tăng, Ni Phật giáo Việt Nam với những đặc điểm sau:

- *Lễ phục*: Áo tràng tay rộng là mặc làm áo hậu bên trong, màu vàng dành cho Tăng và màu lam dành cho Ni. Bên ngoài đắp y Ca-sa màu vàng với điều tương tự theo đạo hạnh và giáo phẩm.

- *Giáo phục*: Áo tràng tay nhỏ (áo tràng xiên) dành cho Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni, còn Sa-di, Sa-di-ni, Thức-xoa-ma-na mặc áo nhật bình. Về màu sắc thì Tăng mặc màu nâu và Ni sử dụng màu lam, riêng vị Tỳ-kheo giáo phẩm có thể mặc màu vàng sậm cũng được. Đây cũng là y phục đi đường dành cho Tăng, Ni.

- *Thường phục*: áo vạt hò và áo nhật bình lưng màu lam, màu nâu cho phù hợp trong sinh hoạt hằng ngày.

Có thể nói, lịch sử du nhập và truyền thừa của Phật giáo đã tạo nên sự đa dạng của Phật giáo ở các địa phương, lãnh thổ khác nhau. Tăng phục của Phật giáo ngoài sự đa dạng còn mang những nét đặc trưng riêng của mỗi dân tộc, quốc gia. Phật giáo Việt Nam cũng ảnh hưởng từ văn hóa Phật giáo Ấn Độ và Trung Hoa



nhưng không vì đó mà đánh mất đi truyền thống của dân tộc. Phật giáo Việt Nam đã hình thành nên một pháp phục Phật giáo riêng của Việt Nam. Đây cũng chính là thể hiện đặc tính dung dị của Phật giáo Việt

[10] *Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh* (dịch) (2000), Tập 166, Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc, Đài Loan, tr.302.

[11] Thích Đồng Minh (dịch) (2019), *Luật Tỳ Phàn*, Tập 1, Nxb Hồng Đức, Hà Nội, tr.1000-1001. Thích Đồng Minh (dịch) (2019), *Đi và sống Đầy Hạnh và Huệ*, Tập 1, Nxb Hồng

## Nam qua các thời kỳ phát triển.

### Chú thích:

\* Tỷ-khuru Định Phúc, Nghiên cứu sinh khóa I của Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh.

[1] Thượng tọa bộ Theravāda không phải là Trưởng lão bộ trong thời kỳ đầu tiên của sự phân chia bộ phái Phật giáo. Thượng tọa bộ Theravāda ngày nay là hệ quả của sự phân chia vào thời kỳ sau, bắt nguồn từ Xích đồng điệp bộ (P. Tambapanniya, Sk. Tāmasāṭṭiya), mà bộ phái này được tách ra từ Phân biệt thuyết bộ (P. Vibhajjavāda; Sk. Vibhajjavāda).

[2] Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2018), *Nội quy Ban Tăng sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam - Nhiệm kỳ VIII (2017-2022)*, ban hành ngày 18/9/2018, tr.24-25.

[3] Pāli (N.P. 1), Tứ phần (Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề 1), Ngũ phần (xả đọa 1).

[4] Thích Đồng Minh (dịch) (2019), *Luật Từ Phần*, Tập 2, NXB. Hồng Đức, Hà Nội, tr.1351. Thích Đồng Minh (dịch) (2018), *Di-sa-tắc Bộ Hòa Hê Luật Ngũ Phần*, Tập 2, Nxb Hồng Đức, Hà Nội, tr.193.

[5] Đại sư Đạo Tuyên (2017), *Tứ phần luật san bổ tùy cơ yết-ma*, Đức Nghiêm, Đức Thuận, Đức Thuần (dịch), Nxb Hồng Đức, Hà Nội, tr.132.

[6] *Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh* (dịch) (2000), Tập 76, Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc, Đài Loan, tr.675

[7] Thích Nhật Từ (2020), *Bản sắc hóa pháp phục Phật giáo Việt Nam*, Giáo hội Phật giáo Việt Nam 35 năm hình thành & phát triển, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, 02/11/2016, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam và Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, tr.442.

[8] *Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh* (dịch) (2000), Tập 82, Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc, Đài Loan, tr.83

[9] *Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh* (dịch) (2000), Tập 82, Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc, Đài Loan, tr.10

(2016), *Di-sa-tắc Bộ Hòa Hê Luật Ngũ Phần*, Tập 1, NXB Hồng Đức, tr.613.

[12] Thích Đồng Minh (dịch) (2018), *Di-sa-tắc Bộ Hòa Hê Luật Ngũ Phần*, Tập 2, Nxb Hồng Đức, Hà Nội, tr.198.

[13] *Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh* (dịch) (2000), Tập 200, Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc, Đài Loan, tr.46

[14] Thích Tâm Mãn (2010), *Lược khảo áo hậu trong Tăng phục Phật giáo Bắc truyền* [Online], viewed 20/04/2021, from <<http://www.daophatngaynay.com/vn/phat-phap/buoc-dau-hoc-phat/dd-dao-phat/4879-Luoc-Khao-Ao-Hau-Trong-Tang-Phuc-Phat-Giao-Bac-Truyen.html>>.

[15] Tường Vân (2013), *Lễ phục - Pháp khí - Pháp cụ*, Thích Thiện Phước (dịch), Nxb Hồng Đức, Hà Nội, tr.146.

[16] Tường Vân (2013), *Lễ phục - Pháp khí - Pháp cụ*, Thích Thiện Phước (dịch), Nxb Hồng Đức, Hà Nội, tr.147.

[17] Thiện Tài đồng tử (Sudhanakumāra) là một cậu bé người Ấn Độ, con trai của một trưởng giả ở Phúc Thành. Trong thời gian mang thai, gia đình của ông trưởng giả luôn xuất hiện nhiều điềm lành và những tài sản quý báu. Vì thế, khi đứa bé được sinh ra, mọi người đặt cho tên là Thiện Tài (Sudhana). Về sau, Thiện Tài được Bồ-tát Văn Thù chỉ dạy và lên đường tầm đạo giác ngộ. Thiện Tài đã đi khắp xứ ở phương Nam và tham vấn, học hỏi, cầu đạo với năm mươi ba vị thiện trí thức. Cuối cùng, Thiện Tài gặp được Bồ-tát Phổ Hiền và chứng được pháp vô sanh.

[18] *Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh* (dịch) (2000), Tập 41, Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc, Đài Loan, tr.437.

[19] Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2018), *Nội quy Ban Tăng sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam - Nhiệm kỳ VIII (2017-2022)*, ban hành ngày 18/9/2018, tr.24.

[20] Tâm Quang (2009), *Vài nét tiểu sử về Hòa thượng Thanh Ninh Tâm Tịnh* [Online], viewed 21/04/2021, from <<http://hoangphap.info/newstextdisplaydetailsasp?CONTENTID=1307&ID=33>>.

[21] Trần Quang Đức (2013), *Ngàn năm áo mũ*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.342-343.





**HOÀNG PHÁP**  
Online

Kênh Youtube chính thức của Hoàng Pháp Online  
"Nơi chia sẻ những thông điệp, bài giảng, thuyết pháp  
của ban Hoàng Pháp Trung Ương GHPGVN"



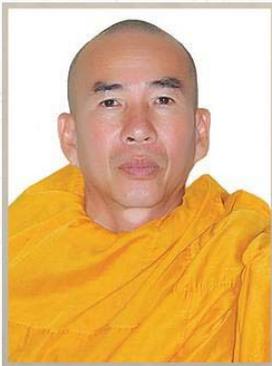
Mời quý vị Quét mã QR-CODE  
Để xem tất cả các bài Giảng - Thuyết Pháp



GIỚI THIỆU  
HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ CÁC TỰ VIỆN

# Chùa Thanh Lương

## Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang



Chùa Thanh Lương tọa lạc tại trung tâm thị trấn Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chùa được thành lập từ năm 1960 bằng cây lá. Năm 1992 Thượng tọa Thích Giác Tấn được Giáo hội tỉnh bổ nhiệm về làm trụ trì, qua nhiều lần trùng tu chùa Thanh Lương ngày nay là ngôi Già lam trang nghiêm thanh nhã. Tăng Ni, Phật tử về nương tựa, tu học rất đông.

Chùa nằm trên Quốc lộ 80, tuyến đường Rạch Giá – Hà Tiên. Nhiều đoàn khách thập phương khi đi ngang qua cũng ghé vào chùa thắp hương chiêm bái. Nhờ thuận tiện về giao thông nên công tác Phật sự của chùa cũng hanh thông phát triển. Hằng năm chùa Thanh Lương được sự trợ duyên từ quý Phật tử gần xa trong công tác từ thiện, an sinh xã hội ước tính trên 1,5 tỷ đồng. Đặc biệt, đạo tràng tu học Một ngày An lạc tại chùa vào ngày chủ nhật tuần thứ tư của mỗi tháng quy tụ hàng trăm Phật tử về sinh hoạt tu học. Chùa còn tổ chức cúng hội vào ngày





15 và 30 mỗi tháng theo nghi thức hệ phái Khất sĩ. Những ngày lễ hội lớn như tết Nguyên Đán, Rằm tháng Giêng, Đại lễ Phật Đản, Lễ hội Vu Lan... Phật tử địa phương và các nơi về chùa rất đông.



Qua quá trình đọc và theo dõi ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo mỗi tháng 2 số phát hành, Thượng tọa trụ trì đã nhận báo biểu tặng cho quý Phật tử đến tham dự các khóa tu. Từ đó đã tạo nên sự lan tỏa mạnh và yêu thích Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo của đạo tràng Phật tử. Qua đây, đạo tràng đã chung tay cùng với chùa Thanh Lương cúng dường tịnh tài (7,5 triệu đồng) cho mỗi số và cúng dường 10 số liên tiếp để hun phước in Tạp chí gửi tặng đến chư Tôn đức Tăng, Ni và bạn đọc. Với nghĩa cử cao đẹp này, chùa Thanh Lương đã góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật đà cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới, góp phần vào công cuộc hoàng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.

#### Chùa Thanh Lương

- Địa chỉ: QL 80, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
- Trụ trì: **TT. Thích Giác Tấn.**
- Điện thoại: 0918316388
- Email: [chuathanhluong1@yahoo.com.vn](mailto:chuathanhluong1@yahoo.com.vn)



PHẬT GIÁO  
VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG



# VĂN BIA PHẬT GIÁO QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG

# ĐẠI XƯƠNG THỜI NGUYỄN (1802-1945): MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ HÌNH THỨC

Lê Xuân Thông\*, Đinh Thị Toan\*\*

92 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 1-11-2021





Bia chùa Mỹ Khê (Đà Nẵng)

VĂN HÓA PHẬT GIÁO 1-11-2021 93

## PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG

**T**heo đà tiến bước của lưu dân Đại Việt về phương Nam, Phật giáo cũng từng bước xuất hiện và cắm rễ sâu trên vùng đất Quảng Nam - Đà Nẵng, trở thành một yếu tố văn hóa không thể tách rời trong bức tranh đa sắc của tiểu vùng văn hóa xứ Quảng. Trong quá trình đó, Phật giáo nơi đây đã để lại nhiều di sản văn hóa quý báu mà văn bia là một loại hình di sản khá phong phú và đa dạng, thể hiện ở số lượng, niên đại, kiểu thức, đề tài trang trí, và về hình thức cùng nội dung văn bản. Từ sự phong phú và đa dạng đó, cũng như nhiều loại hình văn bia khác, văn bia Phật giáo Quảng Nam - Đà Nẵng mang chở nhiều giá trị quan trọng, từ mỹ thuật đến văn học và đặc biệt là sử liệu mang tính độc bản, trực tiếp.

Bài viết này không đặt ra mục

niệm trong bài viết gồm hai bộ phận: (1) văn bia chùa, và (2) văn bia hành trạng thiền tăng. Chúng tôi đã tiến hành khảo sát trực tiếp các văn bia hiện còn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và TP Đà Nẵng, đồng thời tiếp cận các thạc bản được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm (Hà Nội) đối với những văn bia vì một lý do nào đó nay không được tìm thấy.

### 1. CHẤT LIỆU, KÍCH THƯỚC VÀ KIỂU DÁNG

Văn bia thời Nguyễn được tạo bởi hai loại đá cẩm thạch và sa thạch, rải rác xuất hiện loại đá xanh Thanh Hóa, trong đó cẩm thạch vẫn giữ vị thế áp đảo. Trong số văn bia được nghiên cứu, chỉ ghi nhận 06 văn bia bằng sa thạch của các chùa: Phổ Minh (1895), Hòa Quang (1821), Chúc Thánh (1915), Lệ Trạch (1917) và Bảo Thuận (1827). Chất

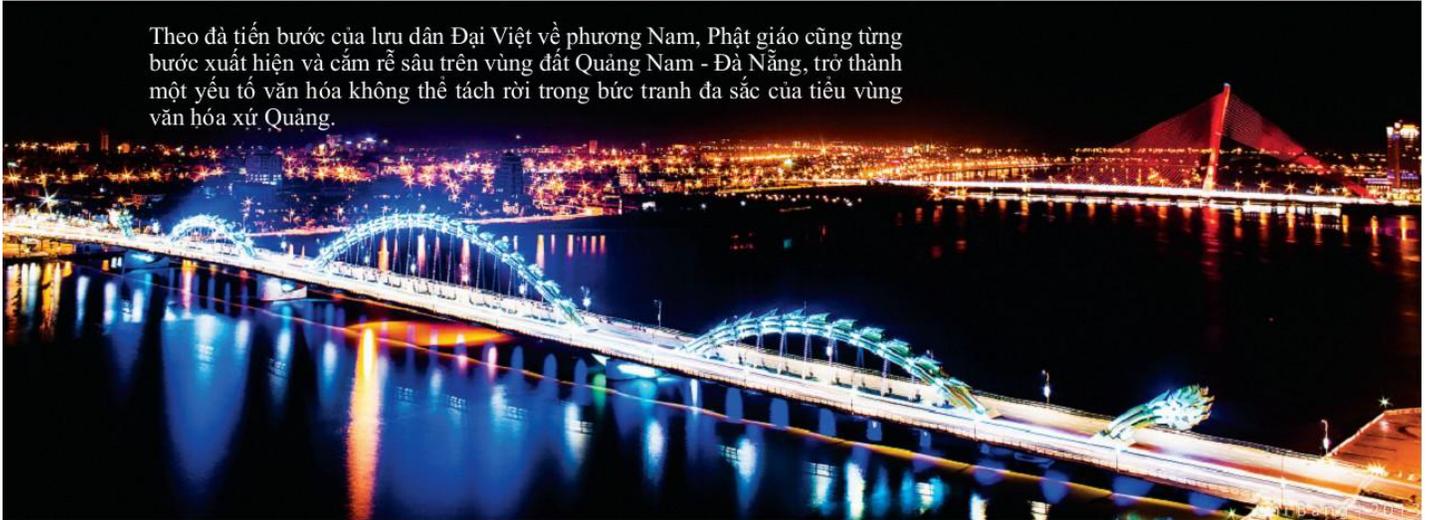
Lệ Trạch, An Trạch, Trúc Lâm, Nghĩa Trung, Thanh Quýt, Vu Lan, Tam Thai, bia hành trạng Thiền Sư Từ Trí, hành trạng Thiền Sư Quảng Hưng...

Kiểu dáng văn bia Phật giáo Quảng Nam - Đà Nẵng thời Nguyễn không kiểu cách, thậm chí rất đơn giản. Trường hợp khác lạ duy nhất là trán bia chùa Mỹ Khê (1913) được uốn cong rồi cuộn ngược ở hai rìa tạo thành hai móc xoắn nhô cao, trông đúng kiểu dáng của một cánh cung. Còn lại, chiếm khoảng 1/3 trong tổng số văn bia là loại không có trán, không diềm và không khoét lòng, tức bia là một miếng đá phẳng hình chữ nhật, hoặc cũng có vài trường hợp tạo thêm đường viền khung bằng cách soi chỉ. Niên đại những văn bia này tập trung vào giai đoạn nửa đầu thế kỉ XX. Số khác hoàn toàn cùng

tiêu nghiên cứu toàn diện về đối tượng mà chủ yếu trình bày những nét cơ bản về chất liệu, kích thước, kiểu dáng, nghệ thuật trang trí cùng hình thức văn bản. Văn bia Phật giáo được quan

lượng đá ít được chủ thể quan tâm lựa chọn, vậy nên nhiều văn bia mới trải qua trên dưới 100 năm, nay đã có dấu hiệu bị bào mòn, bong mặt, như văn bia các chùa Viên Giác, Hoa Nghiêm,

kiểu trán bằng (vuông), vai vát (tức cắt chéo góc ở phần đầu bia). Đế bia cũng khá đơn giản, thường là khối đá hộp chữ nhật nằm được khoét lỗ ngậm chân bia. Như vậy, văn bia Phật giáo Quảng Nam -



Theo đà tiến bước của lưu dân Đại Việt về phương Nam, Phật giáo cũng từng bước xuất hiện và cắm rễ sâu trên vùng đất Quảng Nam - Đà Nẵng, trở thành một yếu tố văn hóa không thể tách rời trong bức tranh đa sắc của tiêu vùng văn hóa xứ Quảng.

94 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 1-11-2021

Đà Nẵng thời kì này gần như đã đoạn tuyệt hẳn với kiểu trán hình viên phân, hình cung đã xuất hiện ở thời chúa Nguyễn.

Kích thước bia không tạo thành dòng có tính chủ đạo. Chúng trải đều từ khoảng 35cm đến trên 90cm chiều rộng và từ 50cm đến trên 130cm chiều cao. Số bia có chiều cao trên 100cm không nhiều, chiếm khoảng 20% (16/77 văn bia Phật giáo hiện biết). Nhỏ nhất là văn bia chùa Vân Long (1940): 23cm x 30cm; lớn nhất là 02 văn bia chùa Viên Giác (có cùng niên đại 1842): 92cm x 132cm. Tỷ lệ kích thước giữa chiều rộng và chiều cao cũng đầy biến động, có thể là 1/2, 2/3, 3/5, 3/4 thậm chí là 4/5; khoảng có tần suất cao nhất là 2/3 - 3/4.

## 2. NGHỆ THUẬT TRANG TRÍ

Văn bia Phật giáo Quảng Nam

dân dã gần như biến mất, nhường chỗ cho các đề tài về rồng, hình tượng thái cực, những đồ án mây cuộn, hoa lá rời và hồi văn kỷ hà. Trong đó, đề tài rồng chiếm thế áp đảo, cả về số lượng bia và trên mỗi một tấm bia. Kiểu thức chủ đạo là “*lưỡng long triều nguyệt*”, “*lưỡng long triều thái cực*”. Mặt trăng hay thái cực bao giờ cũng nằm giữa trán bia, quanh nó thường có hoa văn mây cuộn hoặc những tua lửa nhỏ. Đáng chú ý, rồng trong các đồ án này không bao giờ nằm gọn trên trán bia, mà thường được bố cục: (1) hoặc là bao phủ lên toàn bộ các thành phần diềm bia, cả diềm thân và diềm đáy, (2) hoặc tràn ra một phần hay một nửa trên của diềm thân. Như vậy, ở trường hợp thứ nhất, toàn bộ trang trí là một đồ án rồng châu (mặt trăng/ thái cực) (bia chùa Phước Long ở Điện Bàn, Quảng Nam, bia hành trạng Thiền Sư Từ Trí ở Ngũ

Với đề tài rồng, trang trí hai bia chùa Hải Tạng (ở Cù lao Chàm, Hội An; cùng niên đại 1848) là tương đối khác biệt, cả bố cục lẫn phong cách. Ở đây gồm 4 cặp rồng châu, phân bố phủ kín toàn bộ trán, diềm bên và diềm đáy. Trên cùng, từ trán và phủ xuống một phần diềm bên là đồ án “*lưỡng long triều thái cực*”. Phía dưới, nằm gọn trong diềm đáy là hai con rồng trong tư thế quay đầu - hồi long, hướng về mặt hồ phủ chính giữa. Hồ phủ được thể hiện bởi sự kết hợp cả hai xu hướng tả thực và cách điệu, thoát trông như một đóa sen theo motif “liên hóa”, song các bộ phận mắt, mũi và hai chi trước hiện ra tương đối chân thực. Ở phần còn lại của hai diềm bên là hai đồ án rồng châu mây cuộn. Toàn bộ rồng được cách điệu bộ phận. Đầu thon nhỏ, bờm và râu ngắn nhưng mềm mại, thân tròn với lớp vảy nhỏ

- Đà Nẵng thời Nguyễn không được chú trọng trang trí. Như đã biết, bia không trán chiếm số lượng khá nhiều trong tổng thể được nghiên cứu. Loại này, tất nhiên không hề được trang trí. Số khác tương ứng, tuy có tạo diềm (trán, thân và đáy) nhưng sự quan tâm của người nghệ nhân cũng chỉ dừng lại bởi những đường gờ chỉ nhỏ làm viền khung, như là cách dành cho văn bia một sự trang trọng ở mức tối thiểu. Văn bia được trang trí như vậy, chỉ chiếm một phần trong ba phần.

Cũng như về kiểu thức hình dáng, nghệ thuật trang trí văn bia thời kì này mang nhiều khác biệt với thời chúa Nguyễn. Ngoài hoa sen, thì hình tượng mặt trời có tua lửa, thân dây lá hình sin, hay các loài động vật tự nhiên

Hành Sơn, Đà Nẵng). Với trường hợp thứ hai, ở diềm thân và diềm đáy còn xuất hiện các đồ án rồng khác nữa; số ít, ở diềm đáy thay vì hình rồng là một đóa sen mãn khai cách điệu (hai văn bia chùa An Phước, 1853 và 1915).

Tất cả hình tượng rồng đều được cách điệu, bộ phận hay toàn thể. Phổ biến là rồng cách điệu toàn thể, từ đuôi, thân đến đầu, với nhiều dạng thức: (1) chuỗi dây lá ngoằn ngoèo hoặc xoắn ốc, (2) cuộn mây kết hợp hoa lá, (3) hồi văn kỳ hà, (4) tổ hợp hồi văn kỳ hà và hoa lá. Tần suất xuất hiện các dạng thức là tương đối như nhau. Trong những trường hợp này, rồng chỉ được nhận ra bởi một vài chi tiết đặc tả ở phần đầu, hoặc ở sự chuyển động của đường nét.

đều đặn, đuôi hóa thành dây lá và mây uyển chuyển. Có thể nói, trong tất cả trang trí trên văn bia chùa Hải Tạng mang tính nghệ thuật cao nhất.

Những đồ án hoa văn hoa lá, mây cuộn, hồi văn kỳ hà chỉ xuất hiện trên những bia không có hình tượng rồng và chiếm tỉ lệ không nhiều về mặt số lượng. Chúng được bố trí đơn lập, xen kẽ hoặc kết hợp thành từng tổ hợp rậm. Kỳ hà có nhiều dạng như chữ T, chữ I, chữ chi (之) hoặc đường xoắn gậy góc.

Một kiểu thức trang trí mới cần được chỉ ra là khoảng ngăn cách giữa lòng và diềm bia thường được giạt cấp, tạo các đường gờ nhỏ, đồng thời chạm khắc hồi văn kỳ hà chữ T, chữ công (工), chữ vạn

## PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG



nổi bật của chủ đề và tạo ra sự gò bó, ức chế của hình tượng.

Rõ ràng, về mặt phong cách, trang trí văn bia Phật giáo Quảng Nam thời Nguyễn mang nặng tính công thức, khuôn mẫu. Các đề tài, motif trang trí thường xuyên lặp lại. Bên cạnh đó, không ít đồ án thuần túy tính chất trang trí, những đồ án hoa lá, mây cuộn đôi khi chỉ mang chức năng xóa đi khoảng trống trên bia, mà không phải phát xuất từ một ý tưởng thẩm mỹ. Xu hướng cách điệu, giản lược cũng là một đặc điểm nổi bật của phong cách nghệ thuật văn bia thời kì này. Tiêu biểu là hình tượng rồng được cách điệu bởi nhiều dạng thức đôi khi làm cho đồ án trang trí trở nên rối rắm.

### 3. HÌNH THỨC VĂN BẢN

Kích cỡ, kỹ thuật chạm khắc chữ văn bia thời Nguyễn hình thành hai nhóm rõ rệt: Một, cỡ chữ khoảng từ 1cm đến 1,5cm; nét



Bia chùa Hải Tạng (Cù lao Chàm, Quảng Nam)

(卍) hoặc hình chìa khóa. Kiểu trang trí này, trước đó chưa hề xuất hiện trong các văn bia Phật giáo đất Quảng. Nhìn chung, có hai thủ pháp được sử dụng để tạo nên các đồ án trang trí trên văn bia Phật giáo Quảng Nam - Đà Nẵng thời Nguyễn: (1) dùng lối đục tách mảng để tạo khối, song chỉ ở mức vừa phải, hình mẫu không thực sự bật hẳn lên khỏi nền một cách phô trương (đề tài rồng, hoa sen); và (2) dùng nét khắc nhỏ tạo hình phẳng (đồ án vân văn, hồi văn kỹ hà).

Bố cục trang trí trên văn bia Phật giáo Quảng Nam - Đà Nẵng thời Nguyễn thường dàn đều, trải rộng trên nhiều thành phần, đồng thời triệt để áp dụng nguyên tắc đối xứng. Phép đối xứng được tuân thủ nghiêm ngặt đến mức không một chi tiết nào dù nhỏ nhất được phép khác đi, giữa hai nửa của một đồ án trang trí. Lối bố cục này cùng với sự đóng khung các đồ án trong những đường diềm nhỏ (kể cả trán bia), ít nhiều hạn chế tính tập trung,

khắc nông, nhỏ. Hai, cỡ chữ từ 2cm đến 3cm; nét khắc sâu, rộng. Điều chú ý là những đặc điểm này nhiều lúc cùng xuất hiện đồng thời trên một văn bia; mặt khác, cũng không phụ thuộc vào kích thước bia lớn hay nhỏ. Có những bia kích thước nhỏ nhưng cỡ chữ lớn và ngược lại, có những bia kích thước lớn nhưng cỡ chữ nhỏ. Thể khai thư được áp dụng tuyệt đối. Kiểu chữ chân phương, ngay ngắn, không bay bướm, hoa mỹ; được phân bố hàng đều đặn, cân xứng. Đẹp nhất là chữ văn bia chùa Phước Lâm.

Chữ Nôm được sử dụng phổ biến hơn văn bia thời kỳ trước. Hiện tượng dùng chữ Hán giả thể, viết sai chữ hoặc thiếu nét được bắt gặp không ít. Nhiều trường hợp, nhất

là văn bia đầu thế kỷ XX, cả chữ Nôm và chữ Hán được viết theo cú pháp tiếng Việt. Lệ kiêng húy được tuân thủ, song không nghiêm ngặt; nghĩa là bên cạnh những văn bia kiêng húy tồn tại không ít văn bia phạm húy. Những chữ kiêng húy thường thấy như chữ tôn (尊), chữ hoa (花). Chữ tôn lược bớt nét ngang dưới hai nét phẩy, chữ hoa thêm nét ngang dưới cùng.

Văn bia thời kỳ này xuất hiện rất nhiều chữ được viết dài. Đó là những chữ ghi danh hiệu, tôn xưng thuộc hệ thống Phật giáo, như chỉ Phật, Bồ tát, Thiên tăng, tên chùa thuộc nhà nước như niên hiệu vua, quốc hiệu, đại từ chỉ triều đình; các địa danh hành chính địa phương... Cách thức dài cũng rất đa dạng: bỏ hàng, dài cao một chữ và đứng độc lập; bỏ hàng, dài cao một chữ rồi viết tiếp; bỏ hàng, đứng độc lập nhưng không dài cao; bỏ trống một hoặc hai ô trước chữ cần dài. Nhưng vấn đề là ở chỗ cách

Phật pháp thì sự tôn xưng cũng đầy mâu thuẫn.

Về kết cấu, xuất hiện nhiều văn bia có đủ các thành phần: tên bia, bài kí, bài minh và lạc khoản. Nhưng vượt trội là những văn bia khuyết thiếu tên bia và bài minh, không ít trong số này thiếu cả phần lạc khoản hoặc chỉ là loại bia công đức thuần túy - liệt kê danh tính cùng tài sản cúng dường Tam bảo của tín hữu. Tên bia thường bắt gặp ở loại văn bia hành trạng và một số bia chùa. Chúng không phải là dòng đại tự nằm ở dải băng ngang dưới trán như thời kỳ trước, mà là một hàng dọc bên phải trong lòng bia, đồng thời cũng không có mấy trường hợp tạo ra sự phân biệt về cỡ chữ với các thành phần khác.

Ở phần chính văn, bài kí văn bia hành trạng có nội dung tương đối dài, bố cục chặt chẽ, ngôn ngữ trong sáng, trau chuốt, giàu chất biểu cảm, thủ pháp so sánh, ước

được bắt đầu bởi hai chữ “minh viết”, “kì minh”, hoặc “kì từ viết” hay “kệ vân” tức “kệ rằng”. Tất cả các bài minh đều thuộc thể văn vần, mỗi câu bốn chữ, song số câu không cố định. Dài nhất là bài minh văn bia chùa Viên Giác: 40 câu, những bài còn lại, gồm 8, 12, hoặc 20 câu. Khác với lệ thường, hầu hết các bài minh đều ít sử dụng điển tích, điển cố, ngôn ngữ dung dị, không mang nhiều tầng nghĩa, vì vậy dễ hiểu.

Có nhiều văn bia khắc ghi thông tin về tác giả, đôi khi gồm cả người soạn và người nhuận chính. Họ là nhà sư, quan lại, trí thức Nho học hoặc người dân thường tín mộ Đạo Phật. Chúng ta còn biết một số tác giả là quan lại, trí thức tiêu biểu như Hàn lâm viện Thị độc học sĩ Phan Tử Đan (soạn văn bia chùa Phước Lâm), Kinh binh Tả tam vệ Chương vệ Lê Viết Nghiêm (soạn văn bia hành trạng Thiên Sư Vĩnh Gia), Phó bảng khoa

thức dài không thể hiện thứ bậc, mức độ tôn xưng và cả sự bất nhất, đảo lộn về các đối tượng. Hiện tượng này thậm chí xảy ra trong cùng một văn bản. Văn bia chùa Chúc Thánh (lập năm Duy Tân thứ 8 - 1914) là một ví dụ. Ở đây, chữ và cách dài như sau: (1) Dài cao hơn một chữ gồm: “Chúc Thánh”, “Thành Thái”, “Phật Tô”, “Phật thừa”; (2) Dài bằng cách bỏ trống một ô: “Tự Đức”, “Kiến Phúc”, “Duy Tân”, “Phật Tô”, “Phật thừa”, “Phật phương”, “Thiên tôn”, “Phước Lâm”, “chư Sơn”, “Tinh đức”. Như vậy, một mặt, vua chúa, Phật pháp chỉ được tôn xưng ngang bằng hay thấp hơn cả tên chùa “Chúc Thánh”. Mặt khác, ngay cùng đối tượng vua chúa,

lệ, khoa trương được chú trọng. Tất cả đã dựng lên bức chân dung thiên tăng Phật giáo đất Quảng vừa dung dị, gần gũi, đời thường vừa như đã hoàn thành cuộc thanh tẩy bản tâm, sống an nhiên trong thực tại đầy tục lụy. Chất luận thuyết rất rõ; bài minh cũng đầy hình tượng. Trong khi đó, bài kí văn bia chùa thường ngắn, mang tính giản yếu về sự kiện xây dựng, tu sửa chùa. Nó mang nặng thể trần thuật. Đặc biệt ở loại văn bia này thường liệt kê hàng loạt đạo hữu công đức, dung lượng vì thế rất lớn. Nhiều văn bia (chùa Chúc Thánh, chùa Viên Giác) có trên dưới một ngàn năm trăm chữ. Số văn bia có bài minh tuy không chiếm tỉ lệ lớn song đã cho thấy sự phổ biến. Nó

Mậu Tuất, Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ Nguyễn Tường Vinh, Hàn lâm viện cúng phụng Hồ Văn Chất (soạn văn bia chùa Viên Giác), Tiến sĩ tam giáp, Tham tri bộ Lễ Nam Xuyên Hồ Mộng Hàn (soạn văn bia hành trạng Thiền Sư Phổ Thoại), Tổng đốc tỉnh Thanh Hóa Nguyễn Bá Trác (nhuận chính văn bia hàng trạng Thiền Sư Huệ Duyệt), Tri phủ Điện Bàn Nguyễn Đình Tiến và tú tài Hồ Thăng Doanh (văn bia hành trạng Thiền Sư Từ Trí).

Hầu hết văn bia đều được ghi niên đại, và vẫn duy trì ba cách ghi truyền thống: niên hiệu + năm can chi, niên hiệu, và năm can chi. Bấy giờ là niên hiệu các vua Nguyễn. Việc xác định thời gian tuyệt đối

## PHẬT GIÁO VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG



Một tấm bia chùa Phước Lâm (Quảng Nam)

với những văn bia ghi năm can chi tương đối thuận lợi, do nội dung văn bản đã hàm chứa đủ các dữ liệu cần thiết, như chức tước, danh tính người công đức, đơn vị hành chính, niên biểu thiên tăng và các sự kiện lịch sử khác.

Nhìn chung, xem xét trong nội bộ văn bia Phật giáo xứ Quảng vẫn

giáo vốn đã căn cỗi, mất hết sinh khí. Mặt khác, nhìn lại quá trình lịch sử Việt Nam thời Nguyễn cho thấy, đây là thời kì xã hội chất chứa đầy bất ổn, khủng hoảng và cuối cùng rơi vào loạn lạc, bị thực dân phương Tây xâm lược. Tình hình đó gây tác động đến mọi mặt đời sống xã hội, trong đó có sáng tạo văn hóa

Hy vọng rồi đây, chúng tôi sẽ có thêm nhiều cứ liệu văn bia không riêng gì Phật giáo mà gồm nhiều loại hình khác nữa, thuộc thế kỉ XVIII ở khu vực xứ Quảng nói riêng, vùng đất thuộc Đàng Trong nói chung, để giải đáp cụ thể mỗi nghi vấn đặt ra.

**Chú thích:**

- \*Tiến sĩ Lê Xuân Thông - Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ (Đà Nẵng).
- \*\* Thạc sĩ Đinh Thị Toan - Nhà Trung bày Hoàng Sa (Đà Nẵng).
- [1] Hà Văn Tấn (cb) (2002), *Khảo cổ học Việt Nam*, Tập III, Khảo cổ học lịch sử Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.285-289.
- [2] Lê Đình Phụng (1987), “Tìm hiểu nghệ thuật trang trí bia đá thế kỉ XVIII”, *Khảo cổ học*, Số 2, tr.57-65; Đinh Khắc Thuân và Tổng Trung Tín (1989), “Nghệ thuật trang trí bia đá thời Tây Sơn - mấy ghi chép ban đầu”, *Khảo cổ học*, Số 1, tr.12-19.

... của Phật giáo An Quảng, văn bia thời Nguyễn mang những đặc điểm hoàn toàn khác biệt với văn bia thời chúa Nguyễn. Về kiểu dáng, là kiểu trán vuông vai vát hoặc không có trán. Về đề tài, hình tượng rỗng với những motif rỗng châu và rỗng đuôi trở thành chủ đạo. Về mặt phong cách trang trí, hoặc là rơi vào khuôn mẫu, xơ cứng hoặc là sự giản lược đến nghèo nàn. Những biểu hiện này, thực ra không nằm ngoài đặc điểm chung mang tính phổ quát của văn bia Việt lúc bấy giờ, không phân biệt loại hình, địa phương, ngoại trừ khu vực kinh đô Huế [1]. Nó phản ánh trung thực hoàn cảnh xã hội đương thời. Đó là sự kiểm tỏa của hệ thống lí luận đẳng cấp, trật tự và lễ nghi Nho giáo, thứ Nho

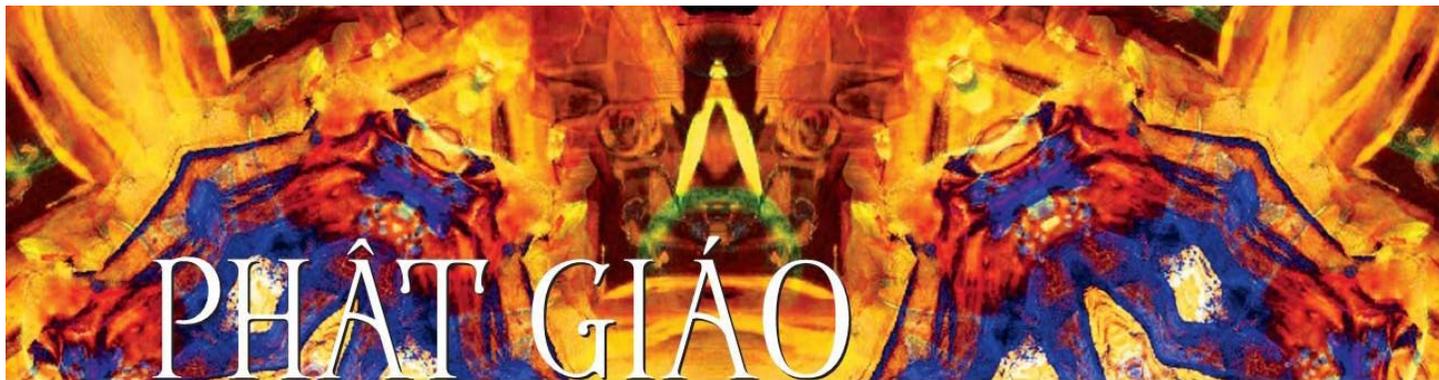
... của Nho giáo.

Từ khoảng cách gián đoạn khá lớn về niên đại, đồng thời là sự khác biệt gần như hoàn toàn về phong cách giữa thời chúa Nguyễn và triều Nguyễn của văn bia Phật giáo Quảng Nam - Đà Nẵng, đã gợi lên mối nghi ngờ về sự tồn tại một giai đoạn văn bia khác nằm giữa hai thời kì, ở khu vực thuộc xứ Đàng Trong. Có thể là giai đoạn từ những thập niên đầu đến cuối thế kỉ XVIII. Thực tế ở khu vực phía Bắc thuộc xứ Đàng Ngoài, nhiều nghiên cứu đã xác nhận sự tồn tại độc lập của văn bia thế kỉ XVIII nói chung trong đó có giai đoạn văn bia thời Tây Sơn, trước khi tiến vào văn bia thời kỳ triều Nguyễn [2].

#### Tài liệu tham khảo

1. A. Sallet (2002), “Núi đá hoa cương (Ngũ Hành Sơn)”, trong *Những người bạn cố đô Huế (B.A.V.H)*, Tập XI, 1924, Nxb Thuận Hóa, Huế.
2. Đỗ Bang (2008), “Phố cảng Hội An: Thời gian và không gian lịch sử”, *Kỷ yếu hội nghị khoa học về khu phố cổ Hội An (23-27/1/1985)*, Trung tâm Quản lý bảo tồn di tích Hội An, Quảng Nam.
3. H. Cosserat (2001), “Chùa Long Thủ ở Tourane”, trong *Những người bạn cố đô Huế (B.A.V.H)*, Tập VII, 1920, Nxb Thuận Hóa, Huế.
4. Lê Đình Phụng (1987), “Tìm hiểu nghệ thuật trang trí bia đá thế kỉ XVIII”, *Khảo cổ học*, Số 2.
5. Hà Văn Tấn (cb) (2002), *Khảo cổ học Việt Nam*, Tập III, Khảo cổ học lịch sử Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Lê Xuân Thông (2014), “Ngũ Hành Sơn - Một trung tâm Phật giáo của Quảng Nam - Đà Nẵng thế kỷ XVII”, *Nghiên cứu tôn giáo*, Số 7.





# PHẬT GIÁO

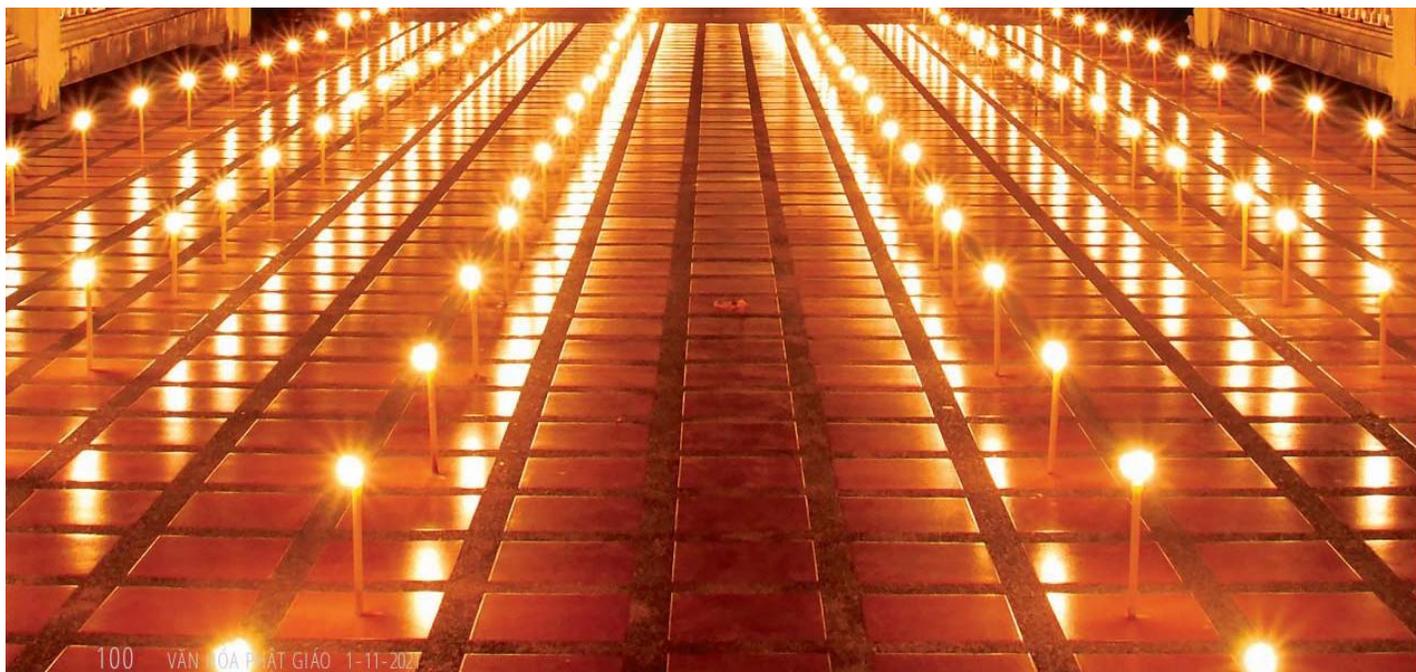
## KHOA HỌC & TRIẾT LÝ

PHẬT GIÁO  
KHOA HỌC & TRIẾT LÝ



# VÔ

Sức mạnh của vô thức hay  
tàng thức là vô cùng lớn,  
không thể tưởng tượng nổi.  
Đó là điều mà Duy thức luận  
gọi là “Nhất thiết duy tâm tạo”  
(tất cả đều là do tâm tạo, tâm  
tưởng tượng ra như thật).



100 VĂN HOÁ PHẬT GIÁO 1-11-2021

# thức

**trong quan niệm của Phật giáo  
và dưới góc nhìn của khoa học**

**BS. Nguyễn Văn Thông**

**VÔ THỨC DƯỚI GÓC NHÌN  
KHOA HỌC**

quyết định. Phán quyết của điện  
nỗn đê: 300 mili giây trước khi họ

giành quyền kiểm soát hành động  
và tư duy của chúng ta. Kể từ

**THỰC NGHIỆM**

Đã từ lâu, cõi vô thức vẫn là một ẩn số đối với khoa học. Gần đây, sau khi đi sâu nghiên cứu, các nhà khoa học cho biết đã đi đến tận cùng của cõi vô thức. Thực hư thế nào, ta thử tìm hiểu xem.

Trong công trình nghiên cứu tiến hành năm 1983, Benjamin Libel, nhà nghiên cứu về sinh lý học thuộc Viện Đại học California, đã mời các tình nguyện viên tham gia một cuộc thử nghiệm. Công việc của tình nguyện viên rất đơn giản, nhấn nút bấm khi họ cảm thấy khỏe, với đòi hỏi duy nhất là ghi chú chính xác thời điểm họ

nhấn nút. 500 mm giây được khi họ có ý định nhấn nút, các vùng vận động tham gia vào hành động này đã được kích hoạt trong não của họ. Nói cách khác, vô thức biết hành động của họ trước khi họ hành động.

Trong khi đó, Sigmund Freud đã thấy vô thức như một thế lực ngầm núp trong bóng tối, một cái tôi khác cùng hiện hữu với cái tôi có ý thức trong con người, che giấu dục vọng bị dồn nén, xung năng của lực sống và cái chết hiện ra một cách hỗn độn. Vô thức và ý thức, hai thế lực riêng biệt, luôn đối chọi nhau thường xuyên để

và tư duy của chúng ta. Kể từ cuộc thử nghiệm của Libel, nhờ vào sự tiến bộ của ngành chẩn đoán hình ảnh học, các nhà khoa học đã hiểu rõ hơn về vai trò của tiến trình vô thức và sự hiệp đồng chặt chẽ giữa vô thức và ý thức.

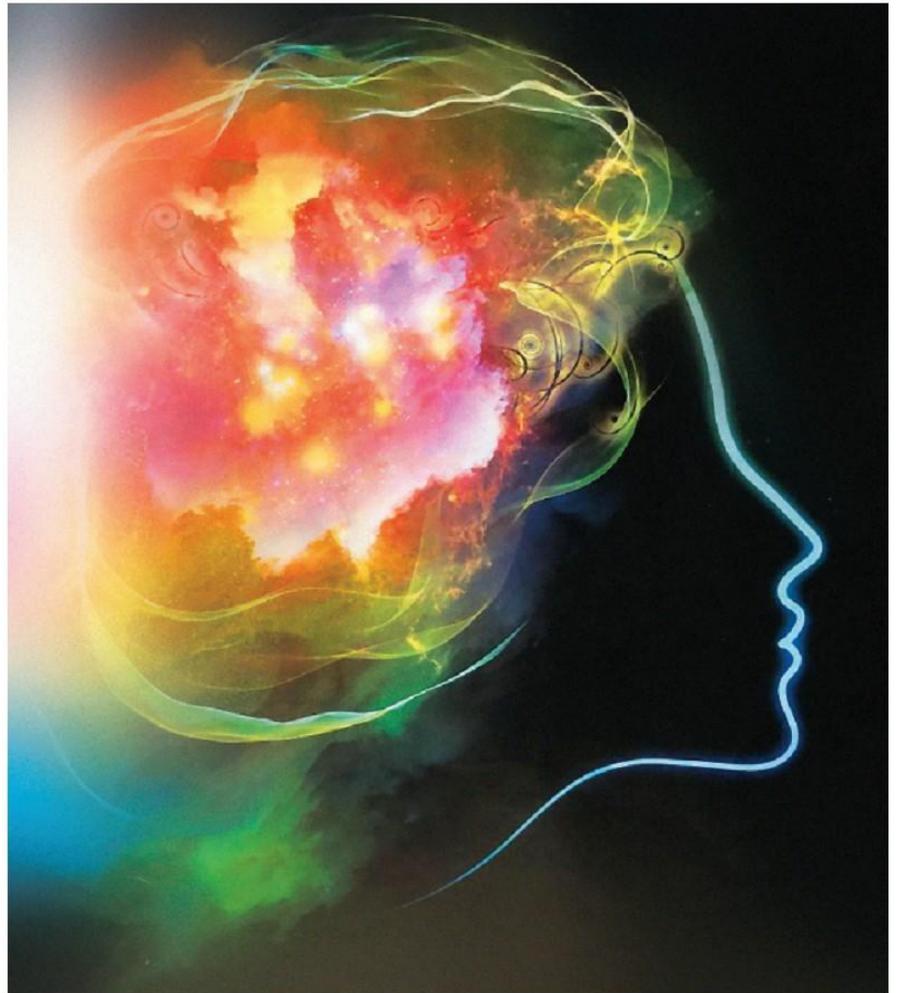
Vào năm 2011, Tiến sĩ Daniel Kahneman, nhà tâm lý học đoạt giải Nobel, đã xuất bản cuốn sách bàn về thuyết hỗ tương giữa hai hệ vô thức và có ý thức. Theo ý ông, hai hệ hoạt động đồng thuận với nhau để điều khiển các hành vi và quyết định của chúng ta. “Hệ 1” hoạt động theo chức năng trực giác và không tự ý, dựa trên

## PHẬT GIÁO KHÒA HỌC & TRIẾT LÝ

sự đa dạng của cơ chế tự động xuất phát từ kinh nghiệm của chúng ta. “Hệ 2” hoạt động chậm hơn, đòi hỏi sự tập trung chú ý và bảo đảm sự liên tục khi “hệ 1” chưa biết xử lý ra sao.

### *Tiến trình vô thức phong phú hóa trí thông minh*

Chỉ một mình vô thức là không đủ. Để minh chứng cho việc này, các nhà nghiên cứu nhận thấy những bệnh nhân bị tổn thương não bộ vẫn cảm cực được nhiều năm nhờ vào tiến trình vô thức mặc dù sự tương tác với thế giới bên ngoài rất hạn chế. Tuy nhiên, nếu hiệp đồng với hệ có ý thức sẽ trở thành một công cụ đáng sợ vì nó có khả năng “thích nghi hóa” thái độ ứng xử của chúng ta với mọi hoàn cảnh. Vì vậy, nhà phân tâm học Sylvie Chokron của CNRS cho rằng: “*tiến trình vô thức đã phong phú hóa trí thông minh của chúng ta*”. Theo bà S. Chokron, tiến trình này vững chắc hơn, xử lý nhanh hơn và ít bị ảnh hưởng bởi các cảm xúc. Dù ta có bị kích động, có bị sợ hãi hay không, chúng chỉ diễn ra trong nội tâm chúng ta mà thôi. Đó là điều khác biệt giữa con người và



robot, dù chúng được thiết kế, lập trình có ý thức thì chúng cũng không thể sánh ngang hàng với chúng ta.

#### *Tận cùng của ý thức*

Nhờ vào những kỹ thuật công nghệ cao và khảo cứu về những tổn thương não bộ, các nhà nghiên cứu đã xác định làn ranh mới giữa ý thức và vô thức. Đó là “chén thánh” của các nhà khoa học, cũng tương tự như vật chất đen giúp khoa học thấy được giới hạn của ý thức và những khác biệt so với vô thức. Với máy chụp

cộng hưởng từ “PET Scan”, các nhà nghiên cứu quan sát được lượng tiêu thụ glucose trong một cơ quan, người ta có thể thấy những gì xảy ra trong khi ngủ, biến dưỡng trong não bộ giảm 40%, nên vô thức chỉ có tính cách tạm thời. Như vậy, ý thức tiêu thụ năng lượng rất nhiều.

#### *Ý thức khu trú ở đâu?*

Không thể xác định được ý thức khu trú ở vùng nào trong não bộ. Theo các nhà khoa học, đó chỉ là cách thức hỗ trợ lẫn

nhau giữa các vùng bị tác động. Năm 2019, các nhà nghiên cứu khảo sát tỉ mỉ hoạt động của não bộ bằng máy cộng hưởng từ chức năng (IRMf) trên 159 người, trong đó 47 người có sức khoẻ bình thường và 112 người tổn thương ý thức. Ở đối tượng bình thường, khớp nối thần kinh đơn giản và nằm ở vùng chạ. Còn ở đối tượng bị tổn thương thần kinh, sự tương tác rất phức tạp và năng động, ảnh hưởng đến 42 vùng nằm ở sâu và cách xa nhau.

#### *Hôn mê là tình trạng nặng nhất của tổn thương ý thức*

Vấn đề này liên quan đến giới hạn giữa hai trạng thái ở những bệnh nhân mà ý thức bị tổn hại. Chẳng hạn trường hợp của cậu thiếu niên Antoine bị tai nạn xe hơi lúc 14 tuổi. Nạn nhân bị chấn thương sọ não, hôn mê trong 3 tuần lễ. Phải mất nhiều tháng cậu mới có biểu hiện của ý thức: Có nụ cười thân thiện, trả lời được những câu hỏi đơn giản bằng cách cử động cánh tay hay chân. Sự việc đó xảy ra cách đây 18 năm. Tiến sĩ Philippe Petit thuộc Hội Chấn thương sọ não cho biết: “*Sự tương tác của cháu ngày càng tiến bộ, hoàn toàn tự thực hiện*”. Có khoảng 2.000 người trong tình trạng tổn hại ý thức vẫn sống sót trong phòng chăm sóc đặc biệt.

Chấn thương sọ não, ngừng tim, tai biến mạch máu não... đều là nguyên nhân của tổn hại ý thức. Hôn mê là tình trạng nghiêm trọng nhất: bệnh nhân có vẻ như đang ngủ nhưng không thể thức tỉnh được. Thông thường bệnh nhân có thể hồi tỉnh hoặc đi đến tử vong hoặc lung chùng giữa hai trạng thái: bệnh nhân mở mắt,

#### **NHỮNG LIỆU PHÁP TÁC ĐỘNG ĐẾN VÔ THỨC**

Thôi miên, chuyển động nhãn cầu, thiền... Các liệu pháp này mang lại những cách thức mới trong điều trị các chứng đau nhức. Vô thức ảnh hưởng rất lớn đến nội tại, đè nặng lên cuộc sống của chúng ta. Vì vậy, phân tâm học dựa trên lời nói để làm sáng tỏ vô thức.

#### *Thôi miên chữa trị lo âu và giúp cai nghiện*

Các bạn đừng bận tâm đến những show diễn trên truyền hình mà trong đó các ảo thuật gia điều khiển những con chuột bạch thực hiện các động tác trước công chúng. Thôi miên theo kiểu Erickson ngày càng được ưa chuộng để làm giảm nhẹ các cơn đau, giảm căng thẳng hay giúp cai nghiện. Thôi miên không phải ảo thuật mà là thủ thuật hỗ trợ bác sĩ kiểm soát được vô thức của chúng ta. Theo TS. Jean-Mac Benhaiem, thôi miên có mục đích làm biến đổi nhận thức người bệnh đối với tình huống gây ra sự sợ hãi, lo âu cho bệnh nhân như: vấn đề hút thuốc, áp lực công việc đè nặng hay sợ các con vật như

Vào năm 2016, ekip của TS. David Spiegel ở Viện Đại học Stanford, bằng cách khảo sát dưới máy cộng hưởng từ hạt nhân, đã phát hiện ra chức năng của não bộ bị biến đổi dưới tác dụng của thôi miên. Hoạt tính của vùng chịu tác dụng thôi miên thì tín hiệu nhận được bị sụt giảm, nghĩa là bệnh nhân không còn tương tác với môi trường bên ngoài, ngoại trừ giọng nói đều đều của bác sĩ thôi miên. Một sự rối loạn não bộ khiến cho não dễ cảm thụ với ám thị thôi miên. Nhà thôi miên lặp đi lặp lại bằng một giọng nhỏ nhẹ đều đều với người bệnh rằng: “*hút thuốc có hại cho sức khỏe, hút thuốc làm mất vị giác*”. Một khi ra khỏi trạng thái này, người bệnh cảm thấy không còn nhu cầu hút thuốc nữa. Tuy nhiên đây là một liệu pháp không mấy phổ biến bởi vì 1/3 dân số kém nhạy cảm với thôi miên.

#### *Thiền chữa trị stress*

Người ta thường gào la khi giận dữ hay sử dụng chất kích thích như: bia, rượu để làm giảm stress... phần lớn phản ứng của chúng ta được thực hiện một cách tự động. Theo TS. Francois Bourgoignon, thiền giúp chúng ta

nhắm mắt khi ngủ và không phải thở máy. Tuy nhiên tính tương tác với ngoại giới vẫn còn hạn chế, bệnh nhân tỉnh nhưng không có ý thức. Do một lượng lớn tiến trình tự động vẫn còn tồn tại như thức tỉnh, hay nhịp thức-ngủ được điều khiển bởi thân não. Thân não nằm rất sâu trong não bộ có thể giúp bệnh nhân sống đến hàng chục năm. Vì vậy, bác sĩ phân biệt hai tình trạng: có ý thức tối thiểu (hay còn gọi tương tác nghèo nàn) và sống thực vật mạn tính. Khả năng hồi phục rất khó.

nhện, gián...

Để thực hiện điều này, bác sĩ thôi miên đưa bệnh nhân vào trạng thái mà ý thức bị biến đổi, nằm giữa thức và ngủ. Trong thời gian đầu, bác sĩ tạo ra một trạng thái lơ mơ bằng cách tập trung chú ý vào một điểm trên tường hay bằng cách nghe giọng nói đều đều của bác sĩ thôi miên. Người bệnh bắt đầu thả lỏng cơ thể, đặt lý trí sang một bên để tự kết nối lại với cơ thể.

trở về thực tại với những gì đang xảy ra và ngay lúc này. Mục đích là lấy lại ý thức từ những hành vi tự động để không phải chịu đựng hơn nữa và có thể hoạt động trở lại như mong đợi. Để đạt được ý thức hoàn toàn thì phải tập luyện chứ đừng trông chờ vào phép lạ. Chẳng hạn như khởi đầu bằng bài tập “*tập trung chú ý vào một tiêu điểm*” đồng thời phối hợp với hơi thở rồi dần dần sẽ đạt được quán chiếu nội tâm. Trong thời gian luyện tập, có những biến đổi kéo dài xảy ra trong những vùng não

## PHẬT GIÁO KHÓA HỌC & TRIẾT LÝ

có chức năng về chú ý, cảm xúc và ý thức về tự ngã. Những hiệu ứng này không phải chỉ được nhìn thấy trên não bộ: Vào năm 2018, các nhà nghiên cứu người Úc đã nhận thấy nồng độ Cortisol (hóc-môn liên quan đến stress) giảm xuống ở những người thực hành thiền đều đặn. Thiền cũng là liệu pháp được chọn trong chữa trị chứng đau, sa sút trí tuệ hay để tăng cường khả năng tập trung chú ý.

### VÔ THỨC THEO QUAN NIỆM PHẬT GIÁO

Tâm dưới dạng vô thức gọi là Bhavanga (còn gọi là Tâm hộ kiếp) tương đương với A-lại-da thức trong *Duy Thức Luận*. Bhavanga gồm những khoảnh khắc không có những cảm xúc khi không tư duy, khi không có tâm bất thiện và tâm thiện. Những khoảnh khắc đó có tâm không? Vẫn có tâm nếu không sẽ không có đời sống, loại tâm sanh và diệt ở những khoảnh khắc đó gọi là tâm hộ kiếp (*Bhavangacitta*). Tâm hộ kiếp theo nghĩa đen có nghĩa là “yếu tố của đời sống”. Tâm hộ kiếp duy trì sự liên tục trong một kiếp sống. Sau khi tiến trình tâm-sinh-vật lý diễn ra, thông tin được sao lại và lưu trữ trong Bhavanga thì những

trên bề mặt, còn hoạt động của vô thức rộng lớn hơn nhiều. Khi hữu thức không làm việc, như lúc ngủ thì vô thức vẫn làm việc liên tục không ngừng nghỉ. Có những điều hữu thức không làm được nhưng vô thức lại làm được, như một học sinh ban ngày giải bài toán không ra nhưng ngủ một đêm sáng dậy bỗng thấy ra cách giải.

Theo quan niệm của những nhà tâm lý học phương Tây, vô thức là khái niệm chi các hiện tượng tâm lý, hành vi, cảm nghĩ tồn tại ở một cá nhân mà cá nhân đó không nhận thức được, không diễn tả được bằng ngôn ngữ cho mình và người khác. Đó là hoạt động của hệ thần kinh ngoại hình thấp của con người. Trong trạng thái vô thức, ý thức của con người không hoạt động hoặc hoạt động rất kém. Lúc đó, hệ thần kinh trung ương không kiểm soát về nguyên nhân và hậu quả, không đặt vấn đề có mâu thuẫn hay nghi vấn mà chỉ có mục đích thỏa mãn đòi hỏi của bản năng, hành động xảy ra không có tác động đến không gian và thời gian. Ngược lại, những hành vi có ý thức luôn nằm trong phạm vi trách nhiệm, nghĩa là biết tại sao ta làm điều này và

*bộ trong một giây chỉ có thể phân tích 40 ý tưởng*”. Cho nên vấn đề mà các nhà khoa học đặt ra là 10.999.960 ý tưởng không được não bộ phân tích đó đi đâu và có tác động đến ý thức con người hay không? Do đó, nhà phân tâm học Sigmund Freud mới phát minh ra “*Tầng băng tâm lý*”. Trong đó ông ta cho rằng phần tiền ý thức (trí nhớ và lưu trữ kiến thức) và phần vô thức chiếm đa phần trong tâm tư con người. Vô thức luôn hồi thức, lần áp ý thức để con người có những tư tưởng, lời nói hay hành vi không thể kiểm soát được.

Theo S. Freud, có sự tương quan giữa ý thức và vô thức:

- Ý thức kiểm duyệt và kiểm chế hành vi thúc đẩy bởi vô thức: Vô thức thôi thúc chúng ta thỏa mãn dục vọng cho cái Ta, còn ý thức giúp ta nhận thức thể nào là đúng, thể nào là sai.

- Ý thức có thể hóa giải thông qua vô thức: Vô thức và ý thức liên quan mật thiết với nhau, thiếu một trong hai đều dẫn tới tư duy què quặt. Vô thức đóng vai trò thiết yếu trong quá trình sáng tạo của con người, góp phần tạo nên các thiên tài, vĩ nhân, thần

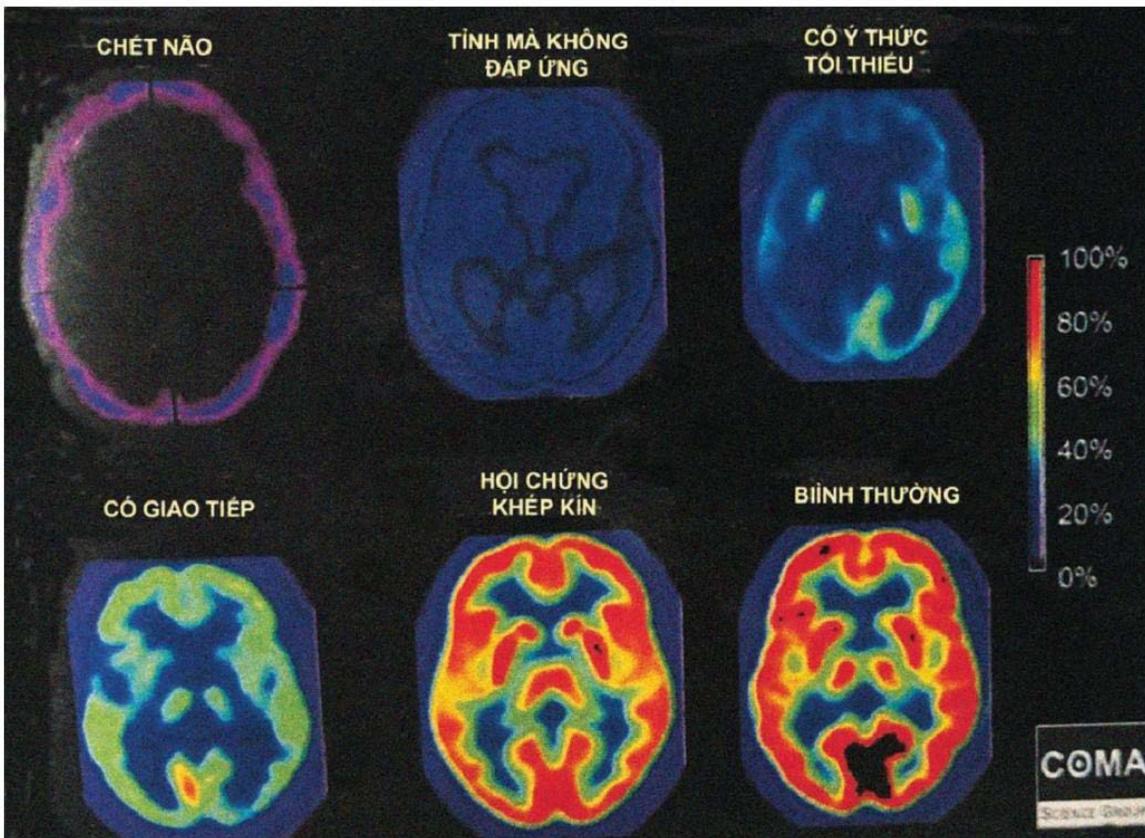
dữ liệu đó thuộc dạng vô thức. Đó là dạng vô thức trong tiềm thức. Còn dạng vô thức thứ hai là những gì diễn ra trong sinh hoạt hàng ngày mà không ý thức được cũng gọi là vô thức. Nhân thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và một số hoạt động của ý thức tuy diễn ra trong cuộc sống hàng ngày nhưng đó vẫn là tâm vô nhân dị thực, nên vẫn xem như vô thức và vô ký. Chỉ khi có ý thức mới gọi là hữu thức. Hoạt động của hữu thức hay ý thức rất hạn hẹp, chỉ

hậu quả về sau ra sao.

Trong cuốn *Strangers to Ourselves: Discovering the Adaptive Unconscious*, Giáo sư Timothy D. Wilson cho biết: “*Cứ mỗi giây, năm giác quan của con người (mắt thấy, mũi ngửi, tai nghe, miệng nếm và thân cảm xúc) tiếp nhận khoảng 11 triệu ý tưởng từ bên ngoài đưa vào tâm. Trong 11 triệu ý tưởng đó thì mắt tiếp nhận hơn 10 triệu ý tưởng để chuyển lên não bộ. Nhưng não*

đồng trong mọi lĩnh vực từ âm nhạc, hội họa, kiến trúc, khoa học cho đến tâm linh...

Có một thí dụ về khoa học: Nhà bác học Mendeleev (1834-1907) đã phát minh ra bảng phân loại tuần hoàn các chất hóa học sau một giấc ngủ. Đây không phải là sự ngẫu nhiên mà là kết quả của công trình nghiên cứu lâu dài của não bộ. Tất cả quá trình nghiên cứu được lưu trữ trong vô thức và đúng thời



**CÓ Ý THỨC HAY VÔ THỨC PET SCAN HIỂN THỊ RÕ RÀNG**

điểm nào đó thì từ trong vô thức những khám phá đó được bộc lộ ra mà ta gọi là phát minh. Nói chung thiên tài thế giới là những người có trực giác rất cao. Họ có

giáo vì Đạo Phật chủ trương khi thần thức mới nhập vào trong noãn bào của người mẹ thì thức (ký ức, kinh nghiệm... của những đời quá khứ tức là A-lại-da thức)

siêu thị, chúng ta thường đòi cha mẹ mua món đồ chơi cho bằng được, nếu không thì khóc lóc, giận dữ... Như vậy, hành động đòi mua quà của đứa bé

khả năng trực nhận tri thức từ vô thức mà tạo ra những khám phá phi thường. Rất nhiều các phát minh sáng tạo khoa học, các luận thuyết khoa học được khám phá nhờ trực giác của những người có trực giác mạnh và nhạy bén.

Khoa học cho rằng vô thức đã có từ khi mới sinh hay ngay khi còn nằm trong bụng mẹ. Điều này rất phù hợp với Phật

đã theo sát đưa bé đó rồi. Vì thế, khi sinh ra có những người rất giỏi về những bộ môn khác nhau là do vậy. Khi lớn lên chúng ta đi học, làm việc thì ý thức đó trở thành vô thức thông qua hoạt động lập đi lập lại từ lúc nào. Sự tích tụ trong ký ức đó nhà Phật gọi là "Uẩn".

*Vô thức có thể chuyển hóa thành ý thức được không?*

Chẳng hạn thườ nhỏ khi vào

là vô thức vì nó không thể ý thức được hành vi của nó mà chỉ đòi hỏi theo bản năng thôi. Nhưng khi lớn lên, ý thức được vấn đề, có sự chọn lựa. Bây giờ, nó mới biết vì sao nó thích, có nên mua hay không. Do vậy, giữa ý thức và vô thức không có ranh giới rõ ràng. Chúng luôn chuyển hóa lẫn nhau và cũng vì mối liên hệ đó, con người quân bình được đời sống tâm linh, không còn căng thẳng. Tóm lại, vô

## PHẬT GIÁO KHÓA HỌC & TRIẾT LÝ



Sau khi bị thôi miên khoảng 30-45 phút, bệnh nhân đi vào trạng thái thức-ngủ, thuận lợi cho sự biểu hiện tâm thần.

thức với tính đa dạng và phức tạp vẫn là vấn đề nan giải, khó hiểu đối với khoa học. Hệ thần kinh như ma trận vẫn còn rất nhiều bí ẩn mà con người không thể nào hiểu hết được.

Theo định nghĩa của nhà phân tâm học Sigmund Freud: "Vô thức là những sự kiện tâm linh cá nhân chìm khuất trong các tổ

*liên tục giữa bản năng với bản ngã và bản năng bị dồn nén lại trong hàng rào kiểm duyệt không cho vượt vùng ý thức được. Nên những xung lực này chỉ biểu hiện phần nào trong giấc mơ và phần lớn trong các chứng loạn thần kinh. Vô thức nằm ở vùng sâu của tâm linh nên không thể thực nghiệm và không thể khảo sát bằng các thủ tục nghiệm thức"*

nớ và lưu trữ kiến thức. Như vậy "trí nhớ" tương ứng với tầng uẩn và "lưu trữ kiến thức" thì thuộc về "thức uẩn".

- **Mức vô thức:** theo Freud thì "mức vô thức" bao gồm "lo sợ, thôi thúc tình dục bị đè nén, các nhu cầu vị kỷ, các trải nghiệm xấu, các đòi hỏi phi lý...". Nói chung tất cả những gì Freud hiểu

nnan, chìm khuất trong góc lơi của tâm hồn và không bao giờ biểu hiện, không thể dùng ý chí để điều khiển được. Vô thức là động cơ tiềm ẩn, có khi trở nên mãnh liệt, thôi thúc hành động đến mức không kiểm soát được, không hợp với lý trí. Vô thức được ví như phần chìm của tảng băng tâm linh, góp phần quyết định trong việc hình thành các khuynh hướng của mỗi cá nhân. Trong cõi vô thức diễn ra cuộc đấu tranh

đang các trac nghiệm được.

Bây giờ, ta thử phân tích “tảng băng tâm lý” của S. Freud để xem nó có những trùng hợp nào với triết lý của Phật giáo không?

**- Mức độ ý thức:** Theo Freud có hai phần là suy nghĩ và nhận thức. Đây tương ứng với thức thứ 6 tức là “ý thức” của Phật giáo.

**- Mức tiền ý thức:** bao gồm trí

chúng tại ca nhưng gì Freud diện tả ở mức vô thức không gì khác hơn những tác ý của hành uẩn. Nhưng Freud chỉ bao gồm những tác ý bất thiện, những tham vọng bất chánh trong khi đó “hành uẩn” của Phật giáo lại còn chứa những tác ý thiện, chân chánh nữa.

Trong khi khoa học hiện nay vẫn còn dò dẫm về ý thức và vô thức thì Phật giáo đã

có nhận định rất rõ ràng sự vận hành của Ngũ uẩn mà trong đó, tất cả những tác ý đều có thể dùng tinh thức chánh niệm để kiểm soát nó. Đức Phật dạy: Thức là tâm vương, là đầu mối cho bất kỳ suy nghĩ, lời nói hay hành động của con người. Còn thọ, tưởng, hành là tâm sở, là những trợ duyên để tâm vương thực hiện ý định đó. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là năm giềng mối bổ túc cho nhau. Nếu không có thọ, tưởng thì không thể có thức. Cũng như nếu không có sắc thì không thể nào có thọ hay tưởng được. Hiểu biết những biến hành của tâm, hành giả có thể làm chủ thân, khẩu, ý thì cuộc đời sẽ không còn hệ lụy khổ đau.

Khi bàn luận về vô thức thì không thể không đề cập đến “Duy thức luận” của Phật giáo vì trong Duy thức luận đã cho thấy một thuyết rất vi diệu về thức và vô thức. Duy thức luận cho rằng nguồn gốc của vũ trụ là tâm hay Phật tánh. Khi có niệm phân biệt nổi lên thì tâm trở thành thức. Vũ trụ vạn vật chỉ là thức mà thôi, nền tảng của vũ trụ là thức chứ không phải là vật chất, vật chất chỉ là vọng tưởng.

Tâm có 8 thức bao gồm :

- Tiền ngũ thức: 5 thức đầu tiên

Tuy phân ra 8 thức như vậy nhưng thực tế chỉ là một và gọi chung là tâm thức. Người đời thường chỉ biết lục căn, lục trần và lục thức gọi chung là 18 giới nhưng không biết Mạt-na thức và A-lại-da thức (tàng thức, vô thức).

Vậy vô thức mà S. Freud đề cập có phải là A-lại-da thức hay không? Chắc chắn là không phải. Vô thức của Freud chỉ là Mạt-na thức mà thôi bởi vì Vô thức mà Freud đề cập là vô thức cá nhân, tương ứng với Mạt-na thức. Học trò của Freud là Carl Jung có đề cập tới vô thức tập thể, đó có thể là A-lại-da. Tuy nhiên có một điều mà cả Freud và Jung đều chưa hiểu, đó là số lượng không có thật (vô lượng) nên mọi phân biệt đều là tương đối, không phải tuyệt đối. *Kinh Hoa Nghiêm* nói: “*Nhất thiết tức nhất, nhất tức nhất thiết*” (Tất cả là một, một là tất cả). Vạn vật dữ ngã nhất thể, chúng sinh bản vô khu biệt (vạn vật là cùng một thể với ta, chúng sinh vốn không phân biệt).

Não bộ con người có khoảng 100 tỷ tế bào thần kinh (nơ-ron). Năm 1920, Wilder Penfield chứng minh được rằng các tế bào Engram nằm trong những vùng nhất định của não bộ có chức năng ghi nhớ. Engram là nhóm

học Karl Lashley đã luyện tập cho chuột một số kỹ năng rồi cắt bỏ những vùng trong não bộ có liên quan đến kỹ năng đó. Song một điều ngạc nhiên là dù cắt bỏ bao nhiêu đi nữa, kỹ năng được luyện tập vẫn tồn tại. Và K. Lashley kết luận: *Trí nhớ không được lưu trữ tại một nơi nhất định mà phân bố trong toàn não bộ*. Vào năm 1960, Pribram, nhà phẫu thuật thần kinh chuyên nghiên cứu sâu về ký ức, nhân đọc một bài báo đăng trên “Scientific American” về cấu tạo của hologram (toàn ảnh) thì ông hiểu rằng não bộ là một toàn ảnh (hologram). Hologram là một ảnh 2D nhưng khi được nhìn dưới những điều kiện chiếu sáng nhất định thì tạo nên một hình ảnh 3D trọn vẹn. Mọi thông tin mô tả vật thể 3D đều được mã hoá trên bề mặt 2D. Như vậy chúng ta có hai thực tại 2D và 3D tương đương với nhau về mặt thông tin. Từ thông tin chứa trong 2D có thể phóng hiện thành hình 3D. Một tính chất quan trọng khác của hologram là nếu chỉ lấy một phần của nó người ta cũng có thể khôi phục được hình ảnh 3D của toàn bộ vật. Thông tin chứa trong vô thức hay tàng thức là dạng 2D. Thông tin này có thể phóng hiện thành thế giới thực tế 3D.

là nền tảng, gồm có : nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức và thân thức.

- Thức thứ 6 là ý thức: cái biết tổng hợp từ thông tin của 5 thức đầu.

- Thức thứ 7 là Mạt-na thức (manas): thức chấp ngã của chúng sinh, của con người.

- Thức thứ 8 là A-lại-da thức (alaya) hay Tăng thức: bao gồm cả bảy thức trước.

tế bào thần kinh hay mạch thần kinh được kích hoạt bởi nhận thức của một số thông tin nhất định. Bộ nhớ phụ thuộc vào điểm kết nối thần kinh giữa các tế bào Engram. Điểm kết nối hoạt động giống như mạch bán dẫn trong con chip tin học.

Tại phòng thí nghiệm sinh học Yerkes, Florida, nhà thần kinh

Từ những nghiên cứu trên, người ta có thể hiểu sức mạnh của vô thức hay tàng thức là vô cùng lớn, không thể tưởng tượng nổi. Đó là điều mà *Duy thức luận* gọi là “*Nhất thiết duy tâm tạo*” (tất cả đều là do tâm tạo, tâm tưởng tượng ra như thật). Vô thức chứa vô lượng thông tin. Phật giáo đã có đóng góp giúp nhân loại hiểu rõ về chính bản thân mình.



# Xin

# lỗi

**TS. DƯƠNG VĂN TOÀN\***

### 1. XIN LỖI LÀ GÌ?

Xin là bày tỏ với ai đó về cái mình mong muốn, mong ước có được. Lỗi là điều gì đó không đúng, không phải mình đã gây ra cho ai đó, mang đến người khác những

từ nội tâm thôi thúc hành động để trở lại chuẩn mực. Như vậy, bản chất của xin lỗi không phải là xấu, nó là điều tốt đẹp từ trong tâm mỗi người, là dấu hiệu nhận biết sự lương thiện, tử tế trong



noi buồn, mat mat, bực bội, kho đau,... Xin lỗi thể hiện sự thành tâm muốn hàn gắn những tổn thất, mát mát để xây dựng cuộc sống tốt đẹp, để người với người sống trong hoan hỷ, an lạc, yêu thương. Xin lỗi có hai yếu tố: có sự xuất hiện một hành vi nào đó lệch chuẩn những giá trị đạo đức, pháp luật gây phương hại đến lợi ích của chủ thể khác và do ý nghĩ

mọi con người chung ta, thể hiện sự trưởng thành về tâm và trí. Xin lỗi không phải là chuyện hơn thua tự đắc theo kiểu con gà tức nhau tiếng gáy, cũng không phải là sự khuất phục quyền uy mà chỉ đơn giản là cách để bạn nâng cao giá trị của bản thân, dân tộc, đất nước bạn trên hành trình đi tới nhân bản, văn minh, hạnh phúc.

## 2. KHI NÀO THÌ XIN LỖI?

Xin lỗi không chỉ xuất hiện ở bình diện cá nhân mà còn ở bình diện to lớn hơn, gia đình, dòng tộc hay cộng đồng đối với hành vi không đúng. Đó không phải là điều xấu, sự hổ thẹn mà là điều nên và phải làm để cuộc sống tốt đẹp như nó vốn có, để người với người sống trong tình yêu thương. Ai đó lập luận rằng tôi không phải là chủ nhân của lỗi lầm đó, không gây ra điều đó, thể hệ tôi không làm ra cái đó. Vì vậy, tôi và thể hệ tôi hiện thời không có trách nhiệm với sai lầm ấy, tôi không cần xin lỗi. Nghe có vẻ hợp lý nhưng như vậy đồng nghĩa với việc bạn phủ nhận họ. Chúng ta có quyền tự hào về những gì thừa hưởng từ thể hệ trước thì cũng không nên thờ ơ trước cái sai, lỗi lầm của họ.

## 3. XIN LỖI CÓ LÀM GIẢM GIÁ TRỊ CỦA BẠN KHÔNG?

Lời xin lỗi nâng bạn lên, bồi đắp thêm giá trị cho bạn. Người với người sẽ hòa khí, dòng tộc sẽ hòa hiếu, xã hội sẽ hòa đồng, quốc gia sẽ có hòa bình khi con người trong cái nôi văn hóa, không gian sống ấy biết nói lời xin lỗi và biết khắc phục sai lầm. Xin lỗi giúp mỗi người bớt đi chút lẩn tẩn trong lòng, thanh thản hơn, vui vẻ và hạnh phúc hơn, khiến cho cuộc đời tốt đẹp trở nên đáng yêu hơn. Tôi từng có lỗi với một bác.

là phá đi sự thiện lương trong cảm xúc của bác ấy, tôi nhận ra lỗi lầm và thật tâm xin lỗi để bác ấy trở về sự vui vẻ thì có gì mà bác ấy không cho. Thêm nữa, bác ấy bảo rằng lời xin lỗi của tôi nó khác biệt, đặt bác ấy vào tình thế không thể không cho, nếu không cho là do bác muốn giữ lại chứ không phải tại tôi. Trong kinh Dhammapada, Đức Phật dạy: *“Dạy người thế nào, tự mình phải hành động thế ấy. Chính mình phải tự giác đầy đủ rồi mới giác tha”*. Vậy nên, sự cấu giện chẳng khác nào mình uống thuốc độc mà mong người ta chết, tha thứ cho người chính là tha thứ cho mình. Đó cũng là cốt lõi tinh thần từ bi hỷ xả mà Đức Phật luôn mong thiện nam tín nữ thực hành.

## 4. VÌ SAO PHẢI XIN LỖI?

Sự khác biệt của con người và con vật không chỉ đơn thuần là có ngôn ngữ mà có lẽ sâu xa hơn là nói những lời hay ý đẹp, những lời nói thật dù cho đó có thể là sự thật đau lòng, trong đó biết nhận lỗi và nói lời xin lỗi là sự thể hiện tôn trọng sự thật, tôn trọng phần người trong mỗi con người. Cái bản ngã muốn tốt cho mình khác với bản thể muốn tốt cho đồng loại, Không Tử bảo: *“kỷ sở bất dục vật thi ư nhân”* (cái gì mình không muốn chớ làm cho người) là vậy. Có lỗi mà không nhận lỗi thì khác gì phường thảo khấu, lấ

## 5. TẠI SAO NHIỀU NGƯỜI KHÓ NÓI LỜI XIN LỖI?

Lời xin lỗi, dù ngắn nhưng không phải là dễ nói. Có khi nó nặng tựa núi vì nó chứa đựng tất cả những giá trị của bạn trong đó. Chúng ta thường lầm tưởng khi nói ra hai từ đó nghĩa là ta mất hết danh dự, nhân phẩm, giá trị của mình, vì thế phải cố gắng níu kéo, quyết không nói ra dẫu trong lòng có ăn năn, dẫu có hơi cúi xuống. Đó là suy nghĩ không đúng. Phải hiểu là sai lầm, kể cả là sai lầm lớn khi nói ra và nói với một tâm thế chân thành thì đó là cách bảo vệ tốt nhất những giá trị bạn có. Xin lỗi chính là chất xúc tác làm cho những giá trị nội sinh của bạn lớn mạnh không ngừng. Cái cúi đầu xin lỗi không làm ta thấp đi so với người đối diện mà nó làm cho ta cao lớn hơn, là cách để ta cao hơn.

Những người không dám nói xin lỗi thực sự là họ vô cùng yếu đuối, sự yếu đuối sâu thẳm trong tâm can, suy nghĩ và lời nói không có thì sao có thể tin vào hành động hối cải của họ? Họ thường che đậy sự yếu đuối bằng cách trốn tránh trách nhiệm, ngụy biện, đổ lỗi cho người khác, cho hoàn cảnh, thậm chí còn dùng cả hành động bạo ngược để tỏ ra mạnh mẽ. Những người đó thật đáng thương và tội nghiệp khi không phân biệt được phải - trái, đúng - sai trong hành động của mình để cho sai lầm nối tiếp những sai lầm, cái mã bên

nét mặt của bác ấy rất “hình sự”, khi đó tôi đã nói: “*bác cho cháu xin lại những buồn bực, câu giận và cả nỗi đau nếu có trong bác mà cháu đã gây ra a!*”. Ngay lập tức bác ấy nở một nụ cười và đồng ý. Bạn sẽ thắc mắc tại sao lại có sự thay đổi như vậy? Cũng đơn giản thôi, tôi gây ra lỗi tức

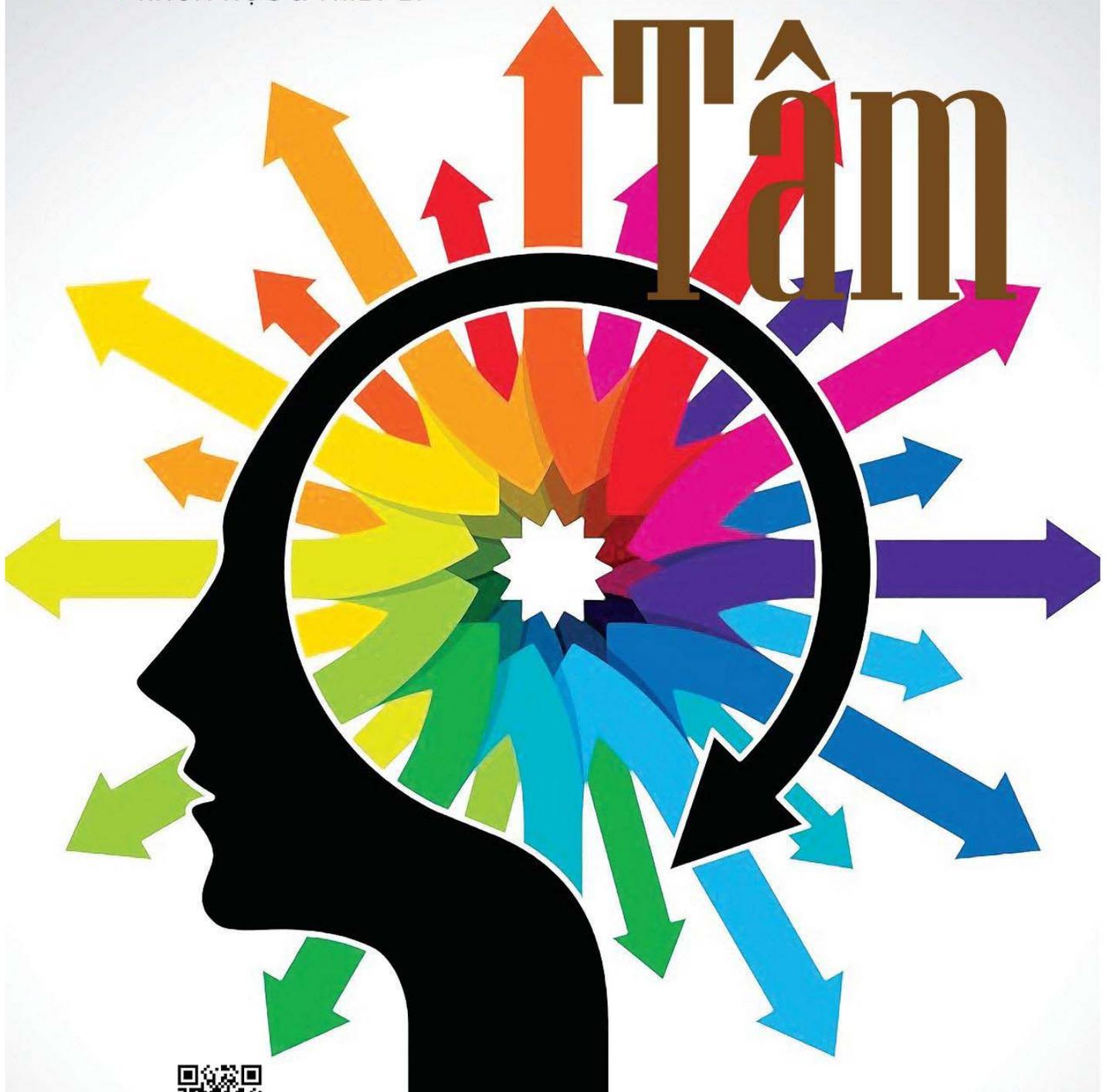
đau thương, mắt mắt của người làm làm niềm vui cho mình? Kề tự đắc mua vui bằng sự khổ đau, chết chóc của đồng loại do mình gây ra giống như cách giới quý tộc La Mã cổ đại để cho những con hồ xé xác nô lệ thì liệu đó có phải là suy nghĩ của con người nhân văn?

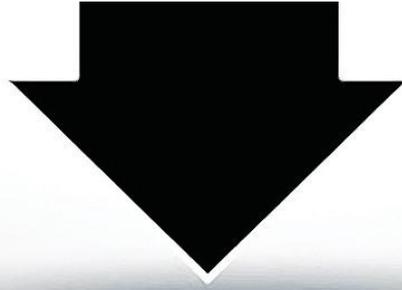
ngoài che đậy cái sơ sài bên trong. Tôi tin rằng những người dám nói lời xin lỗi từ trái tim ra đến lời nói, ánh mắt và nét mặt là những người mạnh mẽ nhất. Vậy nên, đừng ngại nói lời xin lỗi!

**Chú thích:**

\*Tiến sĩ Dương Văn Toàn - Cao đẳng Kiên Giang.

PHẬT GIÁO  
KHÓA HỌC & TRIẾT LÝ





# Lý học

## và các giai đoạn phát triển tâm lý của con người

TÂM LÝ CỦA CON NGƯỜI THAY ĐỔI PHỨC TẠP, PHÁT TRIỂN THEO TỪNG GIAI ĐOẠN TUỔI TÁC. TRONG QUÁ TRÌNH ĐÓ, GIỮA CÁC YẾU TỐ XÃ HỘI, SINH LÝ VÀ TÂM LÝ THƯỜNG XUYÊN TÁC ĐỘNG LẤN NHAU, VAI TRÒ CÁC YẾU TỐ ĐÓ THAY ĐỔI TRONG TỪNG GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA MỖI CON NGƯỜI.

Tạ Hoàng Giang, Lê Thị Quỳnh Hảo, Phạm Văn Vui (\*)

**T**âm lý là hiện tượng tinh thần, là đời sống nội tâm của con người. Mặc dù nói tâm lý diễn ra ở não, nhưng những nhà nghiên cứu đã nghiên cứu kỹ não của các nhà bác học và một số nhân vật nổi tiếng để xem có gì khác biệt không thì đến nay vẫn chưa phát hiện thấy điều gì khác biệt so với não của người thường. Thực tế chúng ta không thể cân đong, đo, đếm trực tiếp tâm lý mà chỉ có thể nghiên cứu thông qua những biểu hiện cá nhân. Tâm lý là một hiện tượng tinh thần gắn gũi, thân thuộc với con người. Tâm lý không phải là những gì cao siêu xa lạ mà

theo thời gian. Mặc dù gắn gũi thân thuộc nhưng con người còn rất nhiều điều chưa hiểu về chính tâm lý của mình, như: hiện tượng của các thần đồng, liệu con người có giác quan thứ sáu hay không,... Điều này giống như tâm lý là một cánh đồng rộng mênh mông mà những gì khoa học tâm lý nghiên cứu được thì còn giới hạn. Tâm lý người có tính chất chủ thể và không ai giống ai vì mỗi người có cấu trúc hệ thần kinh và cơ thể, tuổi tác, điều kiện sống khác nhau.

Tâm lý người là kết quả của quá trình xã hội hoá. Con người chúng ta luôn sống trong xã hội.

to lớn. Năm 1902, nhà bác học Cô-phen-hap, người Đan Mạch, đã làm thí nghiệm trên một tử tù và chứng minh con người có thể tự ám thị, giết chết bản thân chỉ trong một thời gian ngắn. Tâm lý có thể giúp con người tăng thêm sức mạnh, vượt qua khó khăn để đi đến thành công, cũng có thể khiến con người trở nên yếu ớt, bực nhược và thất bại.

### PHÂN LOẠI CÁC HIỆN TƯỢNG TÂM LÝ

Theo thời gian tồn tại và quá trình diễn biến các nhà nghiên cứu chia hiện tượng tâm lý ra làm ba loại: quá trình tâm lý, trạng thái tâm lý

chính là những gì con người suy nghĩ, hành động, cảm nhận... hằng ngày. Tâm lý người phong phú, đa dạng và đầy tính tiềm tàng. Tâm lý phong phú đa dạng do tâm lý mỗi người một khác và hơn nữa tâm lý không bất biến mà luôn biến đổi

chịu sự tác động của xã hội đó và sẽ có chung những đặc điểm của xã hội mà mình sống trong đó; ở mỗi giai đoạn lịch sử của xã hội, xã hội đó có những đặc thù riêng, đặc điểm tâm lý xã hội riêng. Tâm lý có sức mạnh

và thuộc tính tâm lý.

**Các quá trình tâm lý** là những hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian tương đối ngắn, có bắt đầu, diễn biến và kết thúc. Ví dụ: Các quá trình nhận thức như

## PHẬT GIÁO KHÓA HỌC & TRIẾT LÝ

cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng; các quá trình giao tiếp...

**Các trạng thái tâm lý** là các hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian tương đối dài, đóng vai trò làm nền cho các quá trình tâm lý và các thuộc tính tâm lý biểu hiện ra một cách nhất định. Với các trạng thái tâm lý chúng ta thường chỉ biết đến khi nó đã xuất hiện, tuy nhiên thường không biết được thời điểm bắt đầu và kết thúc của chúng. Ví dụ: Trạng thái tập trung, chú ý, lơ đãng, mệt mỏi, vui, buồn, phấn khởi, chán nản...

**Các thuộc tính tâm lý** là những hiện tượng tâm lý đã trở nên ổn định, bền vững ở mỗi người tạo nên nét riêng về mặt nội dung của người đó. Thuộc tính tâm lý diễn ra trong thời gian dài và kéo dài rất lâu có khi gắn bó với cả cuộc đời một người. Ví dụ: Tính khí, tính cách, năng lực, quan điểm, niềm tin, lý tưởng, thể giới quan...

Có thể thể hiện mối quan hệ giữa các hiện tượng tâm lý theo sơ đồ (1).

Các quá trình tâm lý, trạng thái tâm lý và thuộc tính tâm lý không hề tách rời nhau mà luôn ảnh hưởng và chi phối lẫn nhau.

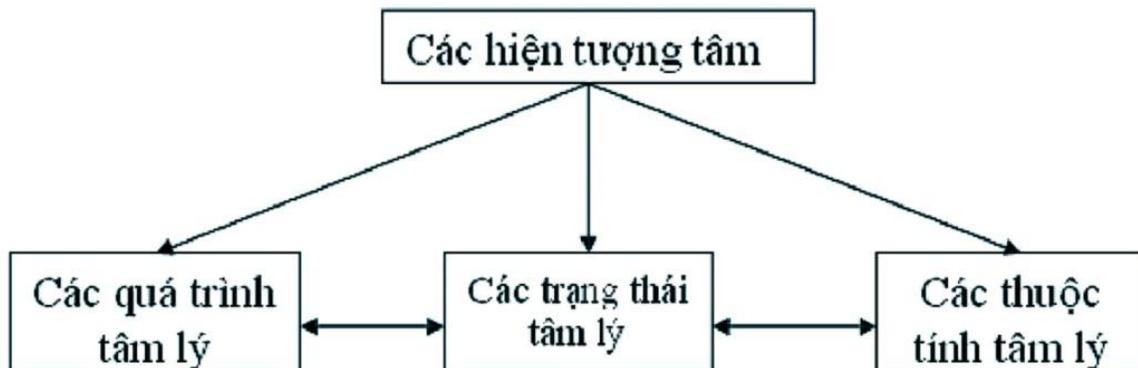
### ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA TÂM LÝ HỌC TRONG QUẢN TRỊ

Tâm lý học quản trị là ngành khoa học nghiên cứu việc ứng dụng tâm lý vào công tác quản trị kinh doanh. Đối tượng nghiên cứu của tâm lý học quản trị là: Sự thích ứng của công việc sản xuất kinh doanh với con người như phân công lao động, đánh giá việc thực hiện, tổ chức chế độ làm việc và nghỉ ngơi hợp lý, đưa yếu tố thẩm mỹ vào sản xuất kinh doanh...

Mối quan hệ “Người - Máy móc”, nghiên cứu việc thiết kế máy móc phù hợp nhất với tâm sinh lý của người sử dụng. Mối

quan hệ của con người với nghề nghiệp bao gồm lựa chọn những người phù hợp với công việc, đào tạo những kỹ năng liên quan đến nghề nghiệp,... sự thích ứng của con người với con người trong sản xuất kinh doanh như bầu không khí tâm lý tập thể, sự hoà hợp giữa các thành viên, mối quan hệ giữa lãnh đạo và nhân viên, tạo động cơ thúc đẩy lao động,... tâm lý tiêu dùng. Những khám phá được tâm lý học quản trị tìm ra có thể sử dụng để thuê những nhân viên giỏi nhất, giảm bớt sự vắng mặt, cải thiện sự truyền đạt thông tin, tăng thêm sự thỏa mãn trong công việc và giải quyết vô số vấn đề khác.

Đời người có tám giai đoạn. Mỗi giai đoạn được đặc trưng bởi một dạng khủng hoảng tâm lý xã hội xuất phát từ sự xung đột giữa nhu cầu của cá nhân và yêu cầu của xã hội. Nếu khủng hoảng này được giải quyết, nó sẽ là tiền đề cho sự phát triển tâm lý của cá nhân



## Sơ đồ (1)

112 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 1-11-2021



Đời người có tám giai đoạn. Mỗi giai đoạn được đặc trưng bởi một dạng khủng hoảng tâm lý xã hội xuất phát từ sự xung đột giữa nhu cầu của cá nhân và yêu cầu của xã hội.

trong giai đoạn tiếp theo. Ngược lại, nếu con người thất bại trong việc giải quyết xung đột đó thì sự thất bại này sẽ gây nên những rối loạn trong những giai đoạn về sau của con người.

Thực tế cho thấy, nếu người già mãn nguyện với những gì họ đã đạt được ở các giai đoạn trước như sự nghiệp, gia đình, con cái,... họ dễ dàng chấp nhận những giảm sút về sức khỏe, thu nhập và vị thế xã hội, cũng không day dứt khi cận kề cái chết. Ngược lại, những người thấy mình chưa làm được nhiều điều, chưa hoàn thành “nghĩa vụ” đối với gia đình và xã hội, khi về già họ thường kém thích nghi với những thay đổi, quá trình lão hóa ở họ diễn ra nhanh hơn và họ thường hối tiếc

Gắn bó và cô lập. Erikson (2012) xem đây là tuổi của yêu thương và lao động (tình yêu nam nữ, tình cảm gia đình, bố mẹ, con cái...), của học hành và nghề nghiệp. Trong giai đoạn này, khả năng độc lập, tự chủ, ý chí nghị lực, tinh thần trách nhiệm của cá nhân là khá cao. Ở lứa tuổi thanh niên này, con người có khuynh hướng tạo mối tương quan với người khác một cách riêng tư và thân mật hơn. Nếu thất bại, người thanh niên sẽ vụng về trong giao tiếp xã hội và khó kết thân với người khác, nhất là những người khác phái. Nếu không có được sự yêu thương, con người có xu hướng cô lập, vị kỷ, tự say mê với chính mình.

#### *Giai đoạn trung niên*

ở lứa tuổi này đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm sống cũng như kinh nghiệm trong công việc. Vì vậy, người ta thường coi đây là giai đoạn của tư duy sáng tạo, của sự hoàn thiện với tính độc lập cao, khả năng tự chủ, cống hiến cho khoa học kỹ thuật cũng như cho gia đình và xã hội. Ở tuổi trung niên, người ta bắt đầu quan tâm đến con người trong xã hội và thế giới hơn là chính mình. Người ta muốn làm hoặc để lại một cái gì cho thế hệ mai sau. Nếu không được phát triển tốt, sẽ có khuynh hướng ích kỷ và quy về cuộc sống cá nhân cho riêng mình hơn là cho người khác. Nếu như cá nhân trong giai đoạn này chưa đạt được các yêu cầu về gia đình, xã hội và

về quá khứ (Erikson, 2009).

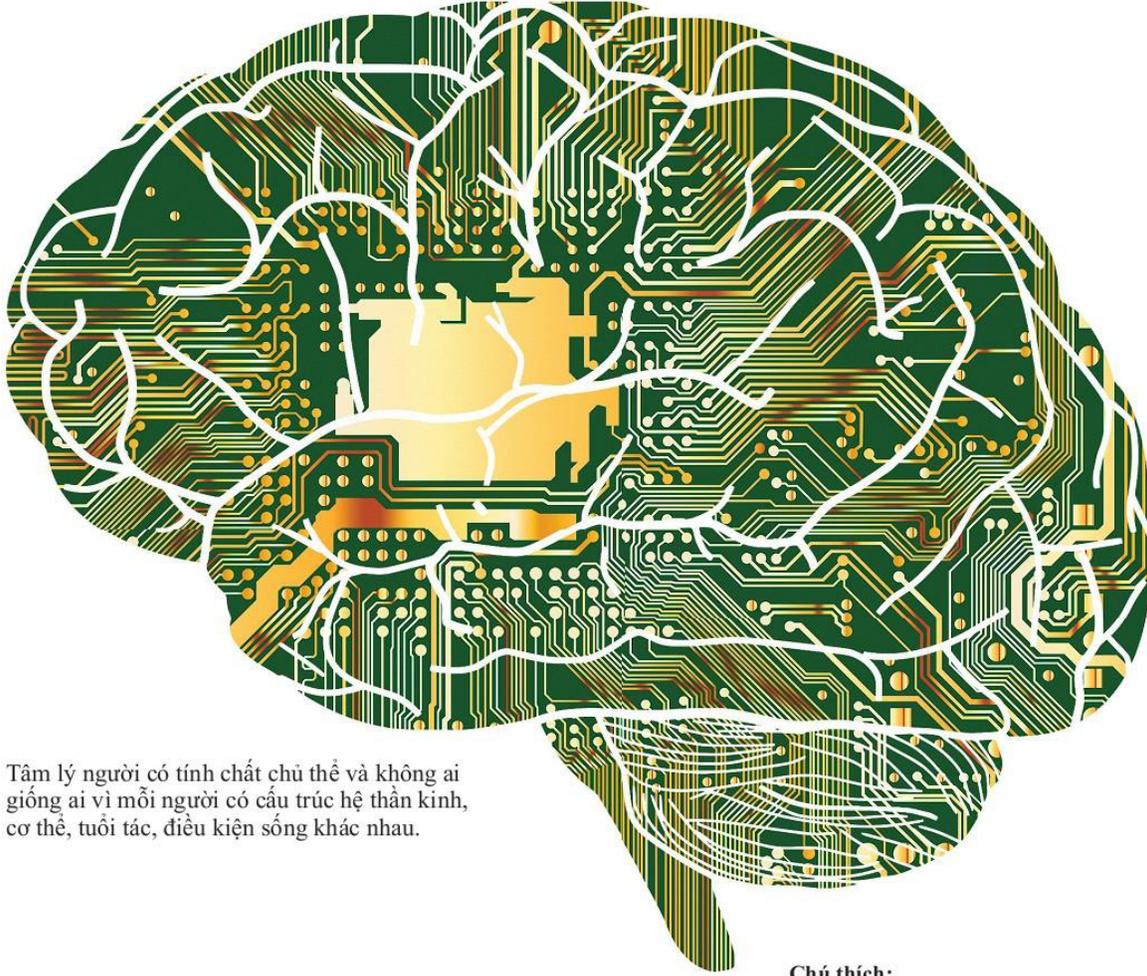
## CÁC GIAI ĐOẠN VỀ PHÁT TRIỂN TÂM LÝ CON NGƯỜI

*Giai đoạn mới trưởng thành:*

Sáng tạo và ngưng trệ. Lứa tuổi trung niên là lứa tuổi mà phần lớn cá nhân đã có sự hoàn thiện về gia đình, nghề nghiệp, quan hệ xã hội. Những người

nghề nghiệp, họ thường rơi vào tình trạng ngưng trệ, có cảm giác như không làm được việc gì quan trọng cho bản thân, gia đình và xã hội.

## PHẬT GIÁO KHÓA HỌC & TRIẾT LÝ



Tâm lý người có tính chất chủ thể và không ai giống ai vì mỗi người có cấu trúc hệ thần kinh, cơ thể, tuổi tác, điều kiện sống khác nhau.

### *Giai đoạn cao niên*

Hoàn thành và thất vọng. Khi đã ở giai đoạn này, con người thường có thay đổi lớn theo hướng giảm sút về sức khỏe, về thu nhập và các mối quan hệ xã hội. Việc con cái trưởng thành, lập gia đình và sống độc lập, hay chuyển từ hoạt động lao động sang nghỉ ngơi để về hưu dễ làm cho họ có cảm giác hụt hẫng, thậm chí cảm thấy cô đơn, lo lắng. Nhìn lại cuộc đời quá khứ, người ta nhìn thấv và cảm

khứ của mình; hai là họ hối hận đau buồn và bất mãn thất vọng về quá khứ của họ. Ngô (2012).

Tóm lại, tâm lý của con người thay đổi phức tạp, phát triển theo từng giai đoạn tuổi tác. Trong quá trình đó, giữa các yếu tố xã hội, sinh lý và tâm lý thường xuyên tác động lẫn nhau và vai trò các yếu tố đó thay đổi trong từng giai đoạn phát triển của mỗi con người. Từ đó, áp dụng tâm lý

### **Chú thích:**

(\*) Tiến sĩ Tạ Hoàng Giang - Trường khoa Du Lịch Trường Đại học Phan Thiết; Tiến sĩ Lê Thị Quỳnh Hào - Giảng viên Khoa Quốc Tế Học Trường Đại học Đà Lạt; Thạc sĩ Phạm Văn Vui - Giảng viên khoa Du Lịch Trường Đại học Phan Thiết

### **Tài liệu tham khảo:**

1. Ian, M, (2014), *Phát triển tâm lý con người*, EDS, Kuala Lumpur, Malaysia. Erikson, E. (2012), *The Life Cycle Completed*. Norton Company.
2. Ngô, P.T, (2012), *Các lý thuyết phát triển tâm lý người*. Đại học sư phạm Hà Nội.
3. Romel, S, (2013), *Phát triển tâm lý con người*. Ifugao State University, Philippines.
4. Tùng, T. T, (2012), *Các lý thuyết tâm*

thấy rõ hơn địa vị của mình trong thế giới. Một là họ chấp nhận sự chết sắp đến như một điều phải đến và hài lòng về cuộc sống quá

vào nhiều lĩnh vực khác nhau như trong vấn đề nuôi dạy con cái, để giúp trẻ có được sự phát triển tốt nhất về cả ba mặt trên.

lý nhân cách.

5. <http://www.ship.edu/~cgboeree/erikson.html>.

6. <http://www.psy.pdx.edu/psicafe/keytheorists/erikson.htm#eval>.

### Những chương trình

# Phật Sự

Online

Thực hiện



BÀN TIN PHẬT SỰ 20H



BÀN TIN PHẬT SỰ TIẾNG ANH



HOÀNG PHÁP ONLINE



ĐỌC LẠI TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO



AN CƯ LẠC NGHIỆP



HƯỚNG DẪN CẮM HOA



CHUYỆN CỦA THIÊN



ĐƯỜNG VÀO NỘI TÂM



NGUYỄN LÂM CON THẢO



PHẬT PHÁP HỎI ĐÁP



PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG



CÂU CHUYỆN BÊN TÁCH TRÀ



ĐỒNG VỌNG PHÁP



NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO



NGƯỜI CON PHẬT



LỜI CON DÂNG PHẬT TRÁNG THÁNG TƯ



TÒA NGÁT HƯƠNG SEN



LỜI PHẬT DẠY



SỐNG NHƯ NHỮNG ĐÓA HOA

Liên Live và đăng tin tức

Chùa Minh Đạo - 12/3 Kỳ Đồng, P.9, Q.3, TP.HCM

Đại đức THÍCH TUỆ TÂN H - 0944 020802

Email: PSOMiennam@phatsuoonline.com

PHẬT GIÁO  
KHÓA HỌC & TRIẾT LÝ

# Đức tính của Bồ tát Quán Thế Âm trong tôn dung của người nữ

ĐD. Thích Phước Tấn

**B**ồ tát Quán Thế Âm (Phạn ngữ: Avalokitesvara) trong tín ngưỡng người Việt là một vị Bồ tát có tâm đại bi - đại từ được đề cập trong kinh văn Phật giáo Đại thừa; và tín đồ Phật giáo Đại thừa đều tin kính Ngài là một vị Bồ tát biểu trưng cho sự thương yêu và cứu độ. Trong văn hóa tín ngưỡng của người Việt thì hình ảnh Bồ tát Quán Thế Âm trong thân tướng người nữ là phổ biến nhất, có lẽ đây là phương thức thờ phượng chính yếu của người Việt đối với đức Quán Thế Âm từ ngàn xưa.

## THÂN TƯỚNG NỮ NHÂN CỦA BỒ TÁT

### Biểu hiện thông qua kinh điển

Bồ tát Quán Thế Âm với đại nguyện tùy duyên hóa độ và cứu giúp, từ đó Ngài tùy cảnh mà hóa thân, vậy nên việc định hình Ngài trong một thân tướng cố định là điều nghe chùng có vẻ phi lý, nhưng có thể nói tâm tư của người Việt chỉ quen gắn liền Ngài với thân tướng người nữ có tôn dung hiền từ bi mẫn của một người mẹ, cũng từ đó mà Ngài còn có tên gọi dân dã là “Mẹ Quán Thế Âm”. Sự kiện này có thể xuất phát từ nội dung kinh văn Diệu Pháp Liên Hoa khi mà Phật thuyết về Bồ tát Quán Thế Âm với đại nguyện: “Đức Phật dạy Bồ tát Vô Tận Ý, thiện nam tử, người ở thế giới nào nên hóa độ bằng thân hình Phật thì Quán Âm đại sĩ biến thể thân hình ấy mà thuyết pháp; ... Những người nên hóa độ bằng thân hình phụ nữ của trưởng giả, cư sĩ, tế quan và Bà-la-môn, thì đại sĩ biến thể những thân hình phụ nữ ấy mà thuyết pháp” [1]. Việc Ngài hóa hiện nhiều thân tướng là điều dễ hiểu, bởi

Bồ tát trong dân gian cũng thường được tôn kính vì tâm đại bi của Ngài. Không gì là Bồ tát không nghe – không gì là Bồ tát không giúp trong hạnh nguyện của

Ngài, và lẽ tất nhiên, sự linh ứng với Ngài không thể nào có được với một tâm tạp nhiễm, với một sự ích kỷ hẹp hòi của người cầu xin.

Chúng sanh có vạn tướng mà tâm tính lại chẳng đồng; như vị lương y tùy bệnh mà cho thuốc, Bồ tát Quán

116 VĂN HÓA PHẬT GIÁO 1-11-2021

Thế Âm cũng vì chúng sanh mà hóa hiện thân tương hợp. Nhưng cũng không phải vô tình mà dân Việt ta lại thường có nhiều thiện cảm với Bồ tát qua thân tướng nữ nhân; và hình ảnh Bồ tát trong sự biểu hiện của tay cầm “tịnh bình và cành dương liễu” đã trở thành biểu tượng che chở như người mẹ hiền trông xa những đứa con ở nhân gian... Lý giải cho biểu hiện này chính là do văn hóa dân ta vốn đề cao người mẹ, người mẹ như linh hồn của con cái, của gia đình và của đất nước.

Nói về “Mẹ” thì theo chiết tự chữ Nôm, “Mẹ (媪) thuộc bộ nữ (女): người đàn bà, ghép với chữ mỹ (美) nghĩa là đẹp hay đức hạnh. Vậy đối với con cái, mẹ (媪) là người phụ nữ đẹp và đức hạnh” [2]. Có thể thấy, về văn tự, đức hạnh của người mẹ cũng đã thể hiện qua lối viết của dân tộc, đó là một người phụ nữ đẹp và đức hạnh, đó là khởi điểm của sự sinh, của dân tộc mà biểu hiện rõ nhất là hình ảnh mẹ Âu Cơ - Tổ Mẫu của dân tộc ta. Với những giá trị cao quý của hình ảnh “người mẹ” như vậy, việc dân ta tôn sùng đức Quán Thế Âm trong đức tướng của người phụ nữ là lẽ tất nhiên, bởi với thân tướng đó, Bồ tát trở nên gần gũi với quần chúng hơn bao giờ hết.

#### **Biểu hiện thông qua tính hồn dung với tín ngưỡng bản địa**

Tính hồn dung giữa tôn giáo ngoại sinh và tín ngưỡng bản địa là một đặc tính quan trọng trong đời sống tâm linh của người Việt. Có thể lý giải, chính sự ôn hòa trong đức tính của người Việt đã tạo nên tính hồn dung này, nhờ đó mà tôn giáo được truyền vào có cơ hội hòa mình và phát triển cùng

định: “Các tôn giáo khi du nhập vào Việt Nam nếu muốn tồn tại và phát triển đều tìm cách bản địa hóa để phù hợp với tâm thức tôn giáo đa thần, có tính phiếm thần của cư dân nông nghiệp” [3]. Vậy nên, việc phổ quát sự phụng thờ



Thân tướng nữ của Bồ tát đã hòa vào hình ảnh người phụ nữ thiêng liêng của dân tộc Việt – đó là “người mẹ” của Tổ quốc từ ngàn xưa.

Bồ tát Quán Thế Âm trong thân tướng người nữ không nằm ngoài biểu hiện của sự hồn dung đó, bởi văn hóa Việt thường đề cao vai trò người phụ nữ trong lĩnh vực tín ngưỡng tâm linh. Sự thần tính hóa thân tướng nữ nhân xuất hiện trong nhiều tín ngưỡng, tôn giáo người Việt, biểu hiện qua tục thờ Nữ thần và Mẫu thần cổ xưa. Về Nữ thần có thể kể đến các vị nữ thần thiên nhiên Mây - Mưa - Sấm - Chớp, sau này kết hợp với tư tưởng Phật giáo để tạo nên thần Pháp Vân, Pháp Phong, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện; về tín ngưỡng nhân thần có biểu tượng nữ thần Âu Cơ là Tổ Mẫu của dân tộc; hệ thống thờ Mẫu Tam phủ có Mẫu thần Thượng Thiên, Thượng Ngàn và Mẫu Thoái; hệ thống Tứ phủ bao gồm thứ tự Mẫu Thượng Thiên, Thượng Ngàn, Mẫu Thoái



Trong văn hóa tín ngưỡng của người Việt thì hình ảnh Bồ tát Quán Thế Âm trong thân tướng người nữ là phổ biến nhất, có lẽ đây là phương thức thờ phượng chính yếu của người Việt đối với đức Quán Thế Âm từ ngàn xưa.

với nền tâm linh Việt, như nhận và cuối là Mẫu Địa Phủ. Điểm đặc

## PHẬT GIÁO KHÓA HỌC & TRIẾT LÝ

biệt của các Mẫu đều có chức năng chủ quản các miền, các địa vực của Tổ Quốc bao gồm: Vùng trời, vùng đất, vùng nước, vùng rừng. Những chức vụ quan trọng này nếu ở thế gian thường giao cho người nam, nhưng trong tín ngưỡng tâm linh lại thuộc về người nữ. Đây là điều rất đặc biệt bởi việc cai quản này đối với người Việt là “... *hết sức quan trọng trong cuộc sống của cư dân nông nghiệp lúa nước*” [4] và nó quyết định đến an ninh lẫn vận mệnh đất nước.

Như vậy, trong nhận thức tâm linh người Việt, người nữ giữ vai trò rất quan trọng. Việc tôn kính Bồ tát Quán Thế Âm với hình tướng nữ không những không hạn chế phẩm chất của Ngài; ngược lại, còn giúp khẳng định tâm thế của Bồ tát trong tâm tư người Việt rất quan trọng và cao quý. Bởi thân tướng nữ của Bồ tát đã hòa vào hình ảnh người phụ nữ thiêng liêng của dân tộc Việt - đó là “người mẹ” của Tổ quốc từ ngàn xưa.

### ĐỨC TÍNH CỦA BỒ TÁT TRONG THÂN TƯỚNG NỮ NHÂN

#### *Tâm bi hùng mạnh như sấm - Lòng từ hiền dịu như mây*

Trước nhất, cần nhìn nhận Phật giáo đã từ lâu dung hợp với văn hóa Việt để trở thành tín ngưỡng của số đông quần chúng và trở thành tôn giáo của dân Việt với bản sắc riêng. Vì vậy, việc hình nhi hạ một hình tượng nào đó trong Phật giáo cũng không ngoài việc tiếp cận và phổ biến Phật giáo một cách đa dạng trong xã hội người Việt. Cụ thể ở đây là việc hình nhi hạ về đức Bồ tát Quán Thế Âm trong biểu tượng của một người nữ, không những vậy, người nữ đó còn là “người mẹ” riêng biệt của dân Việt từ bao đời.

Từ một nhân vật có nghĩa vượt thoát mọi hình tướng của Phật giáo, là phạm trù của hình nhi thượng mang nghĩa “Siêu hình lý tướng”, Bồ tát Quán Thế Âm được dân gian gọi một cách giản dị nhưng rất thiêng liêng là “mẹ”. Cũng chính danh xưng “mẹ” lại rất phù hợp đức tính của Quán Thế Âm với “Tâm bi hùng mạnh như sấm, lòng từ hiền dịu như mây”, người mẹ của sự yêu thương và bảo bọc liên li không bao giờ dứt như mạch nước “trong nguồn chảy ra”. Khi hình nhi hạ Bồ tát với hình ảnh của người mẹ, có thể thấy sự hình dung về Bồ tát trở nên dễ dàng hơn trong nhận thức quần chúng. Đây vừa là công việc nhập thế tích cực cũng vừa là quần chúng hóa đức tin về đức Quán Thế Âm. Bởi nhờ vị thế của một Bồ tát có tầm thế rất quan trọng trong triết học Phật giáo Đại thừa với những kinh điển liên quan mang đậm tính siêu việt, rất khó để quần chúng có thể tiếp cận một cách rộng rãi, nhất là với quần chúng xuất thân bình dân trong xã hội cũ. Hơn hết, khi người Việt tôn kính “người mẹ” như hồn quê linh thiêng, như nước non quý trọng, hình ảnh Bồ tát Quán Thế Âm trong nhận thức người Việt xưa cũng được tôn kính như thế.

Trong dân gian, nếu ai có nguyện ước gì đều đến tôn tượng của Ngài để cầu xin, và Bồ tát trong tư thế đứng lộ thiên với “tay cầm tịnh bình chứa cam lộ thủy” đã là biểu tượng kinh điển trong tín ngưỡng thờ phượng Ngài. Vì lẽ đó, tôn dung Thánh tượng của Ngài được biểu hiện qua nhiều hình trạng như: Quán Âm Tống Tử, Quán Âm Thị Kính,... Những hình tướng này là để phù hợp với từng đức tính của Bồ tát tương ứng với ước nguyện của tín đồ.

Mặt khác, Bồ tát trong dân gian cũng thường được tôn kính vì tâm đại bi của Ngài. Không gì là Bồ tát không nghe - không gì là Bồ tát không giúp trong hạnh nguyện của Ngài và lẽ tất nhiên, sự linh ứng với Ngài không thể nào có được với một tâm tạp nhiễm, với một sự ích kỷ hẹp hòi của người cầu xin. Đó cũng là lý do tín ngưỡng nguyện cầu đến Ngài có lúc bị hiểu lầm là sự dối chác đức tin thấp kém bởi một số người. Trong kinh văn, tâm đại từ - đại bi của Ngài được biểu đạt qua đoạn Phật ngôn, “*Thiện nam tử! Nếu có vô số trăm ngàn vạn ức chúng sanh đang chịu đựng các điều khổ não, hết lòng xưng danh hiệu Bồ tát Quán Thế Âm, Ngài liền lắng nghe theo âm thanh đó mà giải thoát cho hết thảy*” [5]. Điều này xác chứng, muốn được ơn cứu độ của Bồ tát đòi hỏi phải có lòng chí thành tôn kính, nhất nguyện khẩn cầu mới có thể được linh ứng.

Cũng lưu ý, những đức tính từ - bi của Bồ tát đã bao hàm mọi biến thể thân tướng của Ngài. Chỉ là trong văn hóa tâm linh, người Việt thường ưu ái đức tính này của Bồ tát trong thân tướng người nữ.

#### *Những hình ảnh tiếp biến của Bồ tát trong dân gian với đức tính kham nhẫn*

Bồ tát Quán Thế Âm với hạnh nguyện độ sanh vô ngại của mình đã được dân gian tiếp nhận và truyền tụng với những thân tướng khác nhau, điển hình là Bồ tát Quán Âm Nam Hải, Quán Âm Diệu Thiện hay Quán Âm Thị Kính,... Đặc biệt, sự tích Quán Âm Thị Kính được phóng tác thành truyện thơ và lưu hành rộng rãi trong nhân gian. Thị Kính có chồng là Thiện Sĩ. vì bi hàm oan hai chồng mà bà



Bồ tát Quán Thế Âm chính là hiện thân của sự bảo hộ tâm linh toàn diện trong tâm thức của tín đồ Phật giáo và cũng là một phần văn hóa tín ngưỡng trong nền tâm linh của người Việt. (Ảnh: sưu tầm)

phải trải qua nhiều tủi nhục. Trong tích truyện, sau khi chịu oan khuất thì được Đức Phật thọ ký làm đức Quán Thế Âm. Truyện đã lột tả bề khổ cuộc đời nhưng cũng biểu đạt chân lý “khổ tận cam lai” mà Thị Kính đã nhận lãnh.

Hay tích truyện Quán Âm Diệu Thiện nói về cuộc đời của cô công chúa vốn xuất thân hoàng tộc nhưng lại nung nấu ý chí xuất gia, khước từ vinh hoa, chán nơi cung ngọc nhưng lại bị vua cha ngăn cấm việc xuất trần. Trong sự tích, công chúa đã vượt qua vô vàn gian khổ mới có thể tu hành và chứng đắc.

Qua hai sự tích điển hình đó, có thể thấy, ngoài tín ngưỡng và sự cầu xin vào năng lực cứu độ của Bồ tát, dân gian còn có niềm tin mãnh liệt vào những công hạnh tu tập của Ngài. Việc lưu truyền những công hạnh của Ngài qua những hình ảnh

trên đã thể hiện tinh thần học hỏi của tín đồ với Ngài, xem gương hạnh của Ngài qua những hành động và cuộc đời cụ thể là bài học trực quan sinh động để dân gian học theo. Như vậy, tín ngưỡng về Quán Thế Âm Bồ tát không những mang nghĩa nguyện cầu tâm linh mà còn mang ý nghĩa giáo dục thực hành trong quần chúng. Điều đó chứng tỏ tính truyền thông của Thánh hiệu Bồ tát được phổ quát rộng rãi trong nhịp sống tinh thần của nhân dân; đã đáp ứng mục đích “... làm cho con người tiếp nhận cận kề thông điệp và có những hành động tương tự”[6]. Điều này mang tính giáo dục cộng đồng cao thông qua việc tôn thờ Bồ tát trong thân tướng nữ - đó chính là nỗ lực thực hành theo đức tính Bồ tát.

Tóm lại, những đức tính kham nhẫn của Bồ tát được dân gian lưu truyền dưới nhiều biến thể chính

là sự phản ánh ước mơ và khả năng không ngừng vươn lên trong nghịch cảnh của người Việt; cũng như có chức năng xoa dịu những tâm hồn yếu thế và tổn thương bằng chính sự từ bi kham nhẫn của Bồ tát Quán Thế Âm.

### Kết luận

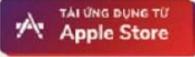
Bồ tát Quán Thế Âm chính là hiện thân của sự bảo hộ tâm linh toàn diện trong tâm thức của tín đồ Phật giáo và cũng là một phần văn hóa tín ngưỡng trong nền tâm linh của người Việt. Danh xưng “Phật Bà” hay là “Mẹ Quán Thế Âm” chính là minh chứng rõ nét nhất thể hiện niềm tin kính sâu xa và mãnh liệt của tín đồ Phật giáo Việt dành cho Ngài. Bất kể Ngài được biểu hiện ở nhiều thân tướng, người Việt vẫn ưu ái tôn thờ Ngài trong thân tướng người phụ nữ. Đó là sự tôn kính cao nhất mà người Việt dành cho Ngài và đức tính của Ngài. Vì chính những thần linh mà người Việt kính ngưỡng từ ngàn xưa đều được tôn xưng là “Mẫu”, và con trai trưởng đi theo Tổ Mẫu Âu Cơ lên núi mới chính là vua đầu tiên của nhà nước Văn Lang. Từ đó mới thấy được giá trị thiêng liêng trong thân tướng nữ nhân của Bồ tát đối với nền tâm linh Phật giáo Việt.

### Chú thích:

- [1] *Kinh Pháp Hoa* (tập 2) Tỷ kheo Trí Quang dịch, Nxb. Văn Hóa Sài Gòn, 2010, tr.1096 - 1099.
- [2] Nguyễn Hạnh, *Văn hóa tín ngưỡng Việt Nam*, Nxb. Trẻ, 2019, tr.99.
- [3] Nguyễn Thị Minh Ngọc, *Đa dạng tôn giáo ở Việt Nam hiện nay - những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Phương Đông, 2016, tr.79.
- [4] Trần Ngọc Thêm, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo Dục, 2000, tr.134.
- [5] *Kinh Phổ Môn* (Đoàn Trung Còn - Nguyễn Minh Tiên Việt dịch và chú giải), Nxb. Tôn Giáo, tr.34 - 35.
- [6] Dương Xuân Sơn, *Các loại hình báo chí truyền thống*, Nxb. Thông Tin Và Truyền Thông, 2016, tr.13.



## HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT MẠNG XÃ HỘI PHẬT GIÁO BUTTA

- 01 Vào trang web <http://butta.vn> từ trình duyệt trên máy điện thoại: 
- 02 Ấn nút  hoặc 
- 03 Ấn nút **NHẬN** hoặc **Cài đặt** tại kho ứng dụng
- 04 Mở ứng dụng  Butta, nhập các thông tin: Họ tên (Pháp danh), Ngày sinh, Giới tính để đăng ký tài khoản
- 05 Xem thêm hướng dẫn tại: <http://butta.vn/huongdan>

# Phật Sự

[www.phatsuonlinetv.com](http://www.phatsuonlinetv.com)

# Online



**QUÉT MÃ CODE**

- Quét mã để xem tất cả các video của Phật sự OnlineTV

  
**quangminh**  
 CANDLE



THƯƠNG  
 HIỆU  
 NẾN



ĐƯỢC  
 YÊU  
 THÍCH  
 NHẤT



**NẾN QUANG MINH**

Đc : 20 Đường Số 4, Khu dân cư City Garden Hills Phan Văn Trị,  
 P.5, Gò Vấp, TP.HCM

Điện thoại : 028 6257 9494 - 0942 835 715



Hotline CSKH  
**0903 955 018**

[www.quangminhcandle.vn](http://www.quangminhcandle.vn)





# Bảo Hải Linh Thông Tự

QUẦN THỂ VĂN HÓA TÂM LINH BÊN VỊNH DI SẢN



